

# Tứ Phần Luật Tỳ Kheo Hàm Chú Giới Bản

*Đường Đạo Tuyên thuật*

*Bản Việt dịch của Thích Thọ Phước*

\* \* \*

## Lời Tựa

Tứ phần giới bản là con đường rộng lớn mở ra muôn hạnh, là phép tắc chân chính dẫn dắt Ba thừa.[1] Từ khi đấng Pháp Vương xuất thế kế hợp thời cơ, tùy nhân duyên cứu độ chúng sanh, Ngài thể hiện lòng xót thương của bậc thượng thánh, đồng thời cũng buồn tiếc cho sự chìm đắm của hàng tiểu phàm.

Cho nên, mới mở ra môn Bất hủý[2], chỉ bày thuật sâu màu bí mật[3], giảng giáo môn 'Vô vấn tự thuyết', hiển rõ con đường thẳng tắt cho người mới học. Do đó, ở nơi vắng vẻ Ngài hưng khởi cội nguồn giáo này, tập chúng để nêu ra phép tắc nhiệm mầu. Trước nói nguyên do, trình bày rộng về công phát khởi; sau nêu ra tông chỉ chính, bao trùm hết thảy mọi căn cơ. Do căn cứ theo thời mà giảng nói hạnh chung, thế là đại chúng tuân hành, hòa hợp, thanh tịnh đồng lắng nghe, nhờ đó chính pháp mới tồn tại dài lâu. Chỉ vì, ba thời đến không tranh cạnh, tình chấp thì biến chuyển, kinh lại dẫn chuyện mộng thấy tấm lụa;[4] luật thì nêu thí dụ cây gậy gãy[5], làm cho giáo tùy theo văn mà phân chia, lí thuận theo tình mà đổi thay. Do đó, hai bộ, năm bộ khác nhau như mây bay lớp lớp; mười tám

bộ, năm trăm bộ khác nhau như núi non trùng trùng. Nếu xét đến khởi nguyên chế giới thì đều do tùy chấp tình kiến phân bộ; nhưng nếu xét cho cùng chỗ qui về thì đều thông với chính nghiệp[6].

Đến cuối thời Tào Ngụy (220-265), giới bốn mới truyền vào Trung Quốc.[7] Đến đầu đời Tùy (581-618), thì giới luật đã bị thay đổi nhiều. Trong đó, hoặc có bản vẫn giữ nguyên tiếng Phạn, hoặc đã dịch sang tiếng Hán, hoặc dựa theo ý nghĩa, hoặc căn cứ theo duyên. Song, nếu so sánh đối chiếu các thuyết với nhau thì việc thành tựu thật mờ mịt; dối gạt người trước; che tối người học sau. Về bản tiếng Phạn thì văn và nghĩa trái ngược nhau; còn bản chữ Hán thì văn nghĩa cũng không dung thông. Nếu căn cứ theo luật thì chỉ được phần tông chỉ mà mất phần biện tướng. Theo nghĩa lí mà tìm cầu thì tuy đã hiểu sâu, nhưng vẫn chưa dẹp hết đầu mối tranh luận. Theo duyên mà y cứ thì dường như đều tròn đủ, nhưng chỉ toàn là những kiến giải riêng. Bởi vì chính giới[8], tức những giới điều cấm chế rõ ràng, chỉ có Phật mới ngăn hay cho phép, còn các bậc hiền thánh thì chỉ biết im lặng làm theo. Vì thế, những điều trình bày trong luật luận đều căn cứ theo chính kinh, còn về lời của Phật hay Đại-Tiểu hiền thánh khác thì chưa từng dám suy lường đến. Nay tổng hợp những kiến giải trên thì thấy phần nhiều đều theo ý mình; còn khảo xét lại duyên xưa thì thật chưa có thời gian. Nay vì giới bốn rộng lược khác nhau, văn thì cục hạn, thì nghĩa ẩn kín, nếu áp dụng thì không đúng oai nghi, mà bỏ qua thì không có nơi y cứ. Nếu không biện rõ tướng thì người khó mà nương theo.

Từ thuở nhỏ tôi đã ngưỡng mộ đạo mẫu, lòng tôn sùng khuôn phép thanh tịnh. Ngày trước tôi đã từng đến các đạo tràng giảng pháp ở kinh đô, dốc lòng tìm thầy cầu học và

trải qua nhiều năm miệt mài, chưa một lần rời sách lìa văn, nhưng vẫn cảm khái vì văn nghĩa vẫn còn có chỗ ngăn trệ.

Đến năm Canh Dần, niên hiệu Trinh Quán thứ 4 (630), tôi đi khắp nơi tìm người để luận bàn về Luật tông, nhưng chỉ thấy mọi người luận bàn tạp loạn, chứ chẳng thấy ai suy nghĩ sâu rộng. Lại thấy mọi người chỉ chú trọng việc bàn luận cao xa, còn hành sự dụng thì hoàn toàn không có; vừa mới biết danh từ năm thiên bảy tụ thì đã cho mình là luật sư; hoặc chỉ thuật chỗ hưng phế, hơn kém của giáo và luật, chứ đâu mở được điểm trọng tâm để quyết định chính xác mà tuân theo. Giả như có hỏi đến việc hưng suy của giới luật thì lại khéo nương vào số để giải thích. Nếu gạn đến chứng cứ cốt yếu thì không có văn để minh chứng, chỉ một bề ức thuyết. Hoặc có những bậc thông minh thiên phú, học rộng hiểu nhiều, công hạnh và danh tiếng đều vang xa, nhưng trí dụng thì không có chuẩn tắc, tình chấp cách xa như trời đất. Đó là điều làm lòng tôi còn chưa an, bởi nghĩa phải nương vào pháp để xác định, thì dứt hết mọi tranh luận, vậy cần gì phải nhiều lời?

Nay tôi mạo muội nương vào luật bản, trích đủ từ trong chính kinh,[9] nhưng vẫn nương vào lời Phật giải thích, nên gọi là chú thuật. Văn chỉ có một quyển thì đồng với những bản xưa truyền lại; trì và phạm đều trình bày, nên nay và xưa khác biệt. Như vậy ngõ hầu khiến cho người học đã lâu và người mới học sau đều tu tập, bậc trí người ngu đều tuân theo. Người hiểu biết cạn thì có thể thông hiểu đủ ba phẩm trì luật, người đã rành rẽ thì biết đó chính là một đời giáo hóa của Đức Phật. Nếu nương vào đó để tìm cầu thì thành tựu rất lớn.

Lại nữa, vì mỗi giới đều có duyên khởi, nhưng từ xưa lại vọng truyền và phản bác là không có, nếu không hiểu biết rõ ràng thì rốt cuộc cũng chỉ trở về chỗ hư dối mà thôi. Do đó, tùy mỗi giới mà so sánh dẫn chứng, chọn lấy những điểm cốt yếu mà thêm vào; khiến hiển bày giới tướng, thông thạo thứ bậc; giới nặng, giới nhẹ đều được hiện rõ; đủ để tô thân, bồi đức; đủ để giữ gìn Phật pháp, cứu vãn thời cuộc.

Vì thế, đọc văn thì không nên chọn lấy văn sai lầm; tư duy ý nghĩa thì không nương vào nghĩa các sư khác. Được như vậy thì không chỉ tự mình được Thánh quả vô lậu, mà còn cứu giúp cho những ai có duyên; thế nên mới tự ý đặt bút viết lời tựa này vậy.

Kinh biệt giải thoát khó được nghe

Trải qua vô lượng câu-chi[10] kiếp

Tụng đọc thụ trì cũng như thế

Làm theo lời dạy càng khó hơn.

## **QUYỂN 1**

Là một bộ luật quan trọng trong sáu bộ luật[11] của ngài Nam Sơn, bắt nguồn từ bộ luật của ngài Đàm-vô-đức.[12] Vào cuối đời Đường ở núi Thái Nhứt, sa môn Đạo Tuyên[13] chú thích.

Cúi đầu lễ chư Phật,

Và Pháp, tì-kheo Tăng  
Nay nói pháp tì-ni  
Để chánh pháp còn lâu.  
Giới như biển không bờ,  
Như báu cầu không chán.  
Muốn giữ thánh pháp tài  
Chúng hạp nghe tôi nói.  
Muốn trừ bốn pháp khí  
Và diệt pháp tăng-tàn.  
Ngăn ba mươi xả-đọa,  
Chúng hạp nghe tôi nói.  
Tì-bà-thi, Thức-khí,  
Tì-xá, Câu-lưu-tôn,  
Câu-na, Hàm-mâu-ni,  
Ca-diếp, Thích-ca Văn.  
Chư Thế Tôn, Đại đức,  
Vì tôi nói việc này.

Nay tôi sắp tụng giới,  
Các ngài đều cùng nghe.  
Ví như người què chân,  
Không thể đi lại được.  
Người phá giới cũng vậy,  
Không được sinh trời, người  
Muốn được sinh lên trời,  
Hoặc sinh vào cõi người.  
Phải giữ gìn giới chân,  
Chớ có để sai phạm.  
Như xe vào đường hiểm,  
Phòng rớt chốt gãy trục.  
Phá giới cũng như thế,  
Khi chết lòng lo sợ  
Như người tự soi gương,  
Đẹp, xấu sinh vui, buồn.  
Nói giới cũng như thế,

Tròn, khuyết sanh vui, buồn.

Như hai quân đánh nhau,

Mạnh tiến, yếu rút lui.

Nói giới cũng như thế,

Sạch, như sinh vui, buồn.

Ở đời vua là lớn,

Các dòng, biển là to.

Các sao, trăng là sáng,

Các Thánh, Phật là hơn.

Trong tất cả giới luật,

Giới kinh là hơn hết.

Như Lai lập giới cấm,

Nửa tháng nói một lần.

Bài kệ văn trên do tôn giả Pháp Hộ[14] sáng tác, là bài tựa chung của quảng giáo[15] và lược giáo;[16] cũng là lời khai, trì, hủy trước; là cội gốc để thành tựu hai việc nói và nghe.

Từ hai chữ “hoà hợp” trở xuống là phần chính của hai giáo quang và lược. Trong phần này tự chia làm ba phần: phần tự, phần chính tông và phần lưu thông.

Hỏi: Tăng tập hợp chưa?

Đáp: Tăng đã tập hợp.

Hỏi: Tăng có hòa hợp không?

Đáp: Tăng đã hòa hợp.

– Hòa hợp

Bấy giờ, có các tì-kheo tri thức cùng thầy, khác bộ thuyết giới chung. Mọi nghi thức đều phải tuân thủ, cung kính làm theo, bổ-tát cùng một nơi, hòa hợp nói giới. Nếu làm trái với những điều vừa nêu trên thì mắc tội.

Phật dạy: “Có ba trường hợp hoà hợp: một là đáng đến thì đến; hai là đáng gửi dục thì gửi dục; ba là hiện tiền bị quở trách thì không quở trách”. Nếu trái lại với ba trường hợp này thì phạm lỗi biệt chúng.

– Tăng tập hội

Bấy giờ, có tì-kheo đến ngày thuyết giới, hoặc đang ở trong cương giới, hoặc đang ở trong giới trường nhưng không chịu đến nơi thuyết giới. Phật dạy: “Phải gọi vị ấy đến và nhắc nhở. Đó là lời chỉ dạy của Ta.” Nếu tì-kheo nào đã ra ngoài cương giới, hoặc đã đến nơi thuyết giới nhưng không chịu ngồi thì cứ y như pháp xử trị người đó.



Từ nay trở đi, tùy theo trú xứ, đến ngày thuyết giới, tất cả tì-kheo phải đến nhà bố-tát trước, quét dọn, trải toạ cụ, châm dầu, đốt đèn và chuẩn bị thẻ[17] v.v... nếu có khác tì-kheo khách đến, đủ bốn người, hoặc hơn bốn người thì nên tiến hành tác pháp yết-ma thuyết giới. Nếu chỉ có một người thì nên tâm niệm thanh tịnh. Nếu có người biệt chúng thuyết giới thì nên xử trị đúng như pháp.

Hỏi: Người chưa thọ giới cụ túc đã ra chưa?

Đáp: Trong đây không có người chưa thọ giới cụ túc (Nếu có và đã ra thì đáp: Người chưa thọ giới cụ túc đã ra)

Bấy giờ, có tì-kheo xúi giục tì-kheo khác ngăn việc thuyết giới. Phật đều bảo họ đến nơi không thấy không nghe. Ngoại trừ người chưa thọ đại giới ra, nếu phi nhân[18] đến thì cho phép. Không được ở trước ni chúng mà tác pháp thuyết giới.

Hỏi: Những tì-kheo không đến có thuyết dục[19] và thanh tịnh không?

Đáp: Có người thuyết dục và thanh tịnh.

– Bạch Đại đức Tăng, tì-kheo tên..... vì việc Tăng như pháp, có gửi ý muốn và thanh tịnh cho tôi, tôi đã nhận ý muốn và thanh tịnh.

Thượng toạ nói: Thiện

Người nhận dục đáp: Nhĩ.

Nếu không có người gửi ý muốn thì đáp: Trong đây không có tì-kheo gửi ý muốn và thanh tịnh.

Bấy giờ, đến ngày thuyết giới, có tì-kheo bị bệnh, hoặc người nuôi bệnh và người làm việc cho Tam bảo không đến nghe giới. Đức Phật dạy: "Phải gửi dục và thanh tịnh." Tùy theo từng trường hợp hoặc nói nhiều hoặc nói ít. Nếu không thể hiện bằng thân tướng, hoặc không nói thì việc gửi dục không thành. Hoặc người bị bệnh nặng nếu khiên đến trong tăng thì sợ bệnh nặng thêm. Hoặc ra ngoài đại giới tác pháp, vì không có phương tiện nên có thể được phép biệt chúng tác pháp yết-ma thuyết giới.

Hỏi: Chúng Tì-kheo-ni có sai người đến xin giáo giới không?

Đáp: Trong đây có Tì-kheo-ni đến thỉnh giáo giới.

Hoặc đáp: Trong đây không có tì-kheo-ni đến thỉnh giáo giới.

Đức Phật dạy: "Nếu có thì người đó phải đứng lên và bạch rằng: 'Tì-kheo-ni tăng hòa hợp đành lễ dưới chân tì-kheo tăng.'" Điều này được trình bày đầy đủ như trong bộ San Bồ Yết-ma. Nếu không có người đến thì trả lời rằng: "Không có tì-kheo-ni đến xin giáo giới."

Hỏi: Nay tăng hoà hợp để làm gì?

Đáp: Yết-ma thuyết giới.

Đức Phật dạy: "Đến ngày thuyết giới không một ai được ở trong phòng." Tì-kheo ngồi bên cạnh phải kiểm tra nhau

xem ai đến ai không đến. Phải bạch trước, sau đó mới thuyết giới. Nếu tì-kheo si mê nói trước rằng: `Tôi không thuộc giới, có chỗ bị quên,' thì việc thuyết giới không thành. Phải nương theo người thông thuộc giới, hoặc nương tựa với tì-kheo nắm hạ thuộc lòng giới khiến được lợi ích, hoặc đến y chỉ với tì-kheo khác để học thông suốt lời tựa của giới kinh, cho đến những pháp khác. Khi trở về trú xứ cũ theo thứ tự lần lượt nói tiếp, không nên tụng lại. Nếu không thể tụng được thì chỉ nói pháp, tụng kinh rồi giải tán. Nếu không làm như thế thì như pháp mà trị.

– Đại đức tăng lắng nghe! Hôm nay ngày thứ 15, Tăng bố-tát thuyết giới nếu thời gian thích hợp đối với Tăng, Tăng bằng lòng bố-tát thuyết giới. Bạch như thế!

Phật dạy: “Phải tùy theo pháp luật nhà vua ban, hoặc 14 ngày, hoặc 15 ngày nên theo cách đó mà tính ngày. Hoặc trắng, hoặc đen, mỗi kỳ có 15 ngày, tùy theo tháng mà nói. Nếu có đủ bốn người thì nên làm pháp bạch như thế. Nếu chỉ có ba người, dưới ba người nên tam ngữ thuyết giới.[20]

– Các Đại đức! Nay tôi sắp nói Ba-la-đề-mộc-xoa.[21]

Đức Phật dạy: “Vì người mới thọ giới chưa nghe giới cho nên không biết học gì.” Vì thế Đức Phật cho phép chư tì-kheo tập họp lại một nơi, hòa hợp thuyết giới.

Ba-la-đề-mộc-xoa là giới. Tự giữ gìn oai nghi, trú xứ, hành, căn, đầu mặt, tập các thiện pháp, thành tựu tam-muội, phải kết, phải nói, phải tự nói tội, phải giảng giải, mở bày, lặp lại, phân biệt.

– Chư tì-kheo cùng tụ tập ở một nơi.

Đức Phật dạy: “Những người cùng làm yết-ma thì phải tụ tập tại một nơi, cho đến người đáng trách không trách.” Đó gọi là như pháp. Nếu chúng đông nhiều mà âm thanh nhỏ, e không nghe rõ thì nên thiết tòa cao rồi đứng trên đó mà thuyết giới. Nếu gặp tám nạn và những lý do khác thì tùy thời gian có thể nói tóm lược. Nếu có tì-kheo khách tụ tập ở ngoài cương giới đã lâu, tùy theo số lượng nhiều-ít; khi đó đã nói hết lời tựa của giới kinh mà những người kia nói thanh tịnh thì cho phép được vào cùng nghe giới. Ngoài ra, những trường hợp khác như trong luật đã nói rõ.

– Các ngài phải lắng nghe cho kĩ, nhớ nghĩ cho hay.

Phật dạy: “Phải lắng lòng chuyên tâm nghe pháp.”

– Nếu tự biết mình có phạm thì phải tự phát lồ sám hối.

Phật dạy: “Đó là trường hợp đã phạm nhưng chưa sám hối.” Có hai hạng người trí: đó là người tự biết mình có tội và người biết mình có tội rồi như pháp mà sám hối. Nếu muốn sám hối phải đến trước mặt tì-kheo thanh tịnh nói rõ những tội mình phạm. Như pháp trừ tội xong mới được phép nghe giới. Cho đến có sự nghi ngờ với tội đã phạm, cũng như thế mà nói. Nếu Tăng đều phạm, không có người đáng để sám hối, thì không kể là người biết hay người si, phải bạch sám hối rồi sau mới thuyết giới.

– Nếu không phạm thì im lặng. Vì im lặng nên biết chư Đại Đức đều thanh tịnh.

Phật dạy: “Người không phạm có hai trường: vốn không phạm; hoặc phạm mà đã sám hối rồi .”

– Nếu có người hỏi cũng nên trả lời như thế.

Phật dạy: “Như hai tì-kheo hỏi đáp nhau.”

– Tì-kheo như thế ở trong chúng hỏi đến lần thứ ba, nếu nhớ biết có tội nhưng không chịu sám hối thì mắc tội cố ý nói dối. Phật nói người nói dối thì làm trở ngại đạo pháp.

Phật dạy: “Khi Tăng thuyết giới, im lặng là nói dối nên phạm tội đột kiết la.”

Trở ngại đạo: ngăn ngại tứ thiên,[22] tam không,[23] tứ quả.[24] Phật bảo các thầy tì-kheo: “Giống như biển lớn kia không bao giờ dung chứa xác chết, giả sử có cũng bị trôi dạt ra ngoài. Pháp của Ta cũng như thế, không dung chứa xác chết.”

Tử thi là dụ cho những người không phải sa-môn phạm hạnh mà tự cho mình là sa môn phạm hạnh, phạm giới, ác pháp, bất tịnh, uế ô, tà kiến, che dấu, bên trong đã mục rã, bên ngoài hiện thanh tịnh hoàn hảo. Giống như cây mọc giữa đồng trống, dù ở trong chúng nhưng luôn cách xa chúng, chúng cũng thường xa cách người kia, cho nên người biết sám hối tội mới được nghe giới.

– Nếu tì-kheo nhớ biết mình có tội muốn được thanh tịnh thì nên sám hối. Sám hối thì được an vui.

Phật dạy: “Vì giới học thanh tịnh nên liền được thanh tịnh định, tuệ, gọi là đạt được thiên quả và được an vui.

– Nay chư đại đức! Tôi đã nói lời tựa của giới kinh. Nay hỏi chư Đại đức trong đây thanh tịnh không?(hỏi 3 lần). Chư Đại đức trong đây thanh tịnh vì im lặng. Việc ấy tôi xin ghi nhận như vậy.

Từ đầu đến đoạn này là nói rõ riêng về lời tựa. Còn phần văn sau tức nói rõ về phần chánh tông.

**– Bạch các Đại đức! Đây là bốn pháp ba-la-di[25] trích trong giới, nửa tháng nói một lần.**

## 1. Giới Dâm

### a. Duyên khởi

Một thời, Đức Phật ở tại nước Tỳ-xá-ly. Bấy giờ, Tu-đề-na-tử vì tin Phật mà xuất gia. Một thời gian sau thầy trở về làng cũ rồi cùng với người vợ cũ làm việc bất tịnh. Các tì-kheo biết việc ấy và nói với Tu-đề-na rằng: “Thầy phải ở trong chánh pháp thanh tịnh của Như Lai, đối với pháp dâm dục mà không khởi dục thì mới có thể đoạn trừ lòng khát ái, phá hoại hàng ổ, trừ dứt mọi trói buộc, lòng ái dục đã dập tắt hết thì niết-bàn hiển hiện, tại sao thầy lại làm việc xấu ác như thế?” Vì thế các tì-kheo đem việc ấy bạch Phật. Phật liền cho tập hợp chúng Tăng, Ngài biết đến lúc phải thuyết giới và vị tì-kheo kia tự nhận lỗi rồi. Đức Phật quả trách rằng: “Việc làm của thầy là sai trái, chẳng phải oai nghi, chẳng phải sa-môn, chẳng phải hạnh thanh tịnh, không phải hạnh tùy thuận, việc ấy không nên làm.”

Phật lại bảo các tì-kheo: “Ta dùng vô số phương tiện nói pháp đoạn trừ dâm dục, thoát khỏi sự trói buộc của luyến ái.” Phật lại nói: “Pháp dâm dục này giống như lửa, như

đuốc, cũng giống như dao, như kích.” Đức Phật quở trách như thế rồi nói: “Đây là người si mê, có nhiều hạt giống hữu lậu, là người đầu tiên phạm giới. Nay Ta phải kết giới.” Vì thế Ngài cho tập hợp đại chúng lại nói mười lý do mà Phật phải kết giới.

1. Thống nhiếp trong Tăng.
2. Làm cho Tăng vui vẻ.
3. Làm cho Tăng yên ổn.
4. Người chưa tin làm cho được tin.
5. Người đã tin thì làm cho lòng tin lớn thêm.
6. Người khó điều phục làm cho được điều phục.
7. Làm cho người có hổ thẹn được vui vẻ.
8. Đoạn trừ pháp hữu lậu hiện tại.
9. Đoạn trừ pháp hữu lậu vị lai.
10. Làm cho chánh pháp tồn tại lâu.

Khi chế những giới khác cũng lấy mười điều này làm tiêu chuẩn. Tất cả những giới sau đều lược bớt không nêu mười điều này. Nhưng khi muốn thuyết giới phải nói như thế.

b. Văn giới

Tì-kheo nào, cùng với tì-kheo đồng giới, không hoàn giới, giới sút kém, không tự phát lồ, cho đến loài súc sanh, phạm bất tịnh hạnh; tì-kheo ấy là kẻ ba-la-di, không được sống chung.

### c. Giải thích

– Tì-kheo: Đức Phật nói có tám loại tì-kheo: 1. Danh tự tì-kheo; 2. Tương tự tì-kheo; 3. Tự xưng tì-kheo; 4. Khất cầu tì-kheo; 5. Trước cát tiệt tì-kheo; 6. Phá kiết sử tì-kheo; 7. Thiện lai tì-kheo; 8. Bạch tứ như pháp thành tựu xứ sở tì-kheo.

Trong tám loại tì-kheo này chỉ có trường hợp khi thọ đại giới làm pháp bạch tứ yết-ma, như pháp thành tựu đắc xứ sở, trụ trong pháp của tì-kheo. Đó là ý nghĩa của hai chữ 'tì-kheo'.

– Cùng tì-kheo: Đức Phật dạy: "Nếu có tì-kheo cùng với tì-kheo khác thọ đại giới, bạch tứ yết-ma, cho đến trụ trong pháp của tì-kheo." Đó là nghĩa của ba chữ 'cùng tì-kheo'.

– Đồng giới: Đức Phật dạy: "Ta đã vì hàng đệ tử mà kết giới rồi, thà chết chớ để sai phạm." Trong đây nói cùng với tì-kheo khác nhất giới, đồng giới, đẳng giới. Đó là nghĩa của hai chữ 'đồng giới'.

– Nếu không hoàn giới: Đức Phật dạy: "Nếu có tì-kheo không thích đời sống phạm hạnh thì cho phép vị ấy xả giới hoàn tục trở về nhà. Sau đó, nếu muốn xuất gia lại ở trong Phật pháp tu hành phạm hạnh thì nên độ cho xuất gia thọ đại giới." Vì sao không gọi là xả giới? Hoặc người ấy điên cuồng, hoặc tâm loạn, hoặc thống não, hoặc câm, điếc.



Nếu đến trước những hạng người như thế và những người xung quanh mà cùng nhau nói xả giới thì việc xả giới ấy không thành. Hoặc nói giỡn, hoặc ngủ quên, hoặc người không có trí, hoặc không phải tự nói, hoặc đối trước người không hiểu thì việc xả giới ấy không thành. Nếu nói tôi bỏ Phật, bỏ Pháp, bỏ Tăng, bỏ hòa thượng, bỏ giới luật, tôi thích đời sống tại gia, thì đó gọi là xả giới.

– Giới ồm không tự hồi: Đức Phật dạy: “Thế nào gọi là giới ồm không xả giới? Nếu có tì-kheo thường ôm lòng sầu muộn, không thích đời sống phạm hạnh, chán chường đời sống của một tì-kheo, có ý muốn trở về đời sống tại gia. Liền nói: ‘Tôi nhớ cha mẹ, vợ con, bà con, thôn làng, thành ấp, ruộng vườn và tài sản. Tôi muốn bỏ Phật cho đến bỏ học xứ v.v...’ Nếu có suy nghĩ như vậy rồi nói, nay tôi xả giới. Đó là giới ồm thành xả.”

– Phạm bất tịnh hạnh: Đức Phật dạy: “Đó là pháp dâm dục. Đối với người nam thì có hai đường, đối với người nữ thì có ba đường. Nếu từ đường vào đúng đường, từ đường vào không phải đường, từ không phải đường vào đúng đường. Hoặc mới vừa chạm vào, hoặc vào hết, cho đến vào chừng bằng đầu sợi lông tất cả đều ba-la-di.”

– Cho đến cùng với súc sanh: Đức Phật dạy: “Đó là bộ phận có thể hành dâm.” Có ba đối tượng có thể hành dâm: nhân, phi nhân[26] và súc sanh. Lại có năm đối tượng hành dâm: phụ nữ, đồng nữ,[27] nhị hình,[28] huỳnh môn,[29] nam tử. Nếu tì-kheo có ý dâm dục đến trước những đối tượng kia, hoặc hành dâm trong hai đường, ba đường thì lúc mới vào liền phạm. Nếu có vật ngăn cách cũng phạm. Hoặc hành dâm với người ngủ quên, hoặc xác chết chưa phân hủy, hoặc phần lớn thân thể chưa hư hoại

mà hành dâm nơi hai đường, ba đường thì mới vừa vào liền phạm. Như thế nói rộng ra. Nếu tì-kheo bị oan gia bắt đem trước đối tượng hành dâm cưỡng ép làm việc dâm dục vào hai đường ba đường, lúc mới vào có cảm giác ưa thích thì phạm, không có tâm ưa thích thì không phạm. Trường hợp có vật ngăn cách, không có vật ngăn cách, tất cả giống như trên đã nói. Nếu tì-kheo bị oan gia cưỡng bắt ép làm việc dâm dục mà có tâm ưa thích, không có tâm ưa thích, có vật ngăn cách, không có vật ngăn cách, đều giống như trên đã nói.

– Tì-kheo đố ba-la-di: Đức Phật dạy: “Giống như người bị đứt đầu không thể mọc lại. Tì-kheo cũng như thế, khi phạm giới này rồi thì không trở lại làm tì-kheo như pháp, vì vậy nên gọi là ba-la-di.”

Nếu tì-kheo tìm cách làm muốn làm việc bất tịnh, việc thành thì phạm ba-la-di; không thành thì phạm châu-lan-giá.[30] Hoặc chỉ bày tì-kheo làm việc bất tịnh, nếu người kia làm theo thì người dạy mắc tội châu-lan-giá, nếu người kia không làm theo thì phạm tội đột-kiết-la. Trừ tì-kheo và Tì-kheo-ni ra, nếu chỉ bày cho những chúng khác mà họ làm, hoặc không làm, thì tất cả đều phạm đột-kiết-la.

Hoặc đối với thân thể đã tan rã một nửa, hoặc đã tan rã hết, hoặc giữa hai đốt xương, hoặc ở nơi lỗ đất, hoặc ở nơi lỗ bùn mà làm việc bất tịnh thì đều phạm châu-lan-giá. Hoặc đứng đường, hoặc tưởng là đường, hoặc nghi, hoặc tưởng không phải đường tất cả đều ba-la-di.

Hoặc không phải đường, hoặc tưởng đường, hoặc nghi đường tất cả đều phạm châu-lan-giá. Tì-kheo-ni phạm ba-la-di. Thức-xoa-ma-na, sa-di, sa-di-ni thì phạm đột-kiết-

la. Những ai đã phạm những lỗi như đã nêu thì bị diệt tận.[31] Đây là trường hợp phạm.

– Trường hợp không phạm: Hoặc ngủ quên không hay biết, không thọ lạc, hoàn toàn không có ý dâm.

– Người không phạm: Người đầu tiên khi Phật chưa chế giới, người cuồng si, người loạn tâm, người bị khổ não bức bách.

– Không ở chung: Phật dạy: “Có hai hình thức ở chung: cùng một yết-ma, cùng một nơi thuyết giới. Không được tham dự vào hai việc ấy cho nên gọi là không được ở chung.”

## 2. Giới Trộm

### a. Duyên khởi

Một thời, Đức Phật ở tại thành La-duyệt. Bấy giờ, tì-kheo Đản-ni-ca ngồi thiền trong một am cỏ nơi vắng vẻ. Một hôm, tôn giả vào thành khất thực, khi trở về thì thấy thảo am của mình bị người dõ lấy làm củi. Vì thế, tôn giả liền làm một ngôi thất khác toàn bằng đất nung. Phật biết việc ấy liền cho người đến đập bỏ. Sau đó, tôn giả lại nói dối là vua cho phép lấy tùy ý chặt lấy gỗ. Vì việc này làm cho vị quan giữ cây bị bắt giữ. Sau khi sự việc được làm rõ tôn giả vua, đại thần của vua, nhân dân quở trách và đuổi ra khỏi thôn không cho trở lại. Chư tì-kheo biết được việc ấy bạch Phật. Nhân việc đó, theo như trên Phật chế giới này.

### b. Văn giới

Tì-kheo nào, nơi thôn xóm hay chỗ trống vắng, với tâm trộm cắp, lấy vật không được cho. Tùy theo vật không được cho mà lấy, hoặc bị vua hay đại thần của vua bắt, hoặc giết, hoặc trói, hoặc đuổi ra khỏi nước, rằng “người là giặc, người ngu si, người không biết gì.” Tì-kheo ấy là kẻ ba-la-di, không được sống chung.

### c. Giải thích

– Tì-kheo: Nghĩa như trên đã giải thích.

– Nơi thôn xóm: thôn thì có bốn loại: 1. Bốn phía đều có tường bao; 2. Có hàng rào bao quanh; 3. Có tường và rào nhưng không giáp vòng; 4. Bốn phía đều có nhà.

– Hoặc ở nơi vắng vẻ: tức vùng đất trống và vắng vẻ ở ngoài thôn.

Xứ:[32] là những nơi như: hoặc dưới lòng đất, hoặc trên mặt đất, hoặc để trong xe, hoặc vác trên vai, hoặc trong không trung, hoặc trên móc giá áo, hoặc để trong xóm, hoặc a-lan-nhã,[33] hoặc trên đồng ruộng, hoặc xứ sở,[34] hoặc trên ghe thuyền, hoặc trên sông nước, hoặc qua đò không nộp thuế, hoặc người gửi vật rồi mình chiếm lấy không trả lại, hoặc lấy nước, hoặc lấy dương chi,[35] hoặc lấy hoa quả cỏ cây, hoặc chúng sinh không chân, hoặc chúng sinh hai chân, bốn chân và nhiều chân, hoặc tài sản chung, hoặc cùng giao ước, hoặc dò xét, hoặc giữ gìn, hoặc đường vòng. Đó gọi là xứ.

– Không cho: không phải vật người vất bỏ, hoặc tưởng là vật của người, tưởng có người gìn giữ, tưởng có chủ, không phải vật của mình, dùng tạm, không được sự đồng ý.

– Lấy bằng tâm trộm: lấy bằng tâm trộm thì có năm loại: tâm đen tối, tâm tà, tâm quanh co, tâm sợ hãi, tâm thường muốn trộm của người. Lại có năm cách trộm: quyết định lấy, lấy với tâm sợ hãi, lấy vật của người gửi, thấy lấy liền, lấy vật do người giao lại. Hoặc dựa vào thế lực của người thân, hoặc dùng lời nói thuyết phục làm người cuồng loạn rồi lấy.

– Tù vật không cho mà lấy: vì theo pháp luật của nhà vua; nếu lấy năm tiền, hoặc vật có trị giá bằng năm tiền, nếu lấy những vật có giá trị như thế thì mắc tội chết. Đức Phật theo vương pháp, nếu trộm đủ năm tiền thì phạm tội nặng.

– Hoặc bị Vua: Vua là người được tự do, không bị người khác ràng buộc.

– Đại thần của vua: Đại Thần là những người phụ giúp cho vua.

– Bị bắt, hoặc giết, hoặc trói, hoặc đuổi ra khỏi nước, rằng 'ông là giặc, người ngu si, người không biết gì. Tì-kheo ấy là ba-la-di.

Tì-kheo như trên đã giải thích. Được vật ở các nơi. Nếu trộm đúng năm tiền, hoặc hơn năm tiền thì phạm ba-la-di. Phương tiền trộm thì phạm châu-lan-giá. Nếu trộm dưới năm tiền thì phạm châu-lan-giá. Nếu trộm mà không được thì phạm đột-kiết-la. Dạy người trộm lấy, nếu người kia lấy được vật thì cả hai đều phạm ba-la-di. Nếu người được chỉ bày kia tự ý lấy vật khác, hoặc lấy vật ở chỗ khác, thì người lấy phạm tội nặng, người dạy phạm châu-lan-giá. Nếu người bị sai lấy vật, người bị sai không có tâm trộm, thì

người sai phạm ba-la-di, người bị sai không phạm. Hoặc sai người lấy vật; người được sai lấy trộm, thì người nhận sai phạm tội nặng, người sai không phạm. Tưởng có chủ thì phạm tội nặng, hoặc nghi thì phạm thâm-lan-giá; vật không có chủ mà tưởng có chủ, nghi có chủ thì phạm thâm-lan-giá.

Tì-kheo-ni và bốn chúng v.v... đều giống như giới trên đã nói.

– Trường hợp không phạm: vì tưởng cho mình nên lấy, tưởng mình có, hoặc tưởng đồ vất bỏ, hoặc tưởng của người thân.

– Không được ở chung: nghĩa như trên đã giải thích.

### **3. Giới Sát**

#### **a. Duyên khởi**

Một thời, Đức Phật ở tại thành Tỳ-xá-li. Bảy giờ, Đức Phật dạy chư tì-kheo quán bất tịnh.[36] Các thầy tì-kheo kia tu tập định quán sát rồi, sinh ra nhàm chán thân mạng này, nên mới khen ngợi việc chết, khuyên người chết. Khi ấy, có tì-kheo Nan-đề nhận lời giết người mướn, hàng cư sĩ vô cùng hoảng sợ trước việc làm này. Phật cũng biết được việc đó liền dạy cho chư tì-kheo phương pháp thiền quán. Các thầy tì-kheo thực hành theo và tất cả đều chứng A-la-hán. Nhân đó, Đức Phật quả trách lỗi trước và chế giới này.

#### **b. Văn giới**

Tì-kheo nào, cố ý tự tay dứt sinh mạng người, cầm dao đưa người, khen ngợi sự chết, khuyến khích cho chết, nói: 'Này nam tử ích gì cuộc sống xấu ác này, thà chết còn hơn sống!' Với tâm tư như vậy, dùng mọi phương tiện khen ngợi sự chết, khuyến khích cho chết; ò-kheo ấy là kẻ ba-la-di, không được sống chung.

### c. Giải thích

– Tì-kheo nào, cố ý tự tay dứt: đó là hành động sát hại. Hoặc tự mình giết, hoặc sai người giết, hoặc sai người giết, hoặc sai người đi và về mà giết, hoặc trùng sù[37] mà giết, hoặc sai sù luân chuyển[38] giết, hoặc nhờ người nam giết, hoặc sai người tìm người nam để nhờ giết, hoặc cầu người cầm giao giết, hoặc sai người tìm người cầm dao giết, hoặc thể hiện bằng thân tướng, hoặc miệng nói, hoặc thể hiện qua thân và miệng, hoặc sai người khen ngợi, hoặc sai người đưa thư, hoặc dạy người đưa thư, hoặc giết bằng hàm hổ, hoặc ý phạt,[39] hoặc đưa thuốc, hoặc đưa dụng cụ tự sát và các cách giết khác.

– Mạng người: đoạn từ thức đầu đến thức cuối gọi là đoạn mạng người.

Cầm dao đưa cho người, khen ngợi người chết, khuyến khích người chết: 'Này nam tử! Cần gì đời sống xấu ác này, thà chết hơn sống!' Khởi tâm như thế, tìm nhiều cách khen ngợi người chết, khuyến khích người chết, ò-kheo ấy ba-la-di: nếu giết người bằng những cách như trên mà người không chết thì phạm thân-lan-giá. Hoặc giết phi nhân, hoặc giết súc sinh có trí hiểu được tiếng người, hoặc súc sinh có thể biến hình, phương tiện giết, đều phạm thân-lan-giá; không chết phạm tội đột-kiết-la. Nếu giết súc sinh

có thể biến hình thì phạm ba-dật-đề; thật là người mà tướng là người thì phạm ba-la-di; tướng, nghi không phải người thì phạm thâu-lan-giá. Bốn chúng phạm tướng giống như trên đã nói.

– Trường hợp không phạm: ném dao, gậy, ngói, đá, trúng nhằm làm chết người, hoặc do xây cất phòng xá lỡ rớt cây, đá mà chết, hoặc dìu người bệnh ra vào phòng; tất cả những trường hợp ấy đều không có tâm hại mà người kia bị chết thì đều không phạm.

– Không được ở chung: nghĩa như trên.

#### **4. Giới Đại Vọng Ngữ**

##### **a. DUYÊN KHỞI**

Một thời, Đức Phật ở tại thành Tỳ-xá-ly. Bấy giờ, gặp lúc mất mùa lương thực quý hiếm, các thầy tì-kheo khát thực khó được thức ăn. Khi ấy, có một số tì-kheo an cư bên sông Bà-câu mới khen nhau là đặc pháp của bậc thượng nhân. Nghe vậy, hàng cư sĩ có tín tâm giảm bớt phần ăn của gia đình đem dâng cúng cho những vị ấy. Sau mùa an cư những vị này về thăm Phật, theo thường lệ Đức Phật hỏi việc an cư tu tập trong ba tháng, nhân đó biết được việc kia, vì thế Phật quả trách và chế giới này.

##### **b. VĂN GIỚI**

Tì-kheo nào, thật không sở tri mà tự xưng rằng: ‘Tôi chứng đặc pháp thượng nhân, tôi biết như vậy, tôi thấy như vậy.’ Vào lúc khác, tì-kheo ấy hoặc bị người cật vấn, hoặc không người cật vấn, muốn tự thanh tịnh nên nói như vậy: ‘Tôi



thật không biết, không thấy, mà nói có thấy có biết, nói lời hư dối vọng ngữ,' trừ tăng thượng mạn, tì-kheo ấy là kẻ ba-la-di, không được sống chung.

### c. Giải thích

– Tì-kheo nào, thật không có sở tri: nghĩa là thật không có hiểu biết gì về pháp.

– Tự nói rằng: 'Tôi đắc pháp của bậc thượng nhân...: tự nói có tín, có giới, có thí, có văn, có trí, có tuệ và biện tài hơn người. Pháp của con người là: ấm của con người, giới của con người và nhập của con người. Thượng nhân pháp là: là những pháp có công năng làm cho xuất li, thành tựu đạo quả.

– Tôi đã vào pháp thù thắng của bậc thánh: tự nói tôi có niệm tại thân, nhớ nghĩ chân chính, giữ giới nghiêm mật, có dục, không buông lung, siêng năng, được định, thụ dụng chân chính, có đạo, có sự tu, có tuệ, có kiển, có đắc và có quả.

– Tôi biết điều đó, tôi thấy điều đó: hoặc nói trời, rồng, quỷ, thần đến cúng dường cho tôi. Hoặc nói tôi đắc pháp quán bất tịnh, tứ thiền và tứ không định[40] v.v...

– Vào thời gian khác, người kia hoặc bị người hỏi, hoặc không bị người hỏi, tự muốn được thanh tịnh mà nói rằng: 'Tôi thật không biết, không thấy mà nói biết, nói thấy': ý muốn rồi sau đó hối hận lỗi trước, dùng thật chuyển thành hư. Bởi miệng tạo nghiệp cho nên khi nói xong thì liền mắc tội nặng.

– Trừ tăng thượng mạn: tì-kheo có tâm kiêu mạn tự nói mình đặc đạo nhưng sau đó vị ấy tinh tấn tu hành đắc được quả A-la-hán, sinh tâm phân vân liền đem việc ấy hỏi Đức Phật. Phật dạy: 'Người tăng thượng mạn thì không phạm.'

– Tì-kheo đó ba-la-di: nếu biết việc ấy là không thật mà cố ý nói với người, người nghe hiểu được thì phạm ba-la-di; người kia không hiểu thì phạm thâu-lan-giá. Hoặc ra dấu bằng tay, hoặc sai sứ, hoặc đưa thư, hoặc ra dấu, nếu người kia biết thì phạm cũng như thế. Nếu nói với súc sinh không thể biến hình thì phạm đột-kiết-la. Còn nói với bốn chúng dưới thì giống như trước đã trình bày.

– Trường hợp không phạm: người tăng thượng mạn, hoặc mắc nghiệp báo, hoặc không nói tôi được, hoặc nói đùa, hoặc nói nhanh, hoặc nói mập mờ, hoặc định nói việc này lại nói nhằm việc kia.

– Không được ở chung.

Chư đại đức! Tôi đã nói bốn pháp Ba-la-di. Nếu tì-kheo nào phạm pháp nào trong bốn pháp Ba-la-di thì không được sống chung với chư tì-kheo. Như trước, sau cũng như thế. Tì-kheo đó mắc ba-la-di không được sống chung. Nay hỏi chư Đại đức trong đây thanh tịnh không (3 lần). Chư Đại đức trong đây thanh tịnh vì im lặng. Việc này tôi xin ghi nhận như vậy.

**Chư Đại đức! Đây là mười ba pháp Tăng-già-bà-thi-sa nửa tháng nửa tháng nói một lần, trong giới kinh chép ra.**

## **1. Giới Cố Ý Xuất Chất Bất Tịnh**

## a. Duyên khởi

Một thời, Đức Phật du hành đến thành Xá-vệ. Bấy giờ, tì-kheo Ca-lưu-đà-di vì dục tâm lầy lừng, thân hình tiêu tụy, thầy ở riêng một mình trong một phòng, giường tốt chăn êm, dưới đất thì trải tọa cụ, ăn uống đầy đủ, theo ý thích vọc âm xuất tinh, các căn xướng thích, nhan sắc hồng hào. Các thầy tì-kheo biết được, đem việc ấy bạch Phật. Phật dùng vô số phương tiện quở trách tì-kheo Ca-lưu-đà-di rồi, đồng thời chế ra giới này.

## b. Văn giới

Tì-kheo nào, cố ý vọc âm cho xuất tinh, trừ chiêm bao, tăng-già-bà-thi-sa.

## c. Giải thích

– Tì-kheo: nghĩa như trên.

– Cố ý vọc âm xuất tinh: thật tâm có ý cố làm ra chất bất tịnh. Tiền cảnh thì có sáu trường hợp: hoặc đối với nội sắc, ngoại sắc, nội ngoại sắc, hoặc nước, hoặc gió, hoặc là không. Tùy theo cách làm, nếu xuất chất bất tịnh thì liền phạm.

– Trừ trong mộng: Đức Phật dạy: “Người ngủ với ý loạn động thì có năm lỗi: một là thấy ác mộng; hai là chư thiên không bảo hộ; ba là tâm không vào pháp; bốn là không nghĩ đến tướng sáng và năm là trong mộng bị xuất tinh. Nếu khéo nhiếp ý mà ngủ thì có được năm công đức, tức trái lại với năm điều bất lợi trên.

– Tăng-gia-bà-thi-sa: nếu phương tiện vọc âm mà không bị xuất tinh thì phạm thâm-lan-giá. Tì-kheo tự làm, chỉ bày người làm, nếu xuất tinh thì phạm thâm-lan-giá; nếu không xuất tinh thì phạm đột-kiết-la; Tì-kheo-ni thì phạm ba-dật-đề; ba chúng dưới thì phạm đột-kiết-la.

– Trường hợp không phạm: tất cả những hành động đều không có ý làm xuất tinh.

## 2. Giới Xúc Chạm Người Nữ

### a. Duyên khởi

Một thời, Đức Phật ở tại nước Xá-vệ. Bấy giờ, tì-kheo Ca-lưu-đà-di vì Phật trước đã chế giới, thầy ở trong, ngoài cổng đợi những phụ nữ đến rồi dẫn vào phòng nắm tay, sờ mó; người thích thì cười giỡn, người không thích thì nổi nóng, mắng chửi, nhục mạ. Các thầy tì-kheo đem lỗi ấy bạch Phật. Nhân đó, Đức Phật liền cho tập hợp Tăng và chế giới này.

### b. Văn giới

Tì-kheo nào, với ý dâm dục, cùng người nữ thân xúc chạm nhau, hoặc nắm tay, hoặc nắm tóc, hoặc xúc chạm mỗi một thân phần, tăng-già-bà-thi-sa.

### c. Giải thích

– Tì-kheo: nghĩa như trên.

– Có ý dâm dục: tâm ái nhiễm và ô uế.

– Cùng với người nữ: nghĩa là đối tượng thì có bốn loại: thức, ngủ, mới chết và hỷ hoại một ít phần.

– Thân: từ tóc đến chân.

– Xúc chạm nhau: hoặc nắm, xoa, xoa mạnh, hoặc kéo tới, hoặc đẩy lui, hoặc xoa thuận, hoặc xoa nghịch, hoặc đưa lên, hoặc vuốt xuống, hoặc nắm, hoặc đè, hoặc làm những hành động xúc chạm khác.

– Hoặc nắm tay, hoặc nắm tay, hoặc xúc chạm toàn thể thân phần, tăng-già-bà-thi-sa: nếu xúc chạm bốn hạng người nữ mà có tâm đắm trước thì liền phạm tăng-tàn. Nếu người nữ xúc chạm tì-kheo mà tì-kheo động thân thì cũng phạm như vậy. Nếu không động thân thì chỉ phạm đột-kiết-la. Trước có nhiễm tâm thì phạm thâm-lan-giá; xúc chạm nhau mà có y ngăn cách thì phạm thâm-lan-giá; cả hai đều có y thì đều phạm đột-kiết-la.

Nếu xúc chạm với người hai hình thì phạm thâm-lan-giá. Nếu vì dục tâm mà xúc chạm thân người nam, hoặc y, tọa cụ cho đến tự xúc và xúc chạm súc sinh, tất cả đều phạm tội đột-kiết-la. Tì-kheo-ni thì phạm ba-la-di. Ba chúng dưới phạm đột-kiết-la.

– Trường hợp không phạm: đó là: bị người nắm, xúc chạm người cùng phái, đùa giỡn mà xúc chạm nhau.

### **3. Giới Nói Lời Thô Ác Với Người Nữ**

a. Duyên khởi

Một thời, Đức Phật ở tại nước Xá-vệ. Bấy giờ, tì-kheo Ca-lưu-đà-di đã nghe Phật chế hai giới trước rồi, liền ở trước người nữ khởi dục tâm và nói với người nữ kia những lời thô tục. Các thầy tì-kheo đem lỗi ấy bạch Phật. Nhân đó, Đức Phật quở trách và chế giới này.

## b. Văn giới

Tì-kheo nào, với ý dâm dục, nói lời dâm dục thô ác với người nữ; tùy tiện nói những lời dâm dục thô ác, tăng-già-bà-thi-sa.

## c. Giải thích

– Tì-kheo: nghĩa như trên.

– Với ý dâm dục, với người nữ: người nữ có trí và còn sống.

– Lời thô ác, lời dâm dục: thô ác là không phải phạm hạnh. Lời lẽ dâm dục là nói sự tốt, xấu của hai đường. Hoặc xin, hoặc dạy người xin, hoặc hỏi, hoặc trả lời, hoặc giảng giải, hoặc nói, hoặc dạy, hoặc mắng chửi. Xin, nói: 'Nên cùng với tôi ở nơi hai đường làm việc như thế.' Hoặc lại nói những lời lẽ khác thì cũng nên hiểu như thế.

– Tùy tiện nói những lời dâm dục thô ác, tăng-già-bà-thi-sa: nếu nói lời thô một lần thì phạm tăng-tàn. Cũng tùy trường hợp, hoặc nói nhiều lời, hoặc nói ít lời, nhưng nếu rõ ràng thì mỗi lời đều phạm một tăng-tàn; nếu nói không rõ ràng thì phạm thân-lan-giá. Nếu đưa thư, ra dấu, sai người, làm điệu bộ mà người nữ hiểu được thì cũng phạm tăng-tàn. Nếu người nữ không hiểu thì phạm thân-lan-giá. Ngoài hai đường đại tiện và tiểu tiện ra nói những chỗ khác

thì phạm thâu-lan-giá. Nói lời thô tục với phi nhân nữ, huỳnh môn, nhị hình; nếu họ hiểu thì phạm thâu-lan-giá. Loài súc sinh không thể biến đổi hình dạng; hoặc nói lời tục tĩu với người nam, tất cả trường hợp trên đều phạm tội đột-kiết-la. Nói lời thô tục với tì-kheo-ni thì phạm thâu-lan-giá. Nói với ba chúng dưới thì phạm đột-kiết-la. Cho đến nói với những người ít giới hơn mình cũng phạm tội đột-kiết-la.

– Trường hợp không phạm: Vì nói phép quán bất tịnh, hoặc nói giảng nói luật, hoặc trì kinh, hoặc vì có người hỏi nên trả lời; tất cả đều không có ý dục nên không phạm.

#### **4. Giới Tự Khen Mình Và Khuyến Khích Người Nữ Cúng Dường Sự Dâm Dục**

##### **a. DUYÊN KHỞI**

Một thời, Đức Phật ở trong thành Xá-vệ. Bấy giờ, tì-kheo Ca-lưu-đà-di nghe Phật đã chế ba giới trước, ông mời gọi những người nữ và kéo họ vào phòng rồi tự khen mình và khuyên họ: “Các nàng nên đem sự dâm dục cúng dường cho tôi.” Những người nữ trách mắng tì-kheo Ca-lưu-da-di và cho là điều kì lạ. Các thầy tì-kheo biết được lỗi ấy, liền bạch Phật. Nhân đó, Đức Phật chế giới này.

##### **b. VĂN GIỚI**

Tì-kheo nào, với ý dâm dục, đối trước người nữ tự khen thân mình, nói: “Này cô, tôi tu phạm hạnh, trì giới tinh tấn, tu tập pháp lành; cô nên đem sự dâm dục cúng dường tôi. Đó là sự cúng dường bậc nhất”; tăng-già-bà-thi-sa.

### c. Giải thích

– Tì-kheo nào, với ý dâm dục ở trước người nữ: Người nữ: như trên đã giải thích.

– Tự khen thân mình: nghĩa là khen mình đẹp trai, lịch lãm. Cho rằng tôi thuộc dòng dõi Sát-đế-lợi, là trưởng giả, cư sĩ, đại Bà-la-môn.

– Nói rằng: “Này cô, tôi tu phạm hạnh.”: nghĩa là người siêng năng tu tập xa lìa mọi nhớ uế.

– Trì giới tinh tấn: nghĩa là giữ giới không bị khuyết, không thủng chày, không nhiễm nhớ.

– Tu tập pháp lành: như là thích ở chỗ thanh vắng, đến giờ đi nhất thực, mặc y phần tảo,[41] thực hành pháp dư thực, không ăn phi thời, chỉ ăn một bữa, không ăn nhiều lần, ngồi nơi gò má, ngồi dưới gốc cây, thường ngồi, ngồi bất cứ chỗ nào nếu chỗ ấy không có người ở (tùy tọa), giữ ba y, chúc tụng, ăn nẫu, nghe nhiều, thường nói pháp, giữ luật, ngồi thiền v.v...

– Cô nên đem sự dâm dục cúng dường tôi. Đó là sự cúng dường bậc nhất, tăng già-bà-thi-sa: Nếu khen ngợi mình như thế xong và bảo cúng dường cho tôi, nhưng khi người cúng đến không nói gì đến việc dâm dục thì phạm thâu-lan-giá. Ngoài ra, trường hợp khác đều phạm như những giới trước đã nói.

– Trường hợp không phạm: Nếu tì-kheo nói với người nữ: “Trú xứ này đáng quý bậc nhất, tì-kheo này tinh tấn, giữ giới, thực hành các thiện pháp, các người nên đem thân,



khẩu, ý nghiệp v.v... cúng dường cho vị tì-kheo kia.” Nếu người nữ kia nghĩ rằng vì mình mà khen thân. Hoặc nói luật rồi dần dần đề cập đến việc này. Hoặc người kia cho rằng khen họ, hoặc nói lầm; tất cả đều không phạm.

## 5. Giới Làm Mai Mỗi

### a. Duyên khởi

Một thời, Đức Phật ở La-duyệt-kì. Lúc ấy, có tì-kheo Ca-la, xưa kia là một đại thần nên biết rành rẽ các pháp thế gian. Những gia đình trong thành mỗi khi có hôn sự đều đến hỏi tì-kheo ấy. Bấy giờ, có người muốn kết hôn gặp đối tượng nhưng không biết là tốt hay xấu nên mới đến hỏi tì-kheo Ca-la là sẽ được sướng hay khổ. Hàng cư sĩ biết việc đó chê trách tì-kheo Ca-la. Các tì-kheo bạch Phật. Nhân đó, Đức Phật quả trách rồi chế giới này.

### b. Văn giới

Tì-kheo nào, tới lui bên này, bên kia làm mai mỗi; đem ý người nam nói với người nữ; đem ý người nữ nói với người nam; hoặc để thành vợ chồng, hoặc vì việc tư thông, cho đến chỉ trong chốc lát, tăng-già-bà-thi-sa.

### c. Giải thích

– Tì-kheo: nghĩa như trên.

– Tới lui bên này, bên kia làm mai mỗi: Đó chính là làm cho hai bên kết giao với nhau.

– Đem ý người nam nói với người nữ; đem ý người nữ nói với người nam: Người nữ có hai mươi hạng: mẹ giám hộ, cha giám hộ, cha mẹ giám hộ, anh giám, chị giám hộ, anh chị giám hộ, tự mình giám hộ, pháp giám hộ, dòng họ giám hộ, người thân giám hộ, tự ý muốn làm nô tì, vì được cho áo mà làm nô tì, vì cho tài sản mà làm nô tì, vì cùng hợp tác mà làm nô tì, vì được cứu khi nước cuốn trôi mà làm nô tì, vì không thu thuế mà nguyện làm nô tì, vì được mua lại, hay sinh từ trong nhà chủ mà làm nô tì, vì làm mướn mà làm nô tì, được người khác giúp đỡ mà xin làm nô tì, vì bị bắt ngoài biên cương mà làm nô tì. Người nam cũng có hai mươi hạng người như người nữ vừa nêu trên.

– Hoặc để thành vợ chồng, hoặc vì việc tư thông, cho đến chỉ trong chốc lát, tăng-già-bà-thi-sa: Nếu chỉ mới nhận lời, phạm đột-kiết-la. Nếu đem lời người này đến nói với người kia nhưng không về báo lại kết quả cho người này biết thì phạm thâm-lan-giá. Nếu trở về báo lại kết quả cho người này biết thì phạm tăng-tàn. Hoặc viết thư, hoặc sai sứ đi, hoặc ra dấu, hoặc hiện tướng; tùy theo trường hợp hoặc làm mai mỗi nhiều lần, hoặc ít lần, nói rõ ràng nếu người kia đáp lại thì tất cả đều phạm tăng-tàn. Nếu người kia không hiểu thì phạm thâm-lan-giá. Trừ hai đường, nếu nói các chi phần khác trên thân thể để làm mai mỗi phạm thâm-lan-giá. Hoặc làm mai mỗi cho phi-nhân, huỳnh môn, hai căn, thì phạm thâm-lan-giá. Hoặc làm mai mỗi cho súc sinh, mai mỗi cho người nam với người nam, phạm đột-kiết-la. Hoặc đưa thư giúp người mà không xem trước, hoặc vì hàng cư sĩ mà sai người khác làm phạm đột-kiết-la. Tì-kheo-ni thì phạm giống như đây.

– Trường hợp không phạm: Nếu người nam, người nữ trước đó đã tư thông, sau chia tay rồi hòa hợp trở lại; hoặc vì

cha mẹ cha giận hờn nhau mà làm cho họ thân gần trở lại. Hoặc xem thư rồi đem đến cho cư sĩ có tín tâm, tinh tấn cũng như vậy. Nếu vì Phật pháp tì-kheo làm sứ giả thì không phạm.

## **6. Giới Không Có Tín Chủ Làm Phòng Quá Hạn Lượng**

### **a. DUYÊN KHỞI**

Một thời, Đức Phật ở thành La-duyệt-kì. Bấy giờ, Đức Phật cho phép các thầy tì-kheo được làm phòng riêng. Bấy giờ, tì-kheo Khoáng-dã liền làm một cái phòng lớn. Vì thế thầy phải tìm xin nhiều loại vật nên làm cho hàng cư sĩ buồn phiền. Xin mãi không được, ông đến chặt cây có thần đang ở. Thần cây và các thầy tì-kheo khác đem việc ấy thưa Phật. Phật liền đi đến chỗ của tì-kheo Khoáng-dã quở trách, chỉ dạy rồi chế giới này.

### **b. VĂN GIỚI**

Tì-kheo nào, tự khất cầu để cất thất, không có thí chủ, tự làm cho mình, cần phải đúng lượng. Trong đây đúng lượng là dài mười hai gang tay Phật, bên trong rộng bảy gang tay Phật. Phải mời các tì-kheo đến chỉ định nơi chốn. Các tì-kheo ấy cần chỉ định nơi chốn, là nơi không có nguy hiểm, nơi không bị bít lối. Nếu tì-kheo, nơi có nguy hiểm, nơi bị bít lối, tự khất cầu để cất thất, không có thí chủ, tự làm cho mình, không mời các tì-kheo đến để chỉ định nơi chốn, hoặc làm quá lượng định, tăng-già-bà-thi-sa.

### **c. GIẢI THÍCH**

– Tì-kheo: nghĩa như trên.

– Tự khất cầu: tì-kheo tự đi đến chỗ này, chỗ kia xin vật liệu xây dựng.

– Để cất thất: Chữ ốc (屋) cũng giống như chữ Phòng (房), nghĩa là cái phòng, cái nhà.

– Không có thí chủ: nghĩa là người kia không có thí chủ. Như không có một người, hai người cho đến nhiều người.

– Tự làm cho mình: nghĩa là không phải làm cho người khác.

– Cần phải đúng lượng. Trong đây đúng lượng là dài mười hai gang tay Phật, bên trong rộng bảy gang tay Phật. Phải mời các tì-kheo đến chỉ định nơi chốn: các thầy tì-kheo kia xem biết chỗ không có nguy hiểm, không cản trở rồi vào trong Tăng, cởi giầy, bày vai bên phải, lạy dưới chân thượng tọa, quỳ sang bên phải chấp tay thưa rằng:

Đại đức Tăng lắng nghe! Tì-kheo tên....tự xin làm phòng riêng, không có tín chủ, tự làm cho mình, nay tôi theo chúng Tăng xin chỉ cho chỗ không nguy hiểm, không trở ngại. Bạch như vậy ba lần.

– Các tì-kheo ấy cần chỉ định nơi chốn: Bây giờ, chúng Tăng xem xét kĩ tì-kheo ấy nếu đáng tin thì cho phép làm. Nếu là người không đáng tin thì chúng Tăng phải đến chỗ cần xây phòng xem xét lại. Nếu Tăng không đến thì phải sai một người đáng tin trong Tăng đến xem. Nếu là chỗ nguy hiểm, trở ngại thì không cho phép xây cất; còn chỗ không nguy hiểm, không trở ngại thì cho phép xây dựng. Trong chúng nên cử người có thể làm yết-ma; hoặc là

thượng tọa, thứ tọa, hoặc người thông thạo luật, không thuộc luật, nên làm pháp bạch:

Đại đức Tăng lắng nghe! Tì-kheo..... tự xin làm phòng, không có tín chủ, tự làm cho mình, nay theo Tăng xin chỉ định chỗ không nguy hiểm, không trở ngại. Nếu thời gian thích hợp đối với Tăng, Tăng bằng lòng nên chỉ định tì-kheo... nơi chốn, là nơi không nguy hiểm, không trở ngại, bạch như vậy.

Đại đức Tăng lắng nghe! Tì-kheo..... tự làm phòng, không có tín chủ, tự làm cho mình, đến Tăng xin chỉ định cho chỗ không nguy hiểm, không trở ngại. Tăng nay chỉ định cho tì-kheo... nơi chốn, là nơi không nguy hiểm, không trở ngại. Chư trưởng lão nào bằng lòng chỉ định cho tì-kheo..... ở chỗ không nguy hiểm, không trở ngại thì im lặng. Ai không bằng lòng thì nói. Tăng bằng lòng vì im lặng, việc ấy tôi nên ghi nhận như thế.

Vị tì-kheo làm phòng kia nên biết thứ tự, trước là đặt đá, và chỗ nào có ao phải lấp bằng cho đến sau cùng trát vách xong.

– Là nơi không có nguy hiểm: có cọc, sỏi, sư tử, các loại thú cho đến trùng kiến. Nếu không bị những cầm thú và côn trùng gây hại nên ban đất cho bằng phẳng. Nếu có đá, cây, gốc cây, bụi gai nên sai người đào lên. Nếu có hầm hố, cống rãnh, vũng nước đọng v.v... nên nhờ người lấp bằng. Nếu sợ nước ứ đọng phải đắp đê ngăn nước. Nếu đất đó có người nhận là của họ thì phải thương lượng với họ cho dứt khoát, đừng để có lời qua tiếng lại. Đó gọi là chỗ có nạn.

– Nơi không bị bít lối: chỗ không có hại. Là chỗ mà xe cộ lưu thông qua lại được.

– Nếu tì-kheo, nơi có nguy hiểm, nơi bị bít lối, tự khất cầu để cất thắt, không có thí chủ, tự làm cho mình, không mời các tì-kheo đến để chỉ định nơi chốn, hoặc làm quá lượng định, tăng-già-bà-thi-sa: nếu tì-kheo nào làm phòng ở hai nơi có sự nguy hiểm và nơi bị bít lối thì phạm hai tội đột-kiết-la. Không được sự chỉ định của Tăng mà làm quá kích thước cho phép thì phạm hai tội tăng-tàn.

Nếu tì-kheo làm phòng ở chỗ có sự nguy hiểm, không có sự trở ngại và ngược lại, làm ở chỗ không có sự nguy hiểm mà có sự trở ngại thì tùy trường hợp mà phạm. Hoặc bảo người làm, làm thành cũng phạm như vậy. Nếu làm cho người, làm thành thì phạm hai tội thân-lan-giá, hai tội đột-kiết-la.

Nếu dùng dây đo đất rồi làm, người nhận lời làm và người làm quá kích thước cho phép thì cả hai đều phạm. Không báo lại, cũng không hỏi người kia mà tự ý làm đều phạm tội đột-kiết-la. Tì-kheo-ni làm sai qui định phạm thân-lan-giá.

– Trường hợp không phạm: nếu làm đúng kích thước cho phép, hoặc làm ít hơn, hoặc làm nơi được tăng chỉ định, chỗ không có sự nguy hiểm, chỗ không có sự trở ngại, làm đúng pháp hoặc đo đúng kích thước rồi làm. Nếu làm cho Tăng, làm Phật đường, làm giảng đường, làm am tranh, làm am lá hay chỉ làm một cái thắt nhỏ. Đó gọi là làm đúng như pháp.

## 7. Giới Có Thí Chủ Làm Chùa Cho Mình Nhưng Không Có Sự Chỉ Định Của Tăng

### a. Duyên khởi

Một thời, Đức Phật ở nước Câu-diêm-di. Bấy giờ, vua Ưu-điền xây dựng phòng ốc cho tì-kheo Xiển-đà. Tì-kheo Xiển-đà cậy thế, tùy ý đốn hạ các cây cổ thụ dọc bên đường. Người đi đường chê cười, quở trách. Các thầy tì-kheo biết được việc ấy đem bạch Phật. Phật quở trách và nói: 'Nếu chặt cây cổ thụ phạm độn-kiết-la.' Nhân đó, Đức Phật chế giới này.

### b. Văn giới

Tì-kheo nào, muốn cất chùa lớn, có thí chủ làm cho mình, cần phải mời các tì-kheo khác đến chỉ định nơi chốn. Các tì-kheo ấy cần phải chỉ định nơi chốn, là nơi không có nguy hiểm, nơi không bị bít lối. Nếu tì-kheo, nơi có nguy hiểm, nơi bị bít lối, cần chùa lớn, có thí chủ làm cho mình, không mời các tì-kheo đến chỉ định nơi chốn, tăng-già-bà-thi-sa.

### c. Giải thích

– Tì-kheo: nghĩa như trên.

– Muốn cất chùa lớn: chùa lớn là chùa cần sử dụng nhiều tài vật để xây cất.

– Có thí chủ: trái với trường hợp của giới trên là không có thí chủ.

– Làm cho mình, cần phải mời các tì-kheo khác đến chỉ định nơi chốn: tì-kheo kia như trên đã nói rồi. Vị ấy phải đến trong Tăng lễ dưới chân thượng tọa v.v... xin với Tăng ba lần. Văn tác bạch xin giống như giới trên. Chỉ khác ở chỗ là “có thí chủ làm cho mình.”

– Các tì-kheo ấy cần phải chỉ định nơi chốn: Tăng nên xem xét, nếu người ấy đáng tin, có trí tuệ thì tin lời người ấy và bạch nhị yết-ma chỉ cho chỗ xây dựng chùa. Nếu không đáng tin thì cũng giống như trên, hoặc cho làm hoặc ngăn lại.

– Là nơi không có nguy hiểm: nghĩa là có các loại thú dữ như: sư tử, gấu ngựa, gấu người v.v... nhưng nếu không bị chúng gây hại thì nên giống như trên đã nói, có thể san lấp bằng phẳng, cho đến nếu sợ có người nhìn nhận đất đó của họ thì phải giải quyết cho rạch ròi trước rồi mới xây dựng.

– Nơi không bị bít lối: là ở trong khoảng đất nơi mà xe cộ có thể lưu thông được.

– Nếu tì-kheo, nơi có nguy hiểm, nơi bị bít lối, cần chùa lớn, có thí chủ làm cho mình, không mời các tì-kheo đến chỉ định nơi chốn, tăng-già-bà-thi-sa: về phần hình thức và giải thích cũng giống như giới trước đã nói; chỉ có khác là không có hai chữ “quá lượng.”

## **8. Giới Vu Khố Tì-Kheo Phạm Ba-La-Di Không Có Căn Cứ**

a. Duyên khởi



Một thời, Đức Phật ở thành La-duyệt-kì. Bấy giờ, tôn giả Đạp-ba mới vừa chứng quả A-la-hán, tay phát ra ánh sáng. Ngài làm tri sự cho Tăng, được Phật khen là bậc nhất. Tì-kheo Từ Địa theo cấp bậc trong chúng, được chia cho phòng xấu, lại được thức ăn không ngon. Nhưng cũng vì thế Từ Địa sinh lòng hiềm khích, liền bảo em mình Tì-kheo-ni..... đến trước Tăng mắng chửi tôn giả Đạp-ba. Các thầy tì-kheo thấy vậy hỏi tì-kheo-ni kia, thì cô thú nhận là tự bịa ra nói. Các thầy tì-kheo đem việc ấy bạch Phật. Nhân đó, Đức Phật chế giới này.

## b. Văn giới

Tì-kheo nào, vì thù hận ấp ủ, đối với tì-kheo không phải ba-la-di, mà vu khống bằng pháp ba-la-di không căn cứ, muốn hủy hoại đời sống thanh tịnh của vị ấy. Về sau, dù bị cật vấn hay không bị cật vấn, sự tình ấy được biết là không căn cứ, tì-kheo này nói rằng: 'Tôi vì thù hận nên nói như vậy.' Tì-kheo nói như vậy, tăng-già-bà-thi-sa.

## c. Giải thích

– Tì-kheo: nghĩa như trên.

– Vì thù hận ấp ủ: có mười nhân duyên ác pháp gây ra sân hận ứng với mười việc. Nhưng trong trường hợp này tì-kheo Từ Địa vì hai việc mà sinh sân hận.

– Đối với tì-kheo không phải ba-la-di, mà vu khống bằng pháp ba-la-di không căn cứ: Có căn cứ tức phải đủ ba việc: thấy, nghe và nghi. Thấy có căn cứ là thấy phạm phạm hạnh, thấy trộm năm tiền, thấy giết người. Hoặc người khác thấy rồi nói lại. Đó gọi là thấy có căn cứ.

Nghe đã phạm phạm hạnh, nghe trộm năm tiền, nghe giết người. Nghe tự nói đăc pháp thượng nhân. Hoăc nghe người khác nói lại nghe người kia nói. Đó gọi là nghe có căn cứ.

Nghi có căn cứ có hai trường hợp. Một là do thấy mà sinh nghi. Thấy tì-kheo cùng với người nữ đi vào trong rừng rồi đi ra, thân hình trần trụi, không tằm vải, thân thể nhóp nhúa, tay cầm dao dính máu, làm bạn với người xấu.

Vì nghe mà sinh nghi. Nếu ở trong chỗ khuất nghe tiếng giường động, nghe tiếng trở mình, hoăc nghe tiếng động của thân thể, hoăc nghe tiếng thì thầm với nhau, hoăc nghe nói tôi phạm phi phạm hạnh, cho đến nghe nói tôi đăc pháp của bậc thượng nhân. Ngoài ba căn cứ như vừa nêu trên mà đem những việc khác không có căn cứ để vu khống thì đó gọi là vu khống không có căn cứ.

– Muốn hủy hoại đời sống thanh tịnh của vị ấy: nghĩa là bảo chúng Tăng diệt tẩn người kia để tôi được ở an ổn.

– Về sau, dù bị cật vấn hay không bị cật vấn: Phật bảo các thầy tì-kheo hỏi người hủy báng kia để biết việc ấy có thật hay không? Nếu người kia dùng những việc không có căn cứ mà hủy báng người khác thì mắc tội nặng.

– Sự tình ấy được biết là không căn cứ, tì-kheo này nói rằng: tì-kheo kia nói: ‘Đạp-ba-la là người thanh tịnh, thật không có việc như vậy.’

– Tôi vì thù hận nên nói như vậy: do trước đó theo thứ tự tì-kheo ấy nhận được phòng xấu, thức ăn đạm bạc nên ôm hận trong lòng nên mới hủy bán tì-kheo kia.

– Tì-kheo nói như vậy, tăng-già-bà-thi-sa: nếu dùng bốn việc không có căn cứ vu khống, nói rõ ràng phạm tăng-tàn, nói không rõ ràng phạm thân-lan-giá. Hoặc ra dấu, viết thư, sai sứ, hoặc làm ra điệu bộ, dù rõ hay không rõ tất cả đều phạm như thế. Nếu dùng mười ba nạn[42] để hủy báng người thì cũng phạm tăng-tàn. Trừ trường hợp người bị hủy báng không phải là tì-kheo như pháp. Hoặc dùng những sự việc vô căn cứ khác hủy báng thì tùy việc mà phạm như trước đã nói.

Nếu hủy báng tì-kheo-ni thì cũng phạm như trước. Nếu hủy báng những chúng dưới thì phạm tội đột-kiết-la. Tì-kheo-ni hủy báng cũng phạm tăng-tàn.

– Trường hợp không phạm: cả ba trường hợp thấy, nghe, nghi đều có căn cứ và nói đúng sự thật; hoặc nói đùa, hoặc nói nhanh, hoặc nói một mình, hoặc nói ở nơi vắng vẻ, hoặc nói nhằm, tất cả đều không phạm.

## **9. Giới Mượn Việc Ba-La-Di Có Căn Cứ Để Vu Khống**

### **a. Duyên khởi**

Một thời, Đức Phật ở tại thành La-duyên-kì. Bấy giờ, tì-kheo Từ Địa thấy hai con dê đang giao phối với nhau, liền nói con dê đực này là Đạp-ba, con dê cái là tì-kheo-ni Từ Địa. Ông liền nói với các thầy tì-kheo, hôm nay chính mắt tôi trông thấy, không giống như trước không có bằng chứng gì. Các thầy tì-kheo hỏi kĩ lại, Từ Địa liền tự thú nhận là vu khống. Các thầy tì-kheo đem việc ấy bạch Phật. Nhân đó, Đức Phật chế giới này.

### **b. Văn giới**

Tì-kheo nào, vì thù hận, dựa vào tiểu tiết trong sự tình của phần khác, đối với tì-kheo không phải ba-la-di, mà vu khống bằng pháp ba-la-di không có căn cứ, muốn hủy hoại đời sống phạm hạnh của vị ấy, về sau, dù bị cật vấn hay không bị cật vấn, sự tình ấy được biết là dựa lấy tiểu tiết trong sự tình của phần khác, tì-kheo này nói rằng: 'Tôi vì thù hận nên nói như vậy.' Tì-kheo nào như vậy, tăng-già-bà-thi-sa.

### c. Giải thích

– Tì-kheo: nghĩa như trên.

– Vì thù hận: như trên đã nói.

– Dựa vào tiểu tiết trong sự tình của phần khác: hoặc dựa vào một tội khác, mục đích khác, người khác, hoặc là người tại gia, hoặc nghe tin đồn.

– Đối với tì-kheo không phải ba-la-di, mà vu khống bằng pháp ba-la-di không có căn cứ, muốn hủy hoại đời sống phạm hạnh của vị ấy, về sau, dù bị cật vấn hay không bị cật vấn, sự tình ấy được biết là dựa lấy tiểu tiết trong sự tình của phần khác, tì-kheo này nói rằng: 'Tôi vì thù hận nên nói như vậy.' Tì-kheo nào như vậy, tăng-già-bà-thi-sa: Về phần phạm và không phạm cũng giống như giới trước.

## 10. Giới Phá Tăng Và Chống Lại Sự Can Gián

a. Duyên khởi

Một thời, Đức Phật ở nước Di-ni-lâu, Ngài độ tám người dòng họ Thích. Sau đó, Ngài dẫn họ đến nước Chiêm-ba thì tất cả đều chứng Tăng thượng địa. Trong đó, chỉ có Đề-bà-đạt-đa chứng được thần túc thông. Một thời gian sau, Phật trở về nước La-duyệt-kì. Bấy giờ, Đề-bà-đạt-đa xúi giục người hại Phật. Việc ấy bại lộ, tiếng xấu đồn xa, không ai cúng dường thức ăn, vì thế tì-kheo ấy ăn riêng chúng và bị Phật quở trách. Nhưng Đề-bà-đạt-đa không chịu dừng lại, tì-kheo ấy lại bày cách phá Tăng. Hàng tì-kheo nói lỗi và can ngăn và Phật chế giới này.

## b. Văn giới

Tì-kheo nào, muốn phá hoại hòa hợp Tăng, tiến hành phá hoại hòa hợp Tăng, chấp chặt pháp phá hòa hợp Tăng, kiên trì không bỏ. Các tì-kheo nên can gián tì-kheo này rằng: 'Đại đức chớ pháp hòa hợp Tăng, chớ tiến hành phá hoại hòa hợp Tăng, chớ chấp chặt pháp hoại hòa hợp Tăng, kiên trì không bỏ. Đại đức nên cùng Tăng hòa hợp, vì cùng Tăng hòa hợp, hoan hỷ không tranh chấp, đồng một thầy học, hòa hợp như nước với sữa, thì ở trong Phật pháp mới có sự tăng ích, sống an lạc.' Khi tì-kheo ấy được can gián, kiên trì không bỏ. Tì-kheo được can gián như vậy ba lần cho bỏ việc ấy, cho đến ba lần can gián, bỏ thì tốt; nếu không bỏ, tăng-già-bà-thi-sa.

## c. Giải thích

– Tì-kheo: nghĩa như trên.

– Muốn phá hoại: phá hoại có tất cả mười tám việc: như pháp, phi pháp, như luật, phi luật, phạm, không phạm, hoặc nhẹ, hoặc nặng, che giấu, không che giấu, thô ác,

không thô ác, việc thường làm, việc không thường làm, chế định, không chế định, đã nói, chưa nói.

– Hòa hợp: cùng yết mà, cùng thuyết giới.

– Tăng: chỉ cho bốn tì-kheo, hoặc năm tì-kheo, hoặc mười tì-kheo, cho đến vô số tì-kheo.

– Tiến hành phá hoại hòa hợp Tăng, chấp chặt pháp phá hòa hợp Tăng, kiên trì không bỏ: nghĩa là dùng mười tám cách phá hoại sự hòa hợp của Tăng.

– Các tì-kheo nên can gián tì-kheo này rằng: 'Đại đức chớ pháp hòa hợp Tăng, chớ tiến hành phá hoại hòa hợp Tăng, chớ chấp chặt pháp hoại hòa hợp Tăng, kiên trì không bỏ. Đại đức nên cùng Tăng hòa hợp, vì cùng Tăng hòa hợp, hoan hỷ không tranh chấp, đồng một thầy học, hòa hợp như nước với sữa, thì ở trong Phật pháp mới có sự tăng ích, sống an lạc.': nên nói với vị tì-kheo kia rằng: 'Đại đức nên từ bỏ việc này, chớ để cho Tăng phải làm pháp can gián, quở trách mà phạm tội nặng.' Nếu dùng lời can ngăn được thì tốt. Nếu không thể dùng lời can gián được thì có thể nhờ Tì-kheo-ni, cư sĩ nam, cư sĩ nữ, hoặc vua, quan, hoặc nhờ các sa-môn, bà-la-môn đạo khác. Hoặc nhờ tì-kheo ở những nơi khác có hiểu biết mà người kia có thể tin theo lời can gián, thì nên nhờ họ can gián tì-kheo kia. Đó là can gián.

– Khi tì-kheo ấy được can gián, kiên trì không bỏ: nghĩa là chống lại sự can gián.

– Tì-kheo được can gián như vậy ba lần cho bỏ việc ấy, cho đến ba lần can gián, bỏ thì tốt: tì-kheo kia nên tập hợp

chúng tăng làm pháp yết-ma, như pháp tác bạch can gián rồi, lại cầu xin Tăng làm pháp yết-ma, cho đến yết-ma lần thứ nhất, lần thứ hai cũng như thế.

– Nếu không bỏ: nghĩa là chống lại sự can gián của Tăng. Giới sau cũng như giới này.

– Tăng-già-bà-thi-sa: khi Tăng can gián bạch lần thứ hai xong, nếu tì-kheo kia từ bỏ ý định thì phạm ba thân-lan-giá. Cho đến bạch xong mới từ bỏ thì phạm một thân-lan-giá; bạch chưa xong mà đã từ bỏ thì chỉ phạm một đột-kiết-la. Nếu trước khi làm pháp yết-ma nhận pháp phá Tăng, kiên trì không từ bỏ đều phạm đột-kiết-la. Tì-kheo-ni phạm tăng-tàn.

– Trường hợp không phạm: can gián lần đầu từ bỏ liền, hoặc làm pháp yết-ma phi pháp mà quở trách, can gián. Hoặc phi pháp, phi luật, chẳng phải lời Phật dạy, hoặc phá bạn xấu, hoặc phá tri thức, hoặc muốn phá Tăng, hoặc làm không đúng pháp, hoặc vì Tăng mà làm hư tổn tháp của hòa thượng A-xà-lê, tri thức, người phá không phạm.

## **11. Giới Giúp Phá Tăng Và Chống Lại Sự Can Gián**

### **a. Duyên khởi**

Một thời, Đức Phật ở nước La-duyệt-kì. Bấy giờ, tì-kheo Đề-bà-đạt-đa dùng năm pháp: suốt đời khổ thực, mặc y phấn tảo, thường ngủ dưới gốc cây, không uống sữa, không ăn muối, cá và thịt để chỉ dạy các tì-kheo khác. Khi chúng Tăng can ngăn tì-kheo Đề-bà-đạt-đa thì các tì-kheo đồng bạn khác giúp tì-kheo Đề-bà-đạt-đa phá hoại sự can

ngăn của Tăng. Các tì-kheo đem việc ấy bạch Phật. Phật quở trách rồi, nhân việc ấy mà chế định giới này.

## b. Văn giới

Tì-kheo nào, có bè đảng từ một, hoặc hai, hoặc ba, cho đến vô số. Các tì-kheo bè đảng ấy nói với các tì-kheo rằng: 'Đại đức, chớ can gián tì-kheo ấy. Tì-kheo ấy là tì-kheo nói như pháp, tì-kheo ấy là tì-kheo nói như luật. Những điều tì-kheo ấy nói chúng tôi ưa thích. Những điều tì-kheo ấy nói, chúng tôi chấp nhận.' Chúng tì-kheo ấy nói: "Đại đức chớ nói như vậy: 'Tì-kheo ấy là tì-kheo nói như pháp. Tì-kheo ấy là tì-kheo nói như luật. Những điều tì-kheo ấy nói chúng tôi ưa thích. Những điều tì-kheo ấy nói chúng tôi chấp nhận.' Nhưng tì-kheo ấy là tì-kheo nói phi pháp, là tì-kheo nói phi luật. Đại đức, chớ phá hoại hòa hợp Tăng. Các ngài nên hoan hỷ hòa hợp Tăng. Đại đức cùng Tăng hòa hợp, hoan hỷ, không tranh chấp, đồng học một thầy, hòa hợp như nước với sữa, ở trong Phật pháp mới có tăng ích, sống an lạc." Các tì-kheo bè đảng được can gián như vậy mà kiên trì không bỏ. Chúng tì-kheo kia nên can gián ba lần cho bỏ việc này. Cho đến ba lần can gián, bỏ thì tốt. Nếu không bỏ, tăng-già-bà-thi-sa.

## c. Giải thích:

– Tì-kheo: nghĩa như trên.

– Có bè đảng từ một, hoặc hai, hoặc ba, cho đến vô số: đồng bạn là từ bốn người trở lên đến nhiều vô số. Có hai trường hợp phục tùng. Một là phục tùng vì pháp. Nghĩa là dùng pháp truyền dạy làm cho tăng giới, tăng tâm, tăng tuệ, tụng đọc, tiếp nhận. Hai là phục tùng vì ăn mặc. Đó



là cấp cho y phục, thức ăn uống, mền nệm, giường, đồ nằm, thuốc thang.

– Các tì-kheo bè đảng ấy nói với các tì-kheo rằng: ‘Đại đức, chớ can gián tì-kheo ấy. Tì-kheo ấy là tì-kheo nói như pháp, tì-kheo ấy là tì-kheo nói như luật. Những điều tì-kheo ấy nói chúng tôi ưa thích. Những điều tì-kheo ấy nói, chúng tôi chấp nhận.’: Đây là nói việc giúp đồng đảng xấu chống sự can gián của Tăng. Nói Điều Đạt là người rành thông pháp và luật. Chúng tôi đều rất hài lòng, sao Tăng lại làm pháp can gián tì-kheo ấy và cho rằng việc ấy trái với luật.

– Chúng tì-kheo ấy nói: “Đại đức chớ nói như vậy: ‘Tì-kheo ấy là tì-kheo nói như pháp. Tì-kheo ấy là tì-kheo nói như luật. Những điều tì-kheo ấy nói chúng tôi ưa thích. Những điều tì-kheo ấy nói chúng tôi chấp nhận.’ Nhưng tì-kheo ấy là tì-kheo nói phi pháp, là tì-kheo nói phi luật. Đại đức, chớ phá hoại hòa hợp Tăng. Các ngài nên hoan hỷ hòa hợp Tăng. Đại đức cùng Tăng hòa hợp, hoan hỷ, không tranh chấp, đồng học một thầy, hòa hợp như nước với sữa, ở trong Phật pháp mới có tăng ích, sống an lạc.”: đây là nói các thiện tì-kheo dùng pháp can gián những gì Điều Đạt nói, nhân và pháp đều không đúng, chớ có ngu ngơ tin theo.

– Các tì-kheo bè đảng được can gián như vậy mà kiên trì không bỏ. Chúng tì-kheo kia nên can gián ba lần cho bỏ việc này. Cho đến ba lần can gián, bỏ thì tốt. Nếu không bỏ, tăng-già-bà-thi-sa: phần quả trách, giáo huấn và chế giới cũng giống như trên.

## **12. Giới Làm Như Nhà Người Bị Tẩn Xuất**

## a. Duyên khởi

Một thời, Đức Phật ở tại nước Xá-vệ. Bấy giờ, tì-kheo A-thấp-bà và một số tì-kheo khác ngủ nhờ trong thôn Kì-liên và làm nhơ uế nhà người. Các thầy tì-kheo đem việc ấy bạch Phật. Phật bảo tôn giả Xá-lợi-phất và những tì-kheo khác đến chỗ những thầy tì-kheo kia đang ở làm pháp diệt tận. Trong khi tôn giả Xá-lợi-phất và các thầy tì-kheo tác pháp, những tì-kheo kia hủy báng chúng Tăng và không chịu nghe lời. Chúng Tăng đem việc ấy bạch Phật. Nhân đó, Đức Phật quả trách và chế giới này.

## b. Văn giới

Tì-kheo nào, sống nương tựa xóm làng, hay thành ấp, mà làm hoen ố nhà người, có hành vi xấu. Sự làm hoen ố nhà người ai cũng thấy, ai cũng nghe. Hành vi xấu ai cũng thấy, ai cũng nghe. Các tì-kheo nên nói với tì-kheo ấy rằng: 'Đại đức là người làm hoen ố nhà người, có hành vi xấu. Sự làm hoen ố nhà người ai cũng thấy, ai cũng nghe. Hành vi xấu ai cũng thấy, ai cũng nghe. Đại đức, ngài làm hoen ố nhà người, có hành vi xấu, nay nên xa lánh xóm làng này, không nên sống ở đây nữa.' Tì-kheo ấy nói với các tì-kheo rằng: 'Chư đại đức, các tì-kheo có thiên vị, có thù nghịch, có sợ hãi, có bất minh. Vì có tì-kheo đồng tội như vậy, mà có người bị đuổi, có người không bị đuổi.' Các tì-kheo nên trả lời rằng: "Đại đức chớ nói 'Tăng có thiên vị, có thù nghịch, có sợ hãi, có bất minh. Vì có tì-kheo đồng tội như vậy, mà có người bị đuổi, có người không bị đuổi.'" Nhưng các tì-kheo không có thiên vị, không có thù nghịch, không có sợ hãi, không có bất minh. Đại đức làm hoen ố nhà người, có hành vi xấu. Sự làm hoen ố nhà người ai cũng thấy, ai cũng nghe. Hành vi xấu ai cũng thấy, ai cũng nghe.

Tì-kheo ấy được can gián như vậy mà kiên trì không bỏ; các tì-kheo nên can gián ba lần cho bỏ việc ấy. Cho đến ba lần can gián, bỏ thì tốt. Nếu không bỏ, tăng-già-bà-thi-sa.

### c. Giải thích

– Tì-kheo: nghĩa như trên.

– Sống nương tựa xóm làng: thôn có bốn loại như trên đã nói.

– Hay thành ấp: thành là vùng đất thuộc của vua.

Mà làm hoen ố nhà người: nhà thì có người nam, có người nữ. Làm hoen ố nhà người có bốn trường hợp:

– Một là dựa vào nhà này làm hoen ố nhà kia. Nghĩa là được vật ở nhà này đem cho lại nhà kia. Nhà cúng phẩm vật biết được việc ấy nên không vui. Còn nhà nhận được vật thì nghĩ mình phải báo đền ân, nên nói rằng: “Người ta cho mình vật thì mình phải đền ân người ta. Nếu người ấy không cho ta thì vì sao ta phải cho lại?”

– Hai là dựa vào lợi dưỡng mà làm hoen ố nhà người. Được lợi dưỡng như pháp và các thứ còn dư trong bát, hoặc cho một cư sĩ. Người được cho ấy nghĩ: “Mình phải báo ân người kia. Nếu người kia không cho tôi thì tại sao tôi phải cho lại?”

– Ba là dựa vào người thân làm hoen ố nhà người. Tì-kheo nào dựa vào vua, quan, đại thần, hoặc vì cư sĩ, hoặc không vì cư sĩ, người kia nghĩ rằng: “Nếu người ấy vì mình thì

mình nên cúng dường người ấy; nếu người ấy không vì mình thì mình không nên cúng dường.”

– Bồn là dựa vào tăng-già-lam làm hoen ố nhà người. Nếu tì-kheo lấy hoa quả của chùa đem cho cư sĩ, hoặc không cho cư sĩ. Người được cho kia nghĩ mình phải cúng dường, người không được cho nghĩ rằng tôi không cúng dường.

– Có hành vi xấu: tì-kheo kia làm những việc không đúng pháp như thế. Tự trồng hoa, tưới nước, hái hoa, kết thành tràng, lấy chỉ khâu lại rồi đem cho người. Hoặc dạy người làm như vậy. Trong làng có người nữ ngồi cùng giường, ăn cùng mâm, nói cười huyên huyên, hoặc tự xướng ca nháy múa, hoặc người khác làm rồi hòa theo, hoặc hò vè, hoặc gảy đàn, đánh trống, thổi sáo, ngâm nga, hoặc giả tiếng chim hót, hoặc chạy, hoặc đi khập khiễng, huýt gió, hoặc tự mân mê thân thể, hoặc nhận lời cười thuê.

– Sự làm hoen ố nhà người ai cũng thấy, ai cũng nghe. Hành vi xấu ai cũng thấy, ai cũng nghe: Bảy giờ, có thầy tì-kheo ngủ ở trong làng ấy, sáng ngày thầy đắp y, ôm bát vào thôn khát thực. Pháp phục ngay ngắn, thầy từng tự bước đi, cuối mặt đi thẳng, không ngoái nhìn hai bên, đi từng nhà từng nhà. Hàng cư sĩ thấy vậy mới bàn tán với nhau. Người này là người gì? Tại sao cuối mặt mà đi, cũng không ngoái nhìn hai bên, cũng không nói cười, cũng không giao tiếp với ai, cũng không chào hỏi ai, chúng ta không nên cúng dường thức ăn cho người này. Người này không như thầy A-thấp-bà giao thiệp với mọi người và làm những việc như nói ở trên. Chúng ta nên cúng dường A-thấp-bà. Khi ấy, tì-kheo khát thực kia khó khăn lắm mới xin được thức ăn. Sau mùa an cư, vị ấy về thăm Phật, Đức Phật hỏi: Chỗ ở có vui vẻ an ổn không? Tăng có hòa hợp

không? Không bị việc khất thực làm khổ chứ? Vị tì-kheo kia trình bày hết mọi việc với Phật. Phật từ xa quở trách tì-kheo A-thấp-bà và sai chúng Tăng đến làm pháp diệt tận.

– Các tì-kheo nên nói với tì-kheo ấy rằng: ‘Đại đức là người làm hoen ố nhà người, có hành vi xấu. Sự làm hoen ố nhà người ai cũng thấy, ai cũng nghe. Hành vi xấu ai cũng thấy, ai cũng nghe. Đại đức, ngài làm hoen ố nhà người, có hành vi xấu, nay nên xa lánh xóm làng này, không nên sống ở đây nữa.’: Bấy giờ, tôn giả Xá-lợi-phất nói pháp cho hàng cư sĩ nghe, làm cho họ sinh lòng tin và vui. Sau khi ăn trưa xong, tôn giả tập hợp Tăng làm pháp yết-ma nêu tội, làm pháp ức niệm và chỉ tội. Làm yết-ma như trên rồi đuổi tì-kheo A-thấp-bà ra khỏi thôn làng. Trong lúc đang làm pháp yết-ma, tì-kheo A-thấp-bà đứng dậy mắng chửi chúng Tăng và nói những người khác cũng phạm như tôi sao không bị đuổi mà chỉ đuổi một mình tôi. A-thấp-bà nói như thế.

– Tì-kheo ấy nói với các tì-kheo rằng: ‘Chư đại đức, các tì-kheo có thiên vị, có thù nghịch, có sợ hãi, có bất minh. Vì có tì-kheo đồng tội như vậy, mà có người bị đuổi, có người không bị đuổi.’: Bấy giờ, tôn giả Xá-lợi-phất trở về thưa với Phật và trình bày mọi việc. Phật từ xa quở trách và bảo làm pháp can gián.

– Các tì-kheo nên trả lời rằng: “Đại đức chớ nói ‘Tăng có thiên vị, có thù nghịch, có sợ hãi, có bất minh. Vì có tì-kheo đồng tội như vậy, mà có người bị đuổi, có người không bị đuổi.’” Nhưng các tì-kheo không có thiên vị, không có thù nghịch, không có sợ hãi, không có bất minh. Đại đức làm hoen ố nhà người, có hành vi xấu. Sự làm

hoen ỡ nhà người ai cũng thấy, ai cũng nghe. Hành vi xấu ai cũng thấy, ai cũng nghe. Tì-kheo ấy được can gián như vậy mà kiên trì không bỏ; các tì-kheo nên can gián ba lần cho bỏ việc ấy. Cho đến ba lần can gián, bỏ thì tốt. Nếu không bỏ, tăng-già-bà-thi-sa: nếu trước khi Tăng làm pháp yết-ma mà nói Tăng có yêu, có ghét, có giận, có sợ, có si, nếu không xem thư đem đến, và vì hàng cư sĩ mà truyền tin, tất cả phạm đột-kiết-la. Tì-kheo-ni cũng phạm như tì-kheo.

– Trường hợp không phạm: chúng Tăng vừa mới nói thì từ bỏ liền; can gián không đúng pháp. Hoặc được quần áo, thức ăn đem dâng cha mẹ và cho người bệnh, cho trẻ nhỏ, cho người đang mang thai, cho người bị nhốt trong tù, hoặc cho những người giúp việc trong chùa. Hoặc trồng hoa quả, tự hái, cắt, cho đến dạy người kết hoa đem cúng dường Phật, Pháp, Tăng, tất cả đều không phạm. Nếu có người muốn đánh, bị giặc cướp, chỗ có nạn cọp, sói gây sợ hãi, hoặc mang vắc vào trong làng để lần trốn, đều không phạm. Nếu vì qua sông, rạch, nhảy qua hầm thì không phạm. Nếu có bạn đi phía sau, ngoái lại nhìn không thấy gọi lớn thì không phạm. Hoặc vì cha mẹ, vì người bệnh, hoặc vì người bị giam trong ngục, hoặc người nam thành tín bị bệnh, hoặc ở trong ngục, xem thư đem đến, hoặc vì tháp của Tăng, nuôi bệnh tì-kheo, đem thư qua lại, như thế đều không phạm.

### **13. Tánh Xấu Chống Lại Sự Can Ngăn Của Tăng**

#### **a. Duyên khởi**

Một thời, Đức Phật ở nước Câu-diệm-di. Bấy giờ, tôn giả Xiển-đà ngang bướng chống lại sự can gián của Tăng. Xiển-

đà nói lại: 'Tôi nên dạy các đại đức. Vì sao? Vì thánh chủ của tôi đăc chính giăc.' Các thầy tì-kheo đem lỗi ấy bạch Phật. Nhân đó, Đức Phật quả trách rồi liền chế giới này.

## b. Văn giới

Tì-kheo nào, có tính ngoan cố không nhận lời khuyên của người khác. Khi được các tì-kheo khuyên can như pháp những điều trong học giới, tự thân không nhận lời can gián, lại nói: "Các Đại đức, chớ nói với tôi điều gì hoặc tốt hoặc xấu. Tôi cũng không nói với các Đại đức điều gì hoặc tốt hoặc xấu. Các Đại đức thôi đi, đừng can gián tôi." Các tì-kheo can gián tì-kheo ấy rằng: "Đại đức, chớ tự thân không nhận lời can gián. Đại đức như pháp can gián các tì-kheo. Các tì-kheo cũng như pháp can gián Đại đức. Như vậy, chúng đê Phật được tăng ích, trao đổi dạy bảo nhau, trao đổi can gián nhau, trao đổi sám hối với nhau." Tì-kheo này được can gián như vậy, kiên trì không bỏ. Các tì-kheo nên ba lần can gián cho bỏ sự ấy. Cho đến ba lần can gián, bỏ thì tốt. Nếu không bỏ, tăng-già-bà-thi-sa.

## c. Giải thích

– Tì-kheo: nghĩa như trên.

– Có tính ngoan cố không nhận lời khuyên của người khác. Khi được các tì-kheo khuyên can như pháp những điều trong học giới: dùng giới luật, như pháp mà truyền dạy, có bảy phạm tự: Ba-la-di, Tăng-già-bà-thi-sa, Ba-dật-đề, Ba-la-đề-đề-xá-ni, Thâu-lan-giă, Đột-kiết-la, ác thuyết.

– Các tì-kheo như pháp can gián rồi: như pháp như luật, như lời Phật dạy.

– Tự thân không nhận lời can gián, lại nói: “Các Đại đức, chớ nói với tôi điều gì hoặc tốt hoặc xấu. Tôi cũng không nói với các Đại đức điều gì hoặc tốt hoặc xấu. Các Đại đức thôi đi, đừng can gián tôi.”: đây là việc can gián chính của giới này. Hai lần can gián sau theo thứ tự đều là những lời giáo huấn.

– Các Đại đức thôi đi, đừng can gián tôi.” Các tì-kheo can gián tì-kheo ấy rằng: “Đại đức, chớ tự thân không nhận lời can gián. Đại đức như pháp can gián các tì-kheo. Các tì-kheo cũng như pháp can gián Đại đức. Như vậy, chúng đệ Phật được tăng ích, trao đổi dạy bảo nhau, trao đổi can gián nhau, trao đổi sám hối với nhau.” Tì-kheo này được can gián như vậy, kiên trì không bỏ. Các tì-kheo nên ba lần can gián cho bỏ sự ấy. Cho đến ba lần can gián, bỏ thì tốt. Nếu không bỏ, tăng-già-bà-thi-sa: nếu trước khi bạch yết-ma mà càng bướng không nghe lời can gián thì phạm một đột-kiết-la. Tì-kheo-ni cũng phạm giống như tì-kheo.

– Trường hợp không phạm: mới can gián lần thứ nhất thì từ bỏ liền, quở trách không đúng pháp, không đúng pháp, không đúng luật, chẳng phải lời Phật dạy. Nếu can gián người vô trí thì nên nói với người ấy rằng: “Việc làm của hòa thượng A-xà-lê của thầy cũng như vậy. Thầy nên học hỏi, tụng đọc thêm kinh luật.” Nếu những việc ấy như thế, hoặc nói sai, đều không phạm.

Chư Đại đức tôi đã nói mười ba pháp tăng-già-bà-thi-sa, chín giới trước vừa làm liền phạm, bốn giới sau can gián đến lần thứ ba mới phạm. Nếu tì-kheo nào phạm mỗi mỗi pháp biết mà che giấu thì buộc phải thực hành Ba-lợi-bà-sa.[43] Hành Ba-lợi-bà-sa xong phải thực hành thêm sáu đêm ma-na-đỏa. Hành ma-na-đỏa[44] xong mới cho nói



tội và phải đối trước hai mươi vị tì-kheo tăng nói tội của tì-kheo ấy. Nếu thiếu một người không đủ số chúng là hai mươi vị tì-kheo, thì chẳng những tội của vị tì-kheo kia không hết mà các tì-kheo cũng bị quở trách. Nay xin hỏi các Đại đức trong đây có thanh tịnh không? (3 lần). Các Đại đức trong đây thanh tịnh, vì các thầy đều im lặng. Việc này tôi ghi nhận như vậy.

**Chư đại đức! Đây là hai pháp Bất định mỗi nửa tháng nói một lần, trích trong giới kinh.**

## 1. Giới Ngồi Ở Chỗ Khuất

### a. Duyên khởi

Một thời, Đức Phật ở nước Xá-vệ. Bấy giờ, tì-kheo Ca-lưu-đà-di lúc chưa xuất gia có quen với vợ của người bạn, người nữ ấy tên là Trai-ưu-bà-tư. Nàng ta rất xinh đẹp ai thấy cũng để ý. Một hôm, Ca-lưu-đà-di đến nhà người kia và họ ngồi ở chỗ khuất nói lời phi pháp. Bấy giờ, bà Tì-xá-khư Mẫu tình cờ nhìn qua khe cửa trông thấy, bà tức tốc đi đến gặp Phật và trình bày những gì bà thấy. Nhân đó, Đức Phật quở trách Ca-lưu-đà-di và chế giới này.

### b. Văn giới

Tì-kheo nào, cùng một người nữ, một mình ngồi tại chỗ khuất, chỗ kín, chỗ có ngăn che, chỗ có thể hành dâm, nói lời phi pháp. Có vị ưu-bà-tư trụ tín nói một pháp trong ba pháp, hoặc ba-la-di, hoặc tăng-già-bà-thi-sa, hoặc ba-dật-đề, và tì-kheo ngồi ấy tự xác nhận 'Tôi phạm tội này.' Vậy cần xử trị một trong ba pháp, hoặc tăng-già-bà-thi-sa,

hoặc ba-dật-đề, hoặc đúng như lời ưu-bà-tư trụ tín. Cần như pháp xử trị tì-kheo ấy. Đây gọi là pháp bất định.

### c. Giải thích

- Tì-kheo nào: nghĩa như trên.
- Cùng một người nữ: người nữ có trí, còn sống.
- Một mình: nghĩa là chỉ có một tì-kheo và một người nữ.
- Ngồi tại chỗ khuất: chỗ khuất có hai trường hợp: Một là khuất tầm nhìn, hoặc do bụi, sương mù, trong bóng tối không nhìn thấy nhau. Hai là cách âm, cho đến chỗ nói vừa phải nhưng không nghe.
- Chỗ kín: bên trên có vật che.
- Chỗ có ngăn che: hoặc do cây cối, vách tường, hàng rào, vải, và những vật ngăn che khác.
- Chỗ có thể hành dâm: nghĩa là chỗ có thể làm việc dâm dục.
- Nói lời phi pháp: là nói cách hành dâm.
- Có vị ưu-bà-tư trụ tín: nghĩa là người tin Phật, tin Pháp, tin Tăng và quy y với Phật, Pháp, Tăng; không giết hại, không trộm cướp, không tà dâm, không nói dối, không uống rượu, ghi nhớ kĩ, thực hành, không trái phạm, những gì người này nói ra đều thật không dối.

– Nói một pháp trong ba pháp, hoặc ba-la-di, hoặc tăng-già-bà-thi-sa, hoặc ba-dật-đề, và tì-kheo ngồi ấy tự xác nhận 'Tôi phạm tội này.' Vậy cần xử trị một trong ba pháp, hoặc tăng-già-bà-thi-sa, hoặc ba-dật-đề, hoặc đúng như lời ưu-bà-tư trụ tín. Cần như pháp xử trị tì-kheo ấy. Đây gọi là pháp bất định: đây là nói, tì-kheo kia tự nói chỗ mình định đến, chỗ mình đến, hoặc ngồi, hoặc nằm, hoặc làm, nếu không tự nói thì đều như ưu-bà-tư nói mà trị tội.

## 2. Giới Ở Chỗ Trống

### a. Duyên khởi

Một thời, Đức Phật ở nước Xá-vệ. Bấy giờ, tì-kheo Ca-lưu-đà-di là người đầu tiên phạm giới này. Nhân duyên cũng giống như giới trước, chỉ khác là lần này ở chỗ trống cho nên hai tội khác nhau.

### b. Văn giới

Tì-kheo nào, cùng một người nữ, một mình ngồi tại chỗ trống, chỗ không thể hành dâm, nói lời thô tục. Có vị ưu-bà-tư trụ tín nói một trong hai pháp, hoặc tăng-già-bà-thi-sa, hoặc ba-dật-đề, và tì-kheo ngồi ấy tự xác nhận 'Tôi phạm tội này.' Vậy cần xử trị một trong hai pháp, hoặc tăng-già-bà-thi-sa, hoặc ba-dật-đề, hoặc đúng như lời ưu-bà-tư trụ tín. Cần như pháp xử trị tì-kheo ấy. Đây gọi là pháp bất định.

### c. Giải thích

– Tì-kheo: nghĩa như trên.

– Cùng một người nữ, một mình ngồi tại chỗ trống: nghĩa là chỗ không có tường, vách và những vật ngăn che khác.

– Chỗ không thể hành dâm: nghĩa là chỗ không tiện lợi cho việc hành dâm.

Nói lời thô tục: tức nói việc dâm dục, khen ngợi hai đường tốt xấu.

– Có vị ưu-bà-tư trụ tín nói một trong hai pháp, hoặc tăng-già-bà-thi-sa, hoặc ba-dật-đề, và tì-kheo ngồi ấy tự xác nhận 'Tôi phạm tội này.' Vậy cần xử trị một trong hai pháp, hoặc tăng-già-bà-thi-sa, hoặc ba-dật-đề, hoặc đúng như lời ưu-bà-tư trụ tín. Cần như pháp xử trị tì-kheo ấy. Đây gọi là pháp bất định: Đây là nói, tì-kheo kia tự nói chỗ mình định đến, chỗ mình đến, hoặc ngồi, hoặc nằm, hoặc làm, nếu không tự nói thì đều như ưu-bà-tư nói mà trị tội. Trong đây không xác định được phạm tội nào, nên gọi là bất định.

Chư Đại đức! Tôi đã nói hai pháp bất định, nay xin hỏi chư Đại đức trong đây thanh tịnh không? (3 lần). Chư Đại đức trong đây thanh tịnh, vì các ngài đều im lặng. Việc này tôi ghi nhận như vậy.

**Chư Đại đức! Đây là ba mươi pháp Ni-tát-kì ba-dật-đề,[45] nửa tháng tụng một lần, trích từ giới kinh.**

## 1. Giới Chứa Y Dư Quá Hạn

### a. Duyên khởi

Một thời, Đức Phật ở nước Xá-vệ, cho phép tì-kheo giữ ba y không được có dư. Bấy giờ, nhóm sáu thầy tì-kheo chứa

nhieu y dư, rồi hoặc sáng mặt, hoặc trưa mặt, chiều mặt. Sáu thầy kia, suốt ngày sửa sang, trau chuốt y phục, gồm lại và cất chứa. Các thầy òi-kheo đem việc ấy thưa Phật. Đức Phật quả trách rồi, nhân đó khai cho và chế lại giới này.

## b. Văn giới

Tì-kheo nào, y đã xong, y ca-thi-na đã xả, cất chứa y dư, trong mười ngày không tịnh thí được phép chứa. Nếu quá mười ngày, ni-tát-kì ba-dật-đề.

– Tì-kheo: nghĩa như trên.

– Y đã xong: nghĩa là đã đủ ba y.

– Y ca-thi-na đã xả: nghĩa là đã qua thời gian giữ y công đức.

– Cất chứa y dư: Y có mười loại. Trường y: đó là dài bằng tám ngón tay của Như Lai và rộng bằng bốn ngón tay của Như Lai.

– Trong mười ngày không tịnh thí được phép chứa. Nếu quá mười ngày: ban đầu Đức Phật không cho phép chứa y dư, sau đó có người cúng tôn giả A-nan một cái y phần tảo tốt, tôn giả A-nan muốn dâng y ấy cho tôn giả Ca-diếp nhưng sợ phạm, vì tôn giả Ca-diếp mười ngày mới trở về tịnh xá, vì thế Phật cho phép chứa y dư đến mười ngày.

– Ni-tát-kì ba-dật-đề.

– Sự không phạm: có tám trường hợp không phạm: hoặc không được y, hoặc đã làm pháp tịnh thí, hoặc đem cho người, hoặc bị mất y, hoặc y cũ rách, hoặc may các vật không phải y, hoặc chiều ý của người thân, trái lại tám trường hợp vừa nêu thì đều phạm ni-tát-kì ba-dật-đề.

Nếu là y xả-đọa mà không chịu xả, lại đem đổi y khác thì phạm một ni-tát-kì ba-dật-đề và một đột-kiết-la. Y này xả-đọa nên xả cho Tăng, cho đến cho một người, không được biệt chúng xả, xả không thành thì phạm đột-kiết-la. Tì-kheo-ni cũng phạm giống như tì-kheo. Ba chúng dưới cho đến giới dưới cũng phạm đột-kiết-la.

– Trường hợp không phạm: hoặc cất chứa trong vòng mười ngày, hoặc làm pháp tịnh thí, hoặc đem cho người, hoặc nghĩ bị giặc cướp, hoặc nghĩ bị mất, hoặc nghĩ bị cháy, nước trôi. Nếu bị cướp y, bị mất y, nhận mặc. Hoặc người khác cho để làm mền. Hoặc có người đi xa gửi lại, trên đường đi người ấy qua đời. Những trường hợp như thế không làm pháp tịnh thí, không cho người, đều không phạm.

## 2. Giới Ngủ Là Y

### a. Duyên khởi

Một thời, Đức Phật ở nước Xá-vệ. Bấy giờ, nhóm sáu thầy tì-kheo đem y gửi người bạn thân, đi đây đi đó. Người kia đem y ra phơi. Tì-kheo thấy vậy hỏi: Phật cho phép giữ ba y, không được có y dư, y này của ai? Người kia trình bày tường tận và bị các tì-kheo trách. Các tì-kheo đem việc ấy thưa Phật. Nhân đó, Đức Phật chế giới này.

## b. Văn giới

Tì-kheo nào, y đã xong, y ca-thi-na đã xả, trong ba y, là một trong ba y ngủ đêm chỗ khác, trừ tăng yết-ma, ni-tát-kì ba-dật-đề.

## c. Giải thích

– Tì-kheo: nghĩa như trên.

– Y đã xong, y ca-thi-na đã xả: như trên đã giải thích.

– Trong ba y: Tăng-già-lê, Uất-đa-la, An-đà-hội. Nhưng y có tất cả mười loại.

– Là một trong ba y ngủ đêm chỗ khác: trường hợp không bị mất y là ở trong tăng-già-lam chỉ có một cương giới. Trường hợp mất y là trong tăng-già-lam có một vài cương giới. Các cương giới như dưới bóng cây, bãi đất trống, trên xe, trên thuyền, thôn làng, nhà, giảng đường, nhà kho, lấm những nơi riêng như thế này cũng như vậy. Tăng-già-lam đề cập ở đây như bốn loại đã được nói ở trên.

Cây nghĩa là bóng cây che đủ để một người ngồi thiền. Bãi đất trống là nơi phơi ngũ cốc. Trên xe hoặc là chỗ quay xe. Cương giới trên thuyền cũng như vậy. Thôn làng có bốn loại. Giảng đường hình thù có nhiều chỗ trống. Kho là nơi cất chứa các vật dụng. Lấm là nơi cất chứa ngũ cốc.

A-lan-nhã không có giới hạn. Trong khoảng giữa tán cây, khoảng cách giữa mỗi cây là bằng bảy cung, mỗi cung như vậy dài bằng bốn khủy tay của người bình thường.

Giới của già-lam: cương giới của già-làm này không phải là cương giới của già-làm kia, cũng không phải là cương giới của cây, càng không phải cương giới của kho, lẫm v.v... Ngược lại, cương giới của các giới khác không phải là cương giới của tăng già-lam.

Cương giới của một tăng-già-lam ở bên cạnh một tăng-già-lam khác được tính bằng sức của người trung bình dùng đá, gạch ném đến chỗ nào thì đó gọi là giới của y. Cho đến cương giới của kho, lẫm cũng như vậy. Tì-kheo để y trong già-lam cho đến để ở dưới gốc cây mà ngủ, khi mặt trời chưa mọc, hoặc bỏ y, hoặc tay cầm y, hoặc đi đến chỗ ném đá, hoặc không bỏ y, hoặc tay cầm y, hoặc không đến được chỗ ném đá, tùy theo trường hợp lìa y mà phạm ni-tát-kì ba-dật-đề.

– Trừ Tăng yết-ma: bấy giờ có thầy tì-kheo mắc chứng bệnh cần tiêu, y tăng-già-lê phần tảo quá nặng, vị ấy có việc phải đi lại đó đây, nhưng vì không thể mang theo được, thầy đem việc ấy bạch Phật, Phật bảo tì-kheo ấy xin ba lần rồi, bạch nhị yết-ma cho phép lìa y.

– Ni-tát-kì ba-dật-đề: ngoài ba y ra, nếu lìa các y khác thì phạm đột-kiết-la. Tì-kheo-ni phạm giống như tì-kheo.

– Trường hợp không phạm: Tăng đã làm pháp yết-ma cho phép được lìa y, mặt trời chưa mọc, hoặc tay cầm y, hoặc xả y, hoặc đến được chỗ đã ném đá, hoặc tưởng bị cướp y, hoặc bị ngăn sông cách biển, hoặc có nạn nguy cấp, hoặc bị giặc cướp, thú dữ, hoặc bị người bắt giữ lại, hoặc bị nạn có thể làm mất phạm hạnh, hoặc không lìa y và đến được nơi đã ném đá, tất cả những trường hợp trên đây đều không phạm.



### 3. Giới Xin Y Quá Thời Gian Một Tháng

#### a. Duyên khởi

Một thời, Đức Phật ở nước Xá-vệ. Bấy giờ, Phật chỉ cho tì-kheo giữ ba y. Có một tì-kheo y tăng-già-lê của thầy bị cũ rách, nhưng trước đó Phật chỉ cho phép chứa vải trong vòng mười ngày nên không đủ vải để may y khác. Cho nên Phật mới cho phép chứa vải dư đến khi nào đủ may y mới thôi. Bấy giờ, nhóm sáu thầy tì-kheo nhận những loại vải đồng loại không đủ rồi giặt, nhuộm, làm phép mặc tịnh, gửi cho người rồi đi giáo hóa. Các tì-kheo đem lỗi ấy thưa Phật. Nhân đó, Đức Phật quả trách rồi chế giới này.

#### b. Văn giới

Tì-kheo nào, y đã đủ, y ca-thi-na-đã xả, nếu tì-kheo được y vải phi thời, cần thì nhận; nhận rồi mau chóng may thành y; đủ thì tốt, không đủ thì được phép chứa một tháng, vì chờ cho đủ; nếu chứa quá hạn, Ni-tát-kì ba-dật-đề.

#### c. Giải thích

– Tì-kheo: nghĩa như trên.

– Y đã đủ, y ca-thi-na đã xả.

– Nếu tì-kheo được y vải phi thời: Đúng thời: nếu không có y ca-thi-na thì được nhận y trong vòng một tháng, tính từ sau ngày tự tứ. Nếu có y ca-thi-na thì thời gian nhận y là trong vòng năm tháng, kể từ ngày tự tứ trở về sau. Không đúng thời: là vượt quá thời gian cho phép vừa nói.

– Cần thì nhận; nhận rồi mau chóng may thành y; đủ thì tốt: Nếu trong vòng mười ngày mà nhận được đủ những vải cùng loại, cắt may như trên đã nói. Trường hợp không được đủ thì qua đến ngày thứ mười một, tùy theo vải nhiều hay ít đều phạm xả-đọa.

– Không đủ thì được phép chứa một tháng, vì chờ cho đủ: Nếu vải không cùng loại không đủ đến ngày thứ mười một vải cùng loại đủ, phải cắt may liền trong ngày. Trái lại, nếu để sang ngày thứ mười hai thì tùy theo số vải được nhiều hay ít đều phạm. Để đến ngày thứ hai mươi chín cũng phạm như vậy. Đến ngày thứ ba mươi, dù đủ hay không đủ, vải cùng loại hay không cùng loại ngay trong ngày ấy nên may.

– Nếu chứa quá hạn, ni-tát-kì ba-dật-đề.

Tì-kheo-ni cũng phạm như tì-kheo.

– Trường hợp không phạm: nếu trong vòng mười ngày có đủ vải cùng loại và may. Cho đến ngày thứ ba mươi, ngay trong ngày ấy may y. Ngoài ra các trường hợp khác cũng giống như giới chứa y dư.

#### **4. Giới Nhận Y Của Tì-kheo-ni Không Phải Bà Con**

##### **a. Duyên khởi**

Một thời, Đức Phật ở nước La-duyệt-kì. Bấy giờ, Tì-kheo-ni Liên Hoa Sắc mang thức ăn vào trong núi để cúng dường các thượng tọa. Khi ấy, có một thầy tì-kheo mặc y bá nạp cũ xấu; thấy vậy, Tì-kheo-ni Liên Hoa Sắc cời y tốt của cô đổi cho tì-kheo kia. Sau đó, cô mặc y xấu rách kia đến gặp

Phật. Đức Phật thấy lạ liền hỏi, mới biết là cô đổi y của tì-kheo kia. Nhân đó, Đức Phật quả trách tì-kheo kia và chế ra giới này.

## b. Văn giới

Tì-kheo nào, thọ nhận y từ tì-kheo-ni chẳng phải thân quyến, trừ đổi chác, ni-tát-kì ba-dật-đề.

## c. Giải thích

– Tì-kheo: nghĩa như trên.

– Từ tì-kheo-ni chẳng phải thân quyến: không phải thân quyến: nghĩa là không phải cha mẹ, không phải người thân, cũng không phải bà con trong bảy đời. Trái với những trường hợp trên là bà con. Nếu đã không phải bà con, cũng không suy tính có khả năng cúng hay không. Nếu là bà con cũng phải suy tính biết có y, không có y, có nên nhận hay không nên nhận. Hoặc tốt hoặc xấu, hoặc mới hoặc cũ v.v...

– Thọ nhận y: y thì có mười loại. Tì-kheo-ni muốn mặc y cũ rách nên đến xin phép Phật. Phật nói: "Không nên làm như vậy. Phật cho phép chứa năm y còn nguyên và chắc. Ngoài ra những y khác tùy ý làm phép tịnh thí hoặc cho người. Vì sao như vậy? Phụ nữ mặc y thượng hạng còn chưa đẹp huống gì mặc y cũ rách."

– Trừ đổi chác: Bảy giờ, hai bộ Tăng được y mới chia đều; hai bên lấy nhằm của nhau. Phật nói: "Cho phép đổi cho nhau."

Trao đổi: nghĩa là lấy y đổi y. Nếu không phải y, hoặc lấy những vật không phải y đổi lấy y; như kim khâu, ống tre, dao, chỉ, những vật ngắn nhỏ, hoặc chỉ một viên thuốc mà đổi lấy y.

– Ni-tát-kì ba-dật-đề: tì-kheo-ni phạm đột-kiết-la.

Trường hợp không phạm: nhận y của tì-kheo-ni bà con, hoặc trao đổi, hoặc vì Tăng, hoặc vì Phật mà lấy, thì đều không phạm.

## **5. Giới Nhờ Tì-kheo-ni Không Phải Bà Con Giặt Y Cũ**

### **a. Duyên khởi**

Một thời, Đức Phật ở nước Xá-vệ. Bấy giờ, tì-kheo Ca-lưu-đà-di và tì-kheo-ni Thâu-lan-đà, cả hai đều rất xinh đẹp, hai người đã có ý với nhau. Một hôm, hai người ngồi trò chuyện với nhau thì Ca-lưu-đà-di xuất tinh, làm dơ y An-đà-hội[46] mới bảo Thâu-lan-đà đem về giặt. Các tì-kheo đem việc ấy trình Phật. Nhân đó, Đức Phật quả trách Ca-lưu-đà-di và chế giới này.

### **b. Văn giới**

Tì-kheo nào, khiến tì-kheo-ni chẳng phải thân quyến giặt y cũ, hoặc nhuộm, hoặc đập, ni-tát-kì ba-dật-đề.

### **c. Giải thích**

– Tì-kheo: nghĩa như trên.

– Khiến tì-kheo-ni chẳng phải thân quyến: như trên đã nói. Nếu không phải là Thức-xoa, sa-di ni bà con mà giặt nhuộm, đập y cũ thì phạm đột-kiết-la.

– Giặt y cũ: Y cũ là y thậm chí chỉ mới mặc qua một lần. Nếu giặt, nhuộm, đập y mới thì phạm đột-kiết-la.

– Hoặc nhuộm, hoặc đập, ni-tát-kì ba-dật-đề: hoặc bảo, sai giặt, nhuộm, đập; hoặc làm qua làm lại phạm ba ni-tát-kì ba-dật-đề; hoặc chỉ một người làm, tùy người nào làm thì phạm đột-kiết-la.

– Trường hợp không phạm: hoặc vì bệnh nên nhờ giặt, nhuộm, đập; hoặc vì Tăng, vì Phật; hoặc mượn y người khác rồi giặt, nhuộm, đập tất cả đều không phạm.

## **6. Giới Xin Y Ở Người Thế Tục Không Phải Bà Con**

### **a. Duyên khởi**

Một thời, Đức Phật ở nước Xá-vệ. Bấy giờ, tì-kheo Bạt-nan-đà nói pháp cho mọi người nghe, nhân đó Bạt-nan-đà xin cái áo mà người kia đang mặc, miễn cưỡng lắm người kia mới cho Bạt-nan-đà. Sau khi cho rồi, người kia mặc áo chiếc đi vào thành và nói bị giặc ở trong Kì-hoàn cướp mất áo. Người đời vì thế mà cười chê, trách móc tì-kheo. Các thầy tì-kheo khác đem việc ấy trình Phật. Nhân đó, Đức Phật quả trách và chế giới này.

### **b. Văn giới**

Tì-kheo nào, xin y từ cư sĩ hay vợ cư sĩ không phải thân quyến, ni-tát-kì ba-dật-đề, trừ trường hợp đặc biệt. Trường

hợp đặc biệt là nếu tì-kheo y bị cướp, y bị mất, y bị cháy, y bị nước cuốn trôi. Đây là trường hợp đặc biệt.

### c. Giải thích

– Tì-kheo: nghĩa như trên.

– Xin y từ cư sĩ hay vợ cư sĩ không phải thân quyến: về giải thích chính văn cũng giống như trên.

– Ni-tát-kì ba-dật-đề, trừ trường hợp đặc biệt: tì-kheo-ni cũng phạm như tì-kheo.

– Trường hợp đặc biệt là nếu tì-kheo y bị cướp: Bấy giờ, có thầy tì-kheo bị cướp lột mất y phải ở trần mà đi. Phật nói không nên làm như thế. Nếu làm như vậy phạm đột-kiết-la. Nếu tì-kheo nào gặp phải trường hợp như vậy thì phải lấy cỏ mềm, lá cây che thân rồi đến chùa bên cạnh, hoặc lấy y dư, hoặc lấy y của người bạn quen biết bên cạnh. Nếu không có thì nên vào trong Tăng hỏi lấy y định chia. Nếu vẫn không có thì hỏi lấy y, ngọa cụ của Tăng. Nếu không cho thì tự vào kho xem, hoặc rọc nệm, mền cắt lấy may y rồi ra ngoài xin y. Nếu xin được y rồi trở lại giặt, nhuộm khâu trở lại và để lại chỗ cũ. Nếu không để lại chỗ cũ thì theo phép mà xử trị.

– Y bị mất, y bị cháy, y bị nước cuốn trôi. Đây là trường hợp đặc biệt.

– Trường hợp không phạm: nếu gặp trường hợp bị cướp, bị mất y xin người không phải bà con, hoặc xin người thân, hoặc xin người xuất gia, hoặc xin giúp cho người khác,

hoặc người khác xin cho mình, hoặc không xin mà người ta tự cho, tất cả đều không phạm.

## 7. Giới Lấy Y Quá Phần

### a. Duyên khởi

Một thời, Đức Phật ở nước Xá-vệ. Bấy giờ, có nhiều thầy tì-kheo trên đường trở về tinh xá Kì-hoàn gặp cướp, bị cướp mất y. Khi các tì-kheo này về đến Kì-hoàn, có các cư sĩ biết được việc ấy, họ cùng nhau đem nhiều vải vóc đến cúng dường các thầy tì-kheo. Các thầy tì-kheo nói với các cư sĩ: Thôi đi! Các cư sĩ chớ vì việc ấy mà cúng dường, các thầy tì-kheo đều đã đủ ba y rồi, cho nên không cần nữa. Bấy giờ, nhóm sáu thầy tì-kheo nói: 'Cứ nhận rồi đem cho chúng tôi.' Các thầy tì-kheo kia nghe vậy liền nhận và đem cho nhóm sáu thầy tì-kheo. Các thầy tì-kheo đem việc làm lỗi ấy bạch Phật. Nhân đó, Đức Phật quả trách và chế giới này.

### b. Văn giới:

Tì-kheo nào, y bị mất, y bị cướp, y bị cháy, y bị nước cuốn trôi, nếu có cư sĩ, vợ cư sĩ không phải thân quyến, đem cho nhiều y yêu cầu tùy ý nhận. Tì-kheo ấy nên biết đủ mà nhận. Nếu nhận quá, ni-tát-kì ba-dật-đề.

### c. Giải thích

– Tì-kheo: nghĩa như trên.

– Y bị mất, y bị cướp, y bị cháy, y bị nước cuốn trôi: Nếu bị mất một y, không được nhận vải. Nếu mất hai y, chỉ còn

lại một y. Y ấy hoặc hai lớp, ba lớp, bốn lớp, nên rọc y ấy ra để may Tăng-già-lê,[47] Uất-đa-la-tăng,[48] An-đà-hội.

– Nếu có cư sĩ, vợ cư sĩ không phải thân quyến: đều được giải thích như trên.

– Đem cho nhiều y yêu cầu tùy ý nhận: nếu có cư sĩ cúng nhiều vải, hoặc loại vải rẻ, hoặc vải mỏng, hoặc không bền chắc, nên may làm hai lớp, ba lớp, bốn lớp, nên may làm viền y, nên gấp lại để trên vai chỗ hay ra mồ hôi, nên dùng thắt nút. Nếu còn dư nên nói với cư sĩ: đây là những vải dư, cắt may gì? Nếu người cúng nói: không phải vì ngài mất y mà chúng con cúng vải. Chúng con tự ý dâng cúng cho quý Đại đức. Nếu có nhu cầu thì nên nhận.

– Tì-kheo ấy nên biết đủ mà nhận: nếu cả ba y đều bị mất, tì-kheo kia nên biết đủ mà nhận. Biết đủ có hai trường hợp: 1. Người tại gia biết đủ: nghĩa là tùy khả năng người tại gia cúng bao nhiêu nhận bấy nhiêu. 2. Người xuất gia biết đủ: chỉ ba y.

– Nếu quá: nghĩa là mất một y thì nhận một y, nếu mất cả ba y như đã quy định.

– Ni-tát-kì ba-dật-đề: tì-kheo-ni cũng phạm giống như tì-kheo.

– Trường hợp không phạm: hoặc biết đủ mà nhận, hoặc nhận ít hơn sự cho phép, hoặc cúng nhiều vải, hoặc vải rẻ, vải mỏng, vải không bền chắc, hoặc may làm hai ba lớp, nếu có dư, như trên đã nói; tất cả đều không phạm.



## 8. Giới Khuyến Khích Cư Sĩ Cúng Thêm Tiền May Y

### a. Duyên khởi

Một thời, Đức Phật ở nước Xá-vệ. Bấy giờ, có hai vợ chồng người cư sĩ kia bàn với nhau: 'Bạt-nan-đà là bạn cũ của chúng ta, chúng ta nên đem tiền may y, mua vải cúng cho thầy ấy.' Khi ấy, có một tì-kheo khát thực đi ngang tình cờ nghe được về nói cho Bạt-nan-đà biết. Sau đó, Bạt-nan-đà tìm đến nhà người kia, khuyến khích họ nên may mới, y rộng lớn, bền chắc. Vì thế, bị người đời chê cười. Các tì-kheo đem việc ấy thưa Phật. Nhân đó, Đức Phật quở trách và chế giới này.

### b. Văn giới

Tì-kheo nào, có hai cư sĩ hay vợ cư sĩ để dành tiền sắm y cho tì-kheo, đều nói rằng: 'Ta để dành tiền may y như vậy dâng cúng cho tì-kheo có tên như vậy.' Tì-kheo ấy trước chưa nhận được sự yêu cầu tùy ý của cư sĩ, mà đến hai nhà cư sĩ, nói như vậy: 'Lành thay, để dành tiền như vậy, như vậy để sắm y cho tôi. Hãy chung lại làm một cái y.' Vì muốn đẹp. Nếu nhận được, ni-tát-kì ba-dật-đề.

– Tì-kheo: nghĩa như trên.

– Có hai cư sĩ hay vợ cư sĩ: như trên đã giải thích.

– Để dành tiền sắm y cho tì-kheo: nghĩa là hoặc lấy tiền, hoặc vàng, bạc, chân châu, lưu li, hoặc ngọc thạch, hoặc chuỗi báu, chất giống vàng, cho đến mười loại y.

– Đều nói rằng: ‘Ta để dành tiền may y như vậy dâng cúng cho tì-kheo có tên như vậy.’ Tì-kheo ấy trước chưa nhận được sự yêu cầu tùy ý của cư sĩ: nếu được hứa cúng thì phải hỏi cần y gì? Phật cho phép những tì-kheo muốn ít, biết đủ được xin những y bị thiếu.

– Mà đến hai nhà cư sĩ, nói như vậy: ‘Lành thay, để dành tiền như vậy, như vậy để sắm y cho tôi. Hãy chung lại làm một cái y.’ Vì muốn đẹp: Xin có hai trường hợp: 1. Xin tiền: nói đàn-việt[49] cúng tiền may đại y, cho đến xin tăng thêm một tiền, một phần trong mười sáu phần. 2. Xin y: nói với cư sĩ rằng, nên may y dài, rộng, cho đến chỉ tăng thêm một sợi chỉ.

– Nếu nhận được, ni-tát-kì ba-dật-đề: tì-kheo-ni cũng phạm giống như tì-kheo.

– Trường hợp không phạm: đã nhận được lời hứa tùy ý trước rồi mới đến; xin vừa đủ, xin ít hơn lượng mình cần, xin từ người thân, xin của người xuất gia, hoặc xin giúp cho người khác, người khác xin cho mình, hoặc không xin mà tự được.

## **9. Giới Khuyến Khích Hai Nhà Tăng Tiền May Y**

### **a. Duyên khởi**

Một thời, Đức Phật ở nước Xá-vệ. Bấy giờ, có hai vợ chồng hai gia đình kia bàn với nhau, định cúng tiền may y cho tì-kheo Bạt-nan-đà. Có tì-kheo khát thực tình cờ nghe được mới mách với Bạt-nan-đà. Tì-kheo Bạt-nan-đà liền tìm đến hai gia đình kia khuyến khích họ may y. Các cư sĩ nghe vậy

chê cười. Các thầy ò-kheo đem việc ấy trình Phật. Nhân đó, Đức Phật chế giới này.

#### b. Văn giới

Nếu ò-kheo nào, có hai cư sĩ hay vợ cư sĩ để dành tiền sắm y cho ò-kheo, đều nói rằng: 'Ta để dành tiền may y như vậy dâng cúng cho ò-kheo có tên như vậy.' Ò-kheo ấy, trước chưa nhận được sự yêu cầu tùy ý của cư sĩ, mà đến hai nhà cư, nói như vậy: 'Lành thay, để dành tiền như vậy, như vậy để sắm y cho tôi. Hãy chung lại làm một cái y.' Vì muốn đẹp. Nếu nhận được, ni-tát-kì ba-dật-đề.

Phần giới tướng, trường hợp phạm, trường hợp không phạm, đều giống như giới trên.

### **10. Giới Đòi Y Gấp Quá Thời Hạn**

#### a. Duyên khởi

Một thời, Đức Phật ở tại nước Xá-vệ. Bấy giờ, trong thành La-duyet có vị đại thần là bạn thân với ò-kheo Bạt-nan-đà, nên thường lui tới thăm Bạt-nan-đà. Một hôm, ông ta sai người đem tiền may y đến đưa cho ò-kheo Bạt-nan-đà. Ò-kheo Bạt-nan-đà đem tiền may y ấy gửi lại cho một người khác.[50] Sau đó, nhân có việc Bạt-nan-đà đến đòi gấp, vì thế bị người kia mắng. Những người đời thấy vậy cười chê ò-kheo. Các ò-kheo khác đem lỗi ấy bạch Phật. Nhân đó, Đức Phật chế giới này.

#### b. Văn giới

Tì-kheo nào, hoặc vua, hoặc đại thần, hoặc bà-la-môn, hoặc cư sĩ, hay vợ cư sĩ, sai sứ mang tiền sắm y đến tì-kheo bảo rằng: 'Hãy mang số tiền sắm y như vậy cho tì-kheo có tên như vậy.' Người xứ kia đến chỗ tì-kheo, nói với tì-kheo rằng: 'Đại đức, nay tiền sắm y này được gửi đến ngài, ngài hãy nhận.' Tì-kheo ấy nên nói với người kia rằng: 'Tôi không được phép nhận tiền may y này, khi nào cần hợp thời và thanh tịnh tôi sẽ nhận.' Vị sứ kia nên hỏi tì-kheo rằng: 'Đại đức có người chấp sự[51] không?' Tì-kheo cần y nên nói: 'Có', và chỉ người dân trong tăng-già-lam, hoặc ưu-bà-tắc, nói rằng: 'Đó là người chấp sự của tì-kheo, thường chấp sự cho các tì-kheo.' Bấy giờ, sứ giả đến chỗ người chấp sự, trao số tiền sắm y rồi, trở lại chỗ tì-kheo, nói như vậy: 'Đại đức, tôi đã trao số tiền sắm y cho người chấp sự mà Đại đức chỉ đó, khi nào Đại đức cần, đến đó sẽ được y.' Tì-kheo khi cần nên đến chỗ người chấp sự, hoặc hai lần, ba lần để cho họ nhớ lại, hoặc bằng cách nói rằng: 'Tôi cần y.' Hoặc hai lần, hoặc ba lần khiến cho họ nhớ lại. Nếu nhận được y thì tốt. Bằng không được y thì bốn lần, năm lần, sáu lần, đứng im lặng trước họ. Nếu bốn lần, năm lần, sáu lần, đứng im lặng trước người đó mà nhận được y thì tốt; bằng không được y mà cố cầu quá giới hạn đó, nếu được y, ni-tát-kì ba-dật-đề. Nếu không được y thì tự chính mình, hoặc sai sứ đến chỗ người xuất tiền sắm y nói rằng: 'Trước đây, ngài sai sứ mang tiền sắm y cho tì-kheo có tên như vậy; tì-kheo ấy cuối cùng không nhận được y. Ngài nên lấy tiền lại, đừng để mất. Như vậy là hợp thức.'

### c. Giải thích

– Tì-kheo nào: nghĩa như trên.

– Hoặc vua: là người được tự do không bị bắt cứ ràng buộc nào.

– Hoặc đại thần: là những người hầu bên cạnh vua.

– Hoặc bà-la-môn: là người có đời sống như các đạo sĩ Bà-la-môn.

– Hoặc cư sĩ: trừ vua, đại thần, bà-la-môn, những người tại gia khác đều gọi là cư sĩ.

– Vợ cư sĩ: tà vợ của những người tại gia.

– Sai sứ mang tiền sắm y đến tì-kheo bảo rằng: như đã giải thích ở trên.

– ‘Hãy mang số tiền sắm y như vậy cho tì-kheo có tên như vậy.’ Người xứ kia đến chỗ tì-kheo, nói với tì-kheo rằng: ‘Đại đức, nay tiền sắm y này được gửi đến ngài, ngài hãy nhận.’ Tì-kheo ấy nên nói với người kia rằng: ‘Tôi không được phép nhận tiền may y này, khi nào cần hợp thời và thanh tịnh tôi sẽ nhận.’ Vị sứ kia nên hỏi tì-kheo rằng: ‘Đại đức có người chấp sự không?’ Tì-kheo cần y nên nói: ‘Có’, và chỉ người dân trong Tăng-già-lam, hoặc ưu-bà-tắc, nói rằng: ‘Đó là người chấp sự của tì-kheo, thường chấp sự cho các tì-kheo.’ Bấy giờ, sứ giả đến chỗ người chấp sự, trao số tiền sắm y rồi, trở lại chỗ tì-kheo, nói như vậy: ‘Đại đức, tôi đã trao số tiền sắm y cho người chấp sự mà Đại đức chỉ đó, khi nào Đại đức cần, đến đó sẽ được y.’ Tì-kheo khi cần nên đến chỗ người chấp sự, hoặc hai lần, ba lần để cho họ nhớ lại, hoặc bằng cách nói rằng: ‘Tôi cần y.’: làm cho họ nhớ là: hoặc người giúp việc, hoặc đang ở nhà, đang

ở chợ, ở công sở, nên đến chỗ người ấy một, hai, ba lần; nói rằng: 'Nay tôi cần y nên may y cho tôi.'

– Hoặc hai lần, hoặc ba lần khiến cho họ nhớ lại. Nếu nhận được y thì tốt. Bằng không được y thì bốn lần, năm lần, sáu lần, đứng im lặng trước họ.: người giúp việc kia hoặc ở nhà, hoặc ở chợ, hoặc ở công sở, thì-kheo nên đến trước chỗ người kia đứng im lặng. Người giúp việc cho thì-kheo kia hỏi: 'Vì việc gì thầy đứng ở đây?' Thì-kheo nói: 'Ông tự phải biết việc đó.'

Nếu người kia nói: 'Nay tôi không biết, có người nào khác biết không?' Thì-kheo phải nói cho người kia biết việc đó. Đây là trường hợp giữ im lặng.

– Nếu bốn lần, năm lần, sáu lần, đứng im lặng trước người đó mà nhận được y thì tốt: nếu lập lại một lần là phá đi hai lần im lặng, cho đến nói đi nói lại ba lần tức là phá sáu lần im lặng.

– Bằng không được y mà cố cầu quá giới hạn đó, nếu được y, ni-tát-kì ba-dật-đề.: thì-kheo-ni phạm cũng như thì-kheo.

– Nếu không được y thì tự chính mình, hoặc sai sứ đến chỗ người xuất tiền sắm ý nói rằng: 'Trước đây, ngài sai sứ mang tiền sắm y cho thì-kheo có tên như vậy; thì-kheo ấy cuối cùng không nhận được y. Ngài nên lấy tiền lại, đừng để mất. Như vậy là hợp thức.

– Trường hợp không phạm: hoặc sai người báo cho biết, hoặc người kia nói: nay tôi không cần nên đem cúng người khác. Thì-kheo đó lựa lúc thích hợp dùng lời ôn hòa mà đòi

y; hoặc vì làm ba-lợi-ca-la, cho nên lựa lúc thích hợp dùng lời ôn hòa mà đòi, hoặc tùy nghi mà đòi được y.

## 11. Giới May Ngọa Cụ Bằng Tư Tằm

### a. Duyên khởi

Một thời, Đức Phật ở nước Khoáng-dã. Bấy giờ, nhóm sáu thầy òi-kheo đến nhà nuôi tằm xin những loại tư tằm chưa thành, những loại tư tằm đã thành và những loại tư tằm tạp nhạp để may ngọa cụ. Hoặc xem người ta phơi kén, hàng cư sĩ chê cười, cho là giết hại mạng sống, chẳng phải chính pháp. Các thầy òi-kheo đem lỗi bạch Phật. Nhân đó, Đức Phật quả trách và chế giới này.

### b. Văn giới

Tòi-kheo nào, làm ngọa cụ mới bằng loại tư tằm tạp, òi-tát-kì ba-dật-đề.

### c. Giải thích

– Tòi-kheo: nghĩa như trên.

– Làm ngọa cụ mới bằng loại tư tằm tạp, òi-tát-kì: tạp: hoặc lông, hoặc kiếp cụ,[52] hoặc vải, hoặc các loại tư sợi. Những loại tư tằm bị bỏ thì hoặc dùng búa, rìu, bằm, chặt ra rồi trộn với bùn dùng để trét vách.

– Ba-dật-đề: hoặc tự mình làm, hoặc bảo người làm, làm thành thì đều phạm. Làm không thành phạm đột-kiết-la. Nếu làm cho người, thành phạm đột-kiết-la. Tòi-kheo-òi làm phạm đột-kiết-la.

– Trường hợp không phạm: nếu xin được loại tơ tằm đã thành rồi dùng búa bằm trộn với bùn để trét tường, bôi lên đất, thì không phạm.

## **12. Giới Dùng lông Màu Đen May Ngọa Cụ**

### a. Duyên khởi

Một thời, Đức Phật ở nước Tì-xá-li. Bấy giờ, các Lê-xa Tử làm nhiều việc bất chính, họ may những áo choàng bằng loại lông toàn màu đen trùm kín thân đi trong đêm tối, làm cho mọi người không thấy. Bấy giờ, nhóm sáu thầy òi-kheo thấy vậy liền làm theo và bị các Lê-xa chê cười. Các òi-kheo đem việc ấy bạch Phật. Nhân đó, Đức Phật nhân đó mà chế giới này.

### b. Văn giới

Tì-kheo nào, làm ngọa cụ mới bằng lông dê toàn đen, nâu, ni-tát-kì ba-dật-đề.

### c. Giải thích

– Tì-kheo: nghĩa như trên.

– Bằng lông dê toàn đen, nâu: hoặc lông đã đen sẵn, hoặc do nhuộm thành đen.

– Làm ngọa cụ mới, ni-tát-kì ba-dật-đề: hoặc tự mình may, bảo người may, may cho người, đều phạm giống như giới vừa nói trên. Tì-kheo-ni phạm đột-kiết-la.



– Trường hợp không phạm: hoặc được cái ngọ cụ đã may sẵn, hoặc cắt, rọc cho rách, hoặc nhỏ, mỏng, vá làm hai lớp, hoặc chỉ là cái tọa cụ nhỏ, hoặc may mềm, hoặc may mũ, hoặc may áo lót, hoặc may khăn lau mồ hôi, hoặc may vớ, tất cả đều không phạm.

### **13. Giới Dùng lông Trắng May Ngọ Cụ**

#### a. Duyên khởi

Một thời, Đức Phật ở nước Xá-vệ. Bấy giờ, nhóm sáu thầy òi-kheo dùng lông dê toàn màu trắng may ngọ cụ mới, bị hàng cư sĩ chê cười, họ bảo giống như vua và đại thần. Các òi-kheo đem việc ấy bạch Phật. Nhân đó, Đức Phật quở trách và chế giới này.

#### b. Văn giới

Òi-kheo nào, làm ngọ cụ mới thì nên dùng hai phần lông dê toàn màu đen, phần thứ ba màu trắng, phần thứ tư màu xám. Nếu òi-kheo không dùng hai phần đen, phần thứ ba trắng, phần thứ tư xám mà làm ngọ cụ mới, ni-tát-kì ba-dật-đề.

#### c. Giải thích

– Òi-kheo: nghĩa như trên.

– Làm ngọ cụ mới thì nên dùng hai phần lông dê toàn màu đen, phần thứ ba màu trắng, phần thứ tư màu xám:

Màu trắng: hoặc sinh ra lông đã có màu trắng sẵn, hoặc nhuộm cho lông thành màu trắng. Lông: là loại lông mọc

ở phần đầu, ở trên tai, ở chân, hoặc loại lông lẫn lộn nhiều màu khác nhau. Nếu muốn may ngọạ cụ bốn mươi bát-la[53] thì dùng hai mươi bát-la lông màu đen, mười bát-la lông trắng, mười bát-la lông nhiều màu. Cho đến ngọạ cụ hai mươi bát-la cũng nên theo lượng trên mà tính lường cho thích hợp.

– Nếu tì-kheo không dùng hai phần đen, phần tứ ba trắng, phần thứ tư xám mà làm ngọạ cụ mới, ni-tát-kì ba-dật-đề: hoặc tự may, bảo người may, hoặc may cho người đều phạm. Tì-kheo-ni phạm độn-kiết-la.

– Trường hợp không phạm: may đúng lượng, được ngọạ cụ đã may sẵn. Ngoài ra các trường hợp khác đều giống như giới trên.

## **14. Giới Ngọạ Cụ Chưa Đủ Sáu Năm**

### **a. Duyên khởi**

Một thời, Đức Phật ở nước Xá-vệ. Bấy giờ, nhóm sáu thầy tì-kheo chê ngọạ cụ cũ, hoặc nặng, nhẹ, dày, mỏng, nhưng không xả ngọạ cụ cũ mà may thêm ngọạ cụ mới khác, thường tìm xin, cất chứa thật nhiều. Các tì-kheo đem việc ấy bạch Phật. Nhân đó, Đức Phật quả trách và chế giới này.

### **b. Văn giới**

Tì-kheo nào, làm ngọạ cụ mới, phải thụ trì cho đến sáu năm. Nếu chưa đủ sáu năm, không xả, mà lại làm cái mới, trừ Tăng yết-ma, ni-tát-kì ba-dật-đề.

### **c. Giải thích**

– Tì-kheo: nghĩa như trên.

– Làm ngọạ cụ mới, phải thụ trì cho đến sáu năm. Nếu chưa đủ sáu năm, không xả, mà lại làm cái mới: hoặc may cho mình, hoặc bảo người may, hoặc may cho người; đều giống như giới trên.

– Trừ Tăng yết-ma: Bảy giờ, có một thầy tì-kheo mắc chứng bệnh càn-tiêu mà y phần tảo và ngọạ cụ quá nặng, tì-kheo ấy không đủ sức để mang theo; Phật dạy nên đến trong Tăng xin ba lần rồi được may ngọạ cụ mới. Tăng nên làm pháp bạch nhị cho tì-kheo đó được phép may ngọạ cụ mới.

– Ni-tát-kì ba-dật-đề: tì-kheo-ni phạm đột-kiết-la.

– Trường hợp không phạm: Tăng cho phép, hoặc đủ sáu năm, hoặc chưa được sáu năm mà bỏ cái cũ thì được may cái mới. Hoặc được cái đã may sẵn, hoặc không may, hoặc được người khác may cho; tất cả đều không phạm.

## **15. Giới Không May Chồng Lên Trên Tọa Cụ Mới**

### **a. Duyên khởi**

Một thời, Đức Phật ở nước Xá-vệ. Bảy giờ, đến giờ Phật bảo các tì-kheo đi thụ thực. Như thường lệ, sau khi các tì-kheo đi thụ thực, Ngài dạo khắp các phòng, thấy những tọa cụ cũ bị vứt bỏ bừa bãi mà không ai thu dọn. Vì các tì-kheo chê những cái này dày, mỏng, nhẹ, nặng rồi may thêm cái mới. Vì thế, Đức Phật dạy lấy cái cũ may đắp lên cái mới. Sau đó, nhóm sáu thầy tì-kheo không tuân thủ. Các tì-

kheo đem lỗi ấy bạch Phật. Nhân đó, Đức Phật chế giới này.

## b. Văn giới

Tì-kheo nào, may tọa cụ mới, phải lấy một miếng của cái cũ vuông vức một gang tay, may lên trên cái mới, cho hoại sắc. Nếu may tọa cụ mới, không lấy một miếng của cái cũ vuông vức một gang tay đắp lên trên cái mới, cho hoại sắc, ni-tát-kì ba-dật-đề.

## c. Giải thích

– Tì-kheo: nghĩa như trên.

– May tọa cụ mới, phải lấy một miếng của cái cũ vuông vức một gang tay, may lên trên cái mới, cho hoại sắc: nếu lúc người kia may tọa cụ mới mà cái tọa cụ cũ chưa hư rách, chưa bị thủng thì phải lấy cái cũ giặt, nhuộm sửa lại, rồi kéo cho giãn ra cắt lấy ngang rộng một gang tay may đắp lên tọa cụ mới; hoặc may xung quanh, hoặc may ở giữa, vì làm cho cái mới bớt sặc sỡ.

– Nếu may tọa cụ mới, không lấy một miếng của cái cũ vuông vức một gang tay đắp lên trên cái mới, cho hoại sắc, ni-tát-kì ba-dật-đề: hoặc tự may cho mình, hoặc bảo người may, hoặc mình may cho người khác, may thành thì phạm giống như giới trên. Tì-kheo-ni phạm đột-kiết-la.

– Trường hợp không phạm: cắt lấy cái cũ may đắp lên cái mới. Hoặc người kia không có tọa cụ, nay may cái mới; hoặc may cho người; hoặc được cái đã may xong, hoặc cái hoàn toàn cũ, tất cả đều không phạm.

## 16. Mang Lòng Dê Đi Quá Giới Hạn

### a. Duyên khởi

Một thời, Đức Phật ở nước Xá-vệ. Bấy giờ, tì-kheo Bạt-nan-đà có được lòng dê, thầy treo trên đầu gậy quấy đi, các cư sĩ thấy vậy chê cười, cho rằng tì-kheo buôn bán lòng dê. Các thầy tì-kheo khác đem việc ấy bạch Phật. Nhân đó, Đức Phật chế giới này.

### b. Văn giới

Tì-kheo nào, khi đi đường được lòng dê, nếu không có người mang, tự mình được mang đi cho đến ba do-tuần. Nếu không có người mang, tự mình mang đi quá ba do-tuần, ni-tát-kì ba-dật-đề.

### c. Giải thích

– Tì-kheo: nghĩa như trên.

– Khi đi đường được lòng dê, nếu không có người mang, tự mình được mang đi cho đến ba do-tuần: hoặc đang đi trên đường, hoặc tại chỗ ở được lòng dê, nếu cần thì nên nhận, không có người mang, tự mang đi trong vòng ba do-tuần. Nếu có người nên nói với người kia: 'Tôi có vật này xin mang giúp cho tôi đến chỗ kia.' Trong suốt đoạn đường ấy, tì-kheo không được mang giúp, nếu mang phụ phạm đột-kiết-la. Nếu bảo tì-kheo-ni, bốn chúng mang quá ba do-tuần thì phạm đột-kiết-la. Ngoài lòng dê, nếu mang các loại vải khác hoặc đay gai v.v... phạm đột-kiết-la. Gánh các vật khác trên đầu gậy cũng phạm đột-kiết-la.

– Nếu không có người mang, tự mình mang đi quá ba do-tuần, ni-tát-kì ba-dật-đề.: tì-kheo-ni phạm đột-kiết-la.

– Trường hợp không phạm: chỉ mang trong vòng ba do-tuần, chưa tới ba do-tuần, có người mang giúp, nhờ người mang nhưng không mang phụ, nhờ tì-kheo-ni và bốn chúng mang trong vòng ba do-tuần, hoặc mang lông mịn, dây bằng lông, hoặc mang loại lông mọc trên đầu, may làm mũ, khăn, tất cả đều được.

## **17. Giới Bảo Tì-kheo-ni Không Phải Bà Con Nhuộm Lông Dê**

### **a. Duyên khởi**

Một thời, Đức Phật ở nước Ca-duy-vệ. Bấy giờ, nhóm sáu thầy tì-kheo đem lông dê nhờ Tì-kheo-ni giặt, nhuộm, xé ra. Khi ấy, có tì-kheo-ni Ma-ha Ba-xà-ba-đề vì nhuộm lông dê, màu nhuộm còn dính trên tay. Tì-kheo-ni đến lễ dưới chân Phật và đứng qua một bên. Đức Phật biết nhưng cố hỏi. Sau khi nghe xong sự việc, Đức Phật quả trách nhóm sáu thầy tì-kheo và chế giới này.

### **b. Văn giới**

Tì-kheo nào, sai tì-kheo-ni không phải thân quyến giặt, nhuộm, chải lông dê, ni-tát-kì ba-dật-đề.

### **c. Giải thích**

Tì-kheo-ni phạm đột-kiết-la.

Phần chế giới, phạm, không phạm đều giống như giới giặt y cũ.

## 18. Giới Chứa Tiền Và Vật Báu

### a. Duyên khởi

Một thời, Đức Phật ở thành La-duyệt. Bấy giờ, có vị đại thần chuẩn bị thức ăn để dâng cúng cho tì-kheo Bạt-nan-đà. Người con của vị đại thần kia dùng năm tiền đổi lấy thức ăn ấy. Sau đó, Bạt-nan-đà đến lấy năm tiền và đem ra chợ gửi. Các tì-kheo quở trách, vua và đại thần bàn tán. Nhân đó, Đức Phật giảng dạy, dẫn dụ, quở trách và chế giới này.

### b. Văn giới

Tì-kheo nào, tự tay cầm tiền, hoặc vàng bạc, hoặc bảo người cầm, hoặc nhận từ dưới đất, ni-tát-kì ba-dật-đề.

### c. Giải thích

– Tiền: trên mặt có hoa văn và hình tượng.

– Tì-kheo nào, tự tay cầm tiền, hoặc vàng bạc, hoặc bảo người cầm, hoặc nhận từ dưới đất, ni-tát-kì: cách xả trong giới này là: Giả như chỗ kia có người làm vườn đáng tin cậy, hoặc ưu-bà-tắc, tì-kheo nên nói với người kia rằng: Những thứ này không thích hợp với tôi, anh phải biết điều đó. Nếu người kia lấy rồi trao lại cho tì-kheo, tì-kheo nên vì người kia mà nhận những vật đó rồi đưa cho tịnh nhân cất giữ. Nếu được y bát đúng như pháp, nên đem đổi, nhận lấy giữ để sử dụng. Nếu người ưu-bà-tắc kia đã nhận rồi, trao cho tì-kheo y bát đúng như pháp, thì tì-kheo nên nhận giữ và sử dụng.

– Ba-dật-đề: tì-kheo-ni phạm giống như tì-kheo. Nếu không nói cho người kia biết vật đó, chỉ cho xem vật đó, đột-kiết-la.

– Trường hợp không phạm: hoặc nói cho biết, chỉ cho biết vật đó, pháp xả như trên. Nếu người kia không chịu đưa y bát, tì-kheo khác nói với người kia: ‘Phật dạy, vì để hợp pháp nên mới đưa cho anh, anh nên hoàn trả vật ấy cho tì-kheo.’ Nếu người kia vẫn không chịu trả lại, tì-kheo ấy tự đến nói với người kia: ‘Phật dạy tì-kheo phải làm pháp tịnh thí cho anh, anh nên trao lại cho Tăng, cho tháp, hòa thượng, tri thức và người cúng, chớ có ý định làm mất tài vật của người cúng kia.

## **19. Giới Buôn Bán Tiền Tài Bảo Vật**

### **a. Duyên khởi**

Một thời, Đức Phật ở tại thành La-duyệt-kì. Bấy giờ, tì-kheo Bạt-nan-đà đi vào chợ, lấy tiền đổi tiền, hàng cư sĩ chê cười và nói: “Tì-kheo buôn bán giỏi quá!” Chư tì-kheo nghe được đem việc ấy bạch Phật. Nhân đó, Đức Phật quở trách rồi chế giới.

### **b. Văn giới**

Tì-kheo nào, kinh doanh tiền tài bảo vật, dưới mọi hình thức, ni-tát-kì ba-dật-đề.

### **c. Giải thích**

– Tì-kheo: nghĩa như trên.



– Kinh doanh tiền tài bảo vật, dưới mọi hình thức: hoặc lấy loại vàng đã thành phẩm đổi vàng chưa thành phẩm; vàng chưa thành phẩm đổi vàng đã thành phẩm; vàng đã thành phẩm đổi vàng chưa thành phẩm; bạc cũng có ba cách đổi như vậy, riêng tiền thì chỉ có một đổi. Có tám loại tiền: tiền làm bằng vàng, tiền bạc, tiền đồng, tiền sắt, tiền bạch lạp, tiền chì, tiền gỗ và tiền làm bằng hồ giao.

– Ni-tát-kì ba-dật-đề: tì-kheo-ni cũng phạm giống như tì-kheo. Ngoài ra, cách xả, khai đều giống nhau và cách thức đòi châu báu cũng giống giới trước.

– Trường hợp không phạm: hoặc lấy tiền, vật quý đổi chuỗi hạt và vật dụng; hoặc lấy tiền đổi tiền, hoặc vì Phật, Pháp, Tăng.

## 20. Giới Buôn Bán

### a. Duyên khởi

Một thời, Đức Phật ở nước Xá-vệ. Bấy giờ, tì-kheo Bạt-nan-đà đến một thôn không có trú xứ lấy gừng tươi đem đổi thức ăn. Ăn xong mang bát đi. Sau đó, tôn giả Xá-lợi-phất đến khát thực, đàn-việt đem chuyện của Bạt-nan-đà trình bày với tôn giả Xá-lợi-phất nghe. Tôn giả hổ thẹn không nói lời nào. Bạt-nan-đà còn đem y đổi với ngoại đạo, sau đó hối hận xin đổi lại nhưng không được. Chư tì-kheo đem lỗi ấy bạch Phật. Nhân đó, Đức Phật chế giới này.

### b. Văn giới

Tì-kheo nào, kinh doanh mậu dịch dưới mọi hình thức, ni-tát-kì ba-dật-đề.

### c. Giải thích

– Tì-kheo: nghĩa như trên.

– Dưới mọi hình thức: lấy thuốc đúng thời đổi thuốc đúng thời, thuốc không đúng thời, thuốc bảy ngày, thuốc trọn đời, ba-lợi-ca-la, như thế trao đổi lẫn nhau. Cho đến lấy y đổi y.

– Kinh doanh mậu dịch: nghĩa là vật có giá trị một tiền nhưng nhiều lần nâng giá lên, hạ giá xuống. Nâng bán giá: nghĩa là giá chỉ một tiền mà nói ba tiền. Lại nâng giá bán: nghĩa là giá đáng một tiền mà nói năm tiền. Mua cũng như vậy. Tất cả đều phạm.

– Ni-tát-kì ba-dật-đề: tì-kheo-ni cũng phạm giống như tì-kheo.

– Trường hợp không phạm: cho phép năm chúng xuất gia đối với nhau, nhưng phải tự thẩm định, không cùng nhau so đo cao thấp như cách làm của người ngoài chợ; không được đối với người ngoài, sai tịnh nhân đối, nếu người kia đổi ý thì nên cho đổi lại, hoặc đổi sữa, dầu đều không phạm.

## 21. Chứa Bát Quá Thời Hạn

### a. Duyên khởi

Một thời, Đức Phật ở nước Xá-vệ. Bấy giờ nhóm sáu thầy tì-kheo chứa bát, bát nào xấu thì bỏ, thường tìm bát tốt, chứa bát rất nhiều. Hàng cư sĩ dạo quanh thấy vậy liền chê cười: “Chẳng khác gì lò đúc của người thợ gốm.” Chư tì-

kheo đem lỗi ấy bạch Phật. Nhân đó, Đức Phật quở trách và chế giới này.

## b. Văn giới

Tì-kheo nào, chứa bát dư, không tịnh thí, được phép chứa trong hạn mười ngày. Quá hạn, ni-tát-kì ba-dật-đề.

## c. Giải thích

– Tì-kheo: nghĩa như trên.

– Chứa bát dư: bát có sáu loại: bát bằng sắt, bát đen, bát đỏ, bát nước ở Tô-ma, bát ở nước Ô-già-la, bát ở nước Ưu-già-xa, nhưng quan trọng nhất là bát bằng sắt và bát bằng đất nung. Bát lớn ba đấu, bát nhỏ một đấu rưỡi, đây là lượng của bát. Như thế nên trì và tịnh thí.

– Không tịnh thí: tịnh thí và không tịnh thí có tám cách làm pháp giống như trong giới “chứa y dư”.

– Được phép chứa trong hạn mười ngày: Bấy giờ, tôn giả A-nan được một cái bát quý, muốn dâng cúng cho tôn giả Ca-diếp để mỗi ngày sử dụng, nhưng mười ngày nữa tôn giả Ca-diếp mới trở về. Tôn giả A-nan sợ phạm xả-đọa nên mới đem việc ấy bạch Phật. Nhân đó, Đức Phật liền khai và chế cho phép được chứa bát đến mười ngày.

– Quá hạn, ni-tát-kì ba-dật-đề: tì-kheo-ni phạm như tì-kheo.

Phần phân biệt giới tương và trường hợp không phạm giống như giới “chứa y dư”.

## 22. Giới Không Đáng Xin Bát

### a. Duyên khởi

Một thời, Đức Phật ở nước Xá-vệ. Bấy giờ, bát của tì-kheo Bạt-nan-đà bị vỡ, thầy xin nhiều bát và cất chứa. Sau đó, những cư sĩ cúng bát cho Bạt-nan-đà có cơ hội gặp nhau, họ mới biết Bạt-nan-đà nhận nhiều bát, liền than phiền: “Tì-kheo thụ nhận không biết chán.” Chư tì-kheo đem lỗi ấy bạch Phật. Nhân đó, Đức Phật quả trách rồi chế giới này.

### b. Văn giới

Tì-kheo nào, chứa bát trám dưới năm chỗ không chảy rỉ, mà tìm xin bát mới, vì muốn đẹp, ni-tát-kì ba-dật-đề. Tì-kheo kia nên đến trong Tăng để xả, lần lượt cho đến lấy cái bát tối hạ trao cho, khiến thụ trì cho đến khi vỡ; đó là điều hợp thức.

### c. Giải thích

– Tì-kheo: nghĩa như trên.

– Chứa bát trám dưới năm chỗ không chảy rỉ: mỗi vết trám cách nhau khoảng hai ngón tay.

– Mà tìm xin bát mới, vì muốn đẹp: nếu bát trám đủ năm lần, không bị chảy, lại xin bát mới thì phạm đột-kiết-la.

– Ni-tát-kì: cách xả: Ở trong tăng của trú xứ đang cư trú xả bát rồi, đôn bạch nhận sám hối, liền nói tên tội, hình thức phạm; đồng thời chúng Tăng quả trách và người kia

cũng sinh tâm nhàm chán, từ bỏ. Nếu bát tốt thì phải lấy lại đem cất và lấy cái bát xấu nhất đưa cho người kia. Liền làm pháp đơn bạch lấy, rồi theo thứ tự đến thượng tọa mà đổi. Đem bát của thượng tọa đưa cho thứ tọa, hoặc đưa cho vị tì-kheo kia. Như thế từng tự đổi nhau cho đến vị hạ tọa.

– Ba-dật-đề: tì-kheo-ni phạm giống như tì-kheo.

– Tì-kheo kia nên đến trong Tăng để xả, lần lượt cho đến lấy cái bát tối hạ trao cho, khiến thụ trì cho đến khi vỡ; đó là điều hợp thức: Sau khi Tăng đã làm pháp bạch nhị yết-ma trao bát. Người kia phải tự giữ gìn, không được để bát ở những nơi có ngói, đá rơi; không được để bát bên dưới nơi có dựng gậy, dựng đao; không được để bát ở dưới những vật đang treo ở trên; không được để bát trên tảng đá, mô đất trên đường; không được để bát dưới cây đang có trái; không được để bát ở những chỗ đất không bằng phẳng; không được để bát bên trong cửa sổ và cửa lớn; không được để bát sau cánh cửa; không được để bát ở dưới giường, bên góc giường, trừ trường hợp để tạm; không được để bát giữa hai giường; không được đứng rửa bát, cho đến chân đạp vỡ bát. Người kia không nên cố làm vỡ bát, cố làm mất bát. Nếu sử dụng bát không đúng pháp thì phạm đột-kiết-la.

-Trường hợp không phạm: bát nứt đủ năm chỗ và bị rỉ, hoặc ít hơn năm chỗ và bị rỉ. Xin bát mới: hoặc xin người thân, xin người xuất gia, mình xin giúp cho người khác, người khác xin cho mình, không xin mà tự được. Hoặc theo thứ tự cúng dường mà được; hoặc tự bỏ tiền ra mua. Những trường hợp như vậy cất giữ thì đều không phạm.

## 23. Giới Xin Tơ Và Nhờ Thợ Dệt Không Phải Bà Con

### a. Duyên khởi

Một thời, Đức Phật ở tại nước Xá-vệ. Khi ấy, tì-kheo Bạt-nan-đà vì vá tăng-già-lê nên xin chỉ và xin được rất nhiều, rồi đem chỉ nhờ người dệt, hoặc tự mắc tơ vào khung cửi, xem người dệt. Hàng cư sĩ thấy vậy chê cười. Các thầy tì-kheo đem lỗi ấy bạch Phật. Nhân đó, Đức Phật quở trách và chế giới này.

### b. Văn giới

Tì-kheo nào, tự mình xin chỉ sợi, nhờ thợ dệt không phải bà con dệt làm ba y, ni-tát-kì ba-dật-đề.

### c. Giải thích

– Tì-kheo: nghĩa như trên.

– Tự xin chỉ sợi: tì-kheo xin khắp nơi. Chỉ sợi có tất cả mười loại.

– Nhờ thợ dệt không phải bà con dệt làm ba y: nếu người thợ dệt và người cho chỉ đều là người thân thì không phạm. Nếu người cho chỉ không phải người thân thì phạm đột-kiết-la. Xem người dệt, tự mình dệt, hoặc chỉ mắc tơ vào khung cửi thì phạm đột-kiết-la.

– Ni-tát-kì ba-dật-đề: tì-kheo-ni cũng phạm giống như tì-kheo.

– Trường hợp không phạm: người cho chỉ và người dệt đều là người thân; hoặc tự dệt để làm túi đựng bát; làm túi đựng giày; tấm bện để gâm kim, thiền đới,[54] dây thắt lưng, mũ, bít tất, khăn quàng, bít tất dùng để mang giày đều được.

## 24. Bảo Thọ Dệt Thêm Tư

### a. Duyên khởi

Một thời, Đức Phật ở tại nước Xá-vệ. Khi ấy, có cư sĩ đem tư đưa cho thợ dệt nhờ may y cho tì-kheo Bạt-nan-đà. Sau đó, tì-kheo Bạt-na-đà tìm đến nhà người thợ dệt, chọn loại tư tốt đưa cho người thợ dệt và hứa sẽ trả thêm tiền. Hàng cư sĩ biết được và chê cười. Các thầy tì-kheo đem việc ấy bạch Phật. Nhân đó, Đức Phật quở trách rồi chế giới này.

### b. Văn giới

Tì-kheo nào, được cư sĩ hay vợ cư sĩ nhờ thợ dệt, dệt y cho tì-kheo. Tì-kheo kia trước không nhận được lời mời tùy ý, liền đến nhà của thợ dệt và nói: 'Y này may cho tôi, ông hãy may sao tốt nhất, làm cho rộng, lớn, bền chắc. Tôi sẽ tặng tiền cho ông.' Tì-kheo ấy đưa ra giá, thậm chí chỉ trả giá đáng bằng một bữa ăn. Nếu nhận được y, ni-tát-kì-ba-dật-dễ.

### c. Giải thích

– Tì-kheo: nghĩa như trên.

– Được cư sĩ hay vợ cư sĩ nhờ thợ dệt, dệt y cho tì-kheo. Tì-kheo kia trước không nhận được lời mời tùy ý: Nếu cư

sĩ đưa tiền may y cho tì-kheo thì cho phép những tì-kheo thiếu dục tri túc được phép nhận. Yêu cầu mà không được như ý gọi là tùy ý.

– Liền đến nhà của thợ dệt và nói: ‘Y này may cho tôi, ông hãy may sao tốt nhất, làm cho rộng, lớn, bền chắc. Tôi sẽ tặng tiền cho ông.’ Tì-kheo ấy đưa ra giá, thậm chí chỉ trả giá đáng bằng một bữa ăn. Nếu nhận được y, ni-tát-kì ba-dật-dề: nếu xin y không được thì đột-kiết-la. Tì-kheo-ni cũng phạm giống như vậy.

– Trường hợp không phạm: nếu xin ít hơn, yêu cầu người thân, yêu cầu người xuất gia, người khác yêu cầu cho mình, thì được.

## 25. Giới Đoạt Y Của Tì-Kheo

### a. Duyên khởi

Một thời, Đức Phật ở tại nước Xá-vệ. Khi ấy, đệ tử của tì-kheo Bạt-nan-đà có khả năng khuyến hóa[55] giới. Tì-kheo Bạt-nan-đà muốn cùng du hành, nên trước đó đem y cho một tì-kheo. Một tì-kheo khác nói: “Tì-kheo ấy ngu si không biết tụng giới, nói giới, bố-tát, yết-ma.” Sau đó, tì-kheo Bạt-nan-đà trở về rồi đến tì-kheo kia lấy lại y, nhưng tì-kheo kia không đưa. Vì thế, tì-kheo Bạt-nan-đà tức đoạt lại y. Các tì-kheo quả trách, nêu tội. Nhân đó, Đức Phật chế giới này.

### b. Văn giới

Tì-kheo nào, trước cho tì-kheo y, sau đó vì giận hờn, hoặc tự tức đoạt, hoặc sai người tức đoạt, nói: “Trả y lại cho



tôi, tôi không cho ngài nữa.” Nếu tì-kheo kia trả lại y và tì-kheo ấy nhận y, thì ni-tát-kì ba-dật-đề.

### c. Giải thích

– Tì-kheo: nghĩa như trên.

– Trước cho tì-kheo y, sau đó vì giận hờn, hoặc tự tước đoạt, hoặc sai người tước đoạt, nói: “Trả y lại cho tôi, tôi không cho ông nữa.”: nếu vì giận hờn nên tự tước đoạt và sai người tước đoạt rồi cất giữ thì phạm. Tước đoạt được rồi, nhưng chưa cất thì phạm đột-kiết-la. Nếu vắt lên cây, treo trên giá, móc trên giường hoặc để ở chỗ khác, dời khỏi chỗ cũ thì phạm tội đọa. Lấy nhưng chưa đem khỏi chỗ cũ phạm đột-kiết-la.

– Nếu tì-kheo kia trả lại y và tì-kheo ấy nhận y, thì ni-tát-kì ba-dật-đề: tì-kheo-ni cũng phạm giống như tì-kheo.

– Trường hợp không phạm: Không vì giận hờn. Hoặc nói: “Tôi hối tiếc không cho ngài nữa, hãy trả lại y cho tôi.” Tì-kheo kia biết vị ấy có lòng hối tiếc nên trả lại y. Hoặc có người khác nói với tì-kheo kia: “Tì-kheo ấy hối tiếc, ông nên trả lại y cho tì-kheo ấy.” Nếu mượn y của người khác rồi để ở nơi vắng vẻ, nơi không có đường đi, làng xóm, tước đoạt lại thì không phạm. Vì sợ mất, sợ rách. Hoặc tì-kheo kia phá giới, phá kiến, phá oai nghi. Nếu bị nêu tội diệt tẩn thì nên đuổi đi. Hoặc vì việc này mà dẫn đến mạng nạn, phạm hạnh nạn. Tất cả những trường hợp như vừa nêu, nếu tước đoạt lại, không cất giữ, đưa ra cho mọi người biết thì đều không phạm.

## **26. Giới Chứa Thuốc Bảy Ngày Quá Thời Hạn**

## a. Duyên khởi

Một thời, Đức Phật ở tại nước Xá-vệ. Khi ấy, các tì-kheo gặp gió mùa thu nên sinh bệnh, thân thể khô gầy và bị ghẻ lở. Đức Phật dạy: “Có năm thứ bơ, dầu, bơ đặc, mật, mỡ, cho phép người có bệnh được dùng đúng thời và phi thời.” Một lần, Đức Phật ở thành La-duyệt-kì, đồ chúng của tì-kheo Tất-lăng-già chứa nhiều những thứ ấy, nên chảy tràn ra đường, nên bị người đời chê trách. Đức Phật biết được, sau khi quở trách các tì-kheo rồi chế giới này.

## b. Văn giới

Tì-kheo nào, mắc bệnh, các loại thuốc dư tàn như tô, dầu, sinh tô, mật, đường thối, được dùng trong vòng bảy ngày. Nếu quá bảy ngày mà còn dùng, ni-tát-kì ba-dật-đề.

## c. Giải thích

– Tì-kheo: nghĩa như trên.

– Mắc bệnh: đó là thầy thuốc dặn phải uống. Ấy là những loại thuốc.

– Các loại thuốc dư tàn như tô, dầu, sinh tô, mật, đường thối, được dùng trong vòng bảy ngày: về văn và nghĩa của tám môn đều giống như giới nói về y ở trên.

– Nếu quá bảy ngày mà còn dùng: tì-kheo ấy sau khi xả thuốc cho Tăng và bạch pháp yết-ma trị tội rồi, Tăng nên như pháp trao thuốc lại cho tì-kheo kia, hoặc đến ngày thứ bảy xả cho tì-kheo. Tì-kheo kia nên nhận và dùng. Nếu hơn bảy ngày thì dùng tô, du ấy bôi lên cửa, còn mật,

đường thời thì đưa cho người giữ vườn. Nếu chưa đủ bảy ngày thì bạch nhị yết-ma trả lại cho tì-kheo; tì-kheo nên nhận để xoa chân, đốt đèn.

– Ni-tát-kì ba-dật-đề: tì-kheo-ni cũng phạm như tì-kheo.

– Trường hợp không phạm: khác với việc xả và dùng v.v... như trên vừa trình bày thì không phạm.

## **27. Giới Xin Và Sử Dùng Y Tắm Mưa Trước Mùa Mưa**

### **a. Duyên khởi**

Một thời, Đức Phật ở tại nước Xá-vệ. Khi ấy, Tì-xá-khư Mầu thỉnh Phật và Tăng đến nhà thụ trai. Sáng hôm sau, Tì-xá-khư-mầu sai tì nữ đến tinh xá để thỉnh Phật và chúng Tăng. Đến nơi, tì nữ nhìn thấy chúng Tăng ở trần tắm mưa. Tì nữ thấy vậy trở về thưa với Tì-xá-khư Mầu. Nhân đó, Tì-xá-khư Mầu phát tám nguyện và được Phật khen ngợi. Rồi nhóm sáu thầy tì-kheo thường hay xin y tắm mưa. Nhân đó, Đức Phật chế giới này.

### **b. Văn giới**

Tì-kheo nào, mùa xuân còn một tháng, nên xin y tắm mưa, còn lại nửa tháng nên dùng. Nếu tì-kheo nào quá trước một tháng tìm cầu y tắm mưa, dùng quá trước nửa tháng, ni-tát-kì ba-dật-đề.

### **c. Giải thích**

– Tì-kheo: nghĩa như trên.

- Mùa xuân còn một tháng, nên xin y tắm mưa: y tắm mưa: là loại y mà tì-kheo dùng để tắm mưa. Y này có mười loại. Tì-kheo được phép bắt đầu xin y này từ ngày 16 tháng 3.
- Còn nửa tháng nên dùng: tì-kheo được phép bắt đầu dùng y tắm mưa trước ngày mùng 1 tháng 4.
- Nếu tì-kheo nào quá trước một tháng tìm cầu y tắm mưa: trước ngày 16 tháng 3, nên tìm cầu y tắm mưa.
- Dùng quá trước nửa tháng: nên sử dụng trước ngày 01 tháng 4.
- Ni-tát-kì ba-dật-đề: tì-kheo-ni phạm đột-kiết-la.
- Trường hợp không phạm: nếu xả bỏ để dùng vào việc khác; hoặc mặc tắm, hoặc giặt, hoặc phơi, thì đều không phạm.

## **28. Giới Nhận Y Cấp Thí Trước Thời Hạn, Chứa Y Sau thời Hạn**

### **a. Duyên khởi**

Một thời, Đức Phật trụ ở Tì-la-nhã. Bấy giờ, Ngài cho phép các thầy tì-kheo được nhận y mùa hạ. Vì biết Đức Phật cho phép nhận y, nên nhóm sáu thầy tì-kheo thường xin y, thường nhận y. Tì-kheo Bạt-nan-đà an cư chỗ khác, nhưng đến nhận y ở chỗ khác. Đức Phật ở nước Xá-vệ, trong mùa an cư, có đại thần cúng y khi còn trong mùa an cư. Nhân đó, Đức Phật khai cho phép tì-kheo được nhận y cấp thí và chế giới này.

## b. Văn giới

Tì-kheo nào, còn mười ngày nữa mới mãn ba tháng hạ an cư, các ò-kheo nhận được y cấp thí. Tì-kheo biết đó là y cấp thí có thể thụ nhận, nhận rồi được phép chứa cho đến thời của y, nếu chứa quá thời hạn cho phép, ni-tát-kì ba-dật-đề.

## c. Giải thích

– Tì-kheo: nghĩa như trên.

– Còn mười ngày nữa mới mãn ba tháng hạ an cư: tức khoảng thời gian từ ngày 6 tháng 7 về sau, từ ngày 15 tháng 7 trở về trước.

– Các ò-kheo nhận được y cấp thí: vì nếu nhận thì được, nếu không nhận thì mất, nên gọi là cấp thí. Y có mười loại.

– Tì-kheo biết đó là y cấp thí có thể thụ nhận, nhận rồi được phép chứa cho đến thời của y: thời của y: tự tứ xong, ò-kheo không được nhận y ca-thi-na[56] thì được nhận y trong vòng một tháng; ò-kheo được nhận y ca-thi-na thì được nhận y trong vòng năm tháng. Nếu còn mười ngày nữa mới tự tứ mà được y cấp thí, nhận rồi, được phép chứa từ một tháng đến năm tháng. Cho đến, trường hợp ngày mai tự tứ[57] cũng nên nhận và được phép chứa từ một tháng đến năm tháng. Trường hợp ngoại lệ, cho phép chứa thêm chín ngày.

– Nếu chứa quá thời hạn cho phép, ni-tát-kì ba-dật-đề: đối với y cấp thí, nếu nhận trước thời gian cho phép, sau thời

gian cho phép đều phạm tội đọa. Tì-kheo-ni cũng phạm giống như tì-kheo.

– Trường hợp không phạm: hoặc không quá trước thời gian cho phép, sau thời gian cho phép; hoặc y bị cướp, bị mất, nhận trước thời gian cho phép thì không phạm. Nếu gửi y cho tì-kheo khác rồi đi xa, lại bị đường xá chia cắt không về kịp, nhận y sau thời gian cho phép thì không phạm.

## **29. Ở Lan-Nhã Có Nghi Là Y Quá Hạn**

### **a. Duyên khởi**

Một thời, Đức Phật ở nước Xá-vệ. Khi ấy, có tì-kheo trụ ở chốn lan-nhã bị cướp đánh, lấy hết mười vật.[58] Vì thế, Đức Phật dạy cho phép tì-kheo gửi một y trong ba y ở nhà người trong thôn. Nhóm sáu thầy tì-kheo nghe Đức Phật cho phép, liền gửi y rồi ra đi. Các tì-kheo biết việc đó bạch với Phật. Nhân đó, Đức Phật chế giới này.

### **b. Văn giới**

Tì-kheo nào, ba tháng hạ đã mãn, một tháng ca-đề[59] sau đã hết, ở a-lan-nhã chỗ có sự nghi ngờ, có kinh sợ. Tì-kheo sống tại trú sứ như vậy, trong ba y, nếu muốn có thể gửi lại một y ở nhà trong thôn. Các tì-kheo có nhân duyên được là y ngủ cho đến sáu đêm, nếu quá, ni-tát-kì ba-dật-đề.

### **c. Giải thích**

– Tì-kheo: nghĩa như trên.

- Ba tháng hạ đã mãn, một tháng ca-đề sau đã hết: tức nửa tháng tám sau.
- Ở a-lan-nhã: cách thôn năm trăm cung.[60] Theo qui định của nước Già-ma-la thì một cung dài bằng bốn tấc, thường dùng cánh tay của người trung bình để đo.
- Chỗ có sự nghi ngờ: nghi có trộm cướp.
- Có kinh sợ: ở chỗ ấy có sự sợ hãi về trộm cướp.
- Tì-kheo sống tại trú xứ như vậy, trong ba y, nếu muốn có thể gửi lại một y ở nhà trong thôn: thôn tức là tụ: nghĩa là làng xóm.
- Các tì-kheo có nhân duyên được lìa y ngủ cho đến sáu đêm: nếu tì-kheo có duyên sự ngủ lìa y đến đêm thứ bảy trước khi minh tướng[61] chưa xuất hiện, hoặc xả, hoặc nắm y, hoặc chỗ có thể dùng đá ném tới; trái lại những trường hợp vừa nêu thì phạm.
- Ni-tát-kì ba-dật-đề: nhân duyên, được khai giống như giới lìa y đã nói ở trên.

### **30. Giới Xoay Vật Thuộc Về Tăng**

#### **a. Duyên khởi**

Một thời, Đức Phật trụ ở nước Xá-vệ. Một hôm, có cư sĩ muốn cúng dường cơm và y cho Phật và chúng Tăng. Tì-kheo Bạt-nan-đà nghe được tin ấy, nói với cư sĩ kia: “Người cúng dường cho Tăng rất nhiều, nay ông có thể cúng dường cho tôi.” Sau đó, cư sĩ gặp một vị trưởng lão tì-kheo oai

nghi đầy đủ, liền sinh tâm hối hận và than van. Các tì-kheo đem lỗi ấy bạch Phật. Nhân đó, Đức Phật chế giới này.

## b. Văn giới

Tì-kheo nào, biết đó là vật thuộc về Tăng, mà tự xin về cho mình, ni-tát-kì ba-dật-dề.

## c. Giải thích

– Tì-kheo: nghĩa như trên.

– Biết: không biết thì không phạm.

– Đó là vật thuộc về Tăng: có ba loại: 1. Vật thuộc về Tăng: thí chủ vì Tăng đã hứa cúng cho Tăng; 2. Vì Tăng: họ vì Tăng nên sắm sửa, nhưng chưa hứa cúng cho Tăng; 3. Đã trao cho Tăng: đã hứa với Tăng và đã xả cho Tăng. Vật: cho đến những vật dụng dùng để uống nước.

– Mà tự xin về cho mình: hoặc đã hứa cho Tăng rồi chuyển qua dùng vào việc xây tháp; hoặc hứa cho bốn phương Tăng rồi chuyển cho hiện tại Tăng; hoặc trao cho ni Tăng; hoặc trao cho Tăng ở trụ xứ khác; hoặc làm trái lại với giao ước trước; hoặc sinh nghi ngờ, tất cả những trường hợp này đều phạm đột-kiết-la.

– Ni-tát-kì-ba-dật-dề.

– Trường hợp không phạm: hoặc không biết, hoặc không hứa, hoặc hứa ít nhưng khuyến hóa được nhiều, hứa với ít người nhưng cho nhiều người, khuyến khích cho vật tốt, hoặc nói đùa, nói sai, thì đều không phạm.



Chư Đại đức! Tôi đã nói ba mươi Ni-tát-kì ba-dật-đề. Nay xin hỏi chư Đại đức trong đây có thanh tịnh không? (3 lần)  
Chư Đại đức trong đây thanh tịnh vì chư Đại đức im lặng.  
Việc ấy xin ghi nhận như vậy.

\*

### **Chú thích:**

[1] Ba thừa 三乘: Thanh văn thừa, Bích-chi-phật thừa và Bồ-tát thừa.

[2] Môn Bất hỷ 不諱之門: Tức môn Giới luật. Hỷ chính là quá, (lỗi lầm).

[3] Thuật sâu màu bí mật 祕密之深術: Cũng chỉ cho giới luật, vì giới luật chỉ được truyền trong bốn chúng mà thôi.

[4] Mộng thấy tấm lụa 經陳夢[疊\*毛]之徵: kinh Đại tập ghi: “Vua năm mộng thấy tấm lụa trắng từ trời rơi xuống đứt làm năm đoạn. Vua lo sợ đến hỏi Phật. Đức Phật nói: ‘Đó không phải việc liên quan đến bệ hạ. Sau khi Ta nhập niết-bàn các đệ tử của Ta chia Tì-ni làm năm bộ’”.

[5] Cây gậy gãy 分杖之喻: Vua Bình-sa năm mộng thấy một cây gậy bằng vàng gãy làm mười tám khúc, vua sợ hãi đến hỏi Phật. Đức Phật nói: “Sau khi Ta diệt độ hơn một trăm năm, có vua A-thâu-ca cai trị Gia-thiệm bộ. Bấy giờ, các Bật-sô chia giáo pháp thành mười tám phần để hướng đến cửa giải thoát, nhưng đích đến của mười tám phần ấy chỉ có một. Đây là điềm báo trước, bệ hạ chớ lo lắng.”

[6] Chính nghiệp 正業: ba nghiệp thân, khẩu, ý thanh tịnh, liả tất cả những hành vi xấu ác như sát sinh, trộm cướp, tà dâm.

[7] Vào niên hiệu Gia Bình thứ 2 (250), ngài Đàm-ma-la-ca đến Lạc Dương và dịch bộ Tăng-kì giới bản. Hai năm sau, lại có ngài Đàm-đế dịch bộ Đàm-vô-đức Yết-ma. Trong số các vị Phạm tăng đến nước Ngụy thời kì này thì hai ngài Đàm-ma-la-ca và ngài Đàm-đế là những vị truyền bá giới luật đầu tiên. Lúc bấy giờ, ở Trung Quốc đã có người xuất gia, nhưng chưa biết cách tác pháp thụ giới. Như vậy, có thể nói bộ Tăng-kì giới bản là giới pháp căn bản cho người xuất gia và bộ Đàm-vô-đức Yết-ma là phương cách tác pháp thụ giới đầu tiên ở Trung Quốc. Do đó, ngài Đàm-ma-la-ca chính là vị tổ đầu tiên truyền giới luật vào Trung Quốc. Đồng thời, người Trung Quốc xuất gia thụ giới đầu tiên là Chu Sĩ Hành.

[8] Chính giới 正戒: Khi Đức Phật chưa xuất hiện ở đời, Chuyển Luân vương cũng dạy con người mười pháp thiện như không giết, không trộm, không tà dâm, không nói dối, không nói hai lưỡi, không ác khẩu, không ỷ ngữ, không tham dục, không giận dữ, không tà kiến. Đó gọi là chính giới.

[9] Chính kinh 正經: Chính là sung vào những ghi chép chính; kinh là thuận pháp, thuận thường, nên gọi chung là Chính Kinh.

[10] Câu-chi 俱胝(S: Koti): đơn vị chỉ số lượng của Ấn Độ.

[11] Sáu bộ 六部: đó là: 1. Tứ phần luật hàm chú giới bản (3 quyển); 2. Tứ phần luật hành sự sao (3 quyển); 3. Tứ phần yết-ma số (4 quyển); 4. Tứ phần giới bản số (4 quyển); 5. Thập tì-ni nghĩa số (4 quyển); 6. Tì-kheo-ni nghĩa sao (3 quyển).

[12] Đàm-vô-đức 曇無德 (S: Dharmaguptaka): Tổ của Pháp Tạng bộ (1 trong 20 bộ phái Tiểu thừa), là đệ tử của tổ Ưu-ba-cúc-đa. Trong lần kiết tập thứ nhất, tôn giả Ưu-ba-li tụng tạng luật 80 lần gọi là Bát Thập Tụng Luật. Về sau trải qua sự truyền thừa phát triển, ngài Đàm-vô-đức thu thập từ Bát Thập Tụng Luật lập thành một bộ gọi là Đàm-vô-đức bộ hay Pháp Tạng bộ. Đàm-vô-đức là vị khai sáng Luật tông, nên gọi là Tứ Phần Luật tông là chỉ cho Đàm-vô-đức Luật tông.

[13] Đạo Tuyên 道宣 (596-667): Cao tăng Trung Quốc, sống vào đời Đường, họ Tiền, tự Pháp Biển, người Ngô Hưng, tỉnh Chiết Giang, là Sơ Tổ của Nam Sơn Luật tông. Có thuyết cho là người Đan Đồ, Nhuận Châu, tỉnh Giang Tô. Ngài sinh năm Khai Hoàng thứ 16 (596), đời Tùy. Sau ngài nương theo Ngài Trí Thủ (567-635) ở Trường An thụ giới Cụ túc, chuyên học luật. Vì lúc đầu Ngài trụ trì chùa Phong Đức núi Chung Nam nên gọi Ngài là Nam Sơn luật sư. Ngài tịch năm Càn Phong thứ 2 (667), thọ 72 tuổi.

[14] Tôn giả Hộ Pháp 法護尊者: chính là ngài Đàm-vô-đức.

[15] Quảng giáo 廣教: giáo pháp được giảng dạy đầy đủ. Khoảng 12 năm đầu, sau khi Đức Phật thành đạo, đại chúng đều thanh tịnh, không có ai phạm lỗi nên Đức Phật chưa chế giới, mà chỉ dạy: "Chớ làm các điều ác..." Hành

pháp răn dạy đệ tử gọi là Lược giáo hay Lược giới. Sau 12 năm, trong hàng đệ tử người phạm giới pháp dần dần thêm nhiều, nên Phật phải nói nhiều giới luật, chỉ ra những sai lầm của từng giới một, nên gọi là Quảng giáo hay Quảng giới.

[16] Lược giáo 略教: sau khi đức Thích tôn thành đạo, trong khoảng 12 năm đầu, hàng đệ tử của Ngài chưa phạm giới, nên Phật nói giáo giới sơ lược.

[17] Chuẩn bị thẻ 舍羅 (S: Śalākā): tấm thẻ nhỏ bằng tre, gỗ, đồng, sắt dùng để đếm số tì-kheo tham dự khi giáo đoàn thực hành pháp Diệt tránh hoặc bố-tát.

[18] Phi nhân 非人 (S: Amanuṣya): từ gọi chung cho các loại: trời, rồng, dạ-xoa, ác quỷ, tu-la, địa ngục... không thuộc loài người, mắt người không thể thấy.

[19] Thuyết dục 說欲: nói lại lòng mong muốn của vị tì-kheo vắng mặt cho tăng chúng biết khi thực thiện pháp sự. Tì-kheo muốn thành tựu các việc Tăng như thụ giới, thuyết giới nhưng vì bận việc khác không thể đến tham dự được nên gửi lòng mong muốn tán đồng của mình cho tì-kheo khác. Sau khi nhận dục, tì-kheo đó mới đem việc này trình bày lại giữa tăng chúng, gọi là Thuyết dục. Trao dục ý của mình cho tì-kheo khác đến dự hội gọi là Dữ dục. Tì-kheo nhận sự ủy thác của tì-kheo này gọi là Thụ dục.

[20] Tam ngữ thuyết giới 三語說戒: là nói ba điều như sau: 1. Hai đại đức nhớ nghĩ cho; 2. Hôm nay ngày thứ 15 tăng nói giới; 3. Con tì-kheo tên... thanh tịnh.

[21] Ba-la-đề-mộc-xoa 波羅提木叉(S: Prātimokṣa-saṃvara): một trong ba thứ luật nghi; là giới luật nghi mà 7 chúng mỗi mỗi phân biệt thụ trì để xả bỏ các điều ác ở 7 chi nơi miệng và thân. Vì giới thể phát sinh do thụ lĩnh giới pháp ở cõi Dục, cho nên còn gọi là Dục triển giới, thuộc về giới hữu lậu.

[22] Tứ thiền 四禪(S: Catvāri dhyānāni): bốn loại thiền định căn bản dùng để đối trị hoặc nghiệp và sinh ra các công đức, cũng chỉ Sơ thiền, Đệ nhị thiền, Đệ tam thiền, Đệ tứ thiền thuộc cõi Sắc, nên còn gọi là Sắc giới định.

[23] Tam không 三空: ba thứ Không được lập ra dựa vào sở chấp của chúng sinh: ngã không, pháp không, câu không.

[24] Tứ quả 四果: bốn quả vị hàng Thanh Văn thuộc Tiểu thừa chứng được. Giai đoạn theo thứ lớp là: quả Dự lưu, quả Nhất Lai, quả Bất hoàn, quả A-la-hán. Có thuyết chỉ cho quả A-la-hán.

[25] Ba-la-di 波羅夷 (S: Pārājika): giới căn bản về tội cực ác mà tì-kheo, Tì-kheo-ni phải giữ gìn sau khi thụ giới Cụ túc, 1 trong 5 thiên, 1 trong 6 tỳ, 1 trong 7 tỳ. Người tu hành nếu phạm giới này thì: 1. Mất tư cách tì-kheo, Tì-kheo-ni, không được sống chung với Tăng; 2. Bị trục xuất khỏi giáo đoàn, không được ở chung với Tăng; 3. Sau khi chết rơi vào địa ngục.

[26] Phi nhân 非人(S: Amanuṣya): từ gọi chung các loại như trời, rồng, dạ-xoa, ác quỷ, tu-la, địa ngục... không thuộc loài người, mắt người không thể thấy được.

[27] Đồng nữ 童女 (S: Kumārī): thiếu nữ vị thành niên.

[28] Nhị hình 二形 (S: Ubhayavyañjanaka): người có hai bộ phận sinh dục nam và nữ, sinh lí khác thường. Trong luật của Phật giáo, người này không được xuất gia, thụ giới.

[29] Huỳnh môn 黃門 (S: Paṇḍaka): chỉ cho người có nam căn hư hoại. Theo luật Thập tụng 21, luật Tứ Phần 35, 59, Huỳnh môn được chia làm năm loại, gọi là Ngũ chủng huỳnh môn, Ngũ chủng bất năng nam, Ngũ chủng bất nam. Năm loại đó là: 1. Sinh bất năng nam; 2. Bán nguyệt bất năng nam; 3. Đố bất năng nam; 4. Biến bất năng nam; 5. Bệnh bất năng nam.

[30] Thâu-lan-giá 偷蘭遮 (S: Thullaccaya): các tội nếu phạm sẽ cấu thành Ba-la-di, Tăng tàn nhưng chưa thành Ba-la-di, Tăng tàn. Các tội thuộc về ngũ thiên, ngoài tội Đột-kiết-la thì tất cả nhân tội, quả tội hoặc nặng hoặc nhẹ còn lại đều gọi chung là Thâu-lan-giá; 1 trong 6 tụ, 1 trong 7 tụ giới do Phật chế. Thâu-lan-giá được chia làm hai loại chính phụ: Độc đầu Thâu-lan-giá và Phương tiện Thâu-lan-giá.

[31] Diệt tẩn 滅擯 (S: Nāsanīyaṃ): một khoa xử tội trong giới luật, một trong bảy cách trị phạt các tì-kheo hoặc chỉ cho sự tước đoạt tăng tịch, cho nên còn gọi là Tước tịch. Đối với tì-kheo phạm vào trọng tội mà trong tâm không hối hận thì loại bỏ tăng tịch của vị ấy và đuổi đi. Tội ấy tương đương với tội tử hình của thế gian.

[32] Xứ 處: ‘xứ’ ở đây được hiểu là vị trí mà vật đó hiện có.

[33] A-lan-nhã 阿蘭若(S: Araṇya): thường chỉ khu rừng vắng, không có thú dữ.

[34] Xứ sở 處所: chỉ phạm vi cư trú của người.

[35] Dương chi 楊枝(S: Danta-Kāṣṭha): mảnh gỗ mỏng nhỏ dùng để đánh răng nạo lưỡi, là một trong tám vật mà Phật qui định cho hàng tì-kheo phải có.

[36] Quán bất tịnh 不淨觀 (S: A-śubhā-smṛti): pháp quán bất tịnh là một pháp trong quán trong Ngũ đình tâm quán để đối trị phiền não tham dục.

[37] Trùng sứ 重使: sứ giả này tiếp theo sứ giả khác, một chuỗi sứ giả.

[38] Luân chuyển sứ 展轉使: bởi sứ giả lần lượt giết nhau (để phi tang thủ phạm).

[39] ý phạt 倚撥: biết người kia đứng tựa nơi chỗ nào đó, rồi hoặc đặt để các dụng cụ có thể làm hại chết người kia.

[40] Tứ không định 四空定(S: Catasra ārūpya-samāpattayaḥ): bốn cảnh giới vượt ngoài sự ràng buộc của Sắc pháp, là thứ định có được do tư duy Tứ Vô sắc. Nếu muốn sinh lên Tứ Vô sắc giới thì phải tu tập Tứ Vô sắc định. Nói cách khác, tứ Vô sắc định là pháp tu hành để đối trị sự ràng buộc của Sắc pháp, diệt trừ tất cả sự cảm thụ, tư tưởng đối với ngoại cảnh và cảnh giới tinh thần thanh tịnh vô nhiễm, trạng thái tịch tĩnh như hư không nhờ sự tu hành này mà đạt đến.

[41] Y phần tảo 糞掃衣 (S: Pāṃsu-kūla): ca-sa được may bằng vải rách nhặt từ trong đồng rác, sau khi đã được giặt sạch.

[42] Mười ba nạn 十三難: tức mười ba già nạn trước khi thụ giới tì-kheo, đó là: 1. Phạm biên tội; 2. Phá tịnh hạnh của Tì-kheo-ni; 3. Tặc trú; 4. Phá nội ngoại đạo; 5. Giết cha; 6. Giết mẹ; 7. Giết a-la-hán; 8. Phá hòa hợp Tăng; 9. Với ác ý gây thương tích thân Phật; 10. Bất năng nam; 11. Phi nhân; 12. Súc sinh; 13. Nhị hình.

[43] Ba-lợi-bà-sa 波利婆沙 (S: Parivāsa): Hán dịch là Phú tàng hoặc Biệt trụ: có nghĩa là che giấu hoặc ở riêng.

[44] Ma-na-đỏa 摩那埵 (S: Mānatta): phương pháp diệt tội và sám hối của một vị tì-kheo, khi phạm trọng tội tăng tàn. Khi phạm tội tăng tàn, phải phát lồ sám hối ngay, trong vòng sáu ngày sáu đêm ở riêng một chỗ, làm các việc nặng nhọc thay cho chúng tăng như: quét dọn tháp, tăng phòng, nhà vệ sinh, nhà tắm, được vào trong Tăng, nhưng không được luận đàm với người khác. Trong thời gian trị phạt này người phạm tội phải chí thành sám hối, làm cho chúng Tăng hoan hỉ.

[45] Ni-tát-kì ba-dật-đề 尼薩耆波逸提: đây là một thứ tội khinh, nghĩa là điều đã phạm, nếu sám hối thì diệt được tội, nếu không sám hối các lỗi lầm thì bị đọa vào đường ác (địa ngục, ngạ quỷ, súc sinh). Có hai loại: Xả đọa và Đơn đọa. Xả đọa: tội đọa phải xả tài vật và sám hối. Đơn đọa: tội đọa chỉ cần ở trước người khác mà sám hối liền được thanh tịnh.



[46] An-đà-hội 安陀會衣 (S: Antarvāsa): pháp y do ráp năm miếng vải may thành. Y này được mặc lót nên gọi là Hạ y, thông thường khi làm việc hay lúc ngủ mặc y này, là y thấp nhất trong ba y. Cách may thì ráp mảnh vải một bức dài và một bức ngắn may thành một điều, có cả thảy là 5 điều và phải dùng loại vải gai hoại sắc để may y.

[47] Tăng-già-lê 僧伽梨 (S: Saṅghātī): pháp y chín điều trở lên của tì-kheo, một trong ba y. Y này được đắp mặc khi vào cung vua, vào tụ lạc khất thực, lên tòa thuyết pháp, hàng phục ngoại đạo, vì thế còn gọi là Nhập vương cung tụ lạc y. Y này lớn nhất trong ba y nên gọi là Đại y. Vì có nhiều điều nên gọi là Tạp toái y.

[48] Uất-đa-la-tăng 鬱多羅僧 (S: Uttarasanga): là y bảy điều, được mặc khi lễ bái, nghe giảng, bố-tát v.v...

[49] Đàn-việt 檀越 (S: Dāna): Phiên âm tiếng Phạn, có nghĩa là bố thí, hoặc người bố thí.

[50] Một người khác: trong văn luật gọi là Tịnh chủ 淨主, còn gọi là Thí chủ.

[51] Người chấp sự 執事人: là người trông coi công việc. Danh từ chuyên dùng trong luật học, chỉ người làm giúp những việc mà tì-kheo không được phép làm, ví dụ như giữ tiền, nấu ăn v.v...

[52] Kiếp cụ 劫貝: là cây bông gạo.

[53] Bát-la 鉢羅: có bộ gọi là ba-la 波羅: là một đơn vị trọng lượng. Thí dụ, ngọc cụ nặng 10 cân, thì 5 cân toàn đen, 2,5 cân trắng và 2,5 cân thô.

[54] Thiên đới 禪帶: sợi dây lưng sử dụng khi tọa thiền, buộc ở eo, để phòng bụng bị lạnh. Theo luật Tứ phần 41, ngồi ở chỗ trống hay bị đau lưng cho nên may thiên đới phòng hộ.

[55] Khuyến hóa 勸化: khuyến tấn và chuyển hóa, tức khuyên bảo sách tấn chúng sinh chuyển ác thành thiện, chuyển mê thành ngộ, chuyển phàm thành thánh.

[56] Y Ca-thi-na 迦絺那衣(S: Kaṭhina): Ca-thi-na là y mà các tì-kheo cùng hợp tác làm chung cho một tì-kheo, như là biểu lộ sự xác nhận và ngưỡng mộ những thành tựu thù thắng mà tì-kheo ấy đạt được trong đời sống phạm hạnh.

[57] Tự tứ 自恣(S: Pravāraṇā): tùy thuận theo người khác mà tự mình nêu lên những lỗi lầm đã phạm. Ngày cuối cùng của Hạ ăn cư, mỗi vị tì-kheo tự nêu lên các tội mình đã phạm trong ba việc thấy, nghe, nghi, đối trước các tì-kheo khác mà sám hối, sám hối thì được thanh tịnh, tự sinh vui mừng, nên gọi là Tự tứ.

[58] Mười vật 什物: các vật dụng sinh hoạt trong tự viện.

[59] Tháng ca-đề 迦提一月: theo Thiên văn học Ấn, tháng ca-đề là tháng mà sao mao gặp nguyệt cung, tức trong khoảng tháng 10-11 dương lịch. Nhưng theo truyền thống Hán tạng, thời gian được kể trong khoảng từ ngày 16 tháng

7 đến hết ngày 15 tháng 8 âm lịch. Tháng ca-đề là tháng may y. Trong thời gian này cho phép ti-kheo được may y.

[60] Cung 弓: Số đo đất, sáu xích 尺 thước là một cung 弓, tức là một bộ 步, 360 bộ là một dặm, 240 bộ vuông là một mẫu.

[61] Minh tướng 明相: nghĩa đen là tướng sáng. Ban đêm là tướng tối, ban ngày là tướng sáng. Nghĩa bóng là chỉ cho mặt trời. Nên có thể dịch 'minh tướng' là mặt trời.

## Quyển 2

**Chư Đại đức đây là chín mươi pháp Ba-dật-đề, cứ nửa tháng, nửa tháng nói một lần, được trích ra từ giới kinh.**

### 1. Giới Cổ Nói Dối

#### a. Duyên khởi

Một thời, Đức Phật trú ở Thích-sí-sầu. Bấy giờ, trong dòng họ Thích có một người con trai tên là Tượng Lực, có tài đàm luận. Một hôm, Tượng Lực luận bàn với ngoại đạo bị thua, liền nói ngược lại với điều đã nói trước. Khi ở trong Tăng bị hỏi, Tượng Lực cũng nói ngược với những điều đã nói trước. Vì vậy bị Phạm chí chê cười là không phụng hành chính pháp. Các thầy ti-kheo đem lỗi ấy bạch Phật. Nhân đó, Đức Phật chế giới này.

#### b. Văn giới

Tì-kheo nào, biết mà nói dối, ba-dật-đề.

### c. Giải thích

– Tì-kheo: nghĩa như trên.

– Biết: đó là do thấy, nghe, xúc giác và không thấy mà biết, như vậy có tất cả tám trường hợp. Thấy: nhãn thức có thể thấy cho đến ý thức có thể biết. Không thấy: trừ nhãn thức, năm thức còn lại. Như thế, giống như trường hợp nói ngược lại với trước.

– Mà nói dối: người nào có thấy, nghe, xúc giác, biết nhưng vì tưởng, nghi, rồi nói không thấy, không nghe, không xúc giác, không biết, ba-dật-đề. Cho đến không thấy, không nghe v.v... giống như trên. Nếu vốn có ý định nói dối và khi nói dối nhưng không nhớ đó là nói dối, đột-kiết-la. Nếu trước, sau không nhớ, nhưng khi nói biết đó là nói đúng, nói dối thì phạm ba-dật-đề. Hoặc điều thấy có khác, điều nhãn chụ có khác, điều ham muốn có khác, điều xúc giác có khác, điều nghĩ tưởng có khác; những việc như thế đều là nói dối. Khi nói giới cho đến hỏi ba lần, nhớ nghĩ có tội mà không nói thì phạm đột-kiết-la.

– Ba-dật-đề: nếu nói không rõ ràng phạm đột-kiết-la. Tì-kheo-ni cũng phạm như vậy. Ba chúng dưới phạm đột-kiết-la.

– Trường hợp không phạm: không có tám trường hợp như: thấy nói không thấy, cho đến biết nói biết v.v... Nếu ý có tưởng thấy liền nói thì không phạm.

## 2. Giới Măng Nhiếp

## a. Duyên khởi

Một thời, Đức Phật trú tại nước Xá-vệ. Bấy giờ, nhóm sáu thầy ò-kheo đến trước người đoán sự mǎng nhiếc người kia bằng giống loài. Ò-kheo kia hổ thẹn quên trước, quên sau, nên không nói được lời nào. Chư ò-kheo đem việc ấy bạch Phật. Đức Phật dẫn chuyện con bò[62] để thí dụ cho loài súc sinh khi bị hủy báng còn không đủ sức để tiến lên phía trước v.v... Nhân đó, Đức Phật chế giới này.

## b. Văn giới

Ò-kheo nào, nhục mạ bằng giống loài, ba-dật-đề.

## c. Giải thích

– Ò-kheo: nghĩa như trên.

– Giống loài: có nhiều dòng họ. Hoặc nói ông sinh vào dòng họ, gia đình thấp hèn, hành nghề cũng thấp hèn, kĩ nghệ, công xảo cũng thấp hèn. Hoặc nói ông phạm tội, hoặc nói ông còn nhiều kết sử, ông mù, ông chột v.v...

– Nhục mạ: như sáu trường hợp nhục mạ vừa nêu ở trên. Ngoài ra, nếu ò-kheo nói nhục mạ trước mặt, hoặc dùng thí dụ để nhục mạ, nhục mạ bằng cách so sánh với mình thì phạm tội đọa. Nói mà không rõ ràng thì phạm độn-kiết-la.

– Ba-dật-đề: Hoặc nói thiện pháp để nhục mạ trước mặt, như nói: 'Người là người a-lan-nhã', cho đến nói 'người là người ngồi thiền.' Hoặc mượn thí dụ để nhục mạ, như nói: 'Người giống như người ngồi thiền.' Hoặc tự so sánh để

nhục mạ, như nói: 'Tôi không phải là người a-lan-nhã v.v... .' Nói rõ ràng, không rõ ràng đều phạm đột-kiết-la. Tì-kheo-ni phạm tội đọa. Ba chúng dưới phạm đột-kiết-la.

– Trường hợp không phạm: vì lợi ích chung nên nói. Hoặc vì pháp, vì luật, vì dạy dỗ nên nói. Hoặc vì quá thân mật. Hoặc nói giỡn, hoặc lỡ lời, hoặc nói nhầm, đều không phạm.

### 3. Giới Nói Hai Lưỡi

#### a. Duyên khởi

Một thời, Đức Phật ở nước Xá-vệ. Bấy giờ, nhóm sáu thầy tì-kheo truyền rao lời nói bên này, bên kia làm cho trong chúng sinh ra đấu tranh, không thể chấm dứt được. Các thầy tì-kheo đem lỗi ấy bạch Phật. Đức Phật dẫn chuyện dã can[63] gây ra loạn đấu giữa hai con thú, hưởng gì con đối với con người. Nhân đó, Đức Phật quả trách rồi chế giới này.

#### b. Văn giới

Tì-kheo nào, nói hai lưỡi, ba-dật-đề.

#### c. Giải thích

– Tì-kheo: nghĩa như trên.

– Nói hai lưỡi: nói lời làm cho mười chúng loạn đấu nhau, vì muốn chia rẽ bên này với bên kia.

– Ba-dật-đề.

– Trường hợp không phạm: vì phá ác tri thức, phá bạn đảng, phá hòa thượng, phá đồng hòa thượng, phá tri thức, phá thân hữu, phá những người nói nhiều mà vô nghĩa, vô lợi, vì muốn phương tiện làm cho vô lợi, vô nghĩa. Phá những người như vậy thì không phạm.

#### 4. Giới Ngủ Chung Với Người Nữ

##### a. Duyên khởi

Một thời, Đức Phật ở nước Xá-vệ. Bấy giờ, tôn giả A-nạt-luật xin ngủ qua đêm tại nhà dâm nữ. Đêm hôm ấy, dâm nữ thoát ý đến quấy nhiễu tôn giả. Tôn giả liền bay lên hư không. Dâm nữ thấy vậy vô cùng hổ thẹn và sám hối. Nhân đó, tôn giả nói pháp cho dâm nữ nghe và dâm nữ đắc đạo. Các thầy ù-kheo biết được việc ấy bạch Phật. Nhân đó, Đức Phật quả trách và chế giới này.

##### b. Văn giới

Tỳ-kheo nào, cùng với phụ nữ ngủ một buồng, ba-dật-đề.

##### c. Giải thích

– Tỳ-kheo: nghĩa như trên.

– Cùng với người nữ: là người có hiểu biết, mạng căn chưa đoạn.

– Một buồng: bốn bên có tường vách ngăn che, bên trên có lợp; hoặc phía trước trống không có tường; hoặc có che nhưng không che khắp hết; hoặc che khắp hết nhưng có cửa chỗ trống.

– Ngủ: hoặc tì-kheo ngủ trước, người nữ đến sau; hoặc cả hai đến cùng một lúc; hoặc tựa lưng; hoặc nằm, tùy theo mức độ hông chạm đất, hoặc tùy sự lăn trở đều phạm ba-dật-đề.

– Ba-dật-đề: hoặc là phi nhân nữ, súc sinh cái, huỳnh môn, hoặc người hai căn, ngủ cùng nhà, phạm đột-kiết-la. Ban ngày, người nữ đứng, tì-kheo nằm thì phạm đột-kiết-la.

– Trường hợp không phạm: không biết trong nhà kia có người nữ; hoặc nhà đó không có che chắn; hoặc che một nửa, lợp một ít; hoặc che hết, hoặc che chắn một nửa, lợp một nửa. Những trường hợp khác theo trên mà biết. Hoặc vì bệnh nên nằm, hoặc bị trói, hoặc vì mạng nạn, phạm hạnh nạn v.v... đều khai.

## **5. Giới Ngủ Chung Với Người Chưa Thọ Cụ Túc Quán Hạn**

### **a. Duyên khởi**

Một thời, Đức Phật ở tại thành Khoáng-dã. Bấy giờ, nhóm sáu thầy tì-kheo cùng với các trưởng giả ngủ chung ở nhà giảng. Khi ấy, có tì-kheo ngủ với tâm tán loạn nên lộ hình và bị những trưởng giả kia cười giễu. Các tì-kheo biết việc ấy bạch Phật. Nhân đó, Phật chế giới này. Thời gian sau, Đức Phật ở nước Câu-thiệm-di khai cho được ngủ hai, ba đêm và kết lại giới này.

### **b. Văn giới**

Tì-kheo nào, ngủ chung với người chưa thọ đại giới, quá hai đêm, đến đêm thứ ba, ba-dật-đề.



### c. Giải thích

- Tì-kheo nào: nghĩa như trên.
- Với người chưa thụ đại giới: trừ tì-kheo, tì-kheo-ni, còn lại đều là người chưa thụ đại giới.
- Ngủ chung: ngủ cùng phòng, như giới trước đã nói.
- Quá hai đêm, đến đêm thứ ba: nếu ngủ chung hai đêm, hoặc ba đêm, khi minh tướng chưa xuất hiện nên thức dậy bỏ đi. Đến đêm thứ tư, hoặc tự bỏ đi, hoặc bảo người chưa thụ đại giới đi.
- Ba-dật-đề: nếu cùng với phi nhân, súc sinh đực, ngủ chung quá ba đêm, tất cả đều phạm đột-kiết-la.

Về phần trường hợp được khai, đều giống với giới trước.

## **6. Giới Cùng Người Chưa Thụ Cụ Túc Giới Tụng Kinh**

### a. Duyên khởi

Một thời, Đức Phật ở thành Khoáng-dã. Bấy giờ, nhóm sáu thầy tì-kheo cùng với những trưởng giả tụ tập ở giảng đường tụng kinh, nói cười lớn tiếng làm náo loạn người ngồi thiền. Các thầy tì-kheo bạch Phật. Nhân đó, Đức Phật chế giới này.

### b. Văn giới

Tì-kheo nào, tụng đọc pháp chung với người chưa thụ đại giới, ba-dật-đề.

### c. Giải thích

– Tì-kheo nào: nghĩa như trước.

– Với người chưa thụ đại giới: nghĩa như trên.

– Tụng đọc chung: nghĩa là tụng cú nghĩa, cú vị, tự nghĩa, phi cú nghĩa, phi cú vị, phi tự nghĩa.

Cú nghĩa: cùng tụng, không trước, không sau. Phi cú nghĩa: như có một người nói 'chớ làm các việc ác' chưa dứt, thì người thứ nhất lập lại giống như vậy. Cú vị: như tụng 'mắt vô thường' v.v... . Phi cú vị: là lập lại câu vừa tụng trước. Tự nghĩa: là cùng tụng chữ A. Phi tự nghĩa: tụng lại chữ A trước.

– Pháp: là chính pháp do Đức Phật, Thanh văn, tiên nhân, các trời nói.

– Ba-dật-đề: hoặc cùng tụng một lời, hai lời, ba lời; hoặc truyền trao bằng miệng, hoặc truyền trao bằng chữ viết, hoặc nói không rõ ràng, hoặc nói rõ ràng, và cùng tụng với phi nhân, súc sinh, đều phạm đột-kiết-la. Nếu vị thầy không dạy: "Ta nói rồi, ông mới nói", thì thầy phạm đột-kiết-la.

– Trường hợp không phạm: "Tôi nói xong, ông mới nói." Một người tụng rồi, một người chép. Hoặc đồng nghiệp, đồng tụng; hoặc cười giỡn; hoặc nói một mình; hoặc nói lầm; hoặc muốn nói việc này lại nói việc kia; tất cả đều không phạm.

## 7. Giới Nói Thô Tội

## a. Duyên khởi

Một thời, Đức Phật ở tại thành La-duyệt. Bấy giờ, có ò-kheo đang hành ba-lợi-bà-sa, ma-na-đòa, nên ngồi dưới hết mọi người. Khi ấy, nhóm sáu thầy ò-kheo đem việc phạm của ò-kheo kia nói với hàng cư sĩ. Ò-kheo phạm lỗi kia và những ò-kheo khác đều hổ thẹn. Các ò-kheo đem việc ấy bạch Phật. Nhân đó, Đức Phật quả trách rồi chế giới này.

## b. Văn giới

Ò-kheo nào, biết ò-kheo khác có thô ác tội, đem nói với người chưa thụ đại giới, trừ Tăng yết-ma, ba-dật-đề.

## c. Giải thích

– Ò-kheo nào: nghĩa như trước.

– Biết: người không biết thì được khai.

– Ò-kheo khác có thô ác tội: là bốn tội ba-la-di và mười ba tội tăng-già-bà-thi-sa.

– Đem nói với người chưa thụ đại giới, trừ Tăng yết-ma, ba-dật-đề: trừ các thô tội, nếu nói những tội khác, tự nói thô tội, nói tội của người khác, tất cả đều phạm đột-kiết-la.

– Trường hợp không phạm: hoặc không biết, hoặc được chúng Tăng sai, hoặc tưởng không phải thô tội, hoặc trước đó hàng bạch y đã nghe rồi, tất cả đều không phạm.

## **8. Giới Nói Với Bạch Y Minh Thật Đặc Đạo**

### a. Duyên khởi

Một thời, Đức Phật ở tại thành Tì-xá-li, vì nhân duyên đại vọng ngữ trước, Ngài cho tập Tăng, quở trách, rồi chế giới này.

### b. Văn giới

Tì-kheo nào, đối với người chưa thụ đại giới nói pháp hơn người, nói rằng: 'Tôi thấy điều này, tôi biết điều này.' Nếu đây là sự thật, ba-dật-đề.

### c. Giải thích

Đều giống như chương đầu tiên ở trên. Nếu nói thì thành nghiệp báo. Nếu nói giỡn, nói lầm thì đều không phạm.

## **9. Giới Một Mình Nói Pháp Cho Người Nữ**

### a. Duyên khởi

Một thời, Đức Phật ở tại nước Xá-vệ. Bấy giờ, tì-kheo Ca-lưu-đà-di ở trước mặt người mẹ chồng, thầy ghé bên tai nói pháp cho cô con dâu nghe. Người mẹ chồng chê trách và hỏi cô con dâu. Các thầy tì-kheo đem lỗi ấy bạch Phật. Nhân đó, Đức Phật ngăn cấm. Sau đó, Đức Phật khai cho được phép nói năm sáu lời và nếu có người năm có hiểu biết thì được phép nói quá năm sáu lời.

### b. Văn giới

Tì-kheo nào, nói pháp cho người nữ quá năm, sáu lời, trừ có mặt người nam có hiểu biết, ba-dật-đề.

### c. Giải thích

– Tì-kheo: nghĩa như trên.

– Cùng với người nữ: nghĩa như trên.

– Nói pháp quá năm lời: như nói: sắc, thụ, tưởng, hành, thức, vô ngã.

– Sáu lời: như nói: mắt, tai, mũi, lưỡi, thân, ý, vô thường.

– Trừ có mặt người nam có hiểu biết: biết được việc thô ác và việc không thô ác.

– Ba-dật-đề: nếu nói không rõ ràng, phạm đột-kiết-la. Nếu nói với phi nhân, súc sinh quá năm, sáu lời phạm đột-kiết-la.

– Trường hợp không phạm: hoặc có người nam có hiểu biết, nói quá năm, sáu lời; hoặc không có người nam có hiểu biết tùy hỏi nên đáp, cũng có thể nói rộng ra; hoặc truyền năm giới cho ưu-bà-di, nên nói năm giới pháp và vì người thụ Bát quan trai mà nói bát quan trai pháp; hoặc giảng Bát thánh đạo, Thập bất thiện pháp; hoặc vì người nữ hỏi những nghĩa mà họ không hiểu mà giảng giải rộng thì đều không phạm.

## 10. Giới Đào Đất

### a. Duyên khởi

Một thời, Đức Phật ở thành Khoáng dã. Bấy giờ, nhóm sáu thầy ò-kheo vì Phật tu sửa giảng đường, đào đất xung quanh giảng đường. Khi ấy, các trưởng giả chê bai: “Sa-môn Thích tử không biết chính pháp, đoạn mạng căn của loài khác.” Nhân đó, Đức Phật chế giới này. Thời gian sau, nhóm sáu thầy ò-kheo vì tu sửa giảng đường nên sai người đào đất, chỉ bảo: “Đào chỗ này, đem đổ chỗ này.” Lần này, cũng bị các trưởng giả chê trách. Các thầy ò-kheo đem lỗi ấy bạch Phật. Nhân đó, Đức Phật lại chế giới.

#### b. Văn giới

Tì-kheo nào, tự tay đào đất, hoặc sai người đào, ba-dật-đề.

#### c. Giải thích

– Tì-kheo: nghĩa như trên.

– Tự tay đào: dùng cuốc, bừa, chày đập, cho đến dùng móng tay gõ, khêu. Hoặc đập, chặt xuống đất; hoặc đốt lửa trên đất và tường có đất.

– Đất: hoặc đất chưa đào, đất đã đào; hoặc trải qua bốn tháng trời mưa thấm lại như cũ.

– Hoặc sai người đào: hoặc không chỉ dạy rằng: “Xem cái này, biết cái này!” phạm đột-kiết-la.

– Ba-dật-đề: ba chúng dưới phạm đột-kiết-la. Thiên sau cũng giống như thiên này.

– Trường hợp không phạm: hoặc nói: “Biết cái này, xem cái này.” Hoặc kéo cây, kéo gỗ; hoặc rào ngã dựng lại; hoặc lật gạch, đá lấy phân bò; hoặc lấy đất do bờ đất sập lở; hoặc lấy đất chỗ hang chuột. Trừ đất chỗ đi kinh hành và đất trong phòng. Hoặc đất chỗ lui tới kinh hành; hoặc quét đất; hoặc không có ý đào. Tất cả đều không phạm.

## 11. Giới Phá Hoại Sự Sống

### a. Duyên khởi

Một thời, Đức Phật ở thành Khoáng dã. Ngài cho tập hợp Tăng và dạy rằng: “Có tì-kheo vì tu sửa phòng xá mà tự mình chặt cây. Đây không phải pháp của sa-môn.” Nhân đó, Đức Phật quả trách rồi chế giới này.

### b. Văn giới

Tì-kheo nào, phá hoại thân của quỷ thần, ba-dật-đề.

### c. Giải thích

– Tì-kheo: nghĩa như trước.

– Phá hoại: chặt cho chúng rơi ngã xuống gọi là pháp hoại.

– Quỷ thần: chính là không phải người.

– Thân: tất cả cỏ cây là nơi nương tựa của quỷ và súc sinh. Thân có năm loại: rễ, nhánh, lóng, phú-la, hạt.

– Ba-dật-đề: hoặc tưởng đang có sự sống, tự mình chặt; sai người chặt, tự mình sao, nấu; sai người sao, nấu, đều

phạm tội đọa. Nếu nghi có sự sống mà chặt v.v... phạm đột-kiết-la. Cỏ cây có bảy loại sắc, tự mình phá hoại, sai người phá hoại, phạm tội đọa. Nghi có sự sống, tưởng có sự sống rồi phá hoại phạm đột-kiết-la. Hoặc đóng cọc lên cây cỏ đang sống; hoặc dùng lửa đốt v.v... đều phạm tội đọa. Hoặc chặt nhiều phần cây cỏ đang sống, phạm tội đọa. Hoặc chặt cây cỏ một nửa khô, một nửa còn đang tươi sống và không nói: "Biết cái này, xem cái này", tất cả đều phạm đột-kiết-la.

– Trường hợp không phạm: Hoặc nói: "Xem cái này, biết cái này." Hoặc chặt cây cỏ đã khô héo. Hoặc kéo cây, tre trên cây cỏ đang tươi sống. Hoặc sửa hàng rào, dẹp chỗ bị ngăn trở; hoặc lật đá để lấy phân bò. Hoặc cỏ che đường đi dùng gậy vẹt cho trống. Hoặc vì dùng ngói, đá làm trụ mà đứt, dập cỏ cây. Hoặc quét dọn đất kinh hành. Hoặc quét dọn nơi kinh hành. Hoặc dùng gậy chống xuống đất mà làm đứt cỏ cây đang tươi sống, đều không phạm.

## **12. Giới Nói Lời Khác Làm Phiền Người**

### **a. Duyên khởi**

Một thời, Đức Phật ở nước Câu-thiểm-tì. Bảy giờ, tì-kheo Xiển-đà phạm tội. Các tì-kheo khác hỏi, thì tì-kheo Xiển-đà trả lời việc khác. Các thầy tì-kheo đem lỗi ấy bạch Phật. Đức Phật quở trách rồi, Ngài cho phép các tì-kheo tác bạch dư ngữ. Sau đó, tì-kheo Xiển-đà lại gây phiền nhiễu chúng Tăng bằng cách gọi đến thì không đến, cho đến không nên nói lại nói. Các thầy tì-kheo đem lỗi ấy bạch Phật. Đức Phật quở trách rồi, cho làm pháp tác bạch Xúc não. Nhân đó, Đức Phật chế giới này.



## b. Văn giới

Tì-kheo nào, nói dư ngữ và gây phiền nhiễu người khác, ba-dật-đề.

## c. Giải thích

– Tì-kheo: nghĩa như trên.

– Nói dư ngữ: khi Tăng chưa bạch mà nói lảng, như nói: “Thầy nói với ai? Nói việc gì? Luận việc gì? Nói với tôi hay nói với người khác? Tôi không thấy tội này.” Tất cả đều phạm đột-kiết-la. Nếu tác bạch xong rồi, nói những việc như thế, phạm tội đọa.

– Gây phiền nhiễu người khác: tương tự như những việc vừa nêu trước, cho đến việc không đáng nói nhưng lại nói, tất cả đều phạm đột-kiết-la. Khi Tăng đã tác bạch rồi mà vẫn nói thì phạm ba-dật-đề.

– Ba-dật-đề: nếu thượng tọa gọi đến mà không đến, thì phạm đột-kiết-la.

– Trường hợp không phạm: nghe lại mà không hiểu lời nói trước, vì có sự lẫn lộn, mập mờ. Cho nên, hỏi lại: “Thầy nói với ai?... cho đến, Tôi không thấy tội này.” Nếu tác bạch phi pháp; hoặc làm yết-ma không đem lại lợi ích, không đem lại hòa hợp, khi ấy gọi đến thì không đến. Nếu vì sự yết-ma phi pháp, lúc ấy vì muốn biết lời chỉ dạy, dù bảo chớ đến nhưng lại đến. Hoặc nhất tọa thực;<sup>[64]</sup> hoặc không tác pháp dư thực mà ăn; hoặc bị bệnh bảo đứng lên nhưng không đứng; hoặc vì mạng nạn, phạm hạnh nạn v.v... bảo chớ đứng dậy nhưng lại đứng dậy. Nếu vì ác tâm

mà hỏi thì không cần phải trả lời. Hoặc tác yết-ma phi pháp liền bị quở trách. Hoặc nói nhỏ, nói sai, tất cả đều không phạm.

### 13. Giới Ghét Và Nhục Mạ Vị Tri Sự

#### a. Duyên khởi

Một thời, Đức Phật ở thành La-duyệt. Bấy giờ, tì-kheo Đạp-bà-ma-la được Tăng sai làm tri sự. Khi ấy, tì-kheo Từ Địa đứng ở chỗ cách tì-kheo Đạp-bà-ma-la trong khoảng tầm mắt nhìn thấy, chê trách tì-kheo Đạp-bà-ma-la. Các tì-kheo đem lỗi ấy bạch Phật. Đức Phật quở trách rồi chế giới. Sau đó, tì-kheo Từ Địa lại ở nơi có thể nghe được mà nhục mạ tì-kheo Đạp-bà-ma-la. Các tì-kheo lại đem lỗi ấy bạch Phật. Đức Phật liền theo giới đã chế trước bổ sung thêm.

#### b. Văn giới

Tì-kheo nào, biếm nhẽ và mắng chửi, ba-dật-đề.

#### c. Giải thích

– Tì-kheo: nghĩa như trên.

– Biếm nhẽ: ở chỗ nhìn thấy mặt mà không ghe nói: “Có ái, có sân, có sợ hãi, có si.”

– Mắng chửi: ở chỗ không thấy nhưng nghe được rồi nhục mạ.

– Ba-dật-đề: chẳng những không nghe lời chỉ bảo của thượng tọa mà còn mắng nhiếc, phạm đột-kiết-la.

– Trường hợp không phạm: thật có việc như vậy, nhưng vì sợ hãi, nên sau đó hối hận nói khiến như pháp để phát lồ; liền nói ‘có á, v.v...’ Hoặc nói giỡn, nói lảm, đều không phạm.

## **14. Giới Trại Vật Của Tăng Ở Chỗ Đất Trống**

### **a. Duyên khởi**

Một thời, Đức Phật ở nước Xá-vệ. Bấy giờ, có một trưởng giả thỉnh Tăng dùng cơm. Lúc ấy, vì chưa đến giờ ăn, nên nhóm mười bảy thầy òi-kheo lấy tọa cụ của Tăng trải nơi đất trống rồi đi kinh hành chờ đến giờ ăn. Đến giờ ăn, các vị ấy bỏ đi mà không thu dọn tọa cụ, nên bị gió, bụi đất, côn, trùng, chim làm bẩn. Các òi-kheo đem việc ấy bạch Phật. Nhân đó, Đức Phật quả trách và chế giới này.

### **b. Văn giới**

Ti-kheo nào, mang giường dây, giường gỗ, hoặc tọa cụ, đệm ngồi của Tăng, bày nơi đất trống hoặc bảo người bày, khi bỏ đi không tự mình dọn cất, không sai người dọn cất, ba-dật-đề.

### **c. Giải thích**

– Ti-kheo: nghĩa như trước.

– Mang vật của Tăng: có ba loại: vật của chúng Tăng, vật vì Tăng, vật thuộc về Tăng.

– Giường dây: có năm loại: giường nằm chân xoay, giường nằm chân thẳng, giường nằm chân cong, giường nằm ráp mộng, giường nằm không có chân.

– Giường gỗ: cũng có năm loại, giống như trên.

– Ngọa cụ: hoặc dùng để ngồi, hoặc dùng để nằm.

– Đệm ngồi: nghi rằng thường dùng để ngồi.

– Bày nơi đất trống hoặc bảo người bày, khi bỏ đi không tự mình dọn cất, không sai người dọn cất, ba-dật-đề: người kia lấy vật của Tăng trao cho thầy tri sự và nói rằng: “Nay tôi trao cho thầy, thầy cất giữ giúp.” Nếu không có ai, thì phải đem cất nơi kín đáo. Nếu không có nơi kín đáo thì phải chọn chỗ không gây hư hoại, rồi dùng cái xấu phủ lên trên cái tốt. Nếu đi mà về liền thì nên đi. Tùy theo mưa vừa hay mưa lớn, nếu đi mà về kịp thì nên đi. Người kia nên tuân tự làm theo các cách như vậy rồi đi. Nếu không làm như vậy, vừa ra khỏi cửa thì phạm tội đọa. Nếu chuẩn bị đi rồi quay lại, hối hận, tất cả đều phạm đột-kiết-la. Nếu hai người ngồi chung, thì vị hạ tọa nên thu dọn. Nếu vị hạ tọa không dọn thì phạm hai tội, vị thượng tọa phạm một tội đọa. Nếu cả hai vị đều không dọn thì cả hai đều phạm tội đọa.

Ngoài ra, giường dây, giường nằm, ghế v.v... không thu dọn và lớp trong, lớp ngoài của ngọa cụ, tọa cụ, tất cả đều phạm đột-kiết-la. Nếu trái vật của Tăng chỗ đất trống rồi bỏ vào phòng, ngồi tư duy thì phạm đột-kiết-la.

– Trường hợp không phạm: đem vật của Tăng trải nơi đất trống, trước khi đi nói với người ở lâu, Ma-ma-đế,[65]

người giúp việc, khiến cho họ biết những cách thức như trên, thì tất cả đều không phạm.

## 15. Giới Trái Vật Của Tầng Nơi Kín Đáo

### a. Duyên khởi

Một thời, Đức Phật ở nước Xá-vệ. Bấy giờ, có tì-kheo khách ở phòng bên cạnh trái ngọa cụ, ngủ qua đêm. Sau đó, vị ấy không nói mà bỏ đi. Vì thế ngọa cụ bị mục rách, trùng cắn rủa, bạc màu. Các tì-kheo biết lỗi ấy bạch Phật. Nhân đó, Đức Phật chế giới này.

### b. Văn giới

Tì-kheo nào, ở trong phòng của Tầng, trái ngọa cụ của Tầng, hoặc tự mình trái, hoặc bảo người trái, hoặc ngồi, hoặc nằm, khi đi không tự dọn cất, không bảo người dọn cất, ba-dật-đề.

### c. Giải thích

– Tì-kheo: nghĩa như trên.

– Ở trong phòng của Tầng, trái ngọa cụ của Tầng: giường dây, giường gỗ, ngọa cụ, nệm, toạ cụ, gối, đồ trải dưới đất, cho đến đồ nằm bằng lông.

– Hoặc tự mình trái, hoặc bảo người trái, hoặc ngồi, hoặc nằm, khi đi không tự dọn cất, không bảo người dọn cất: người kia nên nói với vị tì-kheo ở lâu rằng: “Dọn cất giúp tôi.” Nếu không có người để giao phó mà không sợ mất, thì nên dời giường ra cách vách và kê chân giường lên cao,

đem gối, nệm, nọạ cụ để bên trong rồi lấy những cái thô xấu phủ lên trên. Nếu sợ bị hư hoại thì nên lấy nọạ cụ v.v... máng lên trên giá áo, dựng đứng giường lên rồi đi. Nếu không làm như vậy mà bỏ đi, khi ra ngoài giới phạm tội đọa. Định đi rồi quay trở lại, hối hận phạm đột-kiết-la. Nếu đi rồi về liền, hoặc trải qua hai đêm ở ngoài giới, đến đêm thứ ba khi minh tướng chưa xuất hiện mà không tự trở về, không sai người lấy cất, thì phạm tội đọa.

– Ba-dật-đề.

– Trường hợp không phạm: ngoài những việc giống như những phương tiện ở giới trên, nếu ở ngoài giới, bị đường xá chia cách, hay gặp phạm hạnh nạn, mạng nạn v.v... thì đều khai.

## **16. Giới Chen Lấn Trải Tọa Cụ**

a. Duyên khởi

Một thời, Đức Phật ở nước Xá-vệ. Bấy giờ, nhóm sáu thầy tì-kheo và nhóm mười bảy thầy tì-kheo trên đường cùng đi đến tụ lạc khác, nơi không có trú xứ của tì-kheo. Khi ấy, nhóm mười bảy thầy tì-kheo tự tìm trú xứ. Nhóm sáu thầy tì-kheo kia biết nhóm mười bảy thầy tì-kheo đã tìm được chỗ ngủ, nên đến chen vào giữa trải nọạ cụ để ngủ. Các tì-kheo biết được việc ấy bạch Phật. Nhân đó, Đức Phật quả trách rồi chế giới này.

b. Văn giới

Tì-kheo nào, đã biết đó là chỗ nghỉ của tì-kheo đến trước, mình đến sau cố chen vào khoảng giữa trải nọạ cụ để

ngủ, với ý nghĩ rằng: 'Người kia nếu hiềm chậ thì tự tránh đi nơi khác;' hành động với nhân duyên như vậy chứ không gì khác, chẳng phải oai nghi, ba-dật-đề.

### c. Giải thích

– Tì-kheo: nghĩa như trên.

– Biết: người không biết thì được khai cho.

– Đó là chỗ ngủ của tì-kheo đến trước, mình đến sau cố chen vào khoảng giữa: hoặc bên đầu, bên chân, hoặc hai bên hông.

– Trái ngọa cụ: hoặc trái cỏ, trái lá cây, cho đến đồ trái dưới đất, đồ nằm bằng lông.

– Để ngủ, với ý nghĩ rằng: 'Người kia nếu hiềm chậ thì tự tránh đi nơi khác;' hành động với nhân duyên như vậy chứ không gì khác, chẳng phải oai nghi, ba-dật-đề: tùy theo mỗi lần trở mình, hông chạm giường phạm tội đọa.

– Trường hợp không phạm: trước không biết, hoặc nói với người ở trước, hoặc cửa đã mở sẵn, hoặc nơi rộng rãi không trở ngại nhau, hoặc cửa đóng bên ngoài. Hoặc có người bạn thân xưa nói: "Hãy trái đi, tôi sẽ nói với người chủ." Hoặc bị té xuống đất, hoặc bị bệnh xoay chuyển ngã lên trên, hoặc bị thế lực bắt, hoặc bị trói nhốt, hoặc bị mạng nạn, phạm hạnh nạn, tất cả đều không phạm.

## 17. Giới Đuối Người Ra Khỏi Phòng

### a. Duyên khởi

Một thời, Đức Phật ở nước Xá-vệ. Bấy giờ, nhóm sáu thầy tì-kheo và nhóm mười bảy thầy tì-kheo đi cùng đường đến một trú xứ nhỏ kia. Nhóm mười bảy thầy tì-kheo đến trước vào chùa, quét dọn, vẩy nước sạch sẽ. Nhóm sáu thầy biết nhóm mười bảy thầy tì-kheo được chỗ tốt liền đuổi, kéo họ ra ngoài. Các thầy tì-kheo đem lỗi ấy bạch Phật. Nhân đó, Đức Phật chế giới này.

#### b. Văn giới

Tì-kheo nào, giận tì-kheo khác, không vui, tự mình kéo ra hay bảo người khác kéo tì-kheo ấy ra khỏi tăng phòng, ba-dật-đề.

#### c. Giải thích

– Tì-kheo: nghĩa như trên.

– Giận tì-kheo khác, không vui, tự mình kéo ra hay bảo người khác kéo tì-kheo ấy ra khỏi Tăng phòng: hoặc tự mình kéo, hoặc sai người kéo. Tùy theo sự lôi kéo nhiều hay ít, tùy vào việc ra khỏi phòng mà phạm. Hoặc lôi kéo nhiều người ra khỏi một cửa; hoặc lôi kéo một người ra khỏi nhiều cửa, đều phạm nhiều tội đọa. Hoặc lôi kéo một người ra khỏi một cửa, phạm một tội đọa. Hoặc đem nhiều vật ra khỏi cửa; hoặc ném ra ngoài cửa; hoặc đóng cửa để người ở ngoài, đều phạm độn-kiết-la.

– Ba-dật-đề.

– Trường hợp không phạm: không có tâm giận hờn, theo thứ tự đi ra; hoặc đuổi người chưa thụ giới cụ túc ra; hoặc vì người phá giới, phá kiến, phá oai nghi, người bị cử tội,



người bị diệt tẩn. Vì những nhân duyên như vậy, có thể dẫn đến mạng nạn, phạm hạnh nạn, nên đuổi người ra ngoài, đều không phạm.

## **18. Giới Ngồi Giường Chân Không Vững**

### **a. Duyên khởi**

Đức Phật ở nước Xá-vệ. Bấy giờ, có tì-kheo ở trên lầu gác, ngồi trên giường chân bị rời khớp, nên chân giường rơi xuống trúng tì-kheo bên dưới bị thương chảy máu. Tì-kheo bên dưới ngửa mặt lên, giận dữ mắng chửi. Các tì-kheo đem lỗi ấy bạch Phật. Nhân đó, Đức Phật quả trách và chế giới này.

### **b. Văn giới**

Tì-kheo nào, hoặc trong phòng, hoặc trên tầng gác, nằm hay ngồi trên giường dây, giường gỗ bằng chân ráp, ba-dật-đề.

### **c. Giải thích**

– Tì-kheo: nghĩa như trên.

– Hoặc trong phòng: hoặc phòng của Tăng, hoặc phòng riêng.

– Hoặc trên tầng gác: đứng không đụng đầu.

– Giường dây, giường gỗ bằng chân ráp: ráp là ráp vào mộng.

- Hoặc ngồi hay nằm: tùy theo hông tiếp xúc với giường, tùy theo sự trở mình.
- Ba-dật-đề: trừ giường chân rập ra, hoặc ngồi giường độc tọa, hoặc giường một tấm ván, giường tắm,[66] tất cả đều phạm đột-kiết-la.
- Trường hợp không phạm: nếu ngồi giường chân xoay, chân thẳng, chân cong, không chân, hoặc giường chân lớn, hoặc giường chân rập mà có buộc cận thận, hoặc trên tầng gác có lót ván, hoặc cây chạm hoa để che, hoặc che dầy, hoặc lật ngửa giường mà ngồi, hoặc tháo chân giường mà ngồi, tất cả đều không phạm.

## 19. Giới Dùng Nước Có Trùng

### a. Duyên khởi

Một thời, Đức Phật ở nước Câu-thiểm-tì. Bấy giờ, tì-kheo Xiển-đà khởi công xây dựng phòng, tự lấy nước có trùng hòa với bùn, hoặc sai người hòa. Các trưởng giả thấy vậy hiềm trách rằng: “Sa-môn Thích tử không có chính pháp, hại sinh mạng chúng sinh.” Các tì-kheo đem lỗi ấy bạch Phật. Nhân đó, Đức Phật chế giới này.

### b. Văn giới

Tì-kheo nào, biết nước có trùng, mà tự mình rưới lên bùn hoặc cỏ, hoặc bảo người rưới, ba-dật-đề.

### c. Giải thích

- Tì-kheo: nghĩa như trên.

– Biết: không biết không phạm.

– Nước có trùng, mà tự mình rưới lên bùn hoặc cỏ, hoặc bảo người rưới: hoặc dùng cỏ, đất ném vào trong nước có trùng, hoặc nước trái cây, nước trái trong, hoặc dấm, lấy rưới bùn, lên cỏ, tất cả đều phạm tội đọa. Sai người làm cũng phạm như vậy.

– Ba-dật-đề.

– Trường hợp không phạm: không biết có trùng; nghĩ không có trùng; hoặc là trùng lớn; lấy tay khua động nước khiến trùng tránh đi; hoặc nước đã lọc tưới đất, hoặc sai người lọc, tất cả đều không phạm.

## 20. Giới Lợp Nhà Quá Hạn

### a. Duyên khởi

Một thời, Đức Phật ở nước Câu-thiểm-tì. Bấy giờ, tì-kheo Xiển-đà cất phòng, lợp mãi không thôi, dẫn đến phòng bị sập. Hàng cư sĩ chê trách rằng: “Tuy đàn-việt cúng không biết chán, nhưng người nhận phải biết đủ chứ!” Các thầy tì-kheo đem lỗi ấy bạch Phật. Nhân đó, Đức Phật chế giới này.

### b. Văn giới

Tì-kheo nào, làm phòng xá lớn, cánh cửa, khung cửa sổ và các thứ trang trí, chỉ dẫn lợp tranh ngang bằng hai, ba lớp; nếu lợp quá, ba-dật-đề.

### c. Giải thích

- Tì-kheo: nghĩa như trên.
- Làm phòng xá lớn: phòng phải cần dùng đến nhiều tài, vật.
- Cánh cửa, khung cửa sổ và các thứ trang trí: chạm trổ hoa văn.
- Chỉ dẫn lợp tranh: có hai cách lợp: lợp dọc và lợp ngang.
- Bằng hai, ba lớp; nếu lợp quá: tì-kheo kia chỉ dẫn lợp lớp thứ ba chưa xong, nên đi đến chỗ không thấy, không nghe; nếu không đi đến chỗ không thấy, không nghe, khi lợp lớp thứ ba xong thì phạm tội đọa.
- Ba-dật-đề: nếu bỏ chỗ tai nghe đến chỗ mắt thấy, bỏ chỗ mắt thấy đến chỗ tai nghe, tất cả đều phạm đột-kiết-la.
- Trường hợp không phạm: chỉ dẫn như trên và đi tránh xa thì đều không phạm.

## 21. Giới Tự Ý Giáo Thọ Ni

### a. Duyên khởi

Một thời, Đức Phật ở nước Xá-vệ. Bấy giờ, tì-kheo-ni Đại Ái Đạo đến thỉnh giáo thụ. Đức Phật bảo tôn giả A-nan nên sai thượng tọa đại tì-kheo giáo giới cho tì-kheo-ni. Khi ấy, tôn giả A-nan đến trong Tăng theo thứ tự sai tì-kheo Bàn-đà đến chúng tì-kheo-ni thuyết pháp. Nhóm sáu thầy tì-kheo theo thứ tự cũng đến bên tì-kheo-ni nhưng chỉ bàn chuyện thế tục. Vì thế, tì-kheo-ni Đại Ái Đạo mới đến bạch

Phật. Nhân đó, Đức Phật dạy phải bạch yết-ma sai tì-kheo đi giáo giới và chế giới này.

#### b. Văn giới

Tì-kheo nào, không được Tăng sai mà giáo giới tì-kheo-ni, ba-dật-đề.

#### c. Giải thích

- Tì-kheo: nghĩa như trên.
- Tăng: cùng một thuyết giới, cùng một yết-ma.
- Không sai: ở trong Tăng không được bạch nhị yết-ma.
- Giáo thụ: tám pháp không thể trái. Tám pháp này được trích ra đầy đủ như trong văn luật.
- Tì-kheo-ni, ba-dật-đề.

Vào giờ thuyết giới, người ngoài ở trên hỏi, đáp xong, hoặc Tăng sai, hoặc theo sự thỉnh cầu của ni chúng. Tì-kheo được sai kia phải đến đúng giờ như đã hẹn. Tì-kheo-ni cũng phải đón tiếp đúng giờ như đã hẹn. Nếu cả hai bên đều trái hẹn thì đều phạm đột-kiết-la. Nếu nghe tì-kheo đến thì tì-kheo-ni phải ra nửa do-tuần để đón rước và cung cấp những thứ cần dùng; nếu không làm như vậy thì phạm đột-kiết-la. Nếu không được Tăng sai, không phải ngày giáo thụ mà đến nói Tám pháp không thể trái thì phạm đột-kiết-la. Nếu không được Tăng sai mà đến nói pháp thì phạm tội đọa. Nếu Tăng tì-kheo bị bệnh, không hòa hợp, không đủ số chúng, (tì-kheo-ni) nên sai người đến lễ bái

hỏi thăm. Nếu tì-kheo-ni Tăng bệnh, Tăng tì-kheo cũng sai người đến làm lễ thăm hỏi. Nếu không làm như vậy thì phạm đột-kiết-la. Tì-kheo-ni và hai chúng dưới v.v... phạm đột-kiết-la.

– Trường hợp không phạm: tì-kheo-ni chúng làm các cách như trên mà vì bị đường xá chia cắt, gặp các nạn, không thể đi lại lễ bái thăm hỏi, thì đều không phạm.

## **22. Giới Thuyết Pháp Cho Ni Đến Chiều Tối**

### **a. Duyên khởi**

Một thời, Đức Phật ở nước Xá-vệ. Bấy giờ, tì-kheo Nan-đà được Tăng sai đi giáo giới tì-kheo-ni. Giáo thụ tì-kheo-ni xong, tì-kheo Nan-đà ngồi im lặng. Khi ấy, tì-kheo-ni Đại Ái Đạo lại thỉnh nói pháp tiếp. Vì thế, tì-kheo Nan-đà nói pháp đến chiều tối. Khi tì-kheo-ni ra khỏi tinh xá Kì-hoàn để về thành Xá-vệ, thì cửa thành đã đóng, nên phải dựa vào hào ở trong thành để ngủ qua đêm. Vì vậy, bị người đời chê trách. Các tì-kheo đem việc ấy bạch Phật. Nhân đó, Đức Phật quả trách và chế giới này.

### **b. Văn giới**

Tì-kheo nào, tuy được Tăng sai, nhưng giáo thụ tì-kheo-ni cho đến mặt trời lặn, ba-dật-đề.

### **c. Giải thích**

– Tì-kheo: nghĩa như trên.

– Được Tăng sai: một lần giáo thụ, một lần yết-ma.

- Giáo thụ: trong chúng Tăng bạch nhị yết-ma sai.
- Tì-kheo-ni cho đến mặt trời lặn: tì-kheo được Tăng sai kia giáo thụ ni phải về trước khi mặt trời lặn. Trừ việc giáo thụ, nếu dạy kinh, tụng kinh, hoặc tham vấn và vì những việc khác cho đến mặt trời lặn; trừ tì-kheo-ni, nếu vì các phụ nữ và người khác dạy kinh v.v... đến khi mặt trời lặn, tất cả đều phạm đột-kiết-la.
- Ba-dật-đề: tì-kheo-ni phạm đột-kiết-la.
- Trường hợp không phạm: giáo thụ tì-kheo-ni cho đến khi mặt trời chưa lặn liền dừng. Trừ phụ nữ, nếu vì người khác, hoặc nói pháp trên thuyền đò, tì-kheo-ni tình cờ nghe được. Hoặc nói pháp cho khách buôn vào ban đêm; hoặc ở trong chùa tì-kheo-ni; hoặc do người khác thỉnh, hoặc gặp lúc đang nói pháp nghe luôn, tất cả đều không phạm.

## **23. Giới Chê Trách Vị Giáo Thụ**

### **a. Duyên khởi**

Một thời, Đức Phật ở nước Xá-vệ. Bấy giờ, tì-kheo-ni nghe giáo thụ sư đến liền ra đón tiếp và cung cấp những thứ cần dùng. Khi ấy, nhóm sáu thầy tì-kheo sinh tâm ganh ghét, nói rằng: “Những tì-kheo kia không có tâm chân thật, chỉ vì thức ăn nên đến giáo thụ tì-kheo-ni.” Các thầy tì-kheo đem việc ấy bạch Phật. Nhân đó, Đức Phật chế giới này.

### **b. Văn giới**

Tì-kheo nào, nói với các tì-kheo như vậy: “Tì-kheo vì sự ăn uống mà giáo thụ tì-kheo-ni,” ba-dật-đề.

### c. Giải thích

– Tì-kheo: nghĩa như trên.

Nếu nói không rõ ràng phạm đột-kiết-la. Tì-kheo-ni v.v... phạm đột-kiết-la.

– Trường hợp không phạm: việc kia thật sự như vậy. Tức tì-kheo vì sự ăn uống, cúng dường mà giáo thụ tì-kheo-ni. Vì sự ăn uống mà dạy tụng kinh, học kinh, hoặc tham vấn, hoặc nói đùa, hoặc nói lảm, tất cả đều không phạm.

## 24. Giới Cho Tì-kheo-ni Không Phải Bà Con Y

### a. Duyên khởi

Một thời, Đức Phật ở nước Xá-vệ. Bấy giờ, có tì-kheo khát thực oai nghi đầy đủ. Tì-kheo-ni thấy sinh thiện cảm và nhiều lần thỉnh tì-kheo nhưng vị ấy không nhận lời. Sau đó, nhận được phần y của mình cho tì-kheo-ni. Tì-kheo-ni nhận liền. Vì thế, tì-kheo trách tì-kheo-ni kia rằng: “Tôi đã nhiều lần nói với người khác rằng: ‘Tì-kheo-ni này nhiều lần thỉnh tôi. Đem phần ăn của cô để dành cho tôi, tôi không nhận. Do đó, tôi nghĩ rằng, tì-kheo-ni này nhiều lần thỉnh tôi, đem phần ăn của cô để dành cho tôi, tôi không nhận; nay tôi đem phần y này biếu cho tì-kheo-ni này với ý nghĩ rằng, cô ấy cũng không nhận, đủ để đáp trả nhau. Nhưng cô lại nhận.’” Các thầy tì-kheo đem lỗi ấy bạch Phật. Nhân đó, Đức Phật chế giới này.

### b. Văn giới



Tì-kheo nào, cho y đến tì-kheo-ni chẳng phải thân quyến, trừ trao đổi, ba-dật-đề.

– Tì-kheo: nghĩa như trên.

– Cho tì-kheo-ni chẳng phải thân quyến: như trên đã giải thích.

– Y: có mười loại y như trên đã nói.

– Trừ trao đổi: lấy y đổi y, đổi vật không phải y, đổi kim, đổi dao, hoặc đổi chỉ may, cho đến một cân cỏ thuốc.

– Ba-dật-đề: tì-kheo-ni v.v... phạm đột-kiết-la.

– Trường hợp không phạm: cho tì-kheo-ni là bà con y, cùng nhau trao đổi, hoặc cho tháp, cho Phật, cho Tăng thì đều không phạm.

## **25. Giới May Y Cho Tì-kheo-ni Không Phải Bà Con**

### **a. Duyên khởi**

Một thời, Đức Phật ở nước Xá-vệ. Bấy giờ, tì-kheo Ca-lưu-đà-di may đại y cho tì-kheo-ni. Thầy vẽ hình nam nữ giao hợp may vào y. May xong, thầy giao cho tì-kheo-ni và dặn: “Khi mặc phải ở sau chúng tì-kheo-ni Tăng.” Hàng cư sĩ trong thấy sinh cơ hiểm. Tì-kheo-ni đem lỗi ấy bạch Phật. Nhân đó, Đức Phật chế giới này.

### **b. Văn giới**

Tì-kheo nào, may y cho tì-kheo-ni không phải thân quyến, ba-dật-đề.

### c. Giải thích

– Tì-kheo: nghĩa như trên.

Tì-kheo kia tùy theo dao cắt rọc nhiều hay ít, mỗi lần may, mỗi mũi kim đều phạm tội đọa. Nếu mặc thử để xem, hoặc kéo ra ủi cho thẳng, hoặc dùng tay vuốt, hoặc kéo góc cho ngay, hoặc gấp lại, hoặc kết viền, hoặc cột chỉ, hoặc nối chỉ, tất cả đều phạm độn-kiết-la. Tì-kheo-ni cũng phạm độn-kiết-la.

– Trường hợp không phạm: may cho tì-kheo-ni là thân quyến, may cho Tăng, may cho tháp, hoặc mượn mặc rồi giặt, nhuộm trả lại cho chủ, tất cả đều không phạm.

## 26. Giới Ngồi Với Tì-kheo-ni

### a. Duyên khởi

Một thời, Đức Phật ở nước Xá-vệ. Bấy giờ, tì-kheo Ca-lưu-đà-di và tì-kheo-ni Thâu-lan-nan-đà cả hai đều xinh đẹp, và đều có dục ý với nhau. Một hôm, cả hai người hẹn nhau cùng ngồi một chỗ ở ngoài cửa. Các cư sĩ thấy thế cùng nhau chê trách rằng: “Mọi người nhìn xem coi họ giống như đôi uyên ương.” Các tì-kheo nghe vậy, bạch với Phật. Nhân đó, Đức Phật chế giới này.

### b. Văn giới

Tì-kheo nào, một mình cùng với một ù-kheo-ni khác ngồi chỗ khuất kín, chỗ ngăn che, ba-dật-đề.

### c. Giải thích

– ù-kheo: nghĩa như trên.

– Cùng với ù-kheo-ni: chỗ chỉ có một ù-kheo với một ù-kheo-ni.

– Chỗ khuất: có hai trường hợp: chỗ che khuất tầm nhìn: bị bụi, sương, khói, mây che tối không nhìn thấy. Chỗ ngăn trại sự nghe: cho đến không nghe những âm thanh bình thường.

– Chỗ ngăn che: hoặc do cây che khuất, hoặc do tường, rào, vải, hoặc che bằng các vật dụng khác.

– Ngồi: nếu người thứ ba bị mù mà không điếc, điếc mà không mù, hoặc cùng đứng, tất cả đều phạm đột-kiết-la.

– Ba-dật-đề: ù-kheo-ni v.v... phạm đột-kiết-la.

– Trường hợp không phạm: nếu ù-kheo ấy có bạn, có người trí, phải có hai điều kiện: mù mà không điếc; điếc mà không mù. Hoặc trên đường đi qua mà bị té xỉu, hoặc bị bệnh ngã xuống, hoặc bị thế lực bắt, hoặc vì phạm hạnh nạn, mạng nạn v.v... đều không phạm.

## **27. Giới Đi Chung Đường Với ù-kheo-ni**

### a. Duyên khởi

Một thời, Đức Phật ở nước Xá-vệ. Bấy giờ, nhóm sáu thầy tì-kheo và nhóm sáu Tì-kheo-ni cùng du hành trong nhân gian. Vì thế, bị hàng cư sĩ chê cười. Các tì-kheo đem lỗi ấy bạch Phật. Nhân đó, Đức Phật quở trách rồi chế giới này.

#### b. Văn giới

Tì-kheo nào, cùng hện và cùng đi chung một đường với tì-kheo-ni từ một thôn đến một thôn, trừ trường hợp khác, ba-dật-đề. Trường hợp khác là, cùng đi với khách buôn, hoặc khi có nghi ngờ, có kinh sợ. Đó gọi là trường hợp khác.

#### c. Giải thích

– Tì-kheo và tì-kheo-ni: nghĩa như trên.

– Hện: nói cùng đến thôn đó, thành đó, nước đó...

– Cùng đi một đường: khoảng cách giữa hai thôn có ranh giới và có lối đi.

– Từ một thôn đến một thôn: tùy theo số đông và ranh giới nhiều hay ít, mỗi mỗi đều phạm tội đọa. Chẳng phải thôn, hoặc đi chỗ đồng trống, cho đến mười dặm thì phạm tội đọa. Nếu chưa đến một thôn, chưa được mười dặm; hoặc đi trong một ranh giới chung nhiều thôn, thì phạm đột-kết-la. Phương tiện muốn đi, cùng hện, tất cả phạm đột-kết-la.

– Trừ trường hợp khác, ba-dật-đề. Trường hợp khác là, cùng đi với khách buôn, hoặc khi có nghi ngờ: nghi có giặc, cướp.

- Có kinh sợ: sợ có giặc, có cướp.
- Đó gọi là trường hợp khác: tì-kheo-ni v.v... phạm đột-kiết-la.
- Trường hợp không phạm: không cùng hện, có nhiều bạn cùng đi, chỗ có sự nghi ngờ, có sự sợ hãi; hoặc đến chỗ đó sẽ được an ổn, hoặc bị thế lực bắt giữ, hoặc vì mạng nạn, phạm hạnh nạn v.v... tất cả đều không phạm.

## **28. Giới Đi Chung Thuyền Với Tì-kheo-ni**

### **a. Duyên khởi**

Một thời, Đức Phật ở nước Xá-vệ. Bấy giờ, nhóm sáu thầy tì-kheo và sáu tì-kheo-ni ngồi chung một thuyền đi ngược dòng, đi xuôi dòng. Các cư sĩ thấy cơ hiểm, họ bàn tán với nhau. Các thầy tì-kheo đem lỗi ấy bạch Phật. Nhân đó, Đức Phật quở trách rồi chế giới này.

### **b. Văn giới**

Tì-kheo nào, cùng hện và cùng đi chung thuyền với tì-kheo-ni, ngược dòng nước hay xuôi dòng nước, trừ sang ngang, ba-dật-đề.

### **c. Giải thích**

- Tì-kheo: nghĩa như trên.
- Cùng hện và cùng đi chung thuyền với tì-kheo-ni, ngược dòng nước hay xuôi dòng nước: nếu vào trong thuyền thì phạm tội đọa; các phương tiện thì phạm đột-kiết-la.

– Trừ sang ngang, ba-dật-đề: tì-kheo-ni v.v... phạm đột-kiết-la.

– Trường hợp không phạm: không hện, hoặc ngang qua đến bờ bên kia; hoặc vào trong thuyền, người chèo thuyền lạc hướng phải đi ngược dòng, xuôi dòng. Hoặc đến bờ bên kia thì được an ổn; hoặc bị thế lực bắt giữ, hoặc vì mạng nạn, phạm hạnh nạn v.v... thì đều không phạm. 71

## **29. Giới Nhận Thức Ăn Do Tì-kheo-ni Khuyến Hóa**

### **a. Duyên khởi**

Một thời, Đức Phật ở nước Xá-vệ. Bấy giờ, có cư sĩ thỉnh tôn giả Xá-lợi-phất v.v... thụ thực. Trưởng giả chuẩn bị thức ăn và trải chỗ ngồi tốt. Khi ấy tì-kheo-ni Thâu-na-lan-đà biết được việc đó, nên nói với cư sĩ rằng: “Những tì-kheo mà ông thỉnh đều là những người hèn mọn.” Rồi Tì-kheo-ni Thâu-na-lan-đà nói tiếp: “Nếu tôi thỉnh thì tôi sẽ thỉnh các tì-kheo Điều-đạt v.v... Vì những vị ấy là rỗng trong loài rỗng.” Sau khi thụ thực xong, trở về, tôn giả Xá-lợi-phất thuật lại đầy đủ việc ấy với Phật. Nhân đó, Đức Phật quở trách và chế giới này.

### **b. Văn giới**

Tì-kheo nào, ăn thức ăn được biết là do tì-kheo-ni khen ngợi giáo hóa, trừ đàn-việt có chủ ý trước, ba-dật-đề.

### **c. Giải thích**

– Tì-kheo: nghĩa như trên.

- Biết: không biết không phạm.
- Tì-kheo-ni khen ngợi giáo hóa: như nói: “Là người a-lan-nhã, sống với hạnh khổ thực”, cho đến nói “giữ ba y, tán thán kệ, pháp sư đa văn, trì luật, tọa thiền”.
- Ăn thức ăn được: thức ăn nhận được từ sáng đến trưa.
- Trừ đàn-việt có chủ ý trước, ba-dật-đề: nuốt mỗi mỗi miếng thì phạm ba-dật-đề. Trừ thức ăn ra, nếu được các thứ khác như, áo lót, đèn, dầu, thì phạm đột-kiết-la. Tì-kheo-ni v.v... phạm đột-kiết-la.
- Trường hợp không phạm: hoặc không biết, hoặc đàn-việt có ý trước, hoặc tưởng giáo hóa, hoặc tì-kheo-ni tự làm, hoặc đàn-việt nhờ tì-kheo-ni làm, hoặc không cố ý giáo hóa mà do khổ thực được rồi cho người; tất cả đều không phạm.

### **30. Giới Đi Chung Đường Với Người Nữ**

#### **a. Duyên khởi**

Một thời, Đức Phật ở nước Xá-vệ. Khi ấy, trong thành có một nàng dâu vì cãi lộn với mẹ chồng nên bỏ trở về nước Tì-xá-li. Lúc ấy, tôn giả A-na-luật cũng định đến nước Tì-xá-li, nên hai người cùng đi. Sau đó, người chồng của cô ấy đuổi theo kịp và thấy hai người đi chung nên đánh tôn giả A-na-luật đến gần chết. Các tì-kheo biết việc ấy nên bạch Phật. Nhân đó, Đức Phật quở trách rồi chế giới này.

#### **b. Văn giới**

Tì-kheo nào, cùng hện và đi chung đường với người nữ, hẳn đến trong khoảng giữa hai thôn, ba-dật-đề.

### c. Giải thích

Nếu đi chung trong vòng một thôn thì phạm đột-kiết-la. Tì-kheo-ni và bốn chúng v.v... tất cả đều phạm đột-kiết-la.

– Trường hợp không phạm: không biết trước, không cùng hện, hoặc cần phải đến đó để được an ổn, hoặc bị thế lực, hoặc gặp các nạn, tất cả đều không phạm.

## **31. Giới Trú Xứ Một Bữa Ăn**

### a. Duyên khởi

Một thời, Đức Phật ở nước Xá-vệ. Bấy giờ, ở nước Câu-tát-la có thôn mà không có trú xứ. Có cư sĩ xây cất trú xứ và thường cúng dường một bữa ăn cho tì-kheo. Khi ấy, nhóm sáu thầy tì-kheo nhận nhiều lần, nên cư sĩ nói: “Chúng con chỉ vốn nguyện chu cấp cho những vị chỉ tạm trú lại một đêm mà thôi.” Các thầy tì-kheo đem việc ấy bạch Phật. Nhân đó, Đức Phật quả trách và chế giới này.

### b. Văn giới

Tì-kheo nào, nơi trú xứ cho một bữa, tì-kheo không bệnh chỉ nên nhận một bữa; nếu nhận quá một bữa, ba-dật-đề.

### c. Giải thích

– Tì-kheo: nghĩa như trên.



- Nơi trú xứ cho một bữa: ngủ lại đó một đêm. Thức ăn cho đến bữa ăn đúng thời.
- Tì-kheo không bệnh: người bệnh nếu đi khỏi thôn ấy bệnh sẽ nặng thêm.
- Chỉ nên nhận một bữa; nếu nhận quá một bữa: khi ăn mỗi mỗi miếng phạm tội đọa. Ngoài thức ăn ra, nhận các thứ khác như áo lót, đèn, dầu, đều phạm độn-kiết-la.
- Ba-dật-đề: tì-kheo-ni cũng phạm như tì-kheo.
- Trường hợp không phạm: chỉ nghỉ một đêm chỉ nhận một bữa; bệnh thì được nhận hơn một bữa ăn. Nếu cư sĩ thỉnh ở lại: “Chúng tôi vì sa-môn Thích tử nên thiết lập những thức ăn này.” Hoặc đàn-việt theo thứ tự thỉnh thụ thực. Hoặc các cậu, cô, chị, bà theo thứ tự thỉnh. Hoặc hôm nay nhận thức ăn của người này, ngày mai nhận thức ăn của người kia. Hoặc đường đi bị chi cắt và gặp các nạn v.v...; tất cả đều không phạm.

## **32. Giới Ăn Nhiều Lần**

### **a. Duyên khởi**

Một thời, Đức Phật từ thành La-duyệt-kì du hành trong nhân gian đến nước A-na-tần-đà. Bấy giờ, có một người tên Sa-nậu cúng cháo. Đức Phật khai cho được phép ăn cháo. Từ đó, các tì-kheo được phép ăn cháo đặc. Khi ấy, gặp lúc tiết hội đàn-việt đem dâng thức ăn, các tì-kheo nhận và dùng xong. Sau đó, lại nhận lời mời của người khác nữa. Vì thế, bị những người đời chê cười. Nhân đó, Đức Phật quở trách và chế giới này.

## b. Văn giới

Tì-kheo nào, ăn nhiều lần, trừ trường hợp đặc biệt, ba-dật-đề. Trường hợp đặc biệt là khi bị bệnh, khi thí y. Đó gọi là trường hợp đặc biệt.

## c. Giải thích

– Tì-kheo: nghĩa như trên.

– Ăn nhiều lần: nghĩa là mời. Mời có hai trường hợp: mời theo thứ tự, hoặc mời riêng.

– Thức ăn: cơm, lương khô, cơm khô v.v...

– Trừ trường hợp đặc biệt, ba-dật-đề. Trường hợp đặc biệt là khi bị bệnh: không thể ăn một bữa mà no đủ được.

– Khi thí y: tự tứ xong, không có y ca-thi-na là một tháng, có y là năm tháng. Hoặc được nhiều chỗ mời thụ thực và cúng y.

– Đó gọi là trường hợp đặc biệt: nếu không từ chối lời mời trước mà nhận lời mời sau, thì khi ăn mỗi mỗi miếng đều phạm tội đọa. Nếu không từ chối lời mời sau mà nhận lời mời trước thì khi ăn mỗi mỗi miếng đều phạm đột-kiết-la.

– Trường hợp không phạm: khi bệnh, khi có thí y. Nếu trong một ngày mà có nhiều chỗ thỉnh, thì mình chỉ được nhận một chỗ, còn những chỗ khác nhường lại cho những vị khác, nói rằng: “Trưởng lão! Lẽ ra tôi phải đến chỗ kia nhưng xin cúng dường lại cho ngài.” Hoặc cho những thứ không phải thức ăn, hoặc ăn không đủ, hoặc không có

người mời, hoặc ăn rồi lại được thức ăn, hoặc một trú xứ có bữa ăn trước và bữa ăn sau, tất cả đều không phạm.

### **33. Giới Ăn Chúng Riêng**

#### **a. Duyên khởi**

Một thời, Đức Phật ở nước La-duyệt-kì. Bảy giờ, Đề-bà-đạt-đa đã sai người hại Phật, lại xúi vua A-xà-thế giết cha. Vì thế, tiếng xấu đồn xa, mất hết lợi dưỡng. Lúc ấy, Đề-bà-đạt-đa cùng với năm ù-kheo đi khất thực riêng. Các thầy ù-kheo đem lỗi ấy bạch Phật. Nhân đó, Đức Phật quở trách rồi chế giới này.

#### **b. Văn giới**

Ù-kheo nào, ăn chúng riêng,[67] trừ các trường hợp khác, ba-dật-đề. Các trường hợp khác là khi bệnh, thời may y, thời thí y, khi đi đường, khi đi thuyền, khi đại chúng tập hợp, khi sa-môn thí thực. Đó là các trường hợp khác.

#### **c. Giải thích**

– Ù-kheo: nghĩa như trên.

– Ăn chúng riêng: hoặc bốn người, hoặc hơn bốn người.

– Thức ăn: gồm những loại thức ăn như cơm, lương khô, cơm khô v.v...

– Trừ các trường hợp khác, ba-dật-đề. Các trường hợp khác là khi bệnh: cho đến gót chân bị trẹo.

– Thời may y: sau ngày tự tứ, nếu không có y ca-thi-na thì được một tháng; nếu có y ca-thi-na thì được năm tháng. Cho đến y trên chỉ may một đường to như răng ngựa.

– Thời thí y: giống như giới trước.

– Khi đi đường: cho đến chỉ đi trong nửa do-tuần, gồm cả đi tới và đi lui.

– Khi đi thuyền: cho đến đi thuyền xuôi ngược dòng trong vòng nửa do-tuần.

– Khi đại chúng tập hợp: thức ăn đủ cho bốn người mà dư một người là khó xử. Năm người, mười người, cho đến một trăm người mà dư một người là khổn đốn.

– Khi sa-môn thí thực: ở đây chỉ cho những người xuất gia ngoài sa-môn Thích tử và những người theo ngoại đạo xuất gia.

– Đó là các trường hợp khác: nếu không có lí do phải ăn riêng chúng, tì-kheo ấy nên thưa: “Tôi không có nhân duyên gì ở trong bữa ăn riêng chúng này. Tôi xin ra khỏi chúng.” Nếu những người nào không có lí do, Đức Phật cũng cho phép ra khỏi chúng. Nếu chỉ có hai người, ba người thì tùy ý dùng bữa. Nếu bốn người hoặc hơn thì nên chia làm hai bộ thay nhau vào ăn. Nếu tì-kheo nào có nhân duyên ăn riêng chúng muốn vào thì phải thưa: “Tôi có nhân duyên ăn riêng chúng. Tôi muốn vào.” Đức Phật dạy: “Nên tùy theo thứ tự từ thượng tọa mà ngồi vào.” Nếu có lí do mà không nói thì phạm đột-kiết-la. Tùy vào việc ăn riêng chúng, ăn mỗi mỗi miếng phạm tội đọa. Tì-kheo-ni cũng phạm như tì-kheo.

– Trường hợp không phạm: như trên đã nêu. Hoặc hai người, ba người, hoặc thay nhau vào ăn, hoặc nói có nhân duyên, hoặc ra ngoài; tất cả đều không phạm.

### **34. Giới Nhận Thức Ăn Quá Lành**

#### **a. Duyên khởi**

Một thời, Đức Phật ở nước Xá-vệ. Bấy giờ, có người nữ chuẩn bị trở về nhà chồng, nhưng vì phải nhiều lần nấu ăn cúng cho tỳ-kheo mà quá giờ, nên không trở về nhà chồng được. Đến khi người nữ kia về đến nhà chồng thì chồng cô đã lấy vợ khác.

Lại một nhân duyên khác: Có một khách buôn vì nhiều lần cúng dường phần thức ăn của mình cho các tỳ-kheo nên đoàn thương buôn đi trước. Người ấy đi trễ, vì vậy, bị giặc cướp. Các tỳ-kheo đem lỗi ấy bạch Phật. Nhân đó, Đức Phật quả trách và chế giới này.

#### **b. Văn giới**

Tỳ-kheo nào, đến nhà bạch y mời cúng thức ăn như bánh, hoặc lương khô, nếu cần tỳ-kheo nên nhận hai, ba bát; nhận hai, ba bát rồi về trong tăng-già-lam nên phân cho các tỳ-kheo khác dùng; nếu tỳ-kheo không bệnh nhận quá hai, ba bát, về đến trong tăng-già-lam không chia cho các tỳ-kheo khác dùng, ba-dật-đề.

#### **c. Giải thích**

– Tỳ-kheo: nghĩa như trên.

– Đến nhà bạch y: nhà có nam, có nữ.

– Mời cúng thức ăn như bánh, hoặc lương khô, nếu cần tì-kheo nên nhận hai, ba bát; nhận hai, ba bát rồi về trong tăng-già-lam nên phân cho các tì-kheo khác dùng: nếu không mang thức ăn về thì phải báo cho các tì-kheo biết nhà đó có thức ăn của người phụ nữ chuẩn bị đem về nhà chồng, có lương thực đi đường của khách buôn. Nếu muốn ăn thì ăn rồi mang về, khoảng hai, ba bát. Nếu mang một bát, hai bát về, thì mỗi mỗi phải thông báo cho các tì-kheo biết. Cho đến, mình là người mang bát thứ ba đi thì chớ mang trở về.

– Nếu tì-kheo không bệnh: không thể ăn một lần, thức ăn ngon đã hết.

– Nhận quá hai, ba bát, về đến trong tăng-già-lam: ra khỏi cửa nhà kia phạm tội đọa. Phương tiện sám hối phạm đột-kiết-la.

– Không chia cho các tì-kheo khác dùng: ăn một mình thì phạm đột-kiết-la.

– Ba-dật-đề: hoặc không hỏi thức ăn của người phụ nữ đem về nhà chồng, thức ăn đi đường của khách buôn; hoặc không nói cho các tì-kheo khác biết; tất cả đều phạm đột-kiết-la.

– Trường hợp không phạm: nhận hai, ba bát; hoặc vì bệnh mà nhận quá, hoặc đã hỏi, hoặc chia nhau, hoặc báo cho biết trú xứ của thôn, hoặc họ tự đem đến cho Tăng trong chùa thì được nhận, hoặc họ tự đem đến chùa ni thì được nhận; tất cả đều không phạm.

## 35. Giới Ăn No Đủ

### a. Duyên khởi

Một thời, Đức Phật trụ tại nước Xá-vệ. Bấy giờ, Đức Phật nói pháp ăn một lần. Các tì-kheo nghe lời Đức Phật dạy chỉ ăn năm loại thức ăn chính khiến no đủ. Sau đó, do ăn một lần mà các tì-kheo bị gầy còm, tiêu tụy. Vì thế, Đức Phật cho phép người nuôi bệnh được phép ăn thức ăn dư của người bệnh. Ngài còn khai cho làm pháp dư thực. Nhưng vì có người tham thức ăn dư mà không biết pháp dư thực. Nhân đó, Đức Phật quở trách và chế giới này.

### b. Văn giới

Tì-kheo nào, ăn đã đủ, hoặc khi thụ thỉnh, không làm pháp dư thực mà ăn nữa, ba-dật-đề.

### c. Giải thích

– Tì-kheo: nghĩa như trên.

– Hoặc khi thụ thỉnh: thức ăn: trong năm loại thức ăn, nếu ăn mỗi mỗi loại thức ăn, hoặc cơm, lương khô, cơm khô, v.v... ăn no rồi.

– Không làm pháp dư thực: tì-kheo kia mang thức ăn về tác pháp rằng: “Đại đức! Tôi đã ăn no rồi, biết cho, xem cho.” Đây là tác pháp dư thực. Vị tì-kheo kia nên lấy một ít để ăn. Ăn rồi nên nói với tì-kheo tác pháp rằng: “Tôi đã tác pháp xong, thầy nên lấy mà ăn.” Chứ vị tì-kheo kia không thể tự làm pháp dư thực.

– Không làm pháp dư thực mà ăn nữa, ba-dật-đề: trong đó, các hành động như đi, ở, ngồi, nằm đều ghi chép thành câu đầy đủ và trường hợp phạm, đầy đủ giống như luật.[68] Thức ăn khư-xà-ni gồm có năm loại như: rễ, lá, hoa, quả, dầu, vừng, đường đen, thức ăn được mài nhỏ. Tì-kheo kia đã ăn no, không làm pháp dư thực, được thức ăn và ăn, mỗi miếng phạm ba-dật-đề. Nếu ăn rồi, vì người mà làm pháp dư thực; hoặc biết người khác đã ăn no rồi làm pháp dư thực, tự tay cầm thức ăn tác pháp, cầm thức ăn đặt lên đất tác pháp, sai tịnh nhân làm pháp dư thực, tịnh nhân đã làm pháp dư thực trước rồi, lấy thức ăn không ngon phủ lên trên rồi làm pháp dư thực, nếu mang đi, đều thành pháp dư thực, tất cả đều phạm đột-kiết-la. Tì-kheo-ni và bốn chúng đều phạm đột-kiết-la.

– Trường hợp không phạm: thức ăn mà tưởng không phải thức ăn, không nhận tác pháp dư thực, và những trường hợp trái với những điều ngăn cấm trên. Hoặc bệnh không làm pháp dư thực, thức ăn dư của người, không làm pháp dư thực; hoặc đã làm pháp dư thực; tất cả đều không phạm.

## **36. Giới Khuyến Khích Người Phạm Túc Thực**

### **a. Duyên khởi**

Một thời, Đức Phật trú tại nước Xá-vệ. Bấy giờ, có hai anh em đều làm tì-kheo. Một người ham thích ăn uống, không biết túc thực, không túc thực; dư thực, không dư thực, hề nhận được thức ăn là ăn. Vì thế, một vị tì-kheo bị chỉ trích lỗi lầm, nên ôm lòng thù hận. Một hôm, tì-kheo này biết vị tì-kheo kia đã ăn rồi, còn cưỡng ép ăn thêm, rồi quay lại



chỉ trích tì-kheo kia. Các thầy tì-kheo đem lỗi ấy bạch Phật. Nhân đó, Đức Phật quở trách và chế giới này.

## b. Văn giới

Tì-kheo nào, biết tì-kheo khác đã ăn đủ, hoặc thụ thỉnh, không làm pháp dư thực, mà ân cần mời ăn, nói rằng, 'Trưởng lão hãy dùng món ăn này!' chỉ vì mục đích muốn cho người khác phạm giới chứ không gì khác, ba-dật-đề.

## c. Giải thích

– Tì-kheo: nghĩa như trên.

– Biết: không biết không phạm.

– Tì-kheo khác đã ăn đủ: thức ăn thì có năm loại giống như trên đã nói.

– Hoặc thụ thỉnh: cũng có năm trường hợp giống như trên.

– Không làm pháp dư thực, mà ân cần mời ăn, nói rằng, 'Trưởng lão hãy dùng món ăn này!' chỉ vì mục đích... chứ không gì khác: nếu trước không biết, tưởng không ăn đủ, hoặc cho để bỏ, hoặc cho để cử pháp dư thực; hoặc sai người đem cho người; hoặc chưa làm pháp dư thực; bảo làm pháp dư thực; hoặc thức ăn dư của người bệnh; hoặc đã làm pháp dư thực, không khiến cho người khác phạm.

– Muốn cho người khác phạm giới: nếu tì-kheo nhận và ăn, mỗi mỗi miếng thì cả hai đều phạm tội đọa. Nếu được cho thức ăn, nhưng tì-kheo kia đem bỏ, hoặc nhận rồi đem cất, hoặc nhận rồi cho người khác. Nếu tì-kheo kia nhận rồi tác

pháp dư thực. Nếu đem thức ăn của người bệnh muốn làm cho người khác phạm; hoặc đem thức ăn dư của người bệnh cho người khác; hoặc làm pháp dư thực rồi cho, vì muốn người khác phạm; giống như trường hợp ở trên; tất cả người cho đều phạm đột-kiết-la.

-Ba-dật-đề: tì-kheo-ni, bốn chúng v.v... đều phạm đột-kiết-la.

### 37. Giới Ăn Phi Thời

#### a. Duyên khởi

Một thời, Đức Phật ở tại thành La-duyệt. Bấy giờ, nhân dân trong thành làm lễ tiết hội. Khi ấy, Thích tử Nan-đà, Bạt-nan-đà cùng đến xem kĩ nhạc và nhận thức ăn uống, đến tối mới trở về núi. Một hôm, cũng vào lúc trời nhá nhem tối, tì-kheo Ca-lưu-đà-di vào thành khát thực. Trong ánh chớp sấm sét người phụ nữ thấy tì-kheo Ca-lưu-đà-di hoảng hốt la lớn: Quý! Quý! Các thầy tì-kheo đem lỗi ấy bạch Phật. Nhân đó, Đức Phật quở trách và chế giới này.

#### b. Văn giới

Tì-kheo nào, nhận thức ăn phi thời và ăn, ba-dật-đề.

#### c. Giải thích

– Tì-kheo: nghĩa như trên.

– Phi thời: thời là từ lúc mặt trời mọc đến giữa trưa. Đây là thời gian đúng pháp để ăn. Bốn châu thiên hạ cũng ăn

như vậy. Phi thời là từ giữa trưa đến khi tương sáng chưa xuất hiện.

– Nhận thức ăn: thức ăn thì có hai loại khư-xà-ni và bồ-xà-ni, mỗi thứ lại có năm loại giống như trên đã nêu.

– Và ăn, ba-dật-đề: tì-kheo nào nhận thức ăn phi thời và ăn, mỗi mỗi miếng phạm tội đọa. Nếu nhận và ăn thức ăn phi thời, quá phi thời, bảy ngày, quá bảy ngày đều phạm tội đọa. Nếu là thuốc trọn đời, không nhân duyên mà dùng thì phạm đột-kiết-la.

– Trường hợp không phạm: làm đường đen, phương pháp phải như vậy. Bấy giờ, có người bệnh, uống thuốc xổ. Hơn một ngày rồi, nấu lúa mạch, không để cho nó bể vỏ, lọc lấy nước uống và trường hợp thức ăn trong cổ ói ra mà nuốt lại, tất cả đều không phạm.

### **38. Giới Ăn Thức Ăn Dư Cách Đêm**

#### **a. Duyên khởi**

Một thời, Đức Phật ở thành La-duyệt-kì. Bấy giờ, tôn giả Ca-la vừa tọa thiền và hàng ngày cũng phải ôm bát vào thành khất thực. Một hôm, tôn giả suy nghĩ: “Phiền gì ta phải hằng ngày khất thực cho vất vả, chi bằng ta ăn những thức ăn được trước, thức ăn đang được thì mang về.” Bấy giờ, các tì-kheo trong các buổi tiểu thực và đại thực đều không thấy tôn giả Ca-la, nên chia nhau tìm kiếm. Khi ấy, tôn giả Ca-la trình bày đầy đủ nguyên nhân. Các tì-kheo đem việc ấy bạch Phật. Đức Phật quả trách: “Ý của ông tuy thiếu dục, nhưng chúng sinh đời sau sẽ bắt chước làm theo.” Nhân đó, Đức Phật chế giới này.

## b. Văn giới

Tì-kheo nào, ăn thức ăn cách đêm, ba-dật-đề.

## c. Giải thích

– Tì-kheo: nghĩa như trên.

– Thức ăn cách đêm: nhận hôm nay để đến ngày mai. Đối với tất cả sa-môn Thích tử đã thụ đại giới mà ăn thức ăn ấy thì đều không thanh tịnh.

– Thức ăn: có hai loại: đó là phi thực và chính thực. Thức ăn phi chính gồm các thứ: củ cho đến thức ăn được nghiền nhỏ vụn. Thức ăn chánh gồm các thứ: cơm, lương khô cho đến thịt v.v...

– Ăn: thức ăn đã qua một đêm mà ăn, mỗi miếng nuốt vào phạm tội đọa. Nếu ăn thức ăn phi thời, thức ăn bảy ngày, thức ăn quá hạn thì cũng phạm tội đọa. Thuốc dùng suốt đời, không bệnh mà uống phạm đột-kiết-la.

– Ba-dật-đề.

– Trường hợp không phạm: thức ăn nhận được ban đêm, đem cho cha mẹ, hay cho người làm tháp, tính giá bằng với công mà cho. Sau đó, tì-kheo khát thực xin được thức ăn từ người làm đó. Nếu bát bị nứt, thức ăn nhét vào chỗ nứt ấy, thì phải rửa đúng như pháp. Những thức ăn còn lại không ra được thì không phạm. Nếu ban đêm nhận được dầu, bơ để nhỏ mũi. Nếu khi nhỏ vào chảy xuống miệng thì nên nhổ ra hết. Nếu còn sót lại thì không phạm.

## 39. Giới Ăn Thức Ăn Không Được Cho

### a. Duyên khởi

Một thời, Đức Phật ở thành Xá-vệ. Bấy giờ những người trong thành vì cha mẹ v.v... qua đời mà sắm thức ăn uống thiết lễ cúng tế ở ngã tư đường, cho đến trong miếu thờ. Khi ấy, có tì-kheo đắp y phần tảo đi khát thực. Tì-kheo ấy tự ý lấy thức ăn ấy và ăn. Vì thế, bị các cư sĩ chê cười. Các thầy tì-kheo đem lỗi ấy bạch Phật. Nhân đó, Đức Phật quở trách và chế giới này.

### b. Văn giới

Tì-kheo nào, cho vào miệng thức ăn, hoặc thuốc uống không được trao nhận, trừ nước và tắm xia răng, ba-dật-đề.

### c. Giải thích

– Tì-kheo: nghĩa như trên.

– Không được trao nhận: không trao cho thức ăn thì không được nhận. Nhận có năm trường hợp: tay trao tay nhận; tay trao dùng vật nhận; dùng vật trao tay nhận; hoặc dùng vật trao dùng vật nhận; hoặc hoặc từ xa dùng vật đưa qua, người trao và người nhận đều biết khoảng cách đó không có sự ngăn ngại, vật đó rơi được vào tay. Đó gọi là năm cách nhận.

Còn có năm cách nhận khác: cho qua thân nhận qua thân; cho qua y nhận qua y; cong tay lại để cho cong tay lại để

nhận; dùng vật đựng để cho dùng vật đựng để nhận; hoặc có nhân duyên đặt dưới đất cho. Đó gọi là năm cách nhận.

– Thức ăn: thức ăn khư-xà-ni gồm các loại từ rễ cho đến thức ăn được nghiền nhỏ mịn. Ngoài ra còn có các loại thức ăn khác như: cơm, lương khô, cơm khô v.v...

– Hoặc thuốc uống: thức ăn xa-da-ni gồm: tô, du, sinh tô, mật, thạch mật.

– Cho vào miệng: nếu thức ăn không được cho mà tự lấy cho vào miệng mỗi mỗi miếng phạm tội đọa. Nếu ăn thức ăn phi thời, thức ăn bảy ngày, hoặc quá hạn cũng phạm tội đọa. Nếu là thuốc trọn đời không có nhân duyên mà nhận và uống thì phạm đột-kiết-la.

– Trừ nước và tắm xia răng, ba-dật-đề.

– Trường hợp không phạm: hoặc lấy nước sạch và tắm xia răng, nếu không được trao nhận sữa, dầu nhỏ vào mũi rồi nhổ ra hết, còn dư lại thì không phạm. Hoặc tì-kheo khất thực gặp lúc chim ngậm thức ăn bay, hoặc gió thổi rơi vào trong bát, muốn trừ bỏ thức ăn ấy, cho đến chỉ dùng một móng tay để trừ bỏ, nếu còn dư lại thì đều không phạm.

## **40. Giới Đòi Hỏi Thức Ăn Ngon**

### **a. Duyên khởi**

Một thời, đức Phật ở tại nước Xá-vệ. Bấy giờ, tì-kheo Bạt-nan-đà có một thương chủ làm đàn-việt. Một hôm, tì-kheo Bạt-nan-đà đi khất thực, rồi đến nhà thương chủ: “Tôi muốn được thức ăn đủ vị.” Người thương chủ kia hỏi lại:

“Đại đức có bệnh gì mà cần loại thức ăn ấy?” Tì-kheo Bạt-nan-đà đáp: “Tôi không có bệnh, chỉ muốn loại thức ăn ấy thôi.” Vì thế bị người thương chủ kia chê cười. Các thầy tì-kheo đem lỗi ấy bạch Phật. Nhân đó, Đức Phật quở trách và chế giới này.

#### b. Văn giới

Tì-kheo nào, được các loại thức ăn ngon như sữa, bơ, cá, thịt, tì-kheo nào không bệnh, với thức ăn như vậy, chỉ vì tự thân đòi hỏi, ba-dật-đề.

#### c. Giải thích

- Tì-kheo: nghĩa như trên.
- Bệnh: cho đến không đủ sức để ăn xong một bữa.
- Chỉ vì tự thân đòi hỏi, ba-dật-đề: tì-kheo-ni v.v... phạm đột-kiết-la.
- Trường hợp không phạm: người bệnh tự xin, xin cho người bệnh, được và ăn. Hoặc mình xin cho người, hoặc người xin cho mình, hoặc không xin mà được, tất cả đều không phạm.

## 41. Giới Cho Ngoại Đạo Ăn

#### a. Duyên khởi

Một thời, Đức Phật dẫn chúng đệ tử từ nước Câu-tát-la du hành đến nước Xá-vệ. Bấy giờ, Phật và chúng Tăng được nhiều bánh và thức ăn. Khi ấy, Đức Phật bảo tôn giả A-nan

chia cho những người đi xin. Tôn giả A-nan đem hai cái bánh dính lại cho người nữ. Lại có một ngoại đạo cũng được thức ăn. Có người hỏi người ngoại đạo kia được thức ăn ở đâu, người kia nói: “Xin được của một cư sĩ trọc đầu.” Lúc ấy, Đức Phật cho tập hợp Tăng nói rõ những điều đã nghe được. Nhân đó, Đức Phật chế giới này.

## b. Văn giới

Tì-kheo nào, tự tay cho thức ăn ngoại đạo nam hoặc nữ, ba-dật-đề.

## c. Giải thích

– Tì-kheo: nghĩa như trên.

– Ngoại đạo nam hoặc nữ: là người lỏa hình dị học. Bà-tư-ba-la-xà: là người xuất gia với chúng ngoại đạo ấy.

– Tự tay: nếu muốn cho thì hoặc để trên đất cho, hoặc sai người cho.

– Thức ăn cho: thức ăn khư-xà-ni là loại thức ăn bằng rễ, củ, cho đến các loại thức ăn nghiền nhỏ mịn. Thức ăn có năm loại giống như trên đã nói.

– Ba-dật-đề: tì-kheo-ni v.v... phạm đột-kiết-la.

– Trường hợp không phạm: để dưới đất mà cho, hoặc sai người cho, hoặc dâng cho cha mẹ, cho người làm tháp, khác với người làm phòng, phải tính công và giá trị của thức ăn mà cho; hoặc bị thế lực cưỡng bức, chiếm đoạt lấy đi, thì đều không phạm.



## 42. Giới Trước Và Sau Bữa Ăn Đến Nhà Người Khác

### a. Duyên khởi

Một thời, Đức Phật ở nước Xá-vệ. Bấy giờ, trong thành có một trưởng giả vì tì-kheo Bạt-nan-đà mà cúng dường thức ăn cho Tăng. Lúc ấy, sắp qua giờ ăn mới đến nhà thụ thực, nên các tì-kheo ăn xong nhưng vẫn chưa no. Lại một lần, trong thành La-duyet có một vị đại thần được trái cây, rồi đưa cho tì-kheo Bạt-nan-đà phân chia cho Tăng. Lúc ấy, sau bữa ăn tì-kheo Bạt-nan-đà đến nhà người khác. Các thầy tì-kheo đem hai lỗi ấy bạch Phật. Nhân đó, Đức Phật chế giới này.

### b. Văn giới

Tì-kheo nào, trước đã nhận lời mời, trước bữa ăn hay sau bữa ăn đến nhà khác mà không báo cho tì-kheo khác, trừ trường hợp đặc biệt, ba-dật-đề. Trường hợp đặc biệt là lúc bệnh, thời gian may y, thời gian thí y. Đó là những trường hợp đặc biệt.

### c. Giải thích

- Tì-kheo: nghĩa như trên.
- Trước bữa ăn: từ khi bình minh xuất hiện đến khi ăn.
- Sau bữa ăn: từ khi ăn cho đến giữa ngày.
- Nhà: là nơi có nam, có nữ ở.

– Không báo cho tì-kheo khác: nếu ở riêng một phòng thì báo cho tì-kheo ở gần biết. Cùng ở chung trong cùng một cương giới.

– Trừ trường hợp đặc biệt, ba-dật-đề. Trường hợp đặc biệt là lúc bệnh: giống như trên đã nói.

– Thời gian may y: như trên.

– Thời gian thí y: sau ngày tự tứ, nếu không thụ y ca-thi-na thì được một tháng, có thụ y ca-thi-na y thì được năm tháng. Ngoài thời gian này ra, những lúc khác, khuyến hóa cúng thức ăn và thí y đều thuộc về thời gian thí y.

– Đó là những trường hợp đặc biệt: tì-kheo kia trước đó đã nhận được lời mời, trước sau bữa ăn không báo cho tì-kheo khác biết mà đến nhà người khác, khi vừa bước đến cửa phạm tội đọa. Những trường hợp khác phạm đột-kiết-la.

– Trường hợp không phạm: như những trường hợp được khai ở trên đã nói: báo cho tì-kheo khác biết; hoặc không có tì-kheo, nên không báo; đến chỗ nhà kho, tụ lạc, phòng bên cạnh; hoặc đến chùa ni, đến dạn nhà bạch y; hoặc nơi có nhiều nhà, trải tọa cụ thỉnh tì-kheo. Nếu gặp nạn duyên thì được khai cho.

### **43. Giới Ăn Rời Cỗ Ngồi Trong Nhà**

#### **a. Duyên khởi**

Một thời, Đức Phật ở nước Xá-vệ. Bấy giờ, tôn giả Ca-lưu-đà-di, khi còn ở đời có quen với vợ của một người kia. Người vợ ấy tên là Trai Ưu-bà-tư. Cả hai người đều xinh

đẹp, nên đều có ý với nhau. Sau đó, tôn giả Ca-lưu-đà-di đến nhà họ. Khi ấy, vợ của người kia trang điểm thân hình và được người chồng rất yêu quý. Lúc ấy, tì-kheo Ca-lưu-đà-di đã ăn xong mà vẫn ngồi lại mãi không chịu đi. Vì thế, người chồng nổi giận bỏ đi. Các tì-kheo đem việc ấy bạch Phật. Nhân đó, Đức Phật chế giới này.

## b. Văn giới

Tì-kheo nào, ở trong nhà ăn có vật báu, cố ngồi lại, ba-dật-đề.

## c. Giải thích

– Tì-kheo: nghĩa như trên.

– Thức ăn: người nam lấy người nữ làm thức ăn, người nữ lấy người nam làm thức ăn.

– Nhà: giống như trên.

– Có vật báu: là các thứ: xa cừ, mã não, trân châu, hổ phách, kim ngân.

– Cố ngồi lại: nếu duỗi cánh tay mà đưng cửa thì được ngồi.

– Ba-dật-đề: nếu bị mù mà không điếc, điếc mà không mù thì đều phạm đột-kiết-la.

– Trường hợp không phạm: nếu trong nhà ăn có vật báu mà ngồi ở chỗ có thể duỗi tay đưng cửa; hoặc có hai tì-kheo làm bạn; hoặc có người quen; hoặc có người khách ở

một chỗ nào đó; hoặc không mù, không điếc; hoặc chỉ đi ngang qua mà không dừng lại; hoặc vì phát bệnh ngã xuống đất; hoặc bị thế lực bắt; hoặc bị trói; hoặc bị mạng nạn, phạm hạnh nạn, tất cả đều không phạm.

#### **44. Giới Ngồi Ở Chỗ Khuất Trong Nhà Ăn**

##### **a. Duyên khởi**

Một thời, Đức Phật ở nước Xá-vệ. Bấy giờ, tôn giả Ca-lưu-đà-di suy nghĩ: “Ở giới trước Đức Phật cho phép được ngồi duỗi tay đưng cửa”, nên tôn giả cùng với Trai ưu-bà-tư ngồi ở sau cánh cửa trò chuyện. Các tì-kheo nghe tiếng họ trò chuyện liền chê trách, rồi đem việc ấy bạch Phật. Nhân đó, Đức Phật quả trách và chế giới này.

##### **b. Văn giới**

Tì-kheo nào, trong nhà ăn, có vật báu mà ngồi ở chỗ khuất, ba-dật-đề.

##### **c. Giải thích**

– Tì-kheo: nghĩa như trên.

– Trong nhà ăn, có vật báu: đều giống như giới trên.

– Chỗ khuất: hoặc cây, tường, vách, rào, gác, y và những vật khác ngăn che.

– Ba-dật-đề: hoặc trong nhà ăn ngồi chỗ duỗi tay đưng cửa để cho tì-kheo khác thực có thể nhìn thấy. Ngoài ra,

những trường hợp khác, điều kiện được khai, đều giống như giới trên.

#### **45. Giới Một Mình Ngồi Với Người Nữ Nơi Đất Trống**

##### a. Duyên khởi

Một thời, Đức Phật ở tại nước Xá-vệ. Bấy giờ, tôn giả Ca-lưu-đà-di cùng với Trai ưu-bà-tư ngồi ở chỗ đất trống. Khi ấy, có tì-kheo khát thực đi ngang qua thấy vậy liền chê trách Ca-lưu-đà-di. Sau khi về đến tinh xá, tì-kheo kia trình bày hết cho tì-kheo khác biết. Các tì-kheo đem lỗi ấy bạch Phật. Nhân đó, Đức Phật quả trách và chế giới này.

##### b. Văn giới

Tì-kheo nào, một mình ngồi với người nữ tại chỗ trống, ba-dật-đề.

##### c. Giải thích

- Tì-kheo: nghĩa như trên.
- Một mình: một người nữ và một tì-kheo.
- Với người nữ: người nữ có trí tuệ, còn sống.
- Ngồi tại chỗ trống: là chỗ có thể nhìn thấy, có thể nghe tiếng nói.
- Ba-dật-đề: phần phạm và không phạm đều giống như giới trước.

## 46. Giới Đuổi Người Khác Ra Khỏi Làng

### a. Duyên khởi

Một thời, Đức Phật ở nước Xá-vệ. Bấy giờ, tì-kheo Bạt-nan-đà vì tranh cãi với một tì-kheo khác, nên ôm hận trong lòng. Một hôm, Bạt-nan-đà dẫn tì-kheo kia vào trong thành, đến vùng không có thức ăn. Khi ấy, Bạt-nan-đà dự tính biết: “Nếu tì-kheo này về đến tinh xá Kì-hoàn thì cũng đã quá ngộ.” Nghĩ như vậy rồi, Bạt-nan-đà mắng tì-kheo kia: “Ông là người đại ác, làm cho tôi không được thức ăn, ông nên đi khỏi đây mau!” Vì vậy mà tì-kheo kia khi về đến Kì-hoàn không nhận được thức ăn, nên đành phải nhịn đói. Các tì-kheo đem lỗi ấy bạch Phật. Nhân đó, Đức Phật quả trách và chế giới này.

### b. Văn giới

Tì-kheo nào, nói với tì-kheo khác như thế này: “Đại đức, hãy cùng tôi đến tụ lạc, tôi sẽ cho Đại đức thức ăn.” Tì-kheo ấy cuối cùng không cho tì-kheo kia thức ăn, còn nói: “Trưởng lão hãy đi chỗ khác nhanh lên! Nếu tôi với thầy ở chung một chỗ hoặc ngồi, hoặc nói chung thì không an lạc. Tôi ngồi một mình, tôi nói chuyện một mình lại an lạc.” Chỉ với mục đích ấy, chứ không gì khác, tìm cách đuổi người khác đi, ba-dật-đề.

### c. Giải thích

- Tì-kheo: nghĩa như trên.
- Tụ lạc: có bốn loại thôn giống như trên.

– Thức ăn: đó là thời thực.

– Tì-kheo ấy cuối cùng không cho tì-kheo kia thức ăn, còn nói: “Trưởng lão hãy đi chỗ khác nhanh lên! Nếu tôi với thầy ở chung một chỗ hoặc ngồi, hoặc nói chung thì không an lạc. Tôi ngồi một mình, tôi nói chuyện một mình lại an lạc.” Chỉ với mục đích ấy: hoặc tìm cách bỏ chỗ thấy đến chỗ nghe phạm đột-kiết-la; hoặc đến chỗ không nghe mà thấy cũng phạm đột-kiết-la; lìa chỗ thấy và nghe mới phạm tội đọa.

– Chứ không gì khác, tìm cách đuổi người khác đi, ba-dật-đề.

– Trường hợp không phạm: trao cho thức ăn rồi bảo đi; hoặc bệnh; hoặc không có oai nghi, người thấy không vui, nên nói: “Thầy đi! Tôi tự sẽ mang thức ăn đến cho thầy.” Hoặc người kia phá giới v.v... hoặc vì mạng nạn, phạm hạnh nạn, tìm cách đuổi đi, không vì hiềm giận, đều không phạm.

## **47. Giới Xin Thuốc Quá Hạn**

### **a. Duyên khởi**

Một thời, Đức Phật ở tại nước Thích-súy-sầu. Bấy giờ, Ma-ha-nam thỉnh Tăng đến cung cấp thuốc. Khi ấy nhóm sáu thầy tì-kheo chê thuốc cũ. Rồi họ cùng nhau đến nhà Ma-ha-nam xin loại thuốc hiếm có. Ma-ha-nam vì họ ra chợ mua nhưng vẫn không có. Vì tìm mua không có nên bị nhóm sáu thầy tì-kheo nhục mạ. Bị nhục mạ, Ma-ha-nam thẹn không cung cấp thuốc cho Tăng nữa. Các tì-kheo đem lỗi ấy bạch Phật. Nhân đó, Đức Phật chế giới này.

## b. Văn giới

Tì-kheo nào, không bệnh, được nhận thuốc thỉnh cầu cúng dường bốn tháng, nên nhận, nếu nhận quá, ba-dật-đề. Trừ thường thỉnh, thỉnh trở lại, thỉnh chia phần, thỉnh trọn đời.

## c. Giải thích

- Tì-kheo: nghĩa như trên.
- Bốn tháng: bốn tháng mùa hạ.
- Cúng dường thuốc: nhân duyên nguyện cung cấp thuốc.
- Không bệnh: tì-kheo bị bệnh thầy thuốc chỉ định uống những loại thuốc đó.
- Nên nhận, nếu nhận quá: nếu là thuốc để cách đêm phải chia đều, bốn tháng mùa hạ nên nhận. Nếu thuốc để cách đêm không chia đều thì tùy thời thí nên nhận. Không kể là thuốc phân chia.
- Trừ thường thỉnh: thí chủ thưa: “Tôi nguyện thường xuyên cúng dường thuốc.”
- Thỉnh trở lại: thí chủ đã nói không cúng dường thuốc rồi, nhưng sau đó xin phát nguyện cúng dường thuốc trở lại.
- Thỉnh chia phần: thí chủ đem thuốc đến tăng-già-lam cúng rồi phân chia.
- Thỉnh trọn đời: thí chủ thưa: “Tôi xin cúng dường thuốc trọn đời.”



- Ba-dật-đề.
- Trường hợp không phạm: khai giống như trên.

## 48. Giới Xem Quân Trận

### a. Duyên khởi

Một thời, Đức Phật ở nước Xá-vệ. Bấy giờ, tại một vùng nọ trong nước nhân dân phản loạn, nhà vua phải đích thân thống lãnh sáu loại quân để chinh phạt. Khi ấy, nhóm sáu thầy òi-kheo đến đó xem quân trận. Vua Ba-tư-nặc thấy vậy không vui. Rồi vua Ba-tư-nặc gửi cho nhóm sáu thầy òi-kheo một túi đường phèn nhờ dâng lên Đức Phật và nhân danh ông lễ bái Phật. Khi nhóm sáu thầy òi-kheo đến chỗ Phật, trình bày hết những chuyện đã xảy ra. Nhân đó, Đức Phật quả trách và chế giới này.

### b. Văn giới

Òi-kheo nào, đi xem quân trận, trừ nhân duyên hợp thời, ba-dật-đề.

### c. Giải thích

- Òi-kheo: nghĩa như trên.
- Đi xem quân trận: Trận: hoặc chiến, hoặc đấu. Quân: cho đến một quân ngựa, một quân xe, một quân bộ.
- Trừ nhân duyên hợp thời: hoặc cần phải có mặt thì nên bạch; hoặc được mời gọi.

– Ba-dật-đề: nếu không tránh qua bên đường thì phạm đột-kiết-la. Từ thấp đến cao, từ đường đến chẳng phải đường, không thấy phạm đột-kiết-la. Phương tiện không thấy cũng như vậy. Nếu thấy phạm tội đọa.

– Trường hợp không phạm: hoặc có việc cần đến; hoặc được mời đến; hoặc bị thế lực bắt dẫn đến; hoặc mình đi trước ở phía trước quân trận đi phía sau; tránh qua bên lề đường; hoặc đường thủy, đường bộ bị chia cắt, nạn ác thú, nạn giặc cướp, nước lụt; hoặc bị thế lực bắt trói; hoặc mạng nạn, phạm hạnh nạn v.v... không tránh bên lề đường thì không phạm.

## **49. Giới Ngủ Trong Quân**

### **a. Duyên khởi**

Một thời, Đức Phật ở nước Xá-vệ. Bấy giờ, nhóm sáu thầy tì-kheo có nhân duyên đến trong quân trận và ngủ lại. Khi ấy, các cư sĩ nói: “Chúng ta vì ái dục nên ngủ đêm ở nơi đây. Còn các sa-môn ở lại đây để làm gì?” Các tì-kheo đem lời ấy bạch Phật. Nhân đó, Đức Phật chế giới này.

### **b. Văn giới**

Tì-kheo nào, có nhân duyên được phép đến trong quân trận, ngủ lại hai, ba đêm, nếu qua, ba-dật-đề.

### **c. Giải thích**

– Tì-kheo: nghĩa như trên.

– Trường hợp không phạm: được ngủ hai đêm, đến hết đêm thứ ba, khi bình minh chưa xuất hiện mà đi ra khỏi quân trận, rời khỏi nơi mắt thấy, tai nghe. Hoặc đường nước, đường bộ bị chia cắt; hoặc bị mạng nạn, phạm hạnh nạn v.v... nên không rời khỏi quân trận, thì không phạm.

## **50. Giới Xem Quân Đội Chiến Đấu**

### **a. Duyên khởi**

Một thời, Đức Phật ở nước Xá-vệ. Bấy giờ, nhóm sáu thầy òi-kheo có nhân duyên ở lại trong quân trận xem sức chiến đấu giữa các bên. Trong số sáu người họ có người bị tên bắn trúng. Các người bạn dùng y băng bó rồi khiêng về. Các cư sĩ thấy vậy cho là lạ. Các òi-kheo biết được việc ấy nên bạch Phật. Nhân đó, Đức Phật chế giới này.

### **b. Văn giới**

Ti-kheo nào, ở trong quân trại hai, ba đêm, hoặc khi xem quân đội chiến đấu, hoặc xem thế lực quân bộ, quân voi, quân ngựa, ba-dật-đề.

Những điều phạm, không phạm, khai đều giống như giới trước.

## **51. Giới Uống Rượu**

### **a. Duyên khởi**

Một thời, Đức Phật ở nước Chi-đà. Bấy giờ, Sa-già-đà làm thị giả cho Phật. Một hôm, Sa-già-đà đến ngủ tại phòng của Phạm chí bện tóc. Trong căn phòng ấy có con rồng

độc. Đêm hôm đó, Sa-già-đà đã hàng phục được con rồng độc. Sáng hôm sau, có người đem việc ấy tâu với vua nước Câu-thiểm-di. Sau đó, Sa-già-đà du hóa đến nước kia và được vua cúng cho thức ăn ngon và rượu đen. Sa-già-đà ăn uống no đủ, say nằm giữa trên đường. Đức Phật biết việc, sau khi nói mười lỗi và chế giới này.

## b. Văn giới

Tì-kheo nào, uống rượu, ba-dật-đề.

## c. Giải thích

– Tì-kheo: nghĩa như trên.

– Uống rượu: rượu nấu từ cây, rượu nấu từ lúa tẻ, rượu nấu từ gạo, rượu nấu từ đại mạch; hoặc các phương pháp biến chế rượu khác, đều gọi là rượu.

– Ba-dật-đề: hoặc những thứ chẳng phải rượu nhưng có sắc rượu, hương rượu, vị rượu, đều không được uống. Hoặc nấu rượu, pha rượu, ăn, uống tất cả đều phạm tội đọa. Nếu uống vị ngọt của rượu, uống vị chua của rượu, ăn men rượu, hèm rượu, tất cả đều phạm đột-kiết-la. Rượu mà khởi ý tưởng là rượu; rượu mà nghi là rượu; rượu mà không có ý tưởng là rượu, đều phạm tội đọa.

– Trường hợp không phạm: nếu có bệnh, những thuốc khác trị không khỏi, lấy rượu làm thuốc; hoặc lấy rượu thoa vết thương, tất cả đều không phạm.

## 52. Giới Đùa Giỡn Trong Nước

Một thời, Đức Phật ở nước Xá-vệ. Bấy giờ, nhóm mười bảy tì-kheo đùa giỡn trong sông A-kì-la-bà-đề tạt nước qua lại với nhau. Lúc ấy, vua Ba-tư-nặc và phu nhân Mạt-lợi đang ở trên lầu cao nhìn thấy vậy, vua nói với phu nhân Mạt lợi: “Nàng nhìn xem những người mà nàng tôn thờ kìa!” Phu nhân tâu: “Đó là những người trẻ tuổi mới xuất gia; hoặc những người lớn tuổi nhưng si không biết gì.” Rồi bà khéo léo sai người mang gói đường phèn đến cúng dường Phật và trình bày mọi việc đã xảy ra. Nhân đó, Đức Phật chế giới này.

## b. Văn giới

Tì-kheo nào, đùa giỡn trong nước, ba-dật-đề.

## c. Giải thích

– Tì-kheo: nghĩa như trên.

– Đùa giỡn trong nước: buông lung theo ý muốn, từ bờ này bơi qua bờ kia, thuận dòng, nghịch dòng, hoặc lặn chỗ này nổi lên chỗ kia, hoặc dùng tay vẽ trên nước, hoặc tạt nước qua lại với nhau. Cho đến, dùng bình bát đựng đầy nước để đùa giỡn.

– Ba-dật-đề: ngoài nước ra, hoặc dùng sữa, rượu đắng, nước vo gạo, đựng trong đồ để đùa giỡn, tất cả đều phạm đột-kiết-la.

– Trường hợp không phạm: hoặc trên đường đi phải lội qua sông; hoặc từ bờ này đến bờ kia; hoặc kéo tre, gỗ, nong thuận dòng, nghịch dòng, lên trên, xuống dưới; hoặc lấy đá, cát; hoặc vì mất vật nên phải lặn xuống đáy để tìm;

hoặc lặn chỗ này nổi chỗ kia; hoặc học bơi nên phải dang tay quạt nước; tất cả đều không phạm.

### **53. Giới Thọc Cù Nôn**

#### **a. Duyên khởi**

Một thời, Đức Phật ở nước Xá-vệ. Bấy giờ, một người nhóm sáu thầy òi-kheo thọc léc một người trong nhóm mười bảy thầy òi-kheo, đến nổi khiến vị kia chết. Các òi-kheo đem lỗi ấy bạch Phật. Nhân đó, Đức Phật chế giới này.

#### **b. Văn giới**

Tòi-kheo nào, dùng ngón tay thọc léc nhau, ba-dật-đề.

#### **c. Giải thích**

– Tòi-kheo: nghĩa như trên.

– Ngón tay: tay và chân có mười ngón.

– Thọc léc nhau, ba-dật-đề: ngoài ngón tay, ngón chân ra, nếu dùng gậy, phất trần, cây gài cửa, và những vật khác để thọc léc thì phạm đột-kiết-la.

– Trường hợp không phạm: không cố ý làm; hoặc đang ngủ cần xúc chạm để đánh thức; hoặc ra vào tới lui; hoặc quét đất đụng phải; hoặc đầu gậy chạm phải người khác, tất cả đều không phạm.

### **54. Giới Không Nghe Lời Can Gián**

## a. Duyên khởi

Một thời, Đức Phật ở nước Câu-thiểm-tì. Bấy giờ, Xiển-đà sắp phạm giới, các tì-kheo can gián: “Thầy chớ có ý nghĩ như vậy. Thầy không nên như vậy.” Mặc dù vậy, Xiển-đề vẫn không nghe lời can gián của các tì-kheo nên phạm các tội. Các tì-kheo đem lỗi ấy bạch Phật. Nhân đó, Đức Phật quả trách rồi chế giới này.

## b. Văn giới

Tì-kheo nào, không nhận lời can gián, ba-dật-đề.

## c. Giải thích

– Tì-kheo: nghĩa như trên.

– Không nhận lời can gián, ba-dật-đề: nếu người khác can ngăn, bảo chớ làm những điều không nên làm như vậy, nhưng người ấy vẫn cố làm, nên phạm căn bản. Vì không nghe theo lời phạm đột-kiết-la. Nếu tự biết mình làm như vậy là sai, nhưng vẫn cố làm, nên phạm căn bản. Vì không nghe theo lời phạm ba-dật-đề.

– Trường hợp không phạm: nếu người vô trí đến can ngăn, thì nên nói với người ấy: “Ông nên hỏi thầy hòa thượng của ông và học hỏi, tụng kinh thêm, để biết pháp can gián.” Hoặc can gián thì nên nghe theo; hoặc giỡn cười; hoặc nói một mình; hoặc nói trong mộng; hoặc muốn nói việc này lại nói việc kia; tất cả đều không phạm.

## 55. Giới Dọa Nhát Tì-Kheo

## a. Duyên khởi

Một thời, Đức Phật ở nước Ba-la-lê-tì. Bấy giờ, Na-ca-ba-la đứng hầu hai bên Đức Phật. Theo pháp thường của các Đức Phật, nếu khi đang đi kinh hành, người cúng dường đứng đầu con đường kinh hành. Khi ấy, tì-kheo Na-ca-ba-la biết đầu đêm, giữa đêm, cuối đêm đã qua nên thỉnh Phật trở về. Nhưng Đức Phật vẫn im lặng. Thấy vậy, Na-ca-ba-la kéo ngược y câu-chấp trùm lên đầu để dọa Phật. Sáng hôm sau, Đức Phật cho tập hợp Tăng. Nhân đó, Đức Phật chế giới này.

## b. Văn giới

Tì-kheo nào, dọa tì-kheo khác, ba-dật-đề.

## c. Giải thích

– Tì-kheo: nghĩa như trên.

– Dọa tì-kheo khác, ba-dật-đề: hoặc dùng sắc, thanh, hương, vị, xúc và pháp để dọa người sợ. Người kia sợ hay không sợ đều phạm tội dọa. Người kia không biết thì phạm đột-kiết-la. Hoặc nói sắc, thanh, v.v... và sáu trần để dọa sợ người, nói rõ ràng phạm ba-dật-đề; nói không rõ ràng phạm đột-kiết-la.

– Trường hợp không phạm: hoặc ngồi chỗ tối không có lửa; hoặc ở chỗ nhà vệ sinh, rồi cho là thú dữ nên sợ hãi. Cho đến nghe tiếng người đi, tiếng ho, tiếng va chạm rồi sinh sợ hãi. Hoặc dùng sắc v.v... chỉ cho người, nhưng không có ý làm cho người sợ. Hoặc thật có tướng như vậy; hoặc mộng thấy sẽ chết, bỏ đạo, mất vật dụng, hòa thượng, cha



mẹ bệnh nặng, hoặc chết, rồi nói cho người kia biết. Hoặc nói giỡn, hoặc nói lầm; tất cả đều không phạm.

## 56. Giới Nửa Tháng Tắm Quá Lần

### a. Duyên khởi

Một thời, Đức Phật ở thành La-duyệt-kì. Ở đó, có vườn trúc, trong vườn có một cái ao. Bấy giờ, vua Bình-sa cho phép các tì-kheo thường đến ao đó tắm. Một hôm, vào lúc cuối đêm rồi mà nhóm sáu thầy tì-kheo còn đến ao tắm. Cùng lúc ấy, vua cùng với thể nữ cũng đến ao tắm nên gặp nhau. Cho nên, vua không tắm được. Vì thế, các vị đại thần chê bai và nổi giận. Các tì-kheo đem lỗi ấy bạch Phật. Nhân đó, Đức Phật quả trách và chế giới này.

### b. Văn giới

Tì-kheo, nửa tháng nên tắm một lần; tì-kheo không có bệnh phải tuân thủ, nếu tắm quá, trừ thời gian khác, ba-dật-đề. Trừ trường hợp đặc biệt là thời gian nóng bức, khi bệnh, lúc làm việc, khi mưa gió, lúc đi đường, đó là những trường hợp đặc biệt.

### c. Giải thích

– Tì-kheo: nghĩa như trên.

– Nửa tháng nên tắm một lần: còn trong thời gian nửa tháng mà tắm thì gọi là quá.

– Tì-kheo không có bệnh phải tuân thủ, nếu quá, trừ thời gian khác, ba-dật-đề. Trừ trường hợp đặc biệt là thời gian

nóng bức: bốn mươi lăm ngày cuối mùa xuân và một tháng đầu mùa hạ là thời gian nóng bức.

- Khi bệnh: cho đến thân thể bị hôi nơ gọi là bệnh.
- Lúc làm việc: cho đến chỉ quét dọn phía trước phòng.
- Khi mưa gió: cho đến một cơn gió xoáy, một giọt mưa rơi dính thân.
- Lúc đi đường: cho đến đi nửa do-tuần, hoặc đi tới, đi lui.
- Đó là những trường hợp đặc biệt: nếu người kia tắm quá, kể cả chỉ tắm khắp thân, một nửa thân đều phạm tội đọa; phương tiện rồi sinh hối hận phạm đột-kiết-la.
- Trường hợp không phạm: như những nhân duyên được khai đã nói ở trên thì được tắm nhiều lần; hoặc bị thể lực cưỡng bức phải tắm, tất cả đều không phạm.

## **57. Đốt Lửa Ở Chỗ Đất Trống**

### **a. Duyên khởi**

Một thời, Đức Phật ở thành Khoáng-dã. Bấy giờ, nhóm sáu thầy òi-kheo bàn với nhau: “Trước mặt Thượng tọa chúng ta không được tùy ý nói năng.” Rồi họ liền ra chỗ đất trống gôm củi, củi đốt lửa hướng về phía Thượng tọa. Khi ấy trong gốc cây có con rắn độc bị khói lửa xông nóng nên bò ra. Nhóm sáu thầy òi-kheo thấy rắn bò tới hoảng sợ ném lửa tung tóe, nên làm cháy giảng đường của Phật. Các òi-kheo đem lỗi ấy bạch Phật. Nhân đó, Đức Phật quở trách và chế giới này.

## b. Văn giới

Tì-kheo nào, không bệnh, vì mình tự nhóm lửa nơi đất trống, hoặc sai người nhóm, ba-dật-đề. Trừ có nhân duyên.

## c. Giải thích

– Tì-kheo: nghĩa như trên.

– Không bệnh: người bệnh cần lửa để sưởi ấm thân.

– Vì mình tự nhóm lửa nơi đất trống, hoặc sai người nhóm, ba-dật-đề. Trừ có nhân duyên: người kia ở chỗ đất trống hoặc lấy cỏ, lá cây, nhánh, lá, sợi gai, sô ma, hoặc phân bò, cám, trấu... dùng để nhóm lửa phạm ba-dật-đề. Nếu lấy lửa để lên trên cỏ, cây cho đến trấu... cũng phạm tội đọa. Nếu lấy những nhiên liệu đã bị cháy nám một nửa ném vào trong lửa và đốt than thì phạm đột-kiết-la. Nếu không báo cho người đối diện: “Người xem cho, biết cho!” thì cũng phạm đột-kiết-la.

– Trường hợp không phạm: nói với người đối diện: “Biết cho, xem cho!” Hoặc người bệnh tự đốt, hoặc sai người đốt. Hoặc có nhân duyên chăm sóc người bệnh, nấu cháo, nấu canh, nấu cơm. Hoặc ở trong nhà bếp, ở trong phòng tắm; hoặc xông bát; hoặc nấu thuốc nhuộm y; hoặc đốt đèn, đốt hương, tất cả đều không phạm.

## **58. Giới Cắt Giấu Y, Vật Của Người Khác**

### a. Duyên khởi

Một thời, Đức Phật ở nước Xá-vệ. Bấy giờ, có cư sĩ thỉnh chúng Tăng thụ thực vào sáng ngày mai. Khi ấy nhóm mười bảy thầy ò-kheo mang y bát, tọa cụ, ống đựng kim để một bên rồi thông thả kinh hành chờ đến giờ ăn. Lúc ấy, nhóm sáu thầy ò-kheo rình ở sau lưng rồi lấy y, vật của những người kia giấu. Các ò-kheo xét biết, rồi đem lỗi đó bạch Phật. Nhân đó, Đức Phật quả trách và chế giới này.

#### b. Văn giới

Tò-kheo nào, giấu y, bát, tọa cụ, ống đựng kim của tò-kheo khác, hoặc tự mình giấu, hoặc bảo người giấu, cho đến giỡn chơi, ba-dật-đề.

#### c. Giải thích

– Tò-kheo: nghĩa như trên.

– Trường hợp không phạm: nếu biết tướng thể vật của người kia và vì quen biết nhau nên lấy cất; hoặc để ở nơi đất trống; hoặc vì sợ gió thổi, mưa thấm ướt mà lấy cất; hoặc người chủ của vật vứt bỏ y, vật lung tung, vì muốn cảnh giới họ nên lấy cất. Hoặc mượn y của người khác mà người kia không thu xếp, vì sợ mất nên lấy cất; hoặc vì y, bát và các vật ấy có thể dẫn đến mạng nạn, phạm hạnh nạn v.v... nên lấy cất; tất cả đều không phạm.

### **59. Giới Tự TiệDùng Y Không Hỏi Chủ**

#### a. Duyên khởi

Một thời, Đức Phật ở nước Xá-vệ. Bấy giờ, nhóm sáu thầy tì-kheo thật lòng cứng y cho tì-kheo quen thân rồi. Sau đó, không nói với chủ nhân mà lấy mặc. Các tì-kheo đem lỗi ấy bạch Phật. Nhân đó, đức Phật quở trách và chế giới này.

#### b. Văn giới

Tì-kheo nào, đã cho y cho tì-kheo, tì-kheo-ni, thức-xoa-ma-na, sa-di, sa-di ni, về sau không nói với người chủ mà lấy lại mặc, ba-dật-đề.

#### c. Giải thích

– Tì-kheo: nghĩa như trên.

– Trường hợp không phạm: thật lòng cứng, nói với người chủ; triển chuyển thí; tùy ý lấy mặc, tất cả đều không phạm.

### **60. Giới Mặc Y Mới**

#### a. Duyên khởi

Một thời, Đức Phật ở nước Xá-vệ. Bấy giờ, nhóm sáu thầy mặc y trắng mà đi. Vì thế, bị hàng cư sĩ cơ hiềm là không có chính pháp, ăn mặc như vua, đại thần. Các tì-kheo đem lỗi ấy bạch Phật. Nhân đó, Đức Phật quở trách và chế giới này.

#### b. Văn giới

Tì-kheo nào, nhận được y mới, tùy ý sử dụng một trong ba màu hoặc là xanh, hoặc đen, hoặc mộc lan nên làm cho

hoại sắc; nếu không mà cho hoại sắc bằng ba thứ hoặc xanh, hoặc đen, hoặc mộc lan, mà mặc nguyên y mới, ba-dật-đề.

### c. Giải thích

– Tì-kheo: nghĩa như trên.

– Nhận được y mới: hoặc bản chất là y mới; hoặc mới nhận được từ người.

– Tùy ý sử dụng một trong ba màu hoặc là xanh, hoặc đen, hoặc mộc lan nên làm cho hoại sắc: Luật chú thích rằng: “Ở đây nói tịnh là, hoặc nhuộm làm màu gọi là tịnh. Nếu y đã thành tịnh sắc rồi thì nên lấy những vật khác có màu khác đập lên một chỗ làm dấu để nhận biết cũng gọi là tịnh. Từ đây về sau hoặc là y, hoặc chẳng phải y, thì đó là vật không được dùng, đều phải làm dấu để nhận biết rồi mới cất chứa. Nói ‘trùng’ là chỉ cho thảm, nệm bằng lông. Đó là một lớp bên trong y.

– Nếu không mà cho hoại sắc bằng ba thứ hoặc xanh, hoặc đen, hoặc mộc lan, mà mặc nguyên y mới, ba-dật-đề: tì-kheo kia nhận được y mà không nhuộm làm thành ba loại màu như đã nêu mà cất chứa liền thì phạm tội đọa. Nếu được y kép không làm pháp điểm tịnh mà cất chứa thì phạm đột-kiết-la. Nếu không phải y, túi đựng bát, túi đựng giày, túi đựng kim chỉ, dây ngồi thiền, dây buộc lưng, khăn bịt đầu, cái bít tất, khăn lau mồ hôi, khăn gói giày dép, không làm pháp tịnh mà cất chứa thì phạm đột-kiết-la. Nếu đem y chưa làm pháp điểm tịnh gửi ở nhà bạch y thì phạm đột-kiết-la.

– Trường hợp không phạm: nhận được vải trắng nhuộm làm thành ba màu. Ngoài ra được y kép, y đơn cho đến các loại khăn tác tịnh rồi mới cất chứa, thì không phạm.

## 61. Giới Cổ Ý Giết Súc Sinh

### a. Duyên khởi

Một thời, Đức Phật ở nước Xá-vệ. Bấy giờ, tôn giả Ca-lưu-đà-di không thích thấy quạ, nên làm cung tre bắn chúng, cho đến bắn xác quạ chất thành đống lớn trong tăng-già-lam. Khi ấy hàng cư sĩ đến tăng-già-lam lễ bái thấy vậy cùng nhau cơ hiểm. Các tì-kheo đem lỗi ấy bạch Phật. Nhân đó, Đức Phật quả trách và chế giới này.

### b. Văn giới

Tì-kheo nào, cổ ý đoạn mạng sống loài vật, ba-dật-đề.

### c. Giải thích

– Tì-kheo: nghĩa như trên.

– Cổ ý: bấy giờ các tì-kheo sau khi ngồi thiền đứng dậy đi lại đạp chết các loại côn trùng nhỏ nhít; nên hoặc có người làm pháp sám hối ba-dật-đề; hoặc có người sợ phạm giới; Đức Phật dạy: “Không biết thì không phạm.”

– Đoạn: hoặc tự tay đoạn, hoặc bảo người đoạn.

– Mạng loài vật: là loài không có khả năng biến hóa.

– Ba-dật-đề: tì-kheo-ni cũng phạm như tì-kheo. Các trường hợp khai, giống như giới giết người.

## 62. Giới Uống Nước Có Trùng

### a. Duyên khởi

Một thời, Đức Phật ở nước Xá-vệ. Bấy giờ, nhóm sáu thầy tì-kheo lấy nước có tạp trùng uống và sử dụng. Hàng cư sĩ thấy vậy cơ hiểm. Các tì-kheo đem lỗi ấy bạch Phật. Nhân đó, Đức Phật quả trách và chế giới này.

### b. Văn giới

Tì-kheo nào, biết nước có tạp trùng mà uống hoặc dùng, ba-dật-đề.

### c. Giải thích

– Tì-kheo: nghĩa như trên.

– Biết: không biết có trùng thì không phạm.

– Nước: ngoài nước ra, tạp trùng trong chất lỏng, trong giấm, trong sữa trong, trong nước lúa mạch mà uống hoặc sử dụng, đều phạm ba-dật-đề.

– Có tạp trùng mà uống hoặc dùng, ba-dật-đề: tì-kheo-ni phạm như tì-kheo.

– Trường hợp không phạm: trước không biết, hoặc tưởng không có trùng, hoặc trùng lớn khi khuấy động nước thì



chúng tránh đi, hoặc lọc nước rồi mới uống, sử dụng; tất cả đều không phạm.

### **63. Giới Làm Tì-Kheo Nghi Ngờ Và Buồn Phiền**

#### a. Duyên khởi

Một thời, Đức Phật ở nước Xá-vệ. Bấy giờ, nhóm mười bảy thầy tì-kheo hỏi nhóm sáu thầy tì-kheo: “Thế nào là vào sơ thiên?” Cho đến, thế nào thế nào đặc quả A-la-hán?” Nhóm sáu thầy tì-kheo trả lời: “Những gì các thầy vừa hỏi, thì đã phạm ba-la-di rồi.” Sau đó, nhóm mười bảy thầy tì-kheo đến hỏi một tì-kheo khác về việc đó, và vị tì-kheo ấy khiến trách nhóm mười sáu thầy tì-kheo. Nhân đó, Đức Phật chế giới này.

#### b. Văn giới

Tì-kheo nào, cố ý gieo nghi ngờ hoang mang cho người khác, khiến cho không an tâm, dù chỉ trong chốt lát, ba-dật-đề.

#### c. Giải thích

– Tì-kheo: nghĩa như trên.

– Cố ý: Lúc bấy giờ có số đông tì-kheo thường tập họp tại một chỗ cùng nhau bàn luận về pháp. Trong số đó có một tì-kheo bỏ đi. Sau khi đi rồi, vị ấy khởi tâm nghi ngờ, cho rằng: “Các vị tì-kheo kia đã làm cho tôi nghi ngờ.” Đức Phật dạy: “Không cố ý làm thì không phạm.”

– Gieo nghi ngờ hoang mang cho người khác: nghi ngờ là: hoặc là nghi ngờ về sự sinh, về tuổi tác, về thụ giới, về yết-ma, về phạm, về pháp.

– Khiến cho không an tâm, dù chỉ trong chốt lát, ba-dật-đề: Tì-kheo-ni phạm như tì-kheo.

– Trường hợp không phạm: việc ấy thật như vậy; không cố ý. Người kia không phải sinh vào khoảng thời gian ấy. Sợ sau này họ nghi ngờ và hối hận, vô cố mà để cho họ nhận sự cúng dường của người khác, hoặc nhận sự kính lễ của đại tì-kheo nên nói: “Không phải thầy sinh vào khoảng thời gian đó, vì so với thời gian sinh của người khác, nên biết được không phải thầy sinh trong khoảng thời gian ấy.”

Việc ấy thật là như thế. Người kia không phải đã được chứng ấy tuổi. Vì sợ sau này họ sinh nghi ngờ, hối hận, vô cố nhận lợi dưỡng, kính phụng của người khác, nên nói: “Thầy chưa được chứng ấy tuổi, vì so với những tì-kheo khác, nên biết thầy chưa được chứng ấy tuổi.”

Việc ấy sự thật là như vậy. Nếu chưa đủ hai mươi tuổi, ở trong nội giới biệt chúng, sợ sau này họ sinh nghi ngờ, hối hận, vô cố nhận sự cúng dường, kính lễ của người khác, nên phải nói cho người kia biết để họ trở về vị trí cũ và thụ giới lại.

Việc ấy sự thật là như vậy. Vì bạch không thành, yết-ma không thành, phi pháp biệt chúng. Vì sợ sau này họ sinh nghi ngờ, hối hận, vô cố nhận sự cúng dường, kính lễ của người khác, nên nói để người kia biết trở về vị trí cũ và thụ giới lại.

Việc ấy sự thật là như vậy. Người ấy phạm ba-la-di cho đến phạm ác thuyết, vì sợ sau này họ nghi ngờ, hối hận, vô cớ nhận sự cúng dường của người khác, nhận sự lễ kính của tì-kheo giữ giới. Vì muốn cho họ biết và sám hối như pháp, nên nói cho biết họ đã phạm ba-la-di cho đến phạm ác thuyết.

Hoặc vì người tính cạn cợt, không biết nói năng, nên nói: “Thầy nói như thế là tự xưng mình được pháp thượng nhân.” Hoặc nói sai, hoặc nói đùa; tất cả đều không phạm.

#### **64. Giới Che Giấu Tội Của Tì-Kheo**

##### **a. Duyên khởi**

Một thời, Đức Phật ở nước Xá-vệ. Bấy giờ, tì-kheo Bạt-nan-đà quen thân với một tì-kheo khác. Nhưng vì tì-kheo Bạt-nan-đà nhiều lần phạm giới, nên mới đến nói với tì-kheo kia: “Thầy chớ nói cho người khác biết!” Sau đó, tì-kheo Bạt-nan-đà mâu thuẫn với tì-kheo kia. Vì vậy, tì-kheo kia đến nói với các tì-kheo là Bạt-nan-đà phạm tội. Các tì-kheo hỏi: “Sao giờ ông mới nói?” Tì-kheo kia nói: “Vì không nhịn chịu được nữa nên nói.” Các tì-kheo đem lỗi ấy bạch Phật. Nhân đó, Đức Phật quả trách và chế giới này.

##### **b. Văn giới**

Tì-kheo nào, đã biết tì-kheo khác phạm thô tội mà che giấu, ba-dật-đề.

##### **c. Giải thích**

– Tì-kheo: nghĩa như trên.

- Biết: nếu không biết thì không phạm.
- Tì-kheo khác phạm thô tội: bốn tội ba-la-di, tăng-già-bà-thi-sa.
- Che giấu: nếu tì-kheo này biết tì-kheo khác phạm thô tội, biết vào lúc tiểu thực đến lúc ăn xong mới nói; hoặc ăn xong mới biết đến đầu mới nói; hoặc biết lúc đầu đêm đến giữa đêm mới nói; tất cả đều phạm đột-kiết-la. Hoặc biết lúc giữa đêm đến cuối đêm muốn nói nhưng không nói, đến khi minh tướng xuất hiện thì phạm ba-dật-đề. Trừ thô tội, che giấu những tội khác; tự che giấu tội; trừ tì-kheo-ni, che giấu tội của những người khác; tất cả đều phạm đột-kiết-la.
- Ba-dật-đề: tì-kheo-ni phạm như tì-kheo.
- Trường hợp không phạm: trước không biết, tưởng không phải là thô tội, hoặc nói với người, không có người để nói, hoặc gặp mạng nạn, phạm hạnh nạn; tất cả đều không phạm.

## **65. Giới Cho Người Chưa Đủ Tuổi Thọ Giới Cụ Túc**

### **a. Duyên khởi**

Một thời, Đức Phật ở thành La-duyệt. Bảy giờ, trong thành có mười bảy đồng tử. Người lớn nhất 17 tuổi, người nhỏ nhất 11 tuổi; vì tín tâm mà xuất gia. Các tì-kheo liền cho xuất gia và thọ đại giới. Nhưng vì những người ấy, tuổi còn trẻ không chịu được ngày ăn một bữa, nên nửa đêm đói bụng, kêu khóc vang rền. Đức Phật tỉnh giấc và hỏi ra mới biết việc như vậy. Lúc ấy, đêm đã qua, Phật cho tụ tập

Tăng và lập pháp chế: “Người đủ hai mươi tuổi mới cho thụ đại giới.” Phật dạy: “Nếu người chưa đủ hai mươi tuổi thì không thể kham chịu lạnh nóng, đói khát, gió mưa, muỗi mòng, độc trùng và những lời hung dữ. Nếu thân có các khổ đau thì không thể chịu được. Lại nữa, không thể trì giới, không thể ăn một bữa. Vì hai mươi tuổi mới đủ sức kham chịu được những việc khó khổ như trên.

## b. Văn giới

Tì-kheo nào, người đủ hai mươi tuổi mới cho thụ đại giới; nếu biết người chưa đủ hai mươi tuổi mà cho thụ đại giới, thì người ấy không đắc giới, còn tì-kheo kia bị quả trách là người si, phạm ba-dật-đề.

## c. Giải thích

– Tì-kheo: nghĩa như trên.

– Biết: không biết thì không phạm.

– Người chưa đủ hai mươi tuổi mà cho thụ đại giới, thì người ấy không đắc giới, còn tì-kheo kia bị quả trách là người si, phạm ba-dật-đề: người thụ giới kia biết mình chưa đủ 20 tuổi. Hòa thượng và Tăng cũng biết như vậy. Nhưng khi ở trong chúng hỏi: “Ông đủ hai mươi tuổi chưa?” Người kia trả lời: “Hoặc đủ, hoặc chưa đủ, hoặc nghi, hoặc không biết, hoặc im lặng, hoặc Tăng không hỏi.” Trong bốn trường hợp ấy, hoặc biết, hoặc nghi... hòa thượng phạm ba-dật-đề, chúng Tăng phạm đột-kiết-la. Nếu nói không biết thì đều không phạm. Nếu thụ ba lần yết-ma xong, thì hòa thượng phạm tội đọa. Hoặc trong lúc đang bạch, hoặc bạch chưa xong, hoặc mới làm tiền phương tiện, hoặc mới

cạo tóc, hoặc mới tập hợp Tăng, hòa thượng tất cả phạm đột-kiết-la. Chúng Tăng cũng phạm như vậy. Tì-kheo-ni phạm ba-dật-đề.

– Trường hợp không phạm: trước không biết, tin người thụ giới nói, hoặc người bên cạnh nói, hoặc cha mẹ có tín tâm nói, hoặc đã thụ giới rồi nghi. Đức Phật dạy: “Nên tính số năm tháng trong thai, số tháng nhuần, hoặc tính tất cả mười bốn ngày thuyết giới để làm số năm, nếu đủ thì không phạm.”

## **66. Giới Khởi Lại Bốn Tránh Sự**

### **a. Duyên khởi**

Một thời, Đức Phật ở nước Xá-vệ. Bấy giờ, nhóm sáu thầy tì-kheo tranh chấp và đã như pháp diệt rồi. Sau đó, họ lại khởi dậy. Các tì-kheo đem lỗi ấy bạch Phật. Nhân đó, Đức Phật quở trách và chế giới này.

### **b. Văn giới**

Tì-kheo nào, biết tránh sự đã được như pháp sám hối rồi, sau đó lại khởi dậy, ba-dật-đề.

### **c. Giải thích**

– Tì-kheo: nghĩa như trên.

– Biết: nếu không biết như pháp diệt rồi thì không phạm.

– Tránh sự: có bốn loại: ngôn tránh, mịch tránh, phạm tránh và sự tránh.

– Như pháp sám hối rồi: như pháp, như luật, như lời Phật dạy.

– Sáu đó lại khơi dậy, ba-dật-đề: nói không rõ ràng phạm đột-kiết-la. Trừ tránh sự này ra, nếu khơi dậy những việc đấu tranh mắng nhiếc khác; hoặc khơi lại việc đấu tranh của mình; trừ hai chúng ra, nếu đấu tranh và khơi lại với những người khác thì tất cả đều phạm đột-kiết-la. Tì-kheo-ni phạm như tì-kheo.

– Trường hợp không phạm: nếu trước không biết, hoặc quán sát, tưởng không quán sát; hoặc sự thật là như vậy; hoặc lợi nói không khéo quán sát v.v.... hoặc nói giỡn, hoặc nói lầm, tất cả đều không phạm.

## **67. Giới Hẹn Với Cướp Đi Chung**

### **a. Duyên khởi**

Một thời, Đức Phật ở nước Xá-vệ. Bấy giờ, có số đông tì-kheo từ Xá-vệ đến Tì-xá-li. Lúc ấy, có đoàn khách buôn muốn lén qua ải để trốn nộp thuế cho vua. Họ kết bạn với các tì-kheo rồi đi chung. Nhưng họ bị quan giữ ải bắt lại và dẫn đến chỗ vua. Và tội đi chung với những người ấy đáng phải chết. Vì thế, các tì-kheo bị vua và người đời chê trách. Các tì-kheo đem lỗi ấy bạch Phật. Nhân đó, Đức Phật chế giới này.

### **b. Văn giới**

Tì-kheo nào, biết đó là đồng bọn giặc cướp mà giao hẹn cùng đi chung đường, cho đến khoảng cách giữa hai thôn, ba-dật-đề.

### c. Giải thích

– Tì-kheo: nghĩa như trên.

– Biết: nếu không biết, không kết giao thì đều không phạm.

– Bọn giặc: hoặc đi cướp rồi trở về, hoặc mới định đi.

– Mà giao hẹn cùng đi chung đường: giao hẹn: hẹn nhau cùng đến thành nào đó, hoặc đến thôn nào đó. Đường: là đường ở khắp nơi ở giữa hai thôn.

– Cho đến khoảng cách giữa hai thôn, ba-dật-đề: hoặc đi đến các nơi giữa hai thôn, đi đến các đường, hoặc đi đến một đường, hoặc nơi không có thôn, chỗ khoảng đồng trống, không có ranh giới, đi chung mười lí thì phạm ba-dật-đề. Hoặc cùng đi nửa đường giữa hai thôn, hoặc đi chưa được mười lí, hoặc đi trong phạm vi một thôn, hoặc phương tiện cùng đi, hoặc không đi, tất cả đều phạm đột-kiết-la. Tì-kheo-ni phạm như tì-kheo.

– Trường hợp không phạm: hoặc đi theo mới được được an ổn đến chỗ cần đến; hoặc vì mạng nạn, phạm hạnh nạn, hoặc bị thế lực ép buộc, tất cả đều không phạm.

## **68. Giới Nói Dục Không Chương Đạo Chống Lại Sự Can Gián Của Tăng**

### a. Duyên khởi

Một thời, Đức Phật ở nước Xá-vệ. Bấy giờ, tì-kheo A-lê-tra sinh ác kiến nói rằng: “Tôi hiểu Phật dạy hành dâm dục



không chướng đạo.” Các tì-kheo can gián và khuyến dụ nhưng tì-kheo A-lê-tra không xả bỏ. Các tì-kheo đem việc ấy bạch Phật. Đức Phật hỏi tì-kheo A-lê-tra về việc ấy và tì-kheo A-lê-tra cũng xác nhận có nói việc ấy. Lúc ấy, Đức Phật cho tập họp Tăng bạch tứ yết-ma can gián và quở trách rồi chế giới này.

## b. Văn giới

Tì-kheo nào, nói như vậy: “Tôi biết, theo pháp do đức Phật nói, sự hành dâm dục chẳng phải là pháp chướng đạo.” Các tì-kheo kia nên can gián tì-kheo này rằng: “Đại đức, chớ nói như vậy; chớ xuyên tạc đức Thế Tôn; xuyên tạc đức Thế Tôn là không tốt. Đức Thế Tôn không nói như vậy. Đức Thế Tôn bằng vô số phương tiện nói rằng sự hành dâm dục là pháp chướng đạo.” Khi các tì-kheo kia can gián tì-kheo này mà tì-kheo này kiên trì không bỏ, thì các tì-kheo kia nên can gián ba lần cho bỏ sự này. Nếu can gián ba lần, bỏ thì tốt, không bỏ, ba-dật-đề.

## c. Giải thích

– Tì-kheo: nghĩa như trên.

Tì-kheo-ni phạm như tì-kheo. Những trường hợp khác giống như giới can gián trước, chỉ có tên tội là hơn, kém khác nhau thôi.

## **69. Giới Hỗ Trợ Tì-Kheo Bị Cử Tội**

### a. Duyên khởi

Một thời, Đức Phật ở nước Xá-vệ. Bấy giờ, tì-kheo A-lê-tra sinh ác kiến, Tăng can gián nhưng không chịu xả bỏ. Đức Phật dạy nên làm pháp bạch tứ yết-ma cử tội A-lê-tra. Lúc ấy, nhóm sáu thầy tì-kheo cung cấp cho tì-kheo A-lê-tra những thứ cần dùng và cùng chung yết-ma. Các tì-kheo đem lỗi ấy bạch Phật. Nhân đó, Đức Phật quở trách rồi chế giới này.

## b. Văn giới

Tì-kheo nào, biết người nói lời như vậy, chưa được tác pháp, có tà kiến như vậy mà chưa bỏ, lại cung cấp những thứ cần dùng, cùng chung yết-ma, cùng ngủ nghỉ, cùng nói chuyện, ba-dật-đề.

## c. Giải thích

- Tì-kheo: nghĩa như trên.
- Biết: nếu ban đầu không biết, sau đó mới biết thì không phạm.
- Người nói lời như vậy: nói lời như thế này: “Tôi nghe Thế Tôn nói pháp hành thâm dục là pháp không chướng đạo.”
- Chưa được tác pháp: hoặc bị tác cử nhưng chưa giải.
- Có tà kiến như vậy: nói biết như thế này: “Tôi biết pháp Thế Tôn nói chẳng phải pháp chướng đạo.”
- Mà chưa bỏ: chúng Tăng quở trách, can gián mà không xả bỏ ác kiến.

– Lại cung cấp những thứ cần dùng: gồm có hai loại: hoặc là pháp, hoặc là tài vật. Pháp: dạy tu tập tăng thượng giới, tăng thượng ý, tăng thượng trí, học vấn, tụng kinh. Tài vật: cung cấp y phục, thức ăn uống, giường, nệm, thuốc thang.

– Cùng chung yết-ma: cùng thuyết giới v.v...

– Cùng ngủ chung: phòng có bốn vách, lợp và che chắn tất cả; hoặc lợp tất cả nhưng không che chắn tất cả; hoặc che chắn tất cả nhưng không lợp tất cả; hoặc lợp không hết, che chắn không hết.

– Cùng nói chuyện: hoặc tì-kheo vào phòng trước, rồi người kia vào sau; hoặc người kia vào đến trước; hoặc cả hai cùng vào; tùy hông chạm đất mỗi mỗi đều phạm tội đọa.

– Ba-dật-đề: tì-kheo-ni phạm như tì-kheo.

– Trường hợp không phạm: hoặc không biết; hoặc phòng được lợp hết nhưng bốn bên không ngăn che; hoặc ngăn che một nửa; hoặc ngăn che một ít; hoặc ngăn che tất cả nhưng không lợp, lợp một nửa, lợp một ít; hoặc lợp một nửa, ngăn che một nửa; hoặc lợp một ít, ngăn che một ít; hoặc nơi đất trống; hoặc bị bệnh; bị trói; hoặc vì mạng nạn, phạm hạnh nạn, tất cả đều không phạm.

## **70. Giới Giúp Đỡ Sa-Di Bị Đuổi**

a. Duyên khởi

Một thời, Đức Phật ở nước Xá-vệ. Bấy giờ, hai sa-di của tì-kheo Bạt-na-đà cùng làm việc bất tịnh. Đã vậy, hai sa-di còn nói với nhau: “Chúng tôi được nghe pháp từ Phật nói, hành dâm dục không chướng đạo.” Các tì-kheo đem lỗi ấy bạch Phật. Đức Phật cho làm pháp bạch tứ yết-ma can gián để họ xả bỏ, nhưng họ không xả bỏ nên bị đuổi. Lúc ấy, nhóm sáu thầy tì-kheo dụ dẫn đem về nuôi dưỡng. Các tì-kheo đem lỗi ấy bạch Phật. Nhân đó, Đức Phật quả trách và chế giới này.

#### b. Văn giới

Tì-kheo nào, biết sa-di nói như vậy: “Tôi nghe pháp từ Đức Phật, nói rằng: ‘Hành dâm dục chẳng phải là pháp chướng đạo.’” Các tì-kheo kia nên can gián sa-di ấy như thế này: “Các người đừng phỉ báng đức Thế Tôn, phỉ báng đức Thế Tôn là không tốt. Đức Thế Tôn không nói như vậy. Nay sa-di, đức Thế Tôn bằng vô số phương tiện nói hành dâm dục là pháp chướng đạo.” Khi các tì-kheo kia can gián sa-di ấy mà vẫn kiên trì không bỏ. Các tì-kheo nên can gián cho đến ba lần, khiến cho sa-di bỏ việc này. Cho đến ba lần can gián mà bỏ thì tốt; nếu không bỏ, thì các tì-kheo kia nên nói với sa-di ấy rằng: “Từ nay về sau các ông không được nói rằng: ‘Đức Phật là Thế Tôn của tôi.’ Không được đi theo các tì-kheo khác. Các sa-di khác được phép cùng ngủ hai, ba đêm với tì-kheo, nhưng này ông không được phép đó. Ông phải ra khỏi nơi này, không nên ở đây nữa.” Nếu tì-kheo biết sa-di đã bị đuổi ở trong chúng như vậy, mà vẫn dụ dẫn đem về nuôi dưỡng, cùng ngủ chung, ba-dật-đề.

#### c. Giải thích

- Tì-kheo: nghĩa như trên.
- Biết: không biết thì không phạm.
- Bị đuổi: Tăng tác pháp bạch tứ yết-ma đuổi.
- Dụ dẫn đem về nuôi dưỡng: nuôi dưỡng: hoặc tự nuôi, hoặc cho người nuôi. Dụ dẫn: hoặc tự dụ dẫn, hoặc sai người dụ dẫn.
- Cùng ngủ chung: như giải thích ở trên.
- Ba-dật-đề: tì-kheo-ni phạm như tì-kheo. Phần khai duyên giống như trên.

## **71. Giới Chống Lại Sự Khuyên Học**

### **a. Duyên khởi**

Một thời, Đức Phật ở nước Câu-thiểm-tì. Bấy giờ, các tì-kheo như pháp can gián tì-kheo Xiển-đà, nhưng tì-kheo Xiển-đà không nghe mà còn nói lại: “Nay tôi không học giới này. Tôi sẽ hỏi những tì-kheo có trí tuệ, trì luật khác.” Các tì-kheo đem lỗi ấy bạch Phật. Nhân đó, Đức Phật quở trách và chế giới này.

### **b. Văn giới**

Tì-kheo nào, khi được các tì-kheo khác như pháp can gián lại nói như vậy: “Nay tôi không học giới này. Tôi sẽ nạn vấn các tì-kheo trí tuệ có trí tuệ khác đã”, ba-dật-đề. Nếu vì muốn biết hay vì muốn học thì mới nên nạn vấn.

### c. Giải thích

- Tì-kheo: nghĩa như trên.
- Như pháp: như pháp, như luật, như lời Phật dạy.
- Ba-dật-đề: nếu nói nhưng không rõ ràng thì phạm đột-kiết-la. Tì-kheo-ni phạm như tì-kheo.
- Trường hợp không phạm: nếu tì-kheo can gián kia ngu si, không hiểu được lời can gián, thì tì-kheo này nên nói: “Thầy nên trở về hỏi hòa thượng A-xà-lê của thầy đã. Thầy nên học thêm, tụng kinh thêm.” Hoặc việc ấy đúng thật như thế; tất cả đều không phạm.

## 72. Giới Chê Học Giới

### a. Duyên khởi

Một thời, Đức Phật ở nước Xá-vệ. Bấy giờ, các tì-kheo cùng tập họp để tụng pháp tì-ni. Lúc ấy, nhóm sáu thầy tì-kheo bàn với nhau rằng: “Các tì-kheo cùng tập họp tụng luật thông suốt, ắt sẽ thường xuyên cử tội chúng ta.” Rồi họ đến chỗ các tì-kheo nói rằng: “Trưởng lão, tụng các giới vụn vặt này làm gì? Trưởng lão nên tụng bốn sự cho đến tụng mười ba sự.” Các tì-kheo biết nhóm sáu thầy tì-kheo này muốn diệt pháp, nên đem lỗi ấy bạch Phật. Nhân đó, Đức Phật quả trách và chế giới này.

### b. Văn giới

Tì-kheo nào, khi thuyết giới, nói như vậy: “Đại đức, thuyết những giới vụn vặt như vậy để làm gì? Khi nói những giới

ấy khiến cho người sinh ra hoài nghi, phiền muộn, xấu hổ”; vì khinh chê giới, ba-dật-đề.

### c. Giải thích

– Tì-kheo: nghĩa như trên.

– Khi thuyết giới: hoặc là khi tự mình nói giới, hoặc khi người khác nói giới; hoặc khi tụng giới.

– Nói như vậy: Đại đức, thuyết những giới vụn vặt như vậy để làm gì?: nói: “Trưởng lão, nếu muốn tụng thì nên tụng bốn việc; nếu muốn tụng nhiều hơn thì nên tụng bốn việc đến mười ba việc, còn những giới khác không cần phải tụng. Vì sao?”

– Khi nói những giới ấy khiến cho người sinh ra hoài nghi, phiền muộn, xấu hổ; vì khinh chê giới, ba-dật-đề: nếu nói rõ ràng thì phạm đột-kiết-la. Chê bai tì-ni thì phạm ba-dật-đề. Chê bai A-tì-đàm và các kế kinh khác thì phạm đột-kiết-la. Tì-kheo-ni phạm như tì-kheo.

– Trường hợp không phạm: Hoặc nói, trước tụng A-tì-đàm sau đó mới tụng luật, hoặc nói trước tụng các kế kinh sau đó mới tụng luật. Hoặc có người bệnh cần phải đợi cho lành rồi mới tụng luật. Ở trong Phật pháp phải khuyên cầu phương tiện để thành tựu bốn quả sa-môn, sau đó sẽ tụng luật. Hoặc không muốn diệt pháp; hoặc nói lầm, tất cả đều không phạm.

## 73. Giới Sợ Cử Tội Nên Nói Trước

### a. Duyên khởi

Một thời, Đức Phật ở nước Xá-vệ. Bấy giờ, một người trong nhóm sáu thầy tì-kheo, đang nói đến lời tựa của giới kinh, biết mình có tội chướng, vì sợ phát hiện và cử tội nên đến gặp một tì-kheo thanh tịnh trước nói rằng: “Nay tôi mới biết pháp này. Pháp này được chép trong giới kinh, nửa tháng nói một lần, rút ra từ giới kinh.” Các tì-kheo đem lỗi ấy bạch Phật. Nhân đó, Đức Phật quả trách và chế giới này.

## b. Văn giới

Tì-kheo nào, khi nói giới, nói như vậy: “Nay tôi mới biết pháp này ghi trong giới kinh mỗi nửa tháng tụng một lần, xuất từ trong giới kinh.” Các tì-kheo khác biết tì-kheo này không những hai, ba lần mà nhiều lần có ngồi trong chỗ thuyết giới. Tì-kheo kia, không phải do vì không biết, không hiểu. Nếu có tội thì nên xử trị như pháp, lại chớ thêm tội vô tri, bảo rằng: “Trưởng lão, thật không ích lợi, không có sở đắc tốt đẹp nào cho ngài, vì khi tụng giới ngài không dụng tâm suy nghĩ, không một lòng nhiếp niệm để nghe pháp.” Vị kia, là kẻ vô tri, ba-dật-đề.

## c. Giải thích

– Tì-kheo: nghĩa như trên.

– Khi nói giới: hoặc tự nói; hoặc người khác nói, hoặc lúc tụng giới.

– Chớ thêm: nếu có tác pháp chớ thêm thì phạm ba-dật-đề; nếu không tác pháp chớ thêm thì phạm đột-kiết-la.

– Không dụng tâm suy nghĩ: để tâm suy nghĩ.



– Ba-dật-đề: ù-kheo-ni phạm như ù-kheo.

– Trường hợp không phạm: hoặc là chưa từng nghe nói rộng nay mới được nghe; hoặc nói giỡn, hoặc nói sai, tất cả đều không phạm.

## **74. Giới Cùng Yết-Ma Sau Đó Sám Hồi**

### a. Duyên khởi

Một thời, Đức Phật ở thành La-duyệt-kì. Bảy giờ, ù-kheo Đạp-bà-ma-la Tử làm tri sự cho Tăng. Cho nên, các hội bố thí bên ngoài đều không đến dự. Vì thế, y phục đều bị cũ rách. Sau đó, Tăng được y quý giá, chúng Tăng bạch nhị yết-ma trao y đó cho Đạp-bà-ma-la Tử. Khi ấy, nhóm sáu thầy ù-kheo cũng có mặt ở đó nhưng không nói, để rồi sau đó lại hối hận. Các ù-kheo đem lỗi ấy bạch Phật. Nhân đó, Đức Phật quả trách rồi chế giới này.

### b. Văn giới

Ù-kheo nào, sau khi cùng chung yết-ma rồi, lại nói như vậy: “Các ù-kheo, theo chỗ thân hậu mà lấy vật của chúng Tăng đem cho”, ba-dật-đề.

### c. Giải thích

– Ù-kheo: nghĩa như trên.

– Các ù-kheo theo chỗ thân hậu: cùng hòa thượng, cùng a-xà-lê, cùng ngồi, cùng đứng dậy, cùng nói chuyện thân mật với nhau.

– Lấy vật của chúng Tăng: vật của Tăng là những vật như ở trên đã nói, gồm: y, bát, ống đựng kim, ni-sư-đàn, cho đến đồ đựng nước.

– Đem cho, ba-dật-đề: nếu nói rõ ràng phạm đột-kiết-la. Tì-kheo-ni phạm như tì-kheo.

– Trường hợp không phạm: việc ấy thật như thế. Theo chỗ quen thân đem vật của Tăng cho, hoặc nói giỡn, hoặc nói nhằm, tất cả đều không phạm.

## 75. Giới Không Gửi Dục

### a. Duyên khởi

Một thời, Đức Phật ở nước Xá-vệ. Bấy giờ, có nhiều tì-kheo tụ họp lại một chỗ để bàn luận về pháp Tì-ni. Khi ấy, nhóm sáu thầy tì-kheo nói với nhau rằng: “Hãy nhìn xem, hình như các tì-kheo vì chúng ta làm pháp yết-ma.” Rồi họ đứng dậy bỏ đi. Các tì-kheo gọi họ ở lại nhưng họ vẫn cố bỏ đi. Các tì-kheo đem lỗi ấy bạch Phật. Nhân đó, Đức Phật quở trách và chế giới này.

### b. Văn giới

Tì-kheo nào, khi chúng Tăng đoán sự chưa xong, không gửi dục, mà đứng dậy bỏ đi, ba-dật-đề.

### c. Giải thích

– Tì-kheo: nghĩa như trên.

– Chúng tăng: cùng một thuyết giới, cùng một yết-ma.

- Đoán sự chưa xong: có tám mươi việc phá Tăng, gồm pháp, phi pháp cho đến thuyết và không thuyết.
- Không gửi dục: hoặc vì lo việc của Tăng, hoặc việc chùa tháp, nuôi bệnh, thì cho phép gửi dục.
- Đứng dậy bỏ đi, ba-dật-đề: nếu đoán sự chưa xong mà đứng dậy chân bước ra khỏi cửa phạm tội đọa; chân còn trong cửa; phương tiện muốn đi mà không đi, phạm đột-khiết-la. Tì-kheo-ni phạm ba-dật-đề.
- Trường hợp không phạm: hoặc có gửi dục, hoặc bị cầm; hoặc yết-ma phi pháp, hoặc Tăng, tháp, chùa, hòa thượng, A-xà-lê, đồng học làm tổn giảm, nếu không gửi dục mà bỏ đi thì không phạm.

## **76. Giới Gửi Dục Rồi Sau Hồi Hận**

### **a. Duyên khởi**

Một thời, Đức Phật ở nước Xá-vệ. Bấy giờ, nhóm sáu thầy tì-kheo vì sợ cử tội, nên lúc nào sáu người cũng đi chung với nhau. Vì thế, các tì-kheo không biết bằng cách nào để tác pháp yết-ma được. Sau đó, nhân lúc nhóm sáu thầy tì-kheo đang may y, các tì-kheo gọi đến để nhận dục. Ngay lúc ấy, các tì-kheo tác pháp yết-ma cử tội cho một tì-kheo trong nhóm sáu thầy tì-kheo. Sau đó, nhóm sáu thầy tì-kheo nói: “Chúng tôi vì việc kia mà gửi dục.” Các tì-kheo đem lỗi ấy bạch Phật. Nhân đó, Đức Phật quả trách và chế giới này.

### **b. Văn giới**

Tì-kheo nào, gửi dục rồi, sau lại hối, ba-dật-đề.

### c. Giải thích

– Tì-kheo: nghĩa như trên.

– Gửi dục rồi, sau lại hối: nói thế này: “Các ông làm yết-ma phi pháp, yết-ma không thành. Chúng tôi vì việc kia mà gửi dục chứ không phải vì việc này.”

– Ba-dật-đề: nói không rõ ràng phạm độn-kiết-la. Tì-kheo-ni phạm như tì-kheo.

– Trường hợp không phạm: việc ấy thật như vậy; làm yết-ma phi pháp; hoặc nói lầm việc kia mà nói việc này; tất cả đều không phạm.

## **77. Giới Núp Ở Chỗ Khuất Nghe Bồn Tránh Sự**

### a. Duyên khởi

Một thời, Đức Phật ở nước Xá-vệ. Bấy giờ, nhóm sáu thầy tì-kheo nghe các tì-kheo đấu tranh rồi đến nói với người kia làm cho việc tranh cãi không còn khả năng trừ diệt. Các tì-kheo đem lỗi ấy bạch Phật. Nhân đó, Đức Phật quở trách rồi chế giới này.

### b. Văn giới

Tì-kheo nào, sau khi các tì-kheo cùng tranh cãi nhau, nghe lời người này đem qua nói với người kia, ba-dật-đề.

### c. Giải thích

- Tì-kheo: nghĩa như trên.
- Tranh cãi: đấu tranh có bốn: ngôn tránh, mịch tránh, phạm tránh và sự tránh.
- Nghe lời người này đem qua nói với người kia: nghe: là lén nghe lời người của khác nói. Hoặc nghe lời nói của người kia rồi từ đường đến chẳng phải đường, từ cao đến thấp; từ chẳng phải đường đến đường, từ thấp đến cao, đến và nghe.
- Ba-dật-đề: nếu không nghe thì phạm đột-kiết-la. Hoặc phương tiện định đi nhưng không đi; hoặc cùng hẹn nhau đi nhưng không đi; tất cả đều phạm đột-kiết-la. Hoặc hai người cùng nói chuyện ở chỗ tối; hoặc cùng nói chuyện ở chỗ khuất; nói chuyện với người đi phía trước; hoặc không búng món tay, tăng hăng, để cảnh giác người; tất cả đều phạm đột-kiết-la. Tì-kheo-ni phạm như tì-kheo.
- Trường hợp không phạm: hoặc không làm yết-ma không có lợi ích, yết-ma phi pháp; hoặc vì muốn biết nên cố ý lắng nghe.

## **78. Giới Đánh Tì-Kheo**

### **a. Duyên khởi**

Một thời, Đức Phật ở nước Xá-vệ. Bấy giờ, một người trong nhóm sáu thầy tì-kheo vì sân hận nên đánh một người trong nhóm mười bảy thầy tì-kheo. Tì-kheo bị đánh kia la lớn. Tì-kheo ở phòng bên cạnh nghe tiếng la mới hỏi duyên cớ, tì-kheo bị đánh thuật lại đầy đủ. Các tì-kheo đem lỗi ấy bạch Phật. Nhân đó, Đức Phật quở trách và chế giới này.

## b. Văn giới

Tì-kheo nào, vì nóng giận, không hoan hỉ, đánh tì-kheo, ba-dật-đề.

## c. Giải thích

– Tì-kheo: nghĩa như trên.

– Vì nóng giận, không hoan hỉ, đánh tì-kheo: hoặc đánh bằng tay, đá, gậy v.v...

– Ba-dật-đề: trừ gậy, tay, đá; nếu đánh bằng chìa khóa cửa, móc câu, cán phất trần, cán thủ hương, cái cùm chân; tất cả đều phạm đột-kiết-la. Tì-kheo-ni phạm như tì-kheo.

– Trường hợp không phạm: có bệnh cần phải dấm lưng; hoặc ăn mặc nghẹn cần phải vuốt cho xuống; hoặc nói chuyện với nhau mà không nghe nên phải đưng chạm làm cho nghe; hoặc khi ngủ nằm gác lên thân người khác; hoặc khi đi qua đi lại đưng chạm với nhau; hoặc lúc quét đất cán chổi vô tình đưng phải; tất cả đều không phạm.

## 79. Giới Nhá Đánh Tì-Kheo Khác

### a. Duyên khởi

Một thời, đức Phật ở nước Xá-vệ. Bấy giờ, nhóm sáu thầy tì-kheo dùng tay đánh nhóm mười bảy thầy tì-kheo. Những tì-kheo bị đánh la lớn. Các tì-kheo đem lỗi ấy bạch Phật. Nhân đó, Đức Phật quả trách và chế giới này.

### b. Văn giới

Tì-kheo nào, vì nóng giận, không vui, dùng tay đánh tì-kheo, ba-dật-đề.

### c. Giải thích

– Tì-kheo: nghĩa như trên.

– Vì nóng giận, không vui, dùng tay đánh tì-kheo, ba-dật-đề: nếu dùng hai tay đánh người kia thì phạm tội đọa. Nếu dùng chìa khóa cửa, cái cùm chân v.v... tất cả đều phạm đột-kiết-la. Tì-kheo-ni phạm như tì-kheo.

– Trường hợp không phạm: hoặc có duyên sự cần đưa tay đỡ, lấy mà đụng chạm thì không phạm.

## **80. Giới Vu Khống Tội Tăng Tàn**

### a. Duyên khởi

Một thời, Đức Phật ở nước Xá-vệ. Bấy giờ, nhóm sáu thầy tì-kheo vì nóng giận dùng tội tăng-tàn không có căn cứ để hủy báng nhóm mười bảy thầy tì-kheo. Các tì-kheo đem lỗi ấy bạch Phật. Nhân đó, Đức Phật quả trách và chế giới này.

### b. Văn giới

Tì-kheo nào, vì giận hờn, cố ý dùng pháp tăng-già-bà-thi-sa không có căn cứ để vu khống tì-kheo khác, ba-dật-đề.

### c. Giải thích

– Tì-kheo: nghĩa như trên.

- Không có căn cứ: giống như trên đã giải thích.
- Ba-dật-đề: Tì-kheo-ni phạm như tì-kheo.
- Trường hợp không phạm: có ba căn cứ: thấy, nghe, nghi. Hoặc nói đúng sự thật vì muốn người kia hối hận không vu khống; hoặc nói giỡn; hoặc nói lầm; tất cả đều không phạm.

## 81. Giới Vào Cung Vua

### a. Duyên khởi

Một thời, Đức Phật ở nước Xá-vệ. Bấy giờ, Mạt-lợi phu nhân cúng dường Phật và rất kính tin. Đồng thời, phu nhân cũng khuyên vua Ba-tư-nặc tin ưa. Vì vậy, vua cho phép các tì-kheo tùy ý vào cung mà không bị ngăn cản. Khi ấy, tì-kheo Ca-lưu-đà-di đến giờ đi vào cung vua. Phu nhân vì lau dọn chỗ ngồi mời Tì-kheo Ca-lưu-đà-di ngồi, sơ ý bị tuột y, lộ hình. Các tì-kheo đem lỗi ấy bạch Phật. Nhân đó, Đức Phật quả trách và chế giới này.

### b. Văn giới

Tì-kheo nào, khi nhà vua thuộc hàng Sát-lợi quán đỉnh chưa ra khỏi, bảo vật chưa được thu cất mà vào; nếu qua khỏi ngạch cửa cung, phạm ba-dật-đề.

### c. Giải thích

- Tì-kheo: nghĩa như trên.



– Khi nhà vua thuộc hàng Sát-lợi quán đỉnh: nước rươi: lấy nước ở biển lớn, lấy cái sừng bên phải của con bò trắng, thâu thập tất cả hạt giống, đổ vào trong cho đầy, rồi đặt trên xe của vua, rồi bảo các Tiểu vương khiêng. Khi ấy, các đại bà-la-môn lấy nước rươi lên đầu của vua. Đó là dòng Sát-đế-lợi. Vì phương thức lập vương như thế, nên gọi là Sát-lợi quán đỉnh. Nếu người thuộc dòng bà-la-môn, tì-xá, thủ-đà lập vị như thế, thì cũng gọi là quán đỉnh.

– Chưa ra khỏi: vua chưa ra khỏi, người nữ chưa trở về chỗ cũ.

– Bảo vật chưa được thu cất: vàng, bạc, chân châu, xa cừ, mã não, thủy tinh, lưu li, búi ngọc và các loại chuỗi báu quý v.v... chưa được đem cất.

– Mà vào; nếu qua khỏi ngạch cửa cung, phạm ba-dật-đề: một chân bước ra ngoài, một chân còn ở trong, khởi ý muốn đi, tất cả đều phạm đột-kiết-la. Trừ vua, các túc tán tiểu vương,[69] nhà trưởng giả hào quý, nếu bước qua ngạch cửa tất cả đều phạm đột-kiết-la. Tì-kheo-ni phạm giống tì-kheo.

– Trường hợp không phạm: hoặc có tấu bạch, bị gọi đến, hoặc vì mạng nạn, phạm hạnh nạn, tất cả đều không phạm.

## **82. Cầm Năm Bảo Vật**

### **a. Duyên khởi**

Một thời, Đức Phật ở nước Xá-vệ. Bấy giờ, có ngoại đạo trên đường đi, vì ghé nghỉ lại, đến khi đi, vị ấy bỏ quên lại

một nghìn lượng vàng. Các tì-kheo thấy túi vàng liền lấy mang đi với ý định sẽ trả lại cho người bỏ quên. Nhưng khi người kia nhận lại túi vàng thì nói bị thiếu. Việc ấy lọt đến tai vua và vua đứng ra phân xử. Kết quả người kia bị trách phạt và tịch thu hết số vàng nhập vào của quan. Các tì-kheo đem lỗi ấy bạch Phật. Nhân đó, Đức Phật quở trách và chế giới này.

## b. Văn giới

Tì-kheo nào, tự mình cầm nắm bảo vật, hay đồ trang sức bằng bảo vật, hoặc bảo người khác cầm nắm, ba-dật-đề. Trừ trong tăng-già lam, hoặc chỗ ngủ nhờ mà tự mình cầm nắm bảo vật, hay đồ trang sức bằng bảo vật, hoặc bảo người khác cầm, nên nghĩ như vậy: "Nếu sở hữu chủ nhận ra, sẽ nhận lại." Chỉ với nhân duyên như vậy chứ không gì khác.

## c. Giải thích

– Tì-kheo: nghĩa như trên.

– Bảo vật: vàng, bạc, chân châu, hổ phách, xa cừ, mã não, lưu li, búi ngọc, vàng tạp chất, bạc tạp chất.

– Đồ trang sức bằng bảo vật: đồng, sắt, chì, thiếc, bạch lạp, dùng các bảo vật làm đồ trang sức.

– Tự mình cầm nắm, hoặc bảo người cầm nắm. Trừ trong tăng-già-lam: bấy giờ, Tì-xá-khư Mâu cõi y báu và đến chỗ Thế Tôn nghe pháp. Vì còn say đắm pháp nên bà ra về mà không nhớ đến y báu. Các tì-kheo bạch Phật, Đức Phật cho phép cất giữ vì tránh mất mát. Sau đó, có các tì-kheo đi

đường, ngủ qua đêm ở nhà thợ bạc. Lúc ấy, gần chỗ các tì-kheo ngủ có nhiều vàng đã thành phẩm và chưa thành phẩm, nên các tì-kheo thức suốt đêm trông giữ không dám ngủ. Các tì-kheo đem việc ấy bạch Phật, Đức Phật dạy: “Vì tránh mất mát nên cho phép lấy cất.”

– Ba-dật-đề: tì-kheo-ni phạm như tì-kheo.

– Trừ trong tăng-già-lam, hoặc chỗ ngủ nhờ mà tự mình cầm nắm bảo vật, hay đồ trang sức bằng bảo vật, hoặc bảo người khác cầm, nên nghĩ như vậy: “Nếu sở hữu chủ nhận ra, sẽ nhận lại.”: nếu được bảo vật ở hai nơi (trong tăng-già-lam hay trong nhà) nên cầm nắm và phải biết tướng của túi đựng, phải biết số lượng nhiều-ít. Nếu có người đến hỏi mà họ nói đúng thì trả lại cho họ; nếu họ nói không đúng thì nói: “Tôi không thấy.” Nếu không biết hình dạng túi đựng, cách buộc túi, không xem vuông, tròn, mới, cũ; tất cả đều phạm đột-kiết-la.

– Chỉ với nhân duyên như vậy chứ không gì khác.

– Trường hợp không phạm: hoặc ở trong tăng-già-lam, hoặc ở chỗ ngủ nhờ, hoặc cầm nắm hay như các phương tiện nêu ở trên; hoặc đó là những thứ cúng dường dùng để trang trí chùa tháp; hoặc vì sợ mất nên lấy cất, tất cả đều không phạm.

### **83. Vào Xóm Không Phải Lúc**

a. Duyên khởi

Một thời, Đức Phật ở nước Xá-vệ. Bấy giờ, tì-kheo Bạt-na-đà vào làng phi thời, rồi đánh cờ với cư sĩ và tăng. Vì thua

nên cư sĩ sinh lòng ganh ghét cho nên mới chê cười. Các tì-kheo đem lỗi ấy bạch Phật. Nhân đó, Đức Phật quở trách và chế giới này.

## b. Văn giới

Tì-kheo nào, phi thời vào tỵ lạc mà không báo cho tì-kheo khác, ba-dật-đề.

## c. Giải thích

– Tì-kheo: nghĩa như trên.

– Phi thời: thời: từ lúc bình minh xuất hiện cho đến giữa trưa. Phi thời: từ sau giữa trưa cho đến khi bình minh ngày hôm sau chưa xuất hiện.

– Vào tỵ lạc: thôn tỵ lạc có bốn loại như trên đã nói.

– Không báo cho tì-kheo khác: khi có việc của Tăng, tháp, chùa; hoặc nuôi bệnh, Phật dạy: “Nên báo cho tì-kheo khác biết.” Nếu một mình ở riêng một phòng thì nên báo với tì-kheo ở phòng bên cạnh biết.

– Ba-dật-đề: mới bước chân vào cửa thôn phạm tội đọa. Một chân bước vào trong cửa thôn, phương tiện định vào, cùng hện nhau, tất cả đều phạm đột-kiết-la. Tì-kheo-ni phạm như tì-kheo.

– Trường hợp không phạm: hoặc lo việc của Tăng, tháp; hoặc nuôi bệnh, hoặc báo cho tì-kheo khác biết; hoặc trên đường đi ngang qua thôn; hoặc có việc cần khai báo; hoặc

bị gọi đến; hoặc được mời đến; hoặc vì mạng nạn, phạm hạnh nạn, tất cả đều không phạm.

## 84. Giới Giường Quá Lượng

### a. Duyên khởi

Một thời, Đức Phật ở nước Xá-vệ. Bấy giờ, tôn giả Ca-lưu-đà-di dự đoán biết Phật sẽ từ đường này đi đến, nên kê một cái giường cao đẹp ở giữa đường. Khi Đức Phật đến nơi, tôn giả Ca-lưu-đà-di bạch rằng: “Thế Tôn xem giường tòa của con đây!” Đức Phật dạy: “Phải biết đó là người ngu si trong lòng chứa đầy điều xấu ác.” Nhân đó, Đức Phật tập hợp Tăng, quở trách và chế giới này.

### b. Văn giới

Tỳ-kheo nào, làm giường dây hay giường gỗ, chân chỉ cao bằng tám ngón tay của đức Như Lai, đã trừ phần từ lỗ mộng để ráp thanh giường trở lên. Nếu quá, ba-dật-đề, phải cắt bỏ.

### c. Giải thích

– Tỳ-kheo: nghĩa như trên.

– Làm giường dây hay giường gỗ: có năm loại như trên đã nói.

– Chân chỉ cao bằng tám ngón tay của đức Như Lai, đã trừ phần từ lỗ mộng để ráp thanh giường trở lên. Nếu quá, ba-dật-đề, phải cắt bỏ: hoặc tự làm, hoặc chỉ người làm, làm thành và quá lượng phạm tội đọa. Hoặc làm mà không

thành, làm cho người, tất cả đều phạm đột-kiết-la. Tì-kheo-ni phạm như tì-kheo.

– Trường hợp không phạm: hoặc làm chân giường chỉ cao bằng đúng tám ngón tay của Phật; hoặc làm ngắn hơn; hoặc do người cúng dường; cắt ngắn lại rồi sử dụng; hoặc tháo bỏ chân giường; tất cả đều không phạm.

## **85. Giới Đệm Bông**

### **a. Duyên khởi**

Một thời, Đức Phật ở nước Xá-vệ. Bấy giờ, nhóm sáu thầy tì-kheo làm đệm bông, nên bị hàng cư sĩ chê cười, vì đoạn mạng sống của chúng sinh, không có lòng từ. Các tì-kheo đem lỗi ấy bạch Phật. Nhân đó, Đức Phật quả trách và chế giới này.

### **b. Văn giới**

Tì-kheo nào, dùng bông đầu-la, dòn làm nệm lớn, nệm nhỏ, giường dây, giường gỗ, đã dòn thành, ba-dật-đề.

### **c. Giải thích**

– Tì-kheo: nghĩa như trên.

– Bông đầu-la: đó là những loại hoa: hoa dương thọ trắng, hoa liễu, hoa bồ đài.

– Dòn làm giường dây, giường gỗ: đều có năm loại như trên.

- Nệm lớn, nệm nhỏ: là đồ ngồi, đồ nằm.
- Làm thành, ba-dật-đề: tự làm, hoặc sai người làm, đều giống như trên. Tì-kheo-ni phạm như tì-kheo.
- Trường hợp không phạm: đều giống như giới trên đã nói.

## **86. Giới Làm Ống Đựng Kim Bằng Xương, Răng, Sừng**

### a. Duyên khởi

Một thời, Đức Phật ở thành La-duyệt-kì. Bấy giờ, có người thợ tin Phật pháp. Vì làm ống đựng kim bằng xương, răng, sừng mà bỏ công ăn việc làm dẫn đến không đủ cơm ăn, áo mặc. Vì thế, bị người đời chê cười rằng: “Người này vì hi vọng được phước nhưng lại gặp tai ương.” Các tì-kheo đem lỗi ấy bạch Phật. Nhân đó, Đức Phật quở trách và chế giới này.

### b. Văn giới

Tì-kheo nào, dùng xương, răng, sừng, làm ống đựng kim, đục khoét, và làm thành, ba-dật-đề.

### c. Giải thích

- Tì-kheo: nghĩa như trên.

Hoặc tự làm, hoặc nhờ người làm, làm thành phạm như trên. Tì-kheo-ni phạm đột-kiết-la.

- Trường hợp không phạm: Nếu dùng các thứ như sắt, đồng, chì, thiếc, bạch lạp, tre, gỗ, cỏ lau, có xá-la dùng

làm ống đựng kim thì không phạm. Hoặc làm chóp bịt đầu gậy; hoặc làm lọng và chóp bịt đầu đấu; hoặc quấn quanh dù và đấu; hoặc làm móc câu; hoặc làm dao cạo bản; hoặc cái như ý; hoặc làm khoen nút, thìa, câu móc y, đồ đựng thuốc nhỏ mắt, cái lược, đồ nạo lưỡi, tăm xỉa răng, đồ móc tai, thiên trăn,[70] ống xông mũi; nếu làm tất cả những vật dụng như thế thì đều không phạm.

## **87. Giới Làm Ni-Sư-Đàn[71] Quá Lượng**

### a. Duyên khởi

Một thời, Đức Phật ở nước Xá-vệ. Theo pháp thường của các Đức Phật, nếu ngày nào không nhận được lời mời thụ thực thì Phật thường đi khắp các phòng xá. Một hôm, Ngài đi như vậy và thấy ngọ cụ của Tăng trải ngoài đất trống bị chất bất tịnh làm dơ bẩn. Thấy vậy, Đức Phật cho gọi các thầy òi-kheo lại dạy rằng: “Các ngọ cụ đạo và tiên nhân lìa dục còn không có việc này.” Đồng thời, Đức Phật cho phép vì để ngăn che y, ngăn che ngọ cụ, nên được làm ni-sư-đàn. Bấy giờ, nhóm sáu thầy òi-kheo nghe Đức Phật cho may ni-sư-đàn liền may cái thật lớn. Các òi-kheo đem lỗi ấy bạch Phật. Nhân đó, Đức Phật quả trách và chế giới này.

### b. Văn giới

Òi-kheo nào, làm ni-sư-đàn, cần phải làm đúng lượng. Trong đây đúng lượng là dài hai gang, rộng một gang tay rưỡi Phật; lại thêm một bên nửa gang tay nữa làm lẽ. Nếu quá, ba-dật-dề, phải cắt bỏ.

### c. Giải thích



– Tì-kheo: nghĩa như trên.

– Ni-sư-đàn: đồ trải xuống để ngồi.

– Cần phải làm đúng lượng. Trong đây đúng lượng là dài hai gang, rộng một gang tay rưỡi Phật: Bảy giờ, tôn giả Ca-lưu-đà-di thân hình to lớn mà ni-sư-đàn thì nhỏ, nên đến thưa với Phật. Đức Phật liền cho phép may ni-sư-đàn rộng lớn thêm.

– Lại thêm một bên nửa gang tay nữa làm lề. Nếu quá, ba-dật-dễ, phải cắt bỏ: hoặc chiều rộng không quá, chiều dài quá; chiều rộng quá, chiều dài không quá; hoặc cả hai đều quá, tự làm, bảo người làm, làm thành phạm tội đọa; làm không thành phạm đột-kiết-la; làm cho người, thành hay không thành đều phạm đột-kiết-la. Tì-kheo-ni phạm đột-kiết-la.

– Trường hợp không phạm: hoặc làm ít hơn lượng định, hoặc làm nhiều lớp, hoặc được người khác làm cho, hoặc cắt bỏ bớt; tất cả đều không phạm.

## **88. Giới May Y Che Ghẻ Quá Lượng**

### **a. Duyên khởi**

Một thời, Đức Phật ở nước Xá-vệ. Bảy giờ, có tì-kheo bị bệnh ghẻ nhọt, máu mủ chảy ra làm nhờ nhớp ngụa của Tăng. Đức Phật cho phép dùng loại vải giá cao để che mụn ghẻ, rồi mới đắp niết-bàn-tăng[72] lên. Khi đến nhà bạch y phải nói thế này: “Tôi có mụn ghẻ.” Và phải kéo niết-bàn-tăng để trùm lên trên mụn ghẻ rồi mới ngồi. Khi ấy nhóm sáu thầy tì-kheo lại may y che ghẻ lớn. Các tì-

kheo đem lỗi ấy bạch Phật. Nhân đó, Đức Phật quở trách và chế giới này.

#### b. Văn giới

Tì-kheo nào, làm y che ghê, cần phải làm đúng lượng. Trong đây đúng lượng là dài bốn gang, rộng hai gang tay Phật, sau khi đã cắt, nếu quá, ba-dật-đề.

#### c. Giải thích

– Tì-kheo: nghĩa như trên.

– Y che ghê: là loại y dùng để che thân khi có các loại bệnh ghê.

– Cần phải làm đúng lượng. Trong đây đúng lượng là dài bốn gang, rộng hai gang tay Phật, sau khi đã cắt, nếu quá, ba-dật-đề: hoặc chiều dài, chiều rộng đều quá lượng, hoặc chiều dài không quá, chiều rộng quá và ngược lại, tự mình may, bảo người may, may thành phạm tội đọa; may không thành phạm đột-kiết-la. May cho người thành, không thành phạm đột-kiết-la. Tì-kheo-ni v.v... phạm đột-kiết-la.

– Trường hợp không phạm: may đúng lượng, hoặc ít hơn lượng định; được cái đã may sẵn; cắt đúng như lượng; hoặc may gấp lại thành nhiều lớp, tất cả đều không phạm.

### **89. Giới Áo Tắm Mưa Quá Lượng**

#### a. Duyên khởi

Một thời, Đức Phật ở thành Tì-xá-li. Bấy giờ, Tì-xá-khư Mầu sai người mang y tắm mưa đến cúng dường chúng Tăng. Đức Phật bảo: “Không được phân chia mà phải trao theo thứ bậc Thượng tọa. Nếu không đủ nên lấy y của Tăng theo thứ tự trao cho đủ.” Khi ấy, nhóm sáu thầy ò-kheo nghe Phật cho phép may y tắm mưa liền may y thật lớn. Các ò-kheo đem lỗi ấy bạch Phật. Nhân đó, Đức Phật quở trách và chế giới này.

#### b. Văn giới

Tì-kheo nào, may áo tắm mưa, phải may đúng lượng. Trong đây đúng lượng là dài sáu gang, rộng hai gang rưỡi tay Phật, sau khi đã cắt. Nếu quá, ba-dật-đề.

#### c. Giải thích

– Tì-kheo: nghĩa như trên.

– Áo tắm mưa: áo mặc tắm khi trời mưa.

– Phải may đúng lượng. Trong đây đúng lượng là dài sáu gang, rộng hai gang rưỡi tay Phật, sau khi đã cắt. Nếu quá, ba-dật-đề: hoặc tự may, hoặc bảo người may, hoặc chiều dài, chiều rộng đều quá lượng; hoặc chiều dài quá lượng, chiều rộng không quá lượng và ngược lại. Tì-kheo-ni v.v... và phần khai duyên đều giống như giới trước.

## 90. Giới Ba Y Quá Lượng

#### a. Duyên khởi

Một thời, Đức Phật ở nước Thích-súy-sấu. Bấy giờ, tì-kheo Nan-đà thấp hơn Đức Phật chỉ bốn ngón tay, các tì-kheo ở xa nhìn thấy lầm cho là Phật, nên đứng dậy đón rước. Nhưng đến khi đến gần mới biết không phải, trong lòng ai nấy cũng đều xấu hổ. Do đó, Đức Phật quy định: “Từ nay về sau Nan-đà phải đắp y màu đen.” Khi ấy, nhóm sáu thầy tì-kheo thường may y lượng bằng hoặc hơn y của Phật. Các tì-kheo đem lỗi ấy bạch Phật. Nhân đó, Đức Phật quả trách và chế giới này.

## b. Văn giới

Tì-kheo nào, may y bằng lượng y của Như Lai, hoặc may quá lượng đó, ba-dật-đề. Trong đây lượng y của Như Lai là dài mười gang và rộng sáu gang tay Phật. Đó gọi là lượng y của Như Lai.

## c. Giải thích

– Tì-kheo: nghĩa như trên.

Nếu chiều rộng, chiều dài đúng lượng; hoặc chiều rộng đúng lượng, chiều dài không đúng lượng và ngược lại, thì đều phạm. Ngoài ra, tự mình may, bảo người may. Tì-kheo-ni may; đều phạm như trên.

– Trường hợp không phạm: y do người khác may sẵn; cắt đúng lượng; hoặc may chồng làm hai lớp; tất cả đều không phạm.

Chư Đại đức, tôi đã nói chín mươi pháp ba-dật-đề. Nay xin hỏi chư Đại đức trong đây thanh tịnh không? (3 lần) Chư

Đại đức trong đây đều thanh tịnh vì các ngài im lặng. Việc này tôi xin ghi nhận như vậy.

\*

### **Chú thích:**

[62] Chuyện con bò 牯牛: nhân việc nhóm sáu thầy tì-kheo mắng nhiếc người đoán sự bằng giống loài Đức Phật dẫn câu chuyện đấu bò giữa con bò của người bà-la-môn và con bò một ông trưởng giả để làm sáng tỏ việc này.

[63] Chuyện dã can 野干: chuyện dã can gây chia rẽ giữa con sư tử Thiện Nha và con cọp Thiện Bác. Chuyện này được Đức Phật kể lại trong phần duyên khởi trước khi chế giới này.

[64] Nhất tọa thực 一坐食(S: Ekāsanika): mỗi ngày chỉ ăn một lần và ngồi tại một chỗ trong lúc ăn. Khi đã đứng dậy thì không ngồi xuống ăn nữa, một trong 12 hạnh đầu đà. Vì trong một ngày mà ăn vài ba lần thì sẽ trở ngại nhiều cho việc tu tập, cho nên người muốn tu hành chỉ ăn một bữa vào lúc giữa ngày.

[65] Ma-ma-đế 摩摩帝(S: Vihāra-svāmin): là người trông coi công việc trong chùa. Tức là chức Tri sự.

[66] Giường tắm 浴牀: có lẽ là ghế nhỏ, dùng để ngồi tắm.

[67] Ăn chúng riêng 別眾食: nghĩa là tách riêng ra thành nhóm từ bốn tì-kheo trở lên khất thực riêng và ăn riêng.

[68] 是中。行住坐臥。各作句數。犯足如律: trong bộ Hàm chú này ghi rất vắn tắt, rất khó hiểu. Chúng tôi tham chiếu trong bộ Quảng Luật, khi ấy Đức Phật dạy tôn giả Ưu-ba-li rằng: “Có năm trường hợp được xem túc thực. Thế nào là năm? Ưu-ba-li, tì-kheo biết mình đang đi, biết thức ăn là cơm, biết đã được đem đến, biết ngăn, biết oai nghi, biết xả oai nghi. Biết túc thực rồi, đã xả oai nghi, không tác pháp tàn thực, nhận được thức ăn mà ăn, mỗi miếng phạm một ba-dật-đề.” Như vậy, cứ mỗi hành động Đức Phật đều dạy và đúng ra phải ghi chi tiết như hành động ‘đang đi’. Nhưng vì ở đây khẩn bản quá vắn tắt nên rất khó để hiểu được ý muốn nói gì.

[69] Túc tán tiểu vương 粟散小王: tiểu vương nhiều như Tán Túc. Từ Chuyển Luân Vương trở xuống thống lãnh một châu, một nước, đều gọi là Túc Tán Vương.

[70] Thiên trấn 禪鎮: đạo cụ được đặt trên đầu khi tọa thiền để đánh thức lục ngũ gục.

[71] Ni-sư-đàn 尼師壇: là đồ trải lót.

[72] Niết-bàn-tăng 涅槃僧 (S: Nivāsana): cái quần, một trong mười ba vật dụng về y phục của chúng Tăng.

### Quyển 3

**Chư Đại đức, đây là bốn pháp Ba-la-đề-đề-xá-ni, cứ mỗi nửa tháng nói một lần, trong giới kinh chép ra.**

#### 1. Giới Nhận Thức Ăn Từ Tì-Kheo-Ni Không Phải Bà Con Trong Thân

### a. Duyên khởi

Một thời, Đức Phật ở nước Xá-vệ. Bấy giờ, gặp lúc mất mùa, lúa gạo quý hiếm, người bị chết đói nhiều vô số. Như thường lệ, đúng giờ, tì-kheo-ni Liên Hoa Sắc đắp y, ôm bát vào thành khất thực. Vì ba ngày liền khất thực được đều cúng dường lại hết cho tì-kheo khác, nên bị đói ngã bên đường, nằm úp mặt xuống vũng bùn. Người đời thấy vậy chê cười. Các tì-kheo đem lỗi ấy bạch Phật. Nhân đó, Đức Phật quả trách và chế giới này.

### b. Văn giới

Tì-kheo nào, vào trong thôn xóm, nếu không bệnh mà tự tay nhận thức ăn từ tì-kheo-ni không phải thân quyến mà ăn. Tì-kheo ấy cần phải đối trước tì-kheo khác phát lồ rằng: “Đại đức, tôi phạm pháp đáng khiển trách, làm điều không đáng làm. Nay đối trước Đại đức xin phát lồ sám hối.” Đây là pháp hối quá.

### c. Giải thích

- Tì-kheo: nghĩa như trên.
- Chẳng phải thân quyến: như trên đã nói.
- Không bệnh: như trên.
- Tự tay nhận thức ăn: hai loại thức ăn như trên đã nói.

Nếu tự tay nhận mỗi mỗi miếng phạm ba-la-đề-đề-xá-ni.  
Tì-kheo-ni phạm độn-kiết-la.

– Trường hợp không phạm: nhận thức ăn từ tì-kheo-ni là bà con; hoặc có bệnh; hoặc đặt trên đất; hoặc bảo người trao cho; hoặc thức ăn được đem đến trong tăng-già-lam cho; hoặc cho ở ngoài thôn; hoặc cho trong chùa ni; những trường hợp vừa nêu trên, nếu nhận đều không phạm.

## **2. Giới Ăn Thức Ăn Do Tì-Kheo-Ni Chỉ Dẫn**

### **a. Duyên khởi**

Một thời, Đức Phật ở nước Xá-vệ. Bấy giờ, có số đông tì-kheo và nhóm sáu thầy tì-kheo cùng ngồi ăn trong nhà bạch y. Khi ấy, nhóm sáu cô tì-kheo-ni đòi cơm canh rồi bỏ qua thứ tự đem cho nhóm sáu thầy tì-kheo. Họ còn chỉ dẫn: “Đem canh cho vị này, đem cơm cho vị kia.” Các thầy tì-kheo đem lỗi ấy bạch Phật. Nhân đó, Đức Phật quở trách và chế giới này.

### **b. Văn giới**

Tì-kheo nào, vào trong nhà bạch y để ăn. Trong đó, có tì-kheo-ni chỉ bảo rằng: “Đem canh cho vị này, dâng cơm cho vị kia.” Tì-kheo nên nói với tì-kheo-ni kia rằng: “Này cô, hãy thôi đi! Hãy để yên cho các tì-kheo ăn xong!” Nếu không có một tì-kheo nào nói với tì-kheo-ni kia rằng: “Này cô, hãy thôi đi! Hãy để yên cho các tì-kheo ăn xong!” Tì-kheo nên đối trước tì-kheo khác mà phát lồ rằng: “Bạch Đại đức, tôi phạm pháp đáng khiển trách, làm điều không đáng làm. Nay tôi đối trước Đại đức xin phát lồ sám hối.” Đây gọi là pháp hối quá.

### **c. Giải thích**



- Tì-kheo: nghĩa như trên.
- Trong nhà: nơi có nam, có nữ ở.

Nếu không quở trách tì-kheo-ni mà ăn thì mỗi mỗi miếng đều phạm ba-la-đề-đề-xá-ni. Tì-kheo-ni phạm đột-kiết-la.

– Trường hợp không phạm: nếu nói rằng: “Này cô, hãy thôi đi! Hãy để yên cho các tì-kheo ăn xong!” Hoặc tì-kheo-ni tự mình làm đàn-việt. Hoặc đàn-việt thiết thực rồi nhờ tì-kheo-ni phân chia thức ăn cho tì-kheo. Hoặc không có tâm có làm thiên lệch với tì-kheo này, tì-kheo kia; tất cả đều không phạm.

### **3. Giới Nhận Thức Ăn Ở Học Gia**

#### **a. Duyên khởi**

Một thời, Đức Phật ở thành La-duyệt-kì. Bấy giờ, có cư sĩ và vợ cư sĩ đều đã đắc kiến đế, không còn luyến tiếc gì, kể cả thịt trên thân. Vì thế, họ cúng dường rất nhiều, đên nổi thức ăn, đồ mặc đều hết sạch. Hàng cư sĩ thấy vậy chê cười. Các tì-kheo đem lỗi ấy bạch Phật. Đức Phật dạy: “Nên làm pháp bạch nhị yết-ma cấm tì-kheo không đến nhà người đó khát thực nữa.” Sau đó, họ giàu có trở lại, Đức Phật bảo các tì-kheo nên giải yết-ma. Nhân đó, Đức Phật chế giới này.

#### **b. Văn giới**

Tì-kheo nào, nếu trước đó đã tác yết-ma học gia, đối với học gia đó, không có sự thỉnh trước, không bệnh, tự tay nhận thức ăn và ăn. Tì-kheo ấy cần đối trước tì-kheo khác

phát lồ rằng: “Tôi phạm pháp đáng khiến trách, làm điều không đáng làm. Nay tôi đối trước Đại đức, xin phát lồ sám hối.” Đây là pháp hối quá.

### c. Giải thích

– Tì-kheo: nghĩa như trên.

– Học gia: là nhà được Tăng trao pháp bạch nhị yết-ma. Giống như trên.

– Không có sự thỉnh trước: nếu đã nhận lời mời trước thì được phép đến.

– Không bệnh: cho phép tì-kheo có bệnh được nhận thức ăn ở nhà đó.

– Tự tay nhận thức ăn: hoặc cho bằng cách để trên đất; hoặc sai người đem cho thì được phép nhận.

Nếu tự tay nhận lấy mỗi mỗi miếng phạm ba-la-đề-đề-xá-ni. Tì-kheo-ni phạm độn-kiết-la.

– Trường hợp không phạm: đã nhận lời mời trước; hoặc vì bệnh; hoặc để trên đất rồi lấy; hoặc nhận qua người khác; hoặc bạch nhị yết-ma giải rồi, nhận và ăn; tất cả đều không phạm.

## **4. Giới Nhận Thức Ăn Trong A-Lan-Nhã Có Sự Khủng Bố**

### a. Duyên khởi

Một thời, Đức Phật ở trong vườn Ni-câu-luật, nước Thích-súy-sầu. Bấy giờ, trong thành có những người nữ mang thức ăn đến Tăng-già-lam cúng dường. Bọn giặc cướp biết được đón đường làm hại. Các tì-kheo đem việc ấy bạch Phật. Đức Phật dạy: “Phải báo cho họ biết việc ấy.” Nhân đó, Đức Phật chế giới này.

## b. Văn giới

Tì-kheo nào, sống nơi a-lan-nhã, xa xôi hẻo lánh, chỗ đáng nghi có kinh sợ. Tì-kheo sống tại trú xứ a-lan-nhã như vậy, trước không nói cho đàn-việt biết, không thụ nhận thức ăn bên ngoài tăng-già-lam; trái lại, không bệnh mà ở trong tăng-già-lam, tự tay nhận thức ăn để ăn; tì-kheo ấy cần phải đến đối trước tì-kheo khác mà pháp lờ rằng: “Đại đức, tôi phạm pháp đáng khiển trách. Nay tôi đối trước Đại đức xin phát lồ sám hối.” Đây là pháp hối quá.

## c. Giải thích

– Tì-kheo: nghĩa như trên.

– Nơi a-lan-nhã: cách thôn năm trăm cung. Một cung bằng một khuỷu tay, là cách đo lường của nước Giá-ma-la.

– Chỗ đáng nghi: nghi có giặc cướp, có khủng bố.

– Tì-kheo sống tại trú xứ a-lan-nhã như vậy, trước không nói cho đàn-việt biết: Đức Phật dạy: “Nên báo cho người nữ biết, chớ ra khỏi thành, vì đoạn đường ấy có giặc cướp, có khủng bố.”

– Không thụ nhận thức ăn bên ngoài tăng-già-lam: Nếu họ đã ra khỏi thành, thì nên nói với họ: “Chớ đến trong tăng-già-lam, vì đoạn đường ấy có giặc cướp, có khủng bố.”

– Không bệnh mà ở trong tăng-già-lam: nếu họ quyết tâm mang thức ăn đến thì cho phép người bệnh được nhận.

– Tự tay nhận thức ăn để ăn: nếu có thí chủ đem thức ăn đặt trên đất; hoặc sai người đem cho.

Tì-kheo-ni phạm đột-kiết-la.

– Trường hợp không phạm: hoặc lúc đến nhận sự chỉ bảo; hoặc đến để nghe pháp; tự có thức ăn riêng bảo trao cho; tất cả đều không phạm.

Chư Đại đức, tôi đã nói xong bốn pháp Ba-la-đề-đề-xá-ni. Nay hỏi chư Đại đức trong đây thanh tịnh không? (3 lần). Chư Đại đức trong đây thanh tịnh, vì quý ngài đều im lặng. Việc này tôi xin ghi nhận như vậy.

**Chư Đại đức, đây là những pháp Thức-xoa-ca-la-ni nửa tháng nói một lần, trong giới kinh rút ra.**

## **1. Giới Đắp Niết-Bàn Tăng Ngay Ngăn**

a. Duyên khởi

Một thời, Đức Phật ở nước Xá-vệ. Bấy giờ, nhóm sáu thầy ò-kheo đắp niết-bàn-tăng không ngay ngăn, nên bị hàng cư sĩ chê cười rằng: “Giống như vào những ngày tiết hội, người trong phường chèo khoác y để làm trò. Và cũng giống như cách ăn mặc của vua, đại thần.” Các ò-kheo

đem lỗi ấy bạch Phật. Nhân đó, Đức Phật quở trách và chế giới này.

## b. Văn giới

Phải đắp niết-bàn-tăng cho chỉnh tề, thức-xoa-ca-la-ni.

## c. Giải thích

– Tì-kheo: nghĩa như trên.

– Chỉnh tề: y không ngay ngắn, có những trường hợp sau:  
1. Đắp y thấp: nghĩa là buộc dây lưng dưới rốn. 2. Đắp y cao: vén y cao trên đầu gối. 3. Quấn như vòi voi: một góc phía trước thòng xuống. 4. Đắp như lá cây đa-la: hai góc phía trước thòng xuống. 5. Gấp nhỏ: quấn quanh thắt lưng và xếp nhăn nhỏ.

– Đắp niết-bàn-tăng: nếu người nào đắp y không ngay ngắn, có ý làm như vậy thì phạm đột-kiết-la, cần phải sám hối. Vì cố ý làm nên phạm phi oai nghi, đột-kiết-la. Nếu không cố ý làm thì chỉ phạm đột-kiết-la. Tì-kheo-ni và bốn chúng v.v... đều phạm đột-kiết-la. Cho đến thiên sau thành phạm tướng đều căn cứ theo đây.

– Thức-xoa-ca-la-ni.

– Trường hợp không phạm: hoặc trong rốn sinh ghẻ nhọt nên mặc thấp; hoặc đầu gối có mụn ghẻ nên mặc cao hơn; hoặc ở trong tăng-già-lam; hoặc ở ngoài thôn; hoặc khi làm việc; hoặc đi đường; tất cả đều không phạm.

## 2. Giới Đắp Ba Y Ngay Ngắn

### a. Duyên khởi

Một thời, Đức Phật ở nước Xá-vệ. Bấy giờ, nhóm sáu thầy ò-kheo đắ y không ngay ngắn. Lúc ấy, có một ông trưởng giả thấy vậy chê cười: “Ò-kheo tự cho mình biết chính pháp. Như thế có gì là chính pháp? Đắ y không ngay ngắn, như người thế tục không khác.” Các ò-kheo đem lỗi ấy bạch Phật. Nhân đó, Đức Phật quán sát ba đời chư Phật và chế giới này.

### b. Văn giới

Phải quần ba y cho ngay ngắn, thức-xoa-ca-la-ni.

### c. Giải thích

– Ò-kheo: nghĩa như trước.

Trong đây, không ngay ngắn có những trường hợp sau: 1. Quần y thấp: thòng xuống quá khuỷu tay, trống bên hông; 2. Quần y cao: quần cao quá ống chân; 3. Quần như vò voi: một góc y phía trước thòng xuống; 4. Quần như lá cây đa-la: hai góc y phía trước thòng xuống, phía sau vén cao lên; 5. Gấp nhỏ: gấp nhỏ làm viền của y.

– Trường hợp không phạm: hoặc mặc thấp xuống vì ở vai, cánh tay có mụn ghẻ. Những trường hợp không phạm đều giống giới trước.

## **3. Giới Vắt Ngược Ba Y Vào Nhà Bạch Y**

### a. Duyên khởi

Một thời, Đức Phật ở nước Xá-vệ. Bấy giờ, nhóm sáu thầy ò-kheo vắ ngược y đi vào nhà bạch y. Các cư sĩ thấy vậy chê cười rằng: "Sa-môn Thích-tử không biết tầm quý, ăn mặc giống như vua, đại thần, cư sĩ." Các ò-kheo đem lỗi đó bạch Phật. Nhân đó, Đức Phật quở trách và chế giới này.

## b. Văn giới

Không được vắ ngược y khi đi vào nhà bạch y, thức-xoa-ca-la-ni.

## c. Giải thích

- Ò-kheo: nghĩa như trên.
- Vắ ngược y: hoặc vắ ngược y lên trên hai vai trái và phải.
- Nhà bạch y: chỉ cho thôn xóm.
- Thức-xoa-ca-la-ni.
- Trường hợp không phạm: hoặc bên hông có bệnh ghẻ; hoặc ở trong tầng-già-lam; hoặc trên đường đi; hoặc đang làm việc; tất cả đều không phạm.

## **4. Giới Vắ Ngược Y Ngồi Trong Nhà Bạch Y**

Không được vắ ngược y khi ngồi trong nhà cư sĩ, thức-xoa-ca-la-ni.

## **5. Giới Quán Y Ở Cổ Vào Nhà Bạch Y**

### a. Duyên khởi

Một thời, Đức Phật ở nước Xá-vệ. Bấy giờ, nhóm sáu thầy ò-kheo quần y ở cổ đi vào nhà bạch y. Các cư sĩ thấy vậy chế cười rằng: “Sa-môn Thích tử quần y ở cổ giống như cư sĩ, trưởng giả.” Các ò-kheo đem lỗi ấy bạch Phật. Nhân đó, Đức Phật quả trách và chế giới này.

### b. Văn giới

Không được quần y ở cổ đi vào nhà bạch y, thức-xoa-ca-la-ni.

### c. Giải thích

- Ò-kheo: nghĩa như trên.

– Quần y ở cổ: buộc chặt hai góc y lại trên vai.

– Trường hợp không phạm: hoặc có bệnh; hoặc trên vai có mụn ghẻ; hoặc ở trong chùa tăng; hoặc ở ngoài thôn xóm; hoặc khi làm việc; hoặc đang đi đường; tất cả đều không phạm.

## **6. Giới Khống Y Nơi Cổ Ngồi Trong Nhà Bạch Y**

Không được quần y nơi cổ ngồi trong nhà cư sĩ, thức-xoa-ca-la-ni.

## **7. Giới Trùm Đầu Vào Nhà Bạch Y**

### a. Duyên khởi



Một thời, Đức Phật ở nước Xá-vệ. Bấy giờ, nhóm sáu thầy ò-kheo lấy ý trùn đầu đi vào nhà bạch y. Các cư sĩ thấy vậy chê cười rằng: “Sa-môn Thích tử có gì gọi là biết chính pháp? Trùn đầu như bọn giặc cướp.” Các ò-kheo đem lỗi ấy bạch Phật. Nhân đó, Đức Phật quả trách và chế giới này.

#### b. Văn giới

Không được trùn đầu đi vào nhà bạch y, thức-xoa-ca-la-ni.

#### c. Giải thích

– Ò-kheo: nghĩa như trên.

– Trùn đầu: hoặc dùng lá cây; hoặc vật được xé ra từng mảnh; hoặc lấy y trùn.

– Trường hợp không phạm: hoặc có bệnh; hoặc vì thời tiết lạnh; hoặc trên đầu có mụn ghẻ; hoặc vì mạng nạn, phạm hạnh nạn nên phải trùn đầu mà đi; tất cả đều không phạm.

### **8. Giới Trùn Đầu Ngồi Trong Nhà Bạch Y**

Không được trùn đầu ngồi trong nhà bạch y, thức-xoa-ca-la-ni.

### **9. Giới Vừa Đi Vừa Nhảy Vào Nhà Bạch Y**

#### a. Duyên khởi

Một thời, Đức Phật ở nước Xá-vệ. Bấy giờ, nhóm sáu thầy tì-kheo vừa đi, vừa nhảy khi vào nhà bạch y. Các cư sĩ thấy vậy chê cười rằng: “Sa-môn Thích tử không biết hổ thẹn, chạy nhảy vào nhà giống như chim sẻ.” Các tì-kheo đem lỗi ấy bạch Phật. Nhân đó, Đức Phật quở trách và chế giới này.

#### b. Văn giới

Không được vừa đi vừa nhảy khi vào nhà cư sĩ, thức-xoa-ca-la-ni.

#### c. Giải thích

– Tì-kheo: nghĩa như trên.

– Vừa đi vừa nhảy: hai chân nhảy nhót.

– Trường hợp không phạm: hoặc có bệnh; hoặc bị người đánh; hoặc có giặc; hoặc thú dữ; hoặc có chông gai; hoặc nhảy qua kên, hào; hoặc nhảy qua bùn lầy; tất cả đều không phạm.

### **10. Giới Nhảy Nhót Vào Nhà Bạch Y Ngồi**

Không được vừa đi vừa nhảy vào nhà bạch y ngồi, thức-xoa-ca-la-ni.

### **11. Giới Ngồi Chồm Hổm Trong Nhà Bạch Y**

#### a. Duyên khởi

Một thời, Đức Phật ở nước Xá-vệ. Bấy giờ, có cư sĩ thỉnh chúng Tăng đến nhà để thiết trai cúng dường. Lúc ấy, nhóm sáu thầy ò-kheo cũng đến và ngồi chõm hõm trong nhà cư sĩ. Ò-kheo ngồi bên cạnh vô tình đụng phải nên bị ngã ngửa, lộ hình. Các cư sĩ chê cười rằng: “Sa-môn Thích tử không biết hổ thẹn để lộ hình giống như bà-la-môn.” Các ò-kheo đem lỗi ấy bạch Phật. Nhân đó, Đức Phật quở trách và chế giới này.

## b. Văn giới

Không được ngồi chõm hõm trong nhà bạch y, thức-xoa-ca-la-ni.

– Ò-kheo: nghĩa như trên.

– Ngồi chõm hõm: hoặc ngồi trên đất, hoặc ngồi trên giường mà mông không chạm đất.

– Thức-xoa-ca-la-ni.

– Trường hợp không phạm: hoặc đang có bệnh, hoặc một bên mông có mụn ghẻ; hoặc do đưa vật gì; hoặc lễ bái, hoặc sám hối, hoặc nhận giáo giới v.v... tất cả đều không phạm.

## 12. Giới Chõng Nạnh Vào Nhà Bạch Y

### a. Duyên khởi

Một thời, Đức Phật ở nước Xá-vệ. Bấy giờ, nhóm sáu thầy ò-kheo chõng nạnh đi vào nhà bạch y. Các cư sĩ thấy vậy chê cười rằng: “Sa-môn Thích tử tự cho mình biết chính

pháp mà chống nạnh vênh váo, đặc chí như người mới cưới vợ.” Các tì-kheo đem lỗi ấy bạch Phật. Nhân đó, Đức Phật quở trách và chế giới này.

#### b. Văn giới

Không được chống nạnh đi vào nhà bạch y, thức-xoa-ca-la-ni.

#### c. Giải thích

– Tì-kheo: nghĩa như trên.

– Chống nạnh: khuỷu tay ngay thẳng.

– Trường hợp không phạm: hoặc có bệnh; hoặc dưới hông sinh mụn ghẻ; hoặc ở trong tầng-già-lam; hoặc ở ngoài thôn xóm; hoặc khi làm việc; hoặc trên đường đi; tất cả đều không phạm.

### **13. Giới Chống Nạnh Ngồi Trong Nhà Bạch Y**

Không được chống nạnh ngồi trong nhà bạch y, thức-xoa-ca-la-ni.

– Tì-kheo: nghĩa như trên.

– Chống nạnh: chống tay lên hông, khuỷu tay ngay thẳng làm trở ngại tì-kheo ngồi bên cạnh.

### **14. Giới Lắc Lư Thân Vào Nhà Bạch Y**

#### a. Duyên khởi

Một thời, Đức Phật ở nước Xá-vệ. Bấy giờ, nhóm sáu thầy ò-kheo thân lắ lư đi vào nhà bạch y. Các cư sĩ thấy vậy chê cười rằng: "Sa-môn Thích tử không biết hổ thẹn, đi lắ lư thân giống như vua, đại thần." Các ò-kheo đem lỗi ấy bạch Phật. Nhân đó, Đức Phật quở trách và chế giới này.

#### b. Văn giới

Không được lắ lư thân mình khi đi vào nhà bạch y, thức-xoa-ca-la-ni.

#### c. Giải thích

– Ò-kheo: nghĩa như trên.

– Lắ lư: thân nghiêng bên trái bên phải mà rào bước.

– Thức-xoa-ca-la-ni.

– Trường hợp không phạm: hoặc vì bệnh; hoặc bị người đánh nên phải nghiêng mình để tránh gậy; hoặc bị thú dữ tấn công; hoặc gặp người gánh gai nên phải nghiêng mình tránh; hoặc vì qua sông, qua hầm nên phải nghiêng mình qua; hoặc mặc y phải nghiêng mình xem cho ngay thẳng; tất cả đều không phạm.

### **15. Giới Lắ Lư Thân Ngồi Nhà Bạch Y**

Không được lắ lư thân đi vào nhà bạch y ngồi, thức-xoa-ca-la-ni.

### **16. Giới Vung Tay Đi Vào Nhà Bạch Y**

### a. Duyên khởi

Một thời, Đức Phật ở nước Xá-vệ. Bấy giờ, nhóm sáu thầy ò-kheo vung cánh tay đi vào nhà bạch y. Các cư sĩ thấy vậy chê cười rằng: “Sa-môn Thích tử không biết hổ thẹn, vừa đi vừa vung cánh tay giống như vua, trưởng giả.” Các ò-kheo đem lỗi ấy bạch Phật. Nhân đó, Đức Phật quả trách và chế giới này.

### b. Văn giới

Không được vung cánh tay khi đi vào nhà bạch y, thức-xoa-ca-la-ni.

### c. Giải thích

– Ò-kheo: nghĩa như trên.

– Vung cánh tay: duỗi cánh tay trước chân mà đi.

– Thức-xoa-ca-la-ni.

– Trường hợp không phạm: hoặc có bệnh; hoặc bị người đánh nên đưa tay ra đỡ; hoặc bị thú dữ tấn công; hoặc có người gánh gai đên nên phải đưa tay ra chặn lại; hoặc lội qua sông, qua đầm đưa tay vẫy gọi bạn; tất cả đều không phạm.

## **17. Giới Vung Tay Ngồi Nhà Bạch Y**

Không được vung tay đi vào nhà bạch y ngồi, thức-xoa-ca-la-ni.

## 18. Giới Để Hở Thân Vào Nhà Bạch Y

### a. Duyên khởi

Một thời, Đức Phật ở nước Xá-vệ. Bấy giờ, nhóm sáu thầy òi-kheo che thân không kín đáo đi vào nhà bạch y. Các cư sĩ thấy vậy chê cười rằng: “Sa-môn Thích tử mặc y phục che không kín thân giống như bà-la-môn.” Các òi-kheo đem lỗi ấy bạch Phật. Nhân đó, Đức Phật quở trách và chế giới này.

### b. Văn giới

Phải che kín thân thể khi đi vào nhà bạch y, thức-xoa-ca-la-ni.

### c. Giải thích

- Òi-kheo: nghĩa như trên.
- Nhà bạch y: tức xóm làng.
- Che kín thân thể: vì thân hở trước, hở sau.
- Trường hợp không phạm: hoặc có bệnh, hoặc bị trói, hoặc gió thổi y bay khỏi thân; tất cả đều không phạm.

## 19. Giới Hở Thân Ngồi Nhà Bạch Y

Phải che kín thân thể khi ngồi trong nhà bạch y, thức-xoa-ca-la-ni.

## 20. Giới Nhìn Ngó Hai Bên Đi Vào Nhà Bạch Y

### a. Duyên khởi

Một thời, Đức Phật ở nước Xá-vệ. Bấy giờ, nhóm sáu thầy tì-kheo khi đi vào nhà bạch y thường nhìn ngó hai bên. Các cư sĩ thấy vậy chê cười rằng: “Sa-môn Thích tử mà như kẻ trộm rình người.” Các tì-kheo đem lỗi ấy bạch Phật. Nhân đó, Đức Phật quả trách và chế giới này.

### b. Văn giới

Không được liếc ngó hai bên khi đi vào nhà bạch y, thức-xoa-ca-la-ni.

### c. Giải thích

– Tì-kheo: nghĩa như trên.

– Liếc ngó hai bên: ở trong thôn xóm nhìn ngó các nơi.

– Thức-xoa-ca-la-ni.

– Trường hợp không phạm: hoặc có bệnh; hoặc ngược xem mặt trời, thời tiết; hoặc bị mạng nạn, phạm hạnh nạn nên phải nhìn ngó phải trái, khắp nơi để tìm đường trốn thoát; tất cả đều không phạm.

## **21. Giới Nhìn Ngó Hai Bên Ngồi Trong Nhà Bạch Y**

Không được liếc ngó hai bên khi đi vào nhà bạch y ngồi, thức-xoa-ca-la-ni.

## **22. Giới Lớn Tiếng Vào Nhà Bạch Y**



### a. Duyên khởi

Một thời, Đức Phật ở nước Xá-vệ. Bấy giờ, nhóm sáu thầy ò-kheo kêu gọi lớn tiếng đi vào nhà bạch y. Các cư sĩ thấy vậy chê cười rằng: “Sa-môn Thích tử chẳng khác nào bà-la-môn, không biết hổ thẹn, không có chính pháp.” Các ò-kheo đem lỗi ấy bạch Phật. Nhân đó, Đức Phật quả trách và chế giới này.

### b. Văn giới

Phải yên lặng khi đi vào nhà bạch y, thức-xoa-ca-la-ni.

### c. Giải thích

– Ò-kheo: nghĩa như trên.

– Trong đây không im lặng: là lớn tiếng cao giọng. Hoặc dạn dò, hoặc lớn tiếng thí thực.

– Thức-xoa-ca-la-ni.

– Trường hợp không phạm: hoặc có bệnh, hoặc điếc không nghe nên cần phải nói lớn tiếng, hoặc dạn dò, hoặc lớn tiếng thí thực, hoặc vì mạng nạn, phạm hạnh nạn nên phải nói cao giọng để chạy thoát, tất cả đều không phạm.

## **23. Giới Yên Lặng Vào Nhà Bạch Y Ngồi**

Phải yên lặng vào nhà bạch y ngồi, thức-xoa-ca-la-ni.

## **24. Giới Cười Giỡn Vào Nhà Bạch Y**

### a. Duyên khởi

Một thời, Đức Phật ở nước Xá-vệ. Bấy giờ, nhóm sáu thầy ò-kheo cười giỡn đi vào nhà bạch y. Các cư sĩ thấy vậy chê cười rằng: “Sa-môn Thích tử không biết hổ thẹn, cười giỡn như khi, vượn, có gì là chính pháp?” Các ò-kheo đem việc ấy bạch Phật. Nhân đó, Đức Phật quả trách và chế giới này.

### b. Văn giới

Không được cười giỡn khi đi vào nhà bạch y, thức-xoa-ca-la-ni.

### c. Giải thích

– Ò-kheo: nghĩa như trên.

– Cười giỡn: cười để hở răng.

– Thức-xoa-ca-la-ni.

– Trường hợp không phạm: hoặc có bệnh, hoặc môi bị đau không che được răng, hoặc vì nhớ nghĩ pháp sinh hoan hỷ nên cười, tất cả đều không phạm.

## **25. Giới Ngồi Nhà Bạch Y Cười Giỡn**

Không được ngồi trong nhà bạch y cười giỡn, thức-xoa-ca-la-ni.

## **26. Giới Không Dụng Ý Nhận Thức Ăn**

### a. Duyên khởi

Một thời, Đức Phật ở nước Xá-vệ. Bấy giờ, có cư sĩ thỉnh chư Tăng về nhà thiết trai cúng dường. Lúc ấy, nhóm sáu thầy ò-kheo khi nhận thức ăn mà không chú ý nên để cơm, canh đổ ra ngoài. Các cư sĩ thấy vậy chê cười rằng: “Sa-môn Thích tử thụ nhận không biết chán, vì tham nên nhận nhiều, giống như lúc đói kém.” Các ò-kheo đem lỗi ấy bạch Phật. Nhân đó, Đức Phật quở trách và chế giới này.

#### b. Văn giới

Khi nhận thức ăn phải chú ý, thức-xoa-ca-la-ni.

#### c. Giải thích

– Ò-kheo: nghĩa như trên.

– Chú ý: vì không chú ý nên làm canh, cơm, thức ăn rơi ra ngoài.

– Thức-xoa-ca-la-ni.

– Trường hợp không phạm: hoặc khi ấy mắc chứng bệnh như vậy, hoặc bát nhỏ, hoặc trong lúc ăn cơm bị rơi, hoặc cơm rơi trên bàn, tất cả đều không phạm.

## **27. Giới Nhận Thức Ăn Tràn Bát**

#### a. Duyên khởi

Một thời, Đức Phật ở nước Xá-vệ. Bấy giờ, có cư sĩ mời chư Tăng đến nhà thụ thực. Lúc ấy, nhóm sáu thầy ò-kheo nhận thức ăn tràn bát, làm cho cơm, canh rơi rớt ra ngoài. Các cư sĩ thấy vậy chê cười rằng: “Sa-môn Thích tử không

biết hổ thẹn, không biết đủ, như quỉ đói, tham nhiều.” Các tì-kheo đem lỗi ấy bạch Phật. Nhân đó, Đức Phật quở trách và chế giới này.

#### b. Văn giới

Chỉ nên nhận thức ăn vừa ngang bát, thức-xoa-ca-la-ni.

#### c. Giải thích

- Tì-kheo: nghĩa như trên.
- Ngang bát: không ngang bát là tràn bát.
- Thức-xoa-ca-la-ni.
- Trường hợp không phạm: hoặc lúc ấy có bệnh, hoặc bát nhỏ, hoặc rơi rớt trên bàn, tất cả đều không phạm.

### **28. Giới Nhận Canh Tràn Bát**

#### a. Duyên khởi

Một thời, Đức Phật ở nước Xá-vệ. Bấy giờ, có cư sĩ thiết trai cúng dường. Lúc ấy, nhóm sáu thầy tì-kheo lấy cơm quá nhiều, nên không thể nhận thêm canh. Các cư sĩ thấy vậy chê cười rằng: “Sa-môn Thích tử giống như những người đói khát tham ăn.” Các tì-kheo bạch Phật. Nhân đó, Đức Phật quở trách và chế giới này.

#### b. Văn giới

Nhận canh vừa ngang bát, thức-xoa-ca-la-di.

### c. Giải thích

- Tì-kheo: nghĩa như trên.
- Nhận canh vừa ngang bát: tràn chảy ra ngoài làm như uế.
- Thức-xoa-ca-la-ni.
- Trường hợp không phạm: hoặc là lúc ấy có bệnh, hoặc bát nhỏ nên đổ thức ăn tràn lên bàn, hoặc nhận ngang bằng với bát, tất cả đều không phạm.

## 29. Giới Thụ Thực Không Cân Bằng

### a. Duyên khởi

Một thời, Đức Phật ở nước Xá-vệ. Bấy giờ, có cư sĩ thiết trai cúng dường và tự tay san sốt thức ăn. Sau khi sốt cơm xong, họ vào trong lấy canh trở ra thì tì-kheo đã ăn hết cơm. Rồi cư sĩ sốt canh xong, trở vào trong mang cơm ra thì các tì-kheo đã ăn hết canh. Cư sĩ chê cười rằng: “Sa-môn Thích tử giống như những người đói khát.” Các tì-kheo bạch Phật. Nhân đó, Đức Phật quở trách và chế giới này.

### b. Văn giới

Phải ăn cơm và canh cân bằng nhau, thức-xoa-ca-la-di.

### c. Giải thích

- Tì-kheo: nghĩa như trên.

– Ăn cơm và canh cân bằng nhau: tì-kheo ăn cơm và canh không đồng đều là cơm mang đến thì canh đã hết.

– Thức-xoa-ca-la-ni.

– Trường hợp không phạm: hoặc có bệnh, hoặc chỉ cần canh mà không cần cơm, hoặc cần cơm mà không cần canh. Hoặc sắp hết giờ ăn, hoặc vì mạng nạn, phạm hạnh nạn nên phải ăn thật nhanh, tất cả đều không phạm.

### **30. Giới Thụ Thực Không Theo Thứ Tự**

#### **a. Duyên khởi**

Một thời, Đức Phật ở nước Xá-vệ. Bảy giờ, có cư sĩ thiết trai cúng dường chư Tăng và tự tay san sốt thức ăn. Lúc ấy, nhóm sáu thầy tì-kheo không theo thứ tự nhận thức ăn. Các cư sĩ chê cười rằng: “Sa-môn Thích tử nhận không biết chán, không biết đủ, giống như heo, chó, bò, lừa, lạc đà, chim, quạ.” Các tì-kheo bạch Phật. Nhân đó, Đức Phật quở trách và chế giới này.

#### **b. Văn giới**

Phải theo thứ tự mà ăn, thức-xoa-ca-la-ni.

#### **c. Giải thích**

– Tì-kheo: nghĩa như trên.

– Theo thứ tự mà ăn: tì-kheo kia không theo thứ tự mà ăn nghĩa là moi lấy thức ăn khắp nơi trong bát ăn mà ăn.

– Thức-xoa-ca-la-ni.

– Trường hợp không phạm: hoặc có bệnh, hoặc sợ cơm nóng nên moi lấy chỗ nguội, hoặc sắp quá giữa trưa, hoặc vì mạng nạn, phạm hạnh nạn nên ăn gấp, tất cả đều không phạm.

### **31. Giới Moi Giữa Bát Ăn**

#### **a. Duyên khởi**

Một thời, Đức Phật ở nước Xá-vệ. Bấy giờ, có cư sĩ thiết trai cúng dường và tự tay sốt thức ăn. Lúc ấy, nhóm sáu thầy òi-kheo nhận thức ăn và moi ở giữa bát làm cho nhìn thấy trống rỗng. Các cư sĩ thấy vậy chê cười rằng: “Sa-môn Thích tử nhận thức ăn không biết chán giống như bò, lừa, lạc đà, heo, chó.” Các òi-kheo bạch Phật. Nhân đó, Đức Phật quả trách rồi chế giới này.

#### **b. Văn giới**

Không được moi giữa bát mà ăn, thức-xoa-ca-la-ni.

#### **c. Giải thích**

– Òi-kheo: nghĩa như trên.

– Moi giữa bát mà ăn: nghĩa là chừa xung quanh lại chỉ moi ở giữa bát xuống tới đáy.

– Trường hợp không phạm: hoặc có bệnh, hoặc sợ thức ăn nóng nên moi ở giữa để nguội; hoặc thời gian nửa ngày

sắp hết; hoặc vì mạn nạn, phạm hạnh nạn cần ăn gấp nên khoét ở giữa để ăn; tất cả đều không phạm.

### **32. Giới Đòi Thức Ăn Cho Mình**

#### a. Duyên khởi

Một thời, Đức Phật ở nước Xá-vệ. Bấy giờ, có cư sĩ thiết trai cúng dường. Lúc ấy, nhóm sáu thầy òi-kheo tự đòi hỏi thức ăn cho mình, giống như lúc đói khát. Các cư sĩ thấy vậy chế cười rằng: “Sa-môn Thích tử có gì là biết chính pháp, nhận thức ăn không biết chán.” Các òi-kheo bạch Phật. Nhân đó, Đức Phật quả trách và chế giới này.

#### b. Văn giới

Tòi-kheo nào, không bệnh, không được đòi hỏi canh cơm cho mình, thức-xoa-ca-la-ni.

#### c. Giải thích

– Tòi-kheo: nghĩa như trên.

– Không bệnh: nếu có bệnh thì cho phép được đòi hỏi thức ăn cho mình.

– Trường hợp không phạm: hoặc có bệnh, hoặc đòi hỏi cho người khác, hoặc người khác đòi hỏi cho mình; hoặc không cầu mà tự được; tất cả đều không phạm.

### **33. Giới Cơm Che Canh**

#### a. Duyên khởi



Một thời, Đức Phật ở nước Xá-vệ. Bấy giờ, có cư sĩ thiết trai cúng dường. Lúc ấy, nhóm sáu thầy ò-kheo nhận canh rồi. Cư sĩ biết thứ tự lấy canh sốt tiếp. Nhóm sáu thầy ò-kheo sau đó lấy cơm lấp lên canh. Các cư sĩ thấy vậy chê cười rằng: “Sa-môn Thích tử nhận lấy không biết chán, giống như người đói khát, có gì là biết chính pháp?” Các ò-kheo bạch Phật. Nhân đó, Đức Phật quở trách và chế giới này.

#### b. Văn giới

Không được lấy cơm phủ lên canh để mong được thêm, thức-xoa-ca-la-ni.

#### c. Giải thích

– Ò-kheo: nghĩa như trên.

– Trường hợp không phạm: hoặc có bệnh, hoặc được mời ăn, hoặc có lúc chỉ cần canh, có lúc chỉ cần cơm; tất cả đều không phạm.

### **34. Giới Nghi Ngờ Liếc Nhìn Người Ngồi Bên Cạnh**

#### a. Duyên khởi

Một thời, Đức Phật ở nước Xá-vệ. Bấy giờ, cư sĩ thiết trai cúng dường. Lúc ấy, nhóm sáu thầy ò-kheo được thức ăn ít và thấy ò-kheo ngồi bên cạnh nhận được nhiều. Vì vậy, nhóm sáu thầy ò-kheo phàn nàn với cư sĩ: “Nay ông mời chúng Tăng đến thụ thực, tùy ý sốt thức ăn cho người này nhiều, người kia ít, như vậy là ông có thiên vị.” Các cư sĩ

nói: “Tôi sốt thức vắn với tâm bình đẳng.” Các tì-kheo bạch Phật. Nhân đó, Đức Phật quả trách và chế giới này.

#### b. Vắn giới

Không được liếc nhìn vào bát của người ngồi bên cạnh, thức-xoa-ca-la ni.

#### c. Giải thích

– Tì-kheo: nghĩa như trên.

Trong đây nhìn là nhìn xem ai được thức ăn nhiều, ai được thức ăn ít.

– Trường hợp không phạm: tì-kheo ngồi bên cạnh bị bệnh, hoặc mắt bị mù nên phải nhìn xem họ được thức ăn hay không được thức ăn, tịnh hay bất tịnh, nhận hay chưa nhận, hoặc tự mình có bệnh, tất cả đều không phạm.

### **35. Giới Ăn Không Nhìn Vào Bát**

#### a. Duyên khởi

Một thời, Đức Phật ở nước Xá-vệ. Bấy giờ, có cư sĩ thiết trai cúng dường. Nhóm sáu thầy tì-kheo nhận thức ăn rồi, mãi lo nhìn ngó hai bên, không tập trung, tì-kheo ngồi bên cạnh lấy bát giấu. Các tì-kheo bạch Phật. Nhân đó, Đức Phật quả trách và chế giới này.

#### b. Vắn giới

Phải chú tâm vào bát mà ăn, thức-xoa-ca-la-ni.

### c. Giải thích

– Tì-kheo: nghĩa như trên.

– Chú tâm: tức không nhìn ngó hai bên.

– Trường hợp không phạm: hoặc có bệnh, tì-kheo ngồi bên cạnh mắt bị mù, như những trường hợp của giới trước, hoặc xem mặt trời để đoán giờ, hoặc vì mạng nạn, phạm hạnh nạn định bỏ trốn nên phải nhìn hai bên, tất cả đều không phạm.

## **36. Giới Vắt Cơm Lớn**

### a. Duyên khởi

Một thời, Đức Phật ở nước Xá-vệ. Bấy giờ, có các cư sĩ cùng thiết trai cúng dường. Nhóm sáu thầy tì-kheo nhận được cơm rồi vắt thành cục lớn nên không thể đưa vào miệng được. Các cư sĩ thấy vậy chê trách: “Sa-môn Thích tử thụ nhận không biết nhàm chán, không biết đủ, giống như loài heo, chó, lạc đà, lừa, bò, chim, quạ.” Các tì-kheo bạch Phật. Nhân đó, Đức Phật quả trách và chế giới này.

### b. Văn giới

Không được vắt cơm lớn, thức-xoa-ca-la-ni.

### c. Giải thích

– Tì-kheo: nghĩa như trên.

– Vắt cơm lớn: không thể đưa vào miệng được.

– Trường hợp không phạm: hoặc có bệnh, thời gian sắp hết, hoặc vì mạng nạn, phạm hạnh nạn nên cần phải ăn gấp, tất cả đều không phạm.

### **37. Giới Há Miệng Lớn Đợi Thức Ăn**

#### **a. Duyên khởi**

Một thời, Đức Phật ở nước Xá-vệ. Bấy giờ, có cư sĩ thiết trai cúng dường. Bấy giờ, nhóm sáu thầy ù-kheo khi đưa thức ăn chưa đến đã há miệng lớn đợi sẵn. Các cư sĩ chê trách: “Sa-môn Thích tử không biết hổ thẹn, nhận không biết nhàm chán, giống như heo, chó, lạc đà, bò, lừa.” Các ù-kheo bạch Phật. Nhân đó, Đức Phật quả trách và chế giới này.

#### **b. Văn giới**

Không được há miệng lớn đợi cơm mà ăn, thức-xoa-ca-la-ni.

#### **c. Giải thích**

– ù-kheo: nghĩa như trên.

– Há miệng lớn: cơm vắt chưa đến mà đã há miệng đợi sẵn.

– Trường hợp không phạm: hoặc có bệnh như thế, hoặc thời gian sắp hết, hoặc vì mạng nạn, phạm hạnh nạn nên cần phải ăn gấp, tất cả đều không phạm.

### **38. Giới Vừa Ăn Vừa Nói**

### a. Duyên khởi

Một thời, Đức Phật ở nước Xá-vệ. Bấy giờ, có cư sĩ thiết trái cúng dường. Nhóm sáu thầy ò-kheo sau khi nhận thức ăn rồi vừa ăn vừa nói chuyện. Các cư sĩ chê trách bằng cách ví như heo, chó, lạc đà, quạ, chim. Các ò-kheo bạch Phật. Nhân đó, Đức Phật quở trách và chế giới này.

### b. Văn giới

Không được ngậm thức ăn mà nói chuyện, thức-xoa-ca-la-ni.

### c. Giải thích

– Ngậm thức ăn mà nói chuyện: ngậm cơm trong miệng mà nói, nên nói không rõ ràng làm cho người nghe không hiểu.

– Trường hợp không phạm: hoặc có bệnh, hoặc bị nghẹn nên xin nước, hoặc vì mạng nạn, phạm hạnh nạn nên khi ăn phải lên tiếng thông báo, tất cả đều không phạm.

## **39. Giới Vắt Cơm Ném Vào Miệng**

### a. Duyên khởi

Một thời, Đức Phật ở nước Xá-vệ. Bấy giờ, có cư sĩ thiết trai thỉnh Tăng cúng dường, rồi tự tay sốt thức ăn. Nhóm sáu thầy ò-kheo vắt cơm rồi từ xa ném vào miệng. Các cư sĩ chê trách: “Sa-môn Thích tử không biết hổ thẹn, nhận không biết nhàm chán, giống như những nhà ảo thuật.”

Các tì-kheo bạch Phật. Nhân đó, Đức Phật quở trách và chế giới này.

b. Văn giới

Không được vắt cơm rồi từ xa ném vào miệng, thức-xoa-ca-la-ni.

c. Giải thích

– Trường hợp không phạm: hoặc có bệnh, hoặc bị trói buộc nên cần phải ném vào miệng để ăn, tất cả đều không phạm.

#### **40. Giới Làm Thức Ăn Rơi Rớt**

a. Duyên khởi

Một thời, Đức Phật ở nước Xá-vệ. Bấy giờ, có cư sĩ thiết trai cúng dường. Nhóm sáu thầy tì-kheo tay cầm cơm vắt cắn một nửa, nên rớt nửa trong nửa ngoài. Các cư sĩ chê trách: “Sa-môn Thích tử thụ nhận không biết chán, không biết đủ, giống như loài heo, chó, lạc đà, lừa, bò, quạ, chim.” Các tì-kheo bạch Phật. Nhân đó, Đức Phật quở trách và chế giới này.

b. Văn giới

Không được để cơm và thức ăn rơi vãi, thức-xoa-ca-la-ni.

c. Giải thích

– Rơi vãi: một nửa vào miệng, một nửa cầm trên tay.

– Trường hợp không phạm: hoặc có bệnh, hoặc ăn bánh trắng, cơm cháy, hoặc ăn dưa, mía, ăn rau trái, ăn trái lê, ăn nho, nhụy, lá, tim các loại cây cỏ, tất cả đều không phạm.

## **41. Giới Phòng Má Mà Ăn**

### **a. Duyên khởi**

Một thời, Đức Phật ở nước Xá-vệ. Bấy giờ, có cư sĩ thiết trai cúng dường. Nhóm sáu thầy tì-kheo phòng miệng mà ăn. Các cư sĩ chê trách: “Sa-môn Thích tử không biết hổ thẹn, ăn như khi, vượn.” Các tì-kheo bạch Phật. Nhân đó, Đức Phật quả trách và chế giới này.

### **b. Văn giới**

Không được phòng má mà ăn, thức-xoa-ca-la-ni.

### **c. Giải thích**

– Phòng má: làm cho hai má căng phòng giống như khi vượn thường làm.

– Trường hợp không phạm: hoặc mắc bệnh, hoặc thời gian giữa ngày sắp qua, hoặc vì mạng nạn, phạm hạnh nạn nên cần phải ăn gấp, tất cả đều không phạm.

## **42. Giới Nhai Thức Ăn Ra Tiếng**

### **a. Duyên khởi**

Một thời, Đức Phật ở nước Xá-vệ. Bấy giờ, có cư sĩ thiết trai cúng dường Tăng. Nhóm sáu thầy ò-kheo nhai thức ăn ra tiếng. Các cư sĩ chê trách: “Ăn uống như heo, chó, lạc đà, bò, lừa, quạ, chim.” Các ò-kheo bạch Phật. Nhân đó, Đức Phật quở trách và chế giới này.

#### b. Văn giới

Không được nhai cơm phát ra tiếng mà ăn, thức-xoa-ca-la-ni.

#### c. Giải thích

– Trường hợp không phạm: hoặc có bệnh, hoặc nhai bánh khô, cơm cháy, mía, dưa, nho, hồ đào, ti đào lê, phong lê, tất cả đều không phạm.

### **43. Giới Húp Thức Ăn**

#### a. Duyên khởi

Một thời, Đức Phật ở nước Xá-vệ. Bấy giờ, có cư sĩ thiết trai cúng dường. Nhóm sáu thầy ò-kheo húp cơm canh ra tiếng. Các cư sĩ chê trách: “Sa-môn Thích tử không biết hổ thẹn, ăn uống như heo, chó, lạc đà, bò, lừa, quạ, chim.” Các ò-kheo bạch Phật. Nhân đó, Đức Phật quở trách và chế giới này.

#### b. Văn giới

Không được húp thức ăn lớn tiếng mà ăn, thức-xoa-ca-la-ni.



### c. Giải thích

- Húp thức ăn: há miệng lớn từ xa húp thức ăn.
- Trường hợp không phạm: hoặc có bệnh, hoặc miệng bị đau, hoặc uống canh, hoặc uống sữa, lạc, tô, nước tì-la, rượu đắng, tất cả đều không phạm.

## **44. Giới Lưỡi Liếm Thức Ăn**

### a. Duyên khởi

Một thời, Đức Phật ở nước Xá-vệ. Bấy giờ, có cư sĩ thiết trai cúng dường. Nhóm sáu thầy tì-kheo lè lưỡi ra liếm thức ăn. Các cư sĩ chê trách: “Sa-môn Thích tử không biết hổ thẹn, ăn uống như heo, chó, lạc đà, bò, lừa, quạ, chim.” Các tì-kheo bạch Phật. Nhân đó, Đức Phật quả trách và chế giới này.

### b. Văn giới

Không được dùng lưỡi liếm thức ăn, thức-xoa-ca-la-ni.

### c. Giải thích

- Dùng lưỡi liếm thức ăn: tức le lưỡi ra để lấy thức ăn mà ăn.
- Trường hợp không phạm: hoặc mắc bệnh, hoặc bị trói, hoặc tay dính bùn, bụi, mồ hôi, nhơ, nên dùng lưỡi nhận lấy thức ăn, tất cả đều không phạm.

## **45. Giới Rửa Tay Khi Ăn**

#### a. Duyên khởi

Một thời, Đức Phật ở nước Xá-vệ. Bấy giờ, có cư sĩ thiết trai cúng dường. Cư sĩ tự tay rót thức ăn. Nhóm sáu thầy tì-kheo rảy tay mà ăn. Các cư sĩ chê trách: “Sa-môn Thích tử không biết chính pháp, ăn uống như vua, đại thần.” Các tì-kheo bạch Phật. Nhân đó, Đức Phật quả trách và chế giới này.

#### b. Văn giới

Không được rảy tay mà ăn, thức-xoa-ca-la-ni.

#### c. Giải thích

– Trường hợp không phạm: hoặc mắc bệnh, hoặc trong thức ăn có cỏ, có trùng, hoặc tay có chất bất tịnh, nên cần phải rảy nó đi, hoặc lúc chưa ăn tay chạm chất dơ nên phải vẩy tay để trừ đi, tất cả đều không phạm.

### **46. Giới Dùng Tay Nhặt Thức Ăn Rơi**

#### a. Duyên khởi

Một thời, Đức Phật ở nước Xá-vệ. Bấy giờ, có cư sĩ thiết trai cúng dường. Nhóm sáu thầy tì-kheo dùng tay nhặt những thức ăn rơi. Các cư sĩ chê trách: “Sa-môn Thích tử ăn uống như gà, chim.” Các tì-kheo bạch Phật. Nhân đó, Đức Phật quả trách và chế giới này.

#### b. Văn giới

Không được dùng tay nhặt thức ăn rơi mà ăn, thức-xoa-ca-la-ni.

c. Giải thích

– Cơm rơi: cơm bị rơi vãi.

– Trường hợp không phạm: hoặc có bệnh, hoặc trong thức ăn có cỏ, trùng, hoặc có chất bất tịnh làm nhơ, hoặc lúc chưa ăn có gì đó cần bỏ, tất cả đều không phạm.

## **47. Giới Tay Nhơ Cầm Đồ Đựng Thức Uống**

a. Duyên khởi

Một thời, Đức Phật ở nước Xá-vệ. Bấy giờ, có cư sĩ thiết trai cúng dường. Nhóm sáu thầy tì-kheo tay không sạch mà cầm đồ đựng. Các cư sĩ chê trách: “Sa-môn Thích tử không biết chính pháp, giống như vua, đại thần.” Các tì-kheo bạch Phật. Nhân đó, Đức Phật quở trách và chế giới này.

b. Văn giới

Không được tay dơ mà cầm nắm vật đựng đồ uống, thức-xoa-ca-la-ni.

c. Giải thích

– Tay dơ: tay bị dính cơm.

– Trường hợp không phạm: hoặc có bệnh, hoặc hoặc nhận thức ăn trên cỏ, nhận trên lá cây, rửa tay rồi nhận, tất cả đều không phạm.

## **48. Giới Đổ Nước Rửa Bát Vào Nhà Bạch Y**

### a. Duyên khởi

Một thời, Đức Phật ở nước Xá-vệ. Bấy giờ, nhóm sáu thầy tì-kheo rửa bát rồi đổ nước rửa bát ở nhà vừa thụ thực, nên cơm và thức ăn vung vãi ra đất. Các cư sĩ chê trách: “Sa-môn Thích tử thụ nhận nhiều, giống như người đói.” Các tì-kheo bạch Phật. Nhân đó, Đức Phật quả trách và chế giới này.

### b. Văn giới

Không được đổ nước rửa bát trong nhà bạch y, thức-xoa-ca-la-ni.

### c. Giải thích

– Nước rửa bát: cơm lẫn với nước.

– Trường hợp không phạm: hoặc có bệnh, hoặc cùng một lúc rửa nhiều vật đựng, hoặc rửa mâm, hoặc rửa mâm rồi lấy nước đổ ra ngoài, tất cả đều không phạm.

## **49. Giới Đại Tiểu Tiện Trên Cỏ Tươi**

### a. Duyên khởi

Một thời, Đức Phật ở nước Xá-vệ. Nhóm sáu thầy tì-kheo đại tiểu tiện, khắc nhổ trên cỏ, lá cây. Các cư sĩ thấy vậy chê trách: “Sa-môn Thích tử không biết hổ thẹn, giống như heo, chó, lạc đà, bò, lừa.” Các tì-kheo bạch Phật. Nhân đó, Đức Phật quở trách và chế giới này.

#### b. Văn giới

Không được đại tiểu tiện, khắc nhổ lên cỏ tươi, trừ bệnh, thức-xoa-ca-la-ni.

#### c. Giải thích

– Trừ bệnh: vì bệnh nên không thể tránh nơi có cỏ tươi được. Đức Phật dạy: “Bệnh thì không phạm.”

– Trường hợp không phạm: do nước chảy làm rơi lên cỏ tươi, lá cây, hoặc vì chim ngậm rồi rơi xuống, tất cả đều không phạm.

### **50. Giới Không Đại Tiểu Tiện, Khắc Nhổ Trong Nước**

#### a. Duyên khởi

Một thời, Đức Phật ở nước Xá-vệ. Bấy giờ, nhóm sáu thầy tì-kheo tiểu tiện, khắc nhổ trong nước. Các cư sĩ chê trách: “Sa-môn Thích tử giống như heo, chó, bò, lạc đà, lừa.” Các tì-kheo bạch Phật. Nhân đó, Đức Phật quở trách và chế giới này.

#### b. Văn giới

Không được tiểu tiện, khạc nhổ trong nước sạch, trừ bệnh, thức-xoa-ca-la-ni.

### c. Giải thích

– Trường hợp không phạm: hoặc mắc bệnh, hoặc tiểu tiện trên bờ rồi rơi xuống nước, hoặc gió thổi, chim tha bị rớt, tất cả đều không phạm.

## **51. Giới Đứng Đại Tiểu Tiện**

### a. Duyên khởi

Một thời, Đức Phật ở nước Xá-vệ. Bấy giờ, nhóm sáu thầy ù-kheo đứng đại tiểu tiện. Các cư sĩ thấy vậy chê trách: “Sa-môn Thích tử không có chính pháp, đứng đại tiểu tiện giống như bò, ngựa, heo, dê, lạc đà.” Các ù-kheo bạch Phật. Nhân đó, Đức Phật quả trách và chế giới này.

### b. Văn giới

Không được đứng đại tiểu tiện, trừ bệnh, thức-xoa-ca-la-ni.

### c. Giải thích

– Trừ bệnh: vì bệnh nên không thể ngồi xồm được.

– Trường hợp không phạm: hoặc mắc bệnh, hoặc bị trói, hoặc chỗ đứng bị nhơ, hoặc bùn nhơ, tất cả đều không phạm.

## **52. Giới Nói Pháp Cho Người Không Cung Kính**

### a. Duyên khởi

Một thời, Đức Phật ở nước Xá-vệ. Bấy giờ, nhóm sáu thầy tì-kheo nói pháp cho người không cung kính, vén ngược y mà nghe. Lúc ấy, các tì-kheo nghe, trong đó có người thiếu dục, biết hổ thẹn bạch Phật. Nhân đó, Đức Phật quở trách và chế giới này.

### b. Văn giới

Không được nói pháp cho người không cung kính, vén ngược y, trừ bệnh, thức-xoa-ca-la-ni.

### c. Giải thích

– Trường hợp không phạm: hoặc khi có bệnh như thế, hoặc nói pháp cho vua, đại thần của vua, tất cả đều không phạm.

### **53. Giới Nói Pháp Cho Người Quán Y Ở Cổ**

Không được nói pháp cho người quán y nơi cổ, trừ người bệnh, thức-xoa-ca-la-ni.

### **54. Giới Nói Pháp Cho Người Trùm Đầu**

Không được nói pháp cho người trùm đầu, trừ người bệnh, thức-xoa-ca-la-ni.

### **55. Giới Nói Pháp Cho Người Quán Đầu**

Không được nói pháp cho người quán đầu, trừ người bệnh, thức-xoa-ca-la-ni.

## **56. Giới Nói Pháp Cho Người Chống Nạnh**

Không được nói pháp cho người chống nạnh, trừ người bệnh, thức-xoa-ca-la-ni.

## **57. Giới Nói Pháp Cho Người Mang Dép Da**

Không được nói pháp cho người mang dép da, trừ người bệnh, thức-xoa-ca-la-ni.

## **58. Giới Nói Pháp Cho Người Mang Guốc Gỗ**

Không được nói pháp cho người mang guốc gỗ, trừ người bệnh, thức-xoa-ca-la-ni.

## **59. Giới Nói Pháp Cho Người Đi Ngồi Xe**

Không được nói pháp cho người ngồi xe, cưỡi ngựa, trừ người bệnh, thức-xoa-ca-la-ni.

## **60. Giới Ngủ Trong Tháp Phật**

### **a. Duyên khởi**

Một thời, Đức Phật ở nước Xá-vệ. Bấy giờ, nhóm sáu thầy tì-kheo vào trong tháp Phật ngủ. Có tì-kheo biết hổ thẹn biết được việc đó, bạch Phật. Nhân đó, Đức Phật quở trách và chế giới này.

### **b. Văn giới**

Không được ngủ nghỉ trong tháp Phật, trừ vì canh giữ, thức-xoa-ca-la-ni.



### c. Giải thích

– Trường hợp không phạm: hoặc có bệnh, hoặc vì canh giữ nên phải ngủ nghỉ lại trong đó, hoặc bị thế lực cưỡng bức, hoặc bị bắt, hoặc vì mạng nạn, phạm hạnh nạn nên ngủ nghỉ, tất cả đều không phạm.

## **61. Giới Cất Giấu Tài Vật Trong Tháp Phật**

### a. Duyên khởi

Một thời, Đức Phật ở nước Xá-vệ. Bấy giờ, nhóm sáu thầy tì-kheo cất giấu vật trong tháp Phật. Có tì-kheo thiếu dục biết được việc đó, nên bạch Phật. Nhân đó, Đức Phật quở trách và chế giới này.

### b. Văn giới

Không được chôn giấu tài vật trong tháp Phật, trừ vì muốn cho bền chắc, thức-xoa-ca-la-ni.

### c. Giải thích

– Trường hợp không phạm: hoặc có bệnh, hoặc vì muốn giữ cho chắc chắn nên mới chôn cất, giấu trong tháp Phật, hoặc bị cưỡng bức, hoặc vì mạng nạn, phạm hạnh nạn, tất cả đều không phạm.

## **62. Giới Mang Dép Da Vào Trong Tháp Phật**

### a. Duyên khởi

Một thời, Đức Phật ở nước Xá-vệ. Bấy giờ, nhóm sáu thầy tì-kheo mang dép da đi vào trong tháp Phật. Có tì-kheo hổ thẹn biết việc đó, nên bạch Phật. Nhân đó, Đức Phật quở trách và chế giới này.

#### b. Văn giới

Không được mang dép da đi vào trong tháp Phật, thức-xoa-ca-la-ni.

#### c. Giải thích

– Trường hợp không phạm: hoặc có bệnh như thế, hoặc bị cưỡng bức, hoặc bị bắt buộc phải đi vào trong tháp Phật, tất cả đều không phạm.

### **63. Giới Cầm Dép Da Vào Trong Tháp Phật**

Không được tay cầm dép da đi vào trong tháp Phật, thức-xoa-ca-la-ni.

### **64. Giới Mang Dép Da Đi Nhiều Quanh Tháp Phật**

Không được mang dép da đi nhiều quanh tháp Phật, thức-xoa-ca-la-ni.

### **65. Giới Mang Phú-La Vào Trong Tháp Phật**

Không được mang phú-la đi vào trong tháp Phật, thức-xoa-ca-la-ni.

### **66. Giới Cầm Phú-La Vào Tháp Phật**

Không được tay cầm phú-la đi vào trong tháp Phật, thức-xoa-ca-la-ni.

## **67. Giới Làm Như Chân Tháp**

### a. Duyên khởi

Một thời, Đức Phật ở nước Xá-vệ. Bấy giờ, nhóm sáu thầy tì-kheo sau khi ngồi bên chân tháp dùng bữa xong, bỏ lại thức ăn và cỏ lót ngồi làm như đất, rồi bỏ đi. Các tì-kheo bạch Phật. Nhân đó, Đức Phật chế giới: “Không được ngồi ăn dưới tháp.” Sau đó, các tì-kheo làm tháp, làm phòng, hoặc thí ao, thí giếng, thí thực, chúng Tăng tụ tập đông đảo, nên chỗ ngồi chật hẹp. Lúc ấy, Đức Phật cho phép được ngồi thụ thực bên chân tháp, nhưng không được làm như đất. Nhân đó, Đức Phật chế giới này.

### b. Văn giới

Không được ngồi ăn dưới tháp lưu lại cỏ và thức ăn dư làm dơ đất, thức-xoa-ca-la-ni.

### c. Giải thích

– Trường hợp không phạm: tì-kheo ngồi ăn một lần và không làm pháp dư thực; hoặc tì-kheo bị bệnh thì cho phép lót một chỗ bên dưới chân và khi đi phải gom bỏ, tất cả đều không phạm.

## **68. Giới Khiêng Tử Thi Đi Ngang Qua Dưới Tháp**

### a. Duyên khởi

Một thời, Đức Phật ở nước Xá-vệ. Bấy giờ, nhóm sáu thầy tì-kheo khiêng tử thi đi ngang qua dưới tháp, làm cho thầy bảo vệ tháp nổi giận. Các tì-kheo thích học giới bạch Phật. Nhân đó, Đức Phật quả trách và chế giới này.

#### b. Văn giới

Không được khiêng tử thi đi qua dưới tháp, thức-xoa-ca-la-ni.

#### c. Giải thích

– Trường hợp không phạm: hoặc có bệnh, hoặc cần phải đi ngang qua con đường đó, hoặc bị thế lực ép buộc dẫn đi, tất cả đều không phạm.

### **69. Giới Chôn Tử Thi Dưới Tháp**

Không được chôn tử thi dưới tháp, thức-xoa-ca-la-ni.

### **70. Giới Thiêu Tử Thi Dưới Tháp**

Không được thiêu tử thi dưới tháp, thức-xoa-ca-la-ni.

### **71. Giới Thiêu Tử Thi Trước Tháp**

Không được đốt diệm tháp thiêu tử thi, thức-xoa-ca-la-ni.

### **72. Giới Thiêu Tử Thi Quanh Tháp**

Không được thiêu tử thi ở bốn phía quanh tháp Phật, làm mùi hôi xông vào tháp, thức-xoa-ca-la-ni.

### **73. Giới Mang Y Phục Của Người Chết Đi Ngang Qua Tháp**

#### **a. Duyên khởi**

Một thời, Đức Phật ở nước Xá-vệ. Bấy giờ, nhóm sáu thầy Tì-kheo mang y phục và giường của người chết đi ngang qua dưới tháp, nên làm cho thần ở trú xứ đó nổi giận. Các tì-kheo tu hạnh đầu-đà bạch Phật. Nhân đó, Đức Phật quở trách và chế giới này.

#### **b. Văn giới**

Không được mang y phục và giường của người chết đi ngang qua dưới tháp, trừ giặt, nhuộm, xông hương, thức-xoa-ca-la-ni.

#### **c. Giải thích**

– Trường hợp không phạm: hoặc mắc bệnh như thế, hoặc y phần tảo của Tì-kheo, hoặc đã giặt, nhuộm, xông hương rồi mới mang đi, tất cả đều không phạm.

### **74. Giới Đại Tiểu Tiện Dưới Tháp Phật**

Không được đại tiểu tiện dưới tháp Phật, thức-xoa-ca-la-ni.

### **75. Giới Đại Tiểu Tiện Trước Tháp Phật**

Không được đại tiểu tiện trước tháp Phật, thức-xoa-ca-la-ni.

### **76. Giới Đại Tiểu Tiện Quanh Tháp Phật**

Không được đại tiểu tiện bốn phía quanh tháp Phật, làm cho mùi hôi bay vào bên trong, thức-xoa-ca-la-ni.

### **77. Giới Mang Tượng Phật Đến Nơi Đại Tiểu Tiện**

Không được mang tượng Phật đến chỗ đại tiểu tiện, thức-xoa-ca-la-ni.

– Có ba trường hợp không phạm: hoặc khi có bệnh như thế, hoặc trên đường đi phải đi ngang qua đó, hoặc bị thế lực ép buộc phải mang đi, tất cả đều không phạm.

### **78. Giới Xỉa Răng Dưới Tháp Phật**

Không được xỉa răng, súc miệng dưới tháp Phật, thức-xoa-ca-la-ni.

### **79. Giới Xỉa Răng Trước Tháp Phật**

Không được xỉa răng, súc miệng trước tháp Phật, thức-xoa-ca-la-ni.

### **80. Giới Xỉa Răng Quang Tháp Phật**

Không được xỉa răng, súc miệng ở bốn phía quanh tháp Phật, thức-xoa-ca-la-ni.

### **81. Giới Khắc Nhổ Dưới Tháp Phật**

Không được khắc nhổ dưới tháp Phật, thức-xoa-ca-la-ni.

### **82. Giới Khắc Nhổ Trước Tháp Phật**

Không được khắc nhổ trước tháp Phật, thức-xoa-ca-la-ni.

### **83. Giới Khắc Nhổ Bên Tháp Phật**

#### a. Duyên khởi

Một thời, Đức Phật ở nước Xá-vệ. Bấy giờ, nhóm sáu thầy tì-kheo khắc nhổ bốn phía quanh tháp Phật. Các tì-kheo bạch Phật. Nhân đó, Đức Phật quở trách và chế giới này.

#### b. Văn giới

Không được khắc nhổ bốn phía quanh tháp Phật, thức-xoa-ca-la-ni.

#### c. Giải thích

– Trường hợp không phạm: hoặc có bệnh như thế, hoặc do chim ngậm, hoặc do gió thổi bay đến bên tháp.

### **84. Giới Duỗi Chân Trước Tháp**

#### a. Duyên khởi

Một thời, Đức Phật ở nước Xá-vệ. Bấy giờ, nhóm sáu thầy tì-kheo ngồi duỗi chân hướng về trước tháp. Các tì-kheo thích học giới bạch Phật. Nhân đó, Đức Phật quở trách và chế giới này.

#### b. Văn giới

Không được ngồi duỗi chân trước tháp, thức-xoa-ca-la-ni.

#### c. Giải thích

– Trường hợp không phạm: hoặc bị bệnh như thế, hoặc khoảng giữa có sự ngăn cách, hoặc bị thế lực ép buộc phải làm vậy, tất cả đều không phạm.

## **85. Giới Đặt Tượng Phật Ở Phòng Dưới**

### a. Duyên khởi

Một thời, Đức Phật ở nước Câu-la. Bấy giờ, nhóm sáu thầy tì-kheo đặt tượng Phật ở phòng tầng dưới còn họ thì ở phòng tầng trên. Các tì-kheo tu hạnh đầu-đà bạch Phật. Nhân đó, Đức Phật quả trách và chế giới này.

### b. Văn giới

Không được đặt tượng Phật ở phòng tầng dưới còn mình ở phòng tầng trên, thức-xoa-ca-la-ni.

### c. Giải thích

– Trường hợp không phạm: hoặc có bệnh như thế, hoặc có người đang mang tượng Phật ở phòng tầng dưới còn mình đang ở phòng tầng trên, hoặc vì mạng nạn, phạm hạnh nạn, tất cả đều không phạm.

## **86. Giới Nói Pháp Cho Người Ngồi**

Không được nói pháp cho người ngồi mà mình đứng, trừ người bệnh, thức-xoa-ca-la-ni.

## **87. Giới Nói Pháp Cho Người Nằm**



Không được nói pháp cho người nằm mà mình ngồi, trừ người bệnh, thức-xoa-ca-la-ni.

### **88. Giới Nói Pháp Cho Người Ngồi Chính Giữa**

Không được nói pháp cho người ngồi chính giữa mà mình ngồi một bên, trừ người bệnh, thức-xoa-ca-la-ni.

### **89. Giới Nói Pháp Cho Người Ngồi Chỗ Cao**

Không được nói pháp cho người ngồi chỗ cao, còn mình ngồi chỗ thấp, trừ người bệnh, thức-xoa-ca-la-ni.

### **90. Giới Nói Pháp Cho Người Đi Trước**

Không được nói pháp cho người đi trước, còn mình đi phía sau, trừ người bệnh, thức-xoa-ca-la-ni.

### **91. Giới Nói Pháp Cho Người Ở Chỗ Kinh Hành**

Không được nói pháp cho người ở chỗ kinh hành cao, còn mình ở chỗ kinh hành thấp, trừ người bệnh, thức-xoa-ca-la-ni.

### **92. Giới Nói Pháp Cho Người Ở Giữa Đường**

Không được nói pháp cho người ở giữa đường, còn mình ở bên đường, trừ người bệnh, thức-xoa-ca-la-ni.

### **93. Giới Năm Tay Nhau Cùng Đi**

a. Duyên khởi

Một thời, Đức Phật ở nước Xá-vệ. Bấy giờ, nhóm sáu thầy tì-kheo nắm tay nhau đi ngoài đường, nên làm cản trở những nam, nữ khác. Các cư sĩ chê trách: "Sa-môn Thích tử không biết chính pháp, giống như vua, đại thần, trưởng giả giàu sang." Các tì-kheo bạch Phật. Nhân đó, Đức Phật quở trách và chế giới này.

#### b. Văn giới

Không được nắm tay nhau khi đi đường, thức-xoa-ca-la-ni.

#### c. Giải thích

– Trường hợp không phạm: hoặc mắc bệnh, hoặc có tì-kheo bị mù mắt, nên cần phải dìu đi, tất cả đều không phạm.

### **94. Giới Trèo Cây Cao Quá Đầu Người**

#### a. Duyên khởi

Một thời, Đức Phật ở nước Xá-vệ. Bấy giờ, có tì-kheo nhập hạ an cư trên một cây đại thụ, rồi từ trên cao đại tiểu tiện xuống. Vì thế, thần cây nổi giận tìm dịp giết tì-kheo. Các tì-kheo bạch Phật. Nhân đó, Đức Phật quở trách và chế giới "Không được an cư trên cây và đại tiểu tiện quanh cây. Nếu đã có chỗ đại tiểu tiện sẵn, thì được phép."

#### b. Văn giới

Không được trèo lên cây cao quá đầu người, trừ khi có nhân duyên, thức-xoa-ca-la-ni.

### c. Giải thích

– Trường hợp không phạm: hoặc có bệnh, hoặc vì mạng nạn, phạm hạnh nạn nên phải trèo cao quá đầu người, tất cả đều không phạm.

## **95. Giới Quấy Bát Bằng Gậy**

### a. Duyên khởi

Một thời, Đức Phật ở nước Xá-vệ. Bấy giờ, tì-kheo Bạt-na-đà bỏ bát vào trong đẫy, rồi xỏ qua đầu gậy, đặt trên vai vác đi. Các cư sĩ tưởng là quan lại, nên đều tránh bên đường. Các tì-kheo bạch Phật. Nhân đó, Đức Phật quở trách và chế giới này.

### b. Văn giới

Không được bỏ bình bát vào đẫy, xỏ vào đầu gậy quấy trên vai mà đi, thức-xoa-ca-la-ni.

### c. Giải thích

– Trường hợp không phạm: hoặc có bệnh, hoặc bị người có thể lực bức ép, hoặc bị trói buộc, hoặc vì mạng nạn, phạm hạnh nạn, tất cả đều không phạm.

## **96. Giới Nói Pháp Cho Người Cầm Gậy**

### a. Duyên khởi

Một thời, Đức Phật ở nước Xá-vệ. Bấy giờ, nhóm sáu thầy tì-kheo nói pháp cho người không biết cung kính nghe. Các

tì-kheo bạch Phật. Nhân đó, Đức Phật quở trách và chế giới này.

#### b. Văn giới

Không được nói pháp cho người cầm gậy, không cung kính, trừ người bệnh, thức-xoa-ca-la-ni.

#### c. Giải thích

– Trường hợp không phạm: hoặc khi có bệnh, hoặc vì vua và đại thần, tất cả đều không phạm.

### **97. Giới Nói Pháp Cho Người Cầm Kiếm**

Không được nói pháp cho người cầm kiếm, trừ người bệnh, thức-xoa-ca-la-ni.

### **98. Giới Nói Pháp Cho Người Cầm Mâu**

Không được nói pháp cho người cầm mâu, trừ người bệnh, thức-xoa-ca-la-ni.

### **99. Giới Nói Pháp Cho Người Cầm Dao**

Không được nói pháp cho người cầm dao, trừ người bệnh, thức-xoa-ca-la-ni.

### **100. Giới Nói Pháp Cho Người Cầm Dù**

Không được nói pháp cho người cầm dù, thức-xoa-ca-la-ni.

Chư Đại đức, tôi đã nói một trăm pháp thức-xoa-ca-la-ni. Nay xin hỏi chư Đại đức trong đây thanh tịnh không? (3 lần) Chư Đại đức trong đây thanh tịnh, vì các ngài đều im lặng. Việc ấy tôi xin ghi nhận như vậy.

**Chư Đại đức, đây là bảy pháp diệt tránh nửa tháng tụng một lần, trong giới kinh chép ra. Nếu có việc tranh cãi xảy ra thì cần phải trừ diệt.**

Đức Phật dạy: “Tranh cãi có bốn loại: ngôn tránh, mịch tránh, phạm tránh, sự tránh.

– Về ngôn tránh dùng hai cách diệt để diệt trừ: hiện tiền tì-ni và đa nhân ngữ.

– Về mịch tránh dùng bốn cách diệt để diệt trừ: hiện tiền tì-ni, ức niệm tì-ni, bất si tì-ni, tội xứ sở.

– Về phạm tránh dùng ba cách diệt để diệt trừ: hiện tiền tì-ni, tự ngôn trị, như thảo phú địa.

– Về sự tránh dùng tất cả cách diệt trên để diệt trừ.

Trong ba loại tránh trước, mỗi tránh có ba phẩm: thượng, trung và hạ, nên hợp chung lại có chín loại. Riêng về sự tránh khi lần lượt kết hợp với ba tránh trên, thì tùy theo mỗi tránh lại phân làm chín phẩm và tùy theo từng hiện tiền tì-ni trong mỗi phẩm mà có ba loại hay năm loại để diệt trừ ba phẩm thượng, trung và hạ. Đây là nói tùy theo bệnh mà cho thuốc. Việc này phải quát sát cho kĩ và hiểu cho kĩ.

**1. Cần ban cho hiện tiền tì-ni thì ban cho hiện tiền tì-ni.**

Một thời, Đức Phật ở nước Xá-vệ. Bấy giờ, tôn giả Ca-lưu-đà-di và nhóm sáu thầy ù-kheo cùng tắm sông. Tôn giả Ca-lưu-đà-di lên trước mặc nhằm y của nhóm sáu thầy ù-kheo kia rồi đi. Sau đó, nhóm sáu thầy ù-kheo cho tôn giả Ca-lưu-đà-di trộm y nên làm pháp yết-ma diệt tận vắng mặt. Tôn giả Ca-lưu-đà-di bạch Phật. Nhân đó, Đức Phật quở trách và chế pháp này.

Có ba loại hiện tiền: pháp hiện tiền, ù-ni hiện tiền và nhân hiện tiền. Và cũng có năm loại hiện tiền khác: pháp hiện tiền, ù-ni hiện tiền, nhân hiện tiền, Tăng hiện tiền, giới hiện tiền.

Pháp hiện tiền là gì? Chính là pháp được dùng để dập tắt tranh cãi. ù-ni hiện tiền là gì? Chính là ù-ni được dùng để dập tắt tranh cãi. Nhân hiện tiền là gì? Chính là sự luận bàn đối đáp. Tăng hiện tiền gì? Chính là người nên đến thì đến, người nên gửi dục thì gửi dục, người bị trách phạt thì không trách phạt. Giới hiện tiền là gì? Chính là xướng yết-ma để hạn chế. Pháp hiện tiền này áp dụng chung cho tất cả yết-ma. Nếu người ở riêng làm pháp đối thú[73], tâm niệm thì được phép áp dụng ba pháp hiện tiền. Nếu có bốn người, năm người trở lên thì phải theo pháp của Tăng. Nếu cử pháp yết-ma thì phải theo năm pháp hiện tiền. Vì mỗi khi cử hành pháp yết-ma thì phải tác pháp trong cương giới. Trừ trường hợp giới do Tăng làm pháp kết hay trong giới tự nhiên.

## **2. Căn ban cho ức niệm ù-ni thì ban cho ức niệm ù-ni.**

Một thời, Đức Phật ở thành Vương Xá. Bấy giờ, ù-kheo Đạp-bà-ma-la Tử làm tri sự[74] cho Tăng. Bấy giờ, trong nhóm sáu thầy ù-kheo có thầy vì được phân chia phòng

xấu, ngọạ cụ xấu, thỉnh xú[75], nên nổi giận phỉ báng tì-kheo Đạp-bà-ma-la Tử: “Thầy có thiêng vị, có giận, có sợ, có si.” Vì thế, tì-kheo kia vu khống, hủy báng tì-kheo Đạp-bà-ma-la Tử bằng việc dâm dục. Bấy giờ, Phật cho gọi cả hai ra trước chúng, Ngài hỏi tì-kheo Đạp-bà-ma-la Tử việc ấy thật hư thế nào. Tì-kheo Đạp-bà-ma-la Tử thưa: “Từ khi con sinh ra đến nay trong mộng còn không có ý dâm dục hưởng gì khi tỉnh thức.” Các tì-kheo hỏi thầy tì-kheo trong nhóm sáu thầy tì-kheo về việc đó thì vị kia nói: “Tì-kheo Đạp-bà-ma-la Tử thanh tịnh, không có việc như thế.” Đức Phật nói: “Đạp-bà-ma-la Tử là người không có đảm nhiễm, nên không phạm giới, vì vậy, cần phải bạch tứ yết-ma để trao cho pháp ức niệm.”

### **3. Cần ban cho bất si tì-ni thì ban cho bất si tì-ni.**

Một thời, Đức Phật ở thành Vương Xá. Bấy giờ, tì-kheo Nan-đề vì mắc bệnh hủi và si cuồng, nên ra vào, lui tới không có oai nghi, phần nhiều phạm các tội. Các tì-kheo vặn hỏi thì tì-kheo Nan-đề nói: “Vì lúc ấy cuồng si nên mới tạo tội, bệnh lành không tạo tội nữa.” Các tì-kheo bạch Phật. Đức Phật nói có ba loại cuồng si: 1. Thường nhớ, nên khi nói giới thường đến; 2. Không nhớ, nên khi nói giới không đến; 3. Hoặc nhớ, hoặc đến, hoặc không đến. Người này cần phải bạch tứ trao cho yết-ma bất si để nhận biết, khi bệnh thì tạo tội, sau khi lành bệnh không tạo tội nữa. Vì muốn cho Tăng được thanh tịnh và đủ số nên chế ra pháp này.

### **4. Cần ban cho tự ngôn trị thì ban cho tự ngôn trị.**

Một thời, Đức Phật ở nước Chiêm-ba. Bấy giờ, nhằm vào tháng có trăng, chúng Tăng thuyết giới. Khi ấy, Đức Phật

ngồi trong chúng im lặng không thuyết giới. Khi đầu đêm đã qua, tôn giả A-nan thỉnh Đức Phật thuyết giới. Đức Phật nói: "Ông muốn Như Lai ở trong chúng không thanh tịnh mà thuyết giới sao? Thật không có lí này." Đến giữa đêm, cuối đêm, tôn giả A-nan lại thỉnh, Đức Phật vẫn đáp như vậy. Bấy giờ, tôn giả Đại Mục-kiền-liên dùng thiên nhãn xem tất cả mọi người trong chúng thì thấy tì-kheo phạm giới ngồi cách Đức Phật không xa. Vị ấy bên trong chứa sự mục nát, bên ngoài hiện nguyên vẹn, thanh tịnh. Sau khi, tôn giả Mục-kiền-liên kéo vị tì-kheo ấy ra khỏi chúng, rồi quay trở lại bạch Phật: "Trong chúng đã thanh tịnh, có thể nói giới được rồi." Đức Phật dạy: "Từ nay về sau không nên làm như vậy mà phải dùng pháp 'ngôn trị'." Nhân đó, Đức Phật chế pháp này.

## **5. Cần ban cho đa nhân ngữ thì ban cho đa nhân ngữ.**

Một thời, Đức Phật ở nước Xá-vệ. Bấy giờ, các tì-kheo vì mười tám việc mà tranh cãi không dứt, nên đến trong Tăng để phán xét, nhưng vẫn không đoạn được. Các tì-kheo bạch Phật. Đức Phật dạy: "Cần phải ba cho pháp đa mịch tội tướng; nếu có tì-kheo nói lời phi pháp ở chung trong một trú xứ thì nên sai tì-kheo hành xá-la." Về hành xá-la thì có ba cách: 1. Hiển lộ; 2. Che giấu; 3. Rỉ tai nhau. Nếu thượng tọa là bậc đứng đầu trong những người trí và hòa thượng xà-lê trụ như pháp địa thì nên hiển lộ hành xá-la; nếu trụ phi pháp địa thì nên cử hành hai pháp hành xá-la sau. Nếu nhiều có nhiều người phi pháp ngữ, vì những người kia có thể gây rối loạn rồi bỏ đi. Bản luật này nói 'Cầu tìm tội tướng' ý cũng giống như vậy.

## **6. Cần ban cho tội xứ sở thì ban cho tội xứ sở.**



Một thời, Đức Phật ở nước Thích-sí-sầu. Bấy giờ, Thích tử Tượng Lực có tài nghị luận, bị ngoại đạo hỏi gắt nên trả lời trước sau mâu thuẫn nhau và ở trong Tăng cũng như vậy. Các tì-kheo bạch Phật. Đức Phật dạy:

“Tăng nên bạch tứ để trao yết-ma cho vị tì-kheo kia để vị ấy nhận lấy bản tội, đồng thời tước ba mươi lăm việc. Nếu vị ấy chịu nhận bản tội thì nên bạch tứ yết-ma như phải để giải. Vì thế, nên Phật chế ra pháp này.

Có bản gọi pháp này là ‘tìm tội tướng, ý cũng giống như trên, nhưng theo thứ tự thì thuộc phần sáu ‘diệt mích tránh thượng phẩm dục’.

## **7. Cần ban cho như cỏ che đất thì ban cho như cỏ che đất.**

Một thời, Đức Phật ở nước Xá-vệ. Bấy giờ, các tì-kheo tranh cãi nhau kéo dài suốt một năm mà không có khả năng chấm dứt. Các tì-kheo bạch Phật. Đức Phật cho phép hai chúng giáp mặt nhau để cùng diệt. Một vị thượng tọa đại diện cho mỗi chúng tác bạch: “Chúng tôi đi lại ra vào phần nhiều phạm các tội, trừ việc ngăn không cho đến nhà bạch y, những tội khác cùng trưởng lão làm pháp ‘dùng cỏ che đất’ để chấm dứt. Vị thượng tọa ở trong chúng kia cũng tác bạch như thế rồi, hai chúng hòa hợp tội và sự tranh cãi đều chấm dứt, nên không còn cãi vã nhau. Đây là pháp như cỏ che đất.

**Chư Đại đức, tôi đã nói bày pháp chấm dứt sự tranh cãi, nay xin hỏi chư Đại đức trong đây thanh tịnh không? (3 lần). Chư Đại đức trong đây thanh tịnh, vì quý ngài đều im lặng. Việc ấy tôi xin ghi nhận như vậy.**

Bắt đầu từ bốn giới nặng, kết thúc bởi bảy pháp dứt sự tranh cãi này và văn của tám đoạn, phần chính tông của quảng giáo đều gọi là phạm hẹp, chế rộng. Đồng thời giúp cho hàng giáo ấy đem lại lợi ích cho mọi căn cơ.

Các Đại đức, tôi đã nói lời tựa của giới kinh, đã nói bốn pháp Ba-la-di, đã nói mười ba pháp Tăng-già-bà-thi-sa, đã nói hai pháp bất định, đã nói ba mươi pháp Ni-tát-kì ba-dật-đề, đã nói chín mươi pháp Ba-dật-đề, đã nói bốn pháp Ba-la-đề-đề-xá-ni, đã nói pháp chúng học Thức-xoa-ca-la-ni, đã nói bảy pháp diệt tránh. Đây chính là giới kinh do Phật nói, nửa tháng nói một lần, từ trong giới kinh trích ra.

Đây là văn của phần lưu thông thuộc quảng giáo. Vì sợ mọi người buông lung nên mới tổng kết lại để chỉ bảo cho họ biết.

Nếu còn có thêm Phật pháp khác thì mọi người trong đây đều cùng nhau hòa hợp cần phải học.

Đây là lời tựa riêng của phần Lược giáo. Phần này trình việc làm lợi ích mọi căn cơ của Phật, nhưng không cần phải nhọc công chép hết ra mà chỉ nêu lên những điều cốt yếu, khiến cho ai nghe cũng đều hiểu được đạo.

Nhẫn nhục đạo thứ nhất

Phật nói không gì hơn

Xuất gia làm phỉen người

Không gọi là sa-môn.

Giới kinh này do đức Tì-bà-thi Như Lai Vô Sở Trước Đẳng Chính Giác nói.

Chín mươi một kiếp trước thuộc kiếp Hiền này, Đức Phật ấy xuất hiện ở thế gian. Trong vòng một trăm năm thường nói bài kệ này. Sau đó mới nói rộng ra.

Thí như người mắt sáng

Tránh được đường hiểm ác

Người thông minh ở đời

Hay lìa xa đường ác.

Giới kinh này do đức Tì-thi-khí Như Lai Vô Sở Trước Đẳng Chính Giác nói.

Ba mươi bốn kiếp trước thuộc kiếp Hiền này, Đức Phật ấy xuất hiện ở thế gian. Trong vòng tám mươi năm thường nói bài kệ này. Sau đó mới nói rộng ra.

Không chê cũng không ghét

Nên làm theo giới luật

Ăn uống biết dừng đủ

Thích ở nơi vắng vẻ

Tâm định thích tinh tấn

Đó là chư Phật dạy.

Giới kinh này do đức Tì-khí-la Như Lai Vô Sở Trước Đẳng Chính Giác nói.

Đức Phật này xuất hiện ở thế gian cùng kiếp với Đức Phật trước. Lúc ấy, tuổi thọ con người là bảy vạn năm. Trong bảy mươi năm đầu, Đức Phật ấy thường nói bài kệ này. Về sau mới nói rộng ra.

Thí như ong lấy mật

Không làm hư sắc, hương

Chỉ lấy vị rồi đi

Tì-kheo đi vào làng

Không ngăn cản việc người

Không xem làm, không làm

Chỉ tự xét việc mình

Là đúng, hay không đúng.

Đây là giới kinh lời do đức Câu-lâu-tôn Như Lai Vô Sở Trước Đẳng Chính Giác nói.

Đức Phật này là Đức Phật đầu tiên trong kiếp Hiền. Khi ấy, con người sống thọ sáu vạn năm. Trong vòng sáu mươi năm, Đức Phật thường nói bài kệ này. Về sau mới nói rộng ra.

Đừng để tâm buông lung

Phải siêng học thánh pháp

Như thế không buồn lo

Tâm định vào niết-bàn.

Đây là giới kinh do đức Câu-na-hàm Như Lai Vô Sở Trước Đẳng Chính Giác nói.

Là Đức Phật thứ hai trong kiếp Hiền này. Khi ấy, con người sống thọ bốn vạn năm. Trong hai mươi năm đầu, Đức Phật thường nói bài kệ này. Về sau mới nói rộng ra.

Chớ làm các việc ác

Nên làm những điều lành

Tự làm sạch ý chí

Đó là lời Phật dạy.

Đây là giới kinh do đức Ca-diếp Như Lai Vô Sở Trước Đẳng Chính Giác nói.

Là Đức Phật thứ ba trong kiếp Hiền này. Khi ấy, con người sống hai vạn tuổi, trong hai mươi năm đầu, Đức Phật nói bài kệ này. Về sau mới nói rộng ra.

Khéo giữ gìn lời nói

Làm trong sạch ý chí

Thân chớ làm điều ác

Ba nghiệp đều thanh tịnh

Hay làm được như thế

Là đạo Đại tiên nhân.

Đây là giới kinh do đức Thích-ca Mâu-ni Như Lai Vô Sở Trước Đẳng Chính Giác trong mười hai năm đầu nói cho Vô sự Tăng. Từ đó về sau phân biệt và nói rộng rãi.

Phần lược giáo của Phật đây chính là phần chính tông của lược giáo. Khi Đức Phật tiếp dẫn hàng đệ tử căn tính lạnh lợi, không phạm lần thứ hai, nên Ngài nói bài kệ này. Về sau, vì hàng đệ tử nhiều lần phạm lỗi, nên Đức Phật dừng không nói và giao việc hai giáo rộng và lược cho đệ tử nói.

Các thầy từ-kheo, các thầy là những người thích pháp, thích đời sống sa-môn, biến hổ thẹn, thích học giới. Vì vậy, các thầy nên học những giới ấy. Đây là phần lưu thông của Lược giáo.

Người biết hay giữ giới

Thì được ba điều vui

Tiếng tốt và lợi dưỡng

Chết được sinh lên trời.

Phải quán sát việc ấy

Người trí nên giữ giới

Giới tịnh có trí tuệ  
Liên được đạo thứ nhất.  
Như chư Phật quá khứ  
Và chư Phật vị lai  
Các Thế Tôn hiện tại  
Luôn thẳng mọi điều lo  
Đều cùng tôn kính giới  
Đây là các Phật pháp.  
Nếu người nào vì mình  
Mà muốn cầu Phật đạo  
Phải tôn trọng chính pháp  
Các Phật dạy thế ấy.  
Bày Phật vì Thế Tôn  
Diệt trừ các kết sử  
Và nói bày giới kinh  
Các trói buộc được mở  
Đã vào niết-bàn rồi

Các hí luận diệt hết  
Vâng làm theo Đại tiên  
Thánh hiền khen ngợi giới  
Việc làm của đệ tử  
Vào niết-bàn tịch diệt.  
Khi Thế Tôn niết-bàn  
Còn phát khởi đại bi  
Tập hợp chúng tì-kheo  
Căn dặn như thế này  
Chớ cho Ta niết-bàn  
Mà không giữ tịnh hạnh  
Nay Ta nói giới kinh  
Và khéo nói tì-ni  
Tuy Ta bát-niết-bàn  
Phải xem như Thế Tôn  
Kinh này trụ đời lâu  
Phật pháp được hưng thịnh



Vì Phật pháp hưng thịnh  
Nên được vào niết-bàn.  
Hoặc không giữ giới này  
Như điều cần bố-tát  
Giống như mặt trời lặn  
Thế gian đều tối tăm  
Phải hộ trì giới này  
Như trâu ma[76] tiếc đuôi.  
Hòa hợp ngồi một chỗ  
Như những điều Phật nói.  
Tôi đã nói giới kinh  
Chúng Tăng bố-tát xong  
Nay tôi nói giới kinh  
Được bao nhiêu công đức  
Cho tất cả chúng sinh  
Đều cùng thành Phật đạo.

Phần văn kệ ấy do tôn giả Pháp Hộ sáng tác. Đây cũng chính là phần lưu thông chung của quảng giáo và lược giáo. Nay trong phần chú thích của tôi, chỉ là thuật lại chứ không sáng tác thêm; giống như dùng bụi núi, bọt biển để khen ngợi người đời xưa và ngồi chung thuyền mà tồn tại. Thật đúng như vậy!

\*

### **Chú thích:**

[73] Đối thú 對首: tác pháp sám hối được thực hành trong ngày bố-tát hoặc trong ngày tự tứ của chúng Tăng. Khi hành pháp này phải đối trước từ 1 đến 3 vị tì-kheo, 1 trong 3 loại pháp yết-ma. Ngoài ra, pháp Đối thú thường thực hành khi an cư, y chỉ, xả hoặc thụ y, bát, tọa cụ, thụ được v.v...

[74] Tri sự 知事: chức vụ quản lí các công việc thứ yếu của Tăng trong chùa viện, thường do các vị tì-kheo thuận nguyện vọng của đại chúng, nghiêm trì giới luật, có tâm công bằng chính trực đảm nhiệm.

[75] Thỉnh xứ 請處: nhà Phật tử (thí chủ) thỉnh tì-kheo đến để cúng dường thức ăn.

[76] Trâu Mao 犛牛: trâu có thân lùn mà khỏe, lông dài, đa phần lông có màu đen, có chỗ đen rậm, hoặc có chỗ trắng đen lẫn lộn, chịu lạnh tốt, dễ nuôi. Lông đuôi của nó mọc rất dày, có thể dùng làm cờ hiệu. Khi lông đuôi của chúng bị mắc gai, dù thợ săn đến chúng vẫn cố bảo vệ, giữ lấy mà không hề sợ chết.

